

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHƯƠNG TRÌNH “XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
NÔNG THÔN VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 1998 - 2002”

TUYỂN TẬP BÁO CÁO THAM LUẬN HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI (Giai đoạn 1998 - 2002)



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHƯƠNG TRÌNH

" Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển
Kinh tế - Xã hội Nông thôn và Miền núi"

★
★★

TUYỂN TẬP BÁO CÁO THAM LUẬN
HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI
(GIAI ĐOẠN 1998 - 2002)

Hà Nội - 2003

CHƯƠNG TRÌNH

"XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN VÀ MIỀN NÚI"



CÁC BÀI TRONG CHƯƠNG TRÌNH

TRAO ĐỔI CỦA CÁC NHÀ KHOA HỌC

- | | | | |
|---|--|---|----|
| 1 | Thúc đẩy và khuyến khích việc chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn. | Gs - TS Lê Quý An
<i>Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam</i> | 1 |
| 2 | Một số ý kiến về hoàn thiện cơ chế quản lý chương trình "Xây dựng các mô hình ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển Kinh tế - Xã hội Nông thôn Miền núi". | Gs.Ts Ngô Thế Dân
<i>Thành viên ban chỉ đạo chương trình NTMN</i> | 6 |
| 3 | Ý kiến về tổ chức triển khai chương trình Nông thôn Miền núi. | TS. Lê Quốc Doanh
<i>Viện KHKTNN Việt Nam</i> | 9 |
| 4 | Những tác động chủ yếu của chương trình Nông thôn và Miền núi vào cuộc sống và nhận thức của người nông dân. | GS. Đường Hồng Dật | 12 |
| 5 | Các dự án phát triển nông nghiệp và nông thôn của Trung Quốc - một vài suy nghĩ. | Nguyễn Gia Thắng
<i>Nguyên tham tán đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc</i> | 17 |

SUY NGHĨ CỦA NGƯỜI DÂN THAM GIA DỰ ÁN

- | | | | |
|---|--|---|----|
| 6 | Ứng dụng tiến bộ nhằm phát triển một số loại cây ăn quả có giá trị kinh tế tại xã Thanh Hưng huyện Điện Biên tỉnh Lai Châu. | Nguyễn Xuân Biền
<i>Chủ tịch UBND xã Thanh Hưng</i> | 25 |
| 7 | Hiệu quả thiết thực từ dự án xây dựng mô hình trồng mới và thâm canh chè, vải, nhãn trên đất gò đồi tại huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. | Nguyễn Đức Tấn
<i>Chủ tịch UBND xã Phúc Thuận</i> | 28 |
| 8 | Một số suy nghĩ của người dân xã Hương Gián về dự án cung cấp nước sạch. | Nguyễn Xuân Vẻ
<i>Chủ tịch UBND xã Hương Gián</i> | 31 |
| 9 | Suy nghĩ của người dân xã Lộc Thành tỉnh Bình Phước. | Trần Văn Sửu
<i>Bí thư Đảng uỷ xã Lộc Thành</i> | 35 |

10	Suy nghĩ của người dân sau khi dự án "Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nâng cao hiệu quả sản xuất nghề vườn xã Nhân nghĩa, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai" được thực hiện trên địa bàn xã.	Nguyễn Đức Kháng <i>Chủ tịch UBND xã Nhân Nghĩa</i>	37
<u>KINH NGHIỆM QUẢN LÝ, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN</u>			
11	Một số bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án thuộc chương trình Nông thôn Miền núi giai đoạn 1998 - 2002 ở Thái Nguyên.	TS. Phạm Văn Tân <i>Giám đốc SKHCNMT Thái Nguyên</i>	40
12	Ứng dụng tiến bộ KH&CN phát triển kinh tế các xã miền núi thành phố Đà Nẵng - kết quả và kiến nghị.	Mai Đức Lộc <i>Phó Giám đốc SKHCNMT Đà Nẵng</i>	42
13	Một số kinh nghiệm trong xây dựng và tổ chức thực hiện dự án thuộc chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển Kinh tế - Xã hội nông thôn Miền núi" ở Cao Bằng.	<i>Sở KHCNMT Cao Bằng</i>	45
14	Bạc Liêu sau 3 năm thực hiện dự án thuộc chương trình Nông thôn Miền núi	ThS. Huỳnh Minh Hoàng <i>Phó Giám đốc SKHCNMT Bạc Liêu</i>	49
15	Một số ý kiến về nhân rộng các mô hình của dự án NTMN tại tỉnh Khánh Hoà.	Đỗ Phi Phong <i>Phó Giám đốc SKHCNMT Khánh Hoà</i>	55
16	Một số vấn đề cần lưu ý trong việc phối hợp - lồng ghép các nội dung của dự án xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ với các chương trình, dự án Kinh tế - Xã hội khác trên cùng địa bàn.	<i>Sở KHCNMT Bến Tre</i>	61
17	Nhận thức của người dân thông qua việc thực hiện các dự án, nên làm thế nào để nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất của nông dân có hiệu quả nhất.	Bùi Minh Tạo <i>Phó Giám đốc SKHCNMT Cần Thơ</i>	65
18	Vài ý kiến nhận xét trong quá trình quản lý thực hiện các dự án thuộc chương trình Nông thôn và Miền núi ở tỉnh Cà Mau.	KS. Nguyễn Văn Thước <i>Sở KHCNMT Cà Mau</i>	68
19	Ý kiến trao đổi - Mối quan hệ phân công phối hợp giữa Sở, cơ quan chuyển giao công nghệ và địa bàn thực hiện dự án như thế nào, nên làm như thế nào để việc triển khai các dự án được thuận lợi và đạt kết quả cao hơn.	TS. Đào Huy Quý <i>Giám đốc SKHCNMT Nam Định</i>	70
20	Những kinh nghiệm về cách thức tổ chức phối hợp, quản lý và chỉ đạo thực hiện dự án.	<i>Sở KHCNMT Đồng Tháp</i>	75
21	Nông dân Lạng Sơn với chương trình Nông thôn Miền núi giai đoạn 1998 - 2002.	<i>Sở KHCNMT Lạng Sơn</i>	77

22	Những kết quả chủ yếu đạt được và một số kiến nghị qua 4 năm thực hiện các dự án.	ThS. Hoàng Dân Mạc <i>Giám đốc SKHCNMT Phú Thọ</i>	82
23	Nhận thức của người dân thông qua việc thực hiện các dự án, nên làm thế nào để nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất của nông dân có hiệu quả nhất.	<i>Sở Công nghiệp, khoa học công nghệ và môi trường tỉnh Bắc Kạn</i>	85
24	Một vài kinh nghiệm quản lý triển khai các dự án Nông thôn, Miền núi ở Hà Nam.	Trương Minh Đức <i>Phó Giám đốc SKHCNMT Hà Nam</i>	88
25	Đôi điều về mối quan hệ giữa Sở khoa học công nghệ môi trường; cơ quan chuyển giao công nghệ và địa bàn thực hiện dự án.	TS. Hoàng Ngọc Tuấn <i>Giám đốc SKHCNMT Hải Phòng</i>	91
26	Đánh giá hiệu quả của dự án "Xây dựng mô hình sản xuất và chế biến một số loại rau tại huyện Đan Phượng tỉnh Hà Tây".	<i>Sở KHCNMT Hà Tây</i>	94

KINH NGHIỆM TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

27	Kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện và sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các cơ quan chuyển giao công nghệ trong quá trình thực hiện dự án Nông thôn Miền núi.	Phan Huy Chi <i>Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển vùng</i>	99
28	Kinh nghiệm về việc tổ chức, sự phối hợp giữa sở với cơ quan chuyển giao công nghệ trong quá trình thực hiện dự án.	PGS.TS Bùi Văn Miên <i>Đại học Nông lâm TP. HCM</i>	102
29	Báo cáo tham luận tại Hội nghị tổng kết giai đoạn I chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển Kinh tế - Xã hội Nông thôn Miền núi".	Lê Việt Hùng <i>Viện kinh tế kỹ thuật thuốc lá</i>	105
30	Kinh nghiệm trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đối với từng đối tượng sản xuất và từng loại địa bàn thông qua dự án xây dựng mô hình Nông thôn Miền núi.	PGS.TS Nguyễn Hữu Đống <i>Giám đốc Trung tâm công nghệ sinh học thực vật - Viện Di truyền</i>	107
31	Công tác chuyển giao công nghệ là nhiệm vụ trọng tâm góp phần quan trọng vào việc thực hiện thành công của dự án.	Nguyễn Trọng Bá <i>Văn phòng chương trình nông thôn miền núi</i>	112

TRAO ĐỔI CỦA CÁC NHÀ KHOA HỌC

**THỨC ĐẨY VÀ KHUYẾN KHÍCH
VIỆC CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ
PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN**

GS - TS Lê Quý An
Hội Bảo vệ Thiên nhiên và
Môi trường Việt nam

Nền kinh tế nước ta vẫn còn dựa nhiều vào tài nguyên thiên nhiên. Sản phẩm nông-lâm-ngư nghiệp, kể cả những sản phẩm chế biến, còn giữ một tỷ lệ đáng kể trong GDP. Thí dụ, theo số liệu thống kê năm 2001, giá trị sản phẩm nông-lâm-ngư nghiệp của nước ta chiếm tới 23,6% GDP, trong khi con số đó của In-đô-nê-xia là 16%, Phi-lip-pin là 15%, Thái lan là 10% và Ma-lai-xia là 8%. Mặt khác, ngót 80% dân số nước ta hiện sống ở nông thôn, mà nói chung trình độ phát triển mọi mặt còn thấp so với khu vực đô thị. Mặc dù trong những năm 90 của thế kỷ trước, nông nghiệp và nông thôn nước ta đã có những tiến bộ đáng kể, nhưng việc phát triển lâu bền của nông nghiệp và nông thôn vẫn đứng trước nhiều thách thức, như trong bản Dự thảo Nghị trình 21 của nước ta đã chỉ ra. Đó là :

- Ruộng đất ở nông thôn bị chia nhỏ, manh mún, không phù hợp với yêu cầu của sản xuất hàng hoá tập trung.

- Quá trình cơ giới hoá, áp dụng các quy trình và kỹ thuật sản xuất tiên tiến còn diễn ra chậm chạp. Hầu hết các khâu sản xuất ở những vùng nông nghiệp chính đều làm thủ công, năng suất lao động nông nghiệp rất thấp.

- Công nghiệp tác động còn yếu ớt vào nông, lâm, ngư nghiệp. Đặc biệt, công nghiệp chế biến nông sản còn yếu.

- Thị trường nông sản không ổn định, giá cả thay đổi theo chiều hướng bất lợi đối với nông dân.

- Tình trạng giảm sút nguồn đa dạng gen do trào lưu thay thế giống truyền thống bằng giống mới đang làm cho việc phòng chống sâu bệnh khó khăn hơn. Việc sử dụng phân hoá học, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và các chất kích thích sinh trưởng đã bắt đầu vượt quá giới hạn cân đối của môi trường, dẫn đến thoái hoá đất, ô nhiễm nguồn nước, gây hại cho sức khoẻ con người.

- Công nghiệp nhỏ và tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh ở nhiều vùng nông thôn, thu hút khoảng 2 triệu lao động, làm tăng thu nhập của dân cư. Song công nghệ sản xuất còn lạc hậu, sức cạnh tranh kém, thiếu thị trường là những nguyên nhân cản trở sự phát triển ổn định của khu vực này. Bên cạnh những tác động tích cực, do phát triển thiếu quy hoạch và thiếu đầu tư thoả đáng cho bảo vệ tài nguyên và môi trường, khu vực sản xuất nhỏ này gây ô nhiễm môi trường sinh sống của các cộng đồng nông thôn, đặc biệt ở một số làng nghề, nơi sản xuất và sinh hoạt đan xen trong cùng một khu dân cư.

- Tình trạng bóc lột tài nguyên đất đai và trong lòng đất, rừng, động thực vật ở các vùng nông thôn cũng đang làm lãng phí nhiều nguồn tài nguyên quý không thể tái tạo được.

Để khắc phục những vấn đề nêu trên, ngoài những biện pháp chung về mặt chính sách và thể chế, việc áp dụng những thành tựu về khoa học và công nghệ (KH và CN) vào nông nghiệp và phát triển nông thôn là yếu tố hết sức quan trọng và cần thiết. KH và CN, đặc biệt là công nghệ, có thể và cần phải góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao hiệu quả sử

dụng đất đai và các tài nguyên khác, nâng cao mức thu nhập, giảm bớt và hạn chế khoảng cách giữa giàu-nghèo, bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Ngoài những tác dụng rộng lớn trên quy mô toàn quốc của việc áp dụng tiến bộ về công nghệ, trong đó có các giống mới, đem lại sự phát triển vượt bậc trong sản xuất lương thực ở nước ta, trong thực tế của những năm qua cũng đã bắt đầu xuất hiện một số trường hợp điển hình của các nông dân làm ăn giỏi, tạo được doanh thu từ một tới vài trăm triệu đồng trên một hecta đất. Có những thôn xã, do nắm bắt được nhu cầu của thị trường, thay đổi cơ cấu cây trồng, sử dụng những giống mới, những kỹ thuật canh tác mới..., đã tạo lập thành công những ngành nghề mới, những sản phẩm mới, những năng suất và chất lượng mới, hình thành được bước tiến rõ rệt trong sản xuất và đời sống.

Như vậy là về xu thế và thực chất, nông thôn và nông dân có nhu cầu ngày càng tăng về công nghệ. Nhưng do trình độ hiện nay của sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn, cho nên nhu cầu này thể hiện dưới nhiều cách khác nhau. Có trường hợp, đây là ứng với mức phát triển cao nhất, nông dân "săn lùng" công nghệ và có khả năng áp dụng và chi trả cho việc chuyển giao công nghệ (CGCN). Đó là tình hình tự phát trong CGCN do sự thúc đẩy của thị trường và tính nhạy bén, năng động của nông dân. Có trường hợp, đây là tình hình phổ biến nhất, các cơ quan các cấp của Chính phủ chỉ đạo và tổ chức thực hiện CGCN về nông thôn, với sự tham gia của các viện nghiên cứu và trường đại học. Nông dân, với sự hỗ trợ cần thiết, có thể tiếp thu và áp dụng các công nghệ được chuyển giao. Các công nghệ thường là ở mức độ vừa phải, nhưng tác dụng lớn, vì quy mô áp dụng rộng rãi. Có trường hợp khó khăn hơn, chủ yếu là đối với miền núi, các vùng sâu, vùng xa, do trình độ phát triển nói chung còn thấp, cơ sở hạ tầng yếu kém, khả năng tiếp cận thị trường có hạn, cho nên việc nhận thức và tiếp thu công nghệ

gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi phải có sự hỗ trợ đặc biệt của Chính phủ. Như vậy, việc CGCN được thực hiện không những bởi các cơ quan của Chính phủ, mà còn bởi các tổ chức không phải của Chính phủ, các tư nhân và doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong tất cả mọi trường hợp, vai trò của Chính phủ cũng rất quan trọng, đành rằng cách tác động của Chính phủ trong các trường hợp có thể khác nhau. Nhân đây cũng nên nhận thấy, việc tự phát trong CGCN có những mặt tích cực, nhưng đôi khi cũng gặp những hạn chế và khó khăn, thí dụ về mặt thị trường, cơ chế, chính sách, cơ sở hạ tầng, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, và cả về công nghệ nữa. Lúc bấy giờ, nếu Chính phủ kịp thời có những biện pháp hỗ trợ thích hợp, thì hình thức đó sẽ tiếp tục phát huy được tác dụng và phát triển.

Trong khuôn khổ của Hội nghị tổng kết giai đoạn 1998-2002 của Chương trình Nông thôn Miền núi, bản báo cáo này sẽ tập trung thảo luận về việc CGCN do các cơ quan của Chính phủ chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Phần trên đã khẳng định nhu cầu về công nghệ và CGCN.

Nhưng là công nghệ gì? Lựa chọn những loại công nghệ cụ thể vừa phải dựa theo các định hướng lớn của Đảng và Nhà nước, nhưng chủ yếu là phải xuất phát từ yêu cầu của cơ sở. Không nên đơn thuần nghĩ thay nông dân và áp đặt từ trên xuống. Tất nhiên, vì tình hình thiếu thông tin, nhiều khi nông dân không thể tự mình nắm bắt được các công nghệ mà mình cần, cho nên phải có sự gợi ý hoặc giới thiệu từ phía các nhà chuyên môn, nhưng trong bất kỳ tình hình nào, sáng kiến của các nhà chuyên môn cũng cần được đưa tới nông dân, giúp cho người ta thông hiểu và cân nhắc quyết định, tạo cơ sở cho một sự hợp tác có trách nhiệm và cùng có lợi giữa người chuyển giao và người tiếp thu công nghệ.

Việc lựa chọn công nghệ tuy là việc cụ thể, nhưng cũng phải dựa vào những quan điểm chung nhất và các định hướng của

Đảng và Nhà nước ta. Có thể nêu một số nội dung chủ yếu sau đây cần lưu ý.

Quan điểm phát triển của Đảng ta, như đã được ghi trong báo cáo "Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010" (văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt nam), là: "Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường."

Những mục tiêu cụ thể đến năm 2005 đã được nêu trong báo cáo trước Đại hội IX về "Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2001-2005", như :

Thu nhập bình quân của nông dân gấp 1,7 lần so với hiện nay; không còn hộ đói, giảm đáng kể tỷ lệ hộ nghèo.

Sản lượng lương thực có hạt dự kiến đạt 37 triệu tấn, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

Sản lượng thịt hơi các loại đạt khoảng 2,5 triệu tấn.

Trồng mới 1,3 triệu ha rừng tập trung, nâng độ che phủ rừng lên khoảng 38-39%, hoàn thành cơ bản công tác định canh định cư.

Sản lượng thủy sản đạt khoảng 2,4 triệu tấn, giá trị xuất khẩu thủy sản khoảng 2,5 tỷ USD.

Đưa năng lực tưới lên 6,5 triệu ha gieo trồng lúa và 1,5 triệu ha rau màu, cây công nghiệp (tăng 60 vạn ha).

Tiếp tục đầu tư xây dựng đường giao thông đến hơn 500 xã hiện chưa có đường ô tô đến trung tâm.

Đưa tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh lên tới 60%.

Đó là những chỉ tiêu cụ thể bằng số, còn có những mục tiêu tuy không thể hiện bằng số, nhưng là những định hướng quan trọng trong từng lĩnh vực, cũng cần chú ý trong việc lựa chọn công nghệ, thí dụ như :

Đẩy mạnh sản xuất lương thực theo hướng thâm canh, tăng năng suất và tăng nhanh lúa đặc sản, chất lượng cao.

Phát triển mạnh ngành nuôi, trồng thủy sản, xây dựng vùng nuôi, trồng tập trung, gắn với công nghiệp chế biến chất lượng cao; đẩy mạnh nuôi tôm xuất khẩu theo phương thức tiến bộ, bảo vệ môi trường.

Mở mang các làng nghề, phát triển các điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, đưa công nghiệp sơ chế và chế biến về nông thôn và vùng nguyên liệu...

Như vậy, thí dụ, vận dụng tổng hợp những định hướng nêu trên, giá dụ có lựa chọn công nghệ cho việc phát triển nuôi tôm, thì không phải chỉ chú trọng sản xuất được ra tôm giống hay tôm thịt với năng suất và sản lượng cao, mà còn phải chú ý tới chất lượng sản phẩm, thí dụ sản phẩm sạch, và phải chú ý chú ý bảo đảm tính lâu bền về mặt sinh thái và môi trường. Và công nghệ phải thích hợp được với các điều kiện cụ thể của địa phương, nhất là về đặc điểm của nước, đất và khí hậu, kể cả việc thích nghi với tập quán sản xuất và tình hình xã hội ở địa phương hoặc làm cho tập quán sản xuất thích nghi với công nghệ được chuyển giao. Rõ ràng là người nông dân tại địa phương đó cần được tham gia ngay từ đầu vào quá trình lựa chọn và CGCN, mà họ sẽ là chủ thể trong việc tiếp thu và triển khai công nghệ được chuyển giao.

Cũng cần nêu lên rằng, trong khi đối với đa số trường hợp, cần chuyển giao các công nghệ thích hợp, vừa sức tiếp thu và triển khai của người dân nói chung, cũng vẫn cần phải lựa chọn một số công nghệ tiên tiến khi cần tạo nên những sản phẩm có giá trị cao phục vụ cho nhu cầu trong nước, và nhất là cho xuất khẩu. Thí dụ, trong lĩnh vực gạo, rau quả, hoa tươi vv..., cần áp dụng các công nghệ nhân giống, thích nghi giống mới, bảo quản và chế biến sản phẩm, đặc biệt đáng lưu ý là việc bảo đảm tính chất an toàn của các sản phẩm này. Ngoài ra cũng

phải chú ý đến việc bảo đảm tính khả thi của các công nghệ được chuyển giao.

Việc lựa chọn công nghệ cần được gắn với khả năng tiêu thụ sản phẩm, không nên chỉ tập trung chú ý vào lĩnh vực công nghệ. Trong thực tế cũng đã có nhiều bài học về mặt này, kể cả thành công lẫn thất bại. Thành công như việc đưa công nghệ mới về nuôi thủy sản ven biển, về đưa cây nhãn lên vùng Lục Ngạn và những loại cây hoa ngoại vào vùng ven đô Hà Nội và các vùng khác trong nước. Những trường hợp thành công là do người sản xuất nắm bắt được nhu cầu thị trường và hợp tác được với người cung cấp công nghệ, mà đa số là do tự phát và thỏa thuận theo cơ chế thị trường. Thất bại so với mục tiêu đề ra, như việc đưa các giống cây ăn quả ôn đới vào vùng Bắc Hà (Hoàng Liên Sơn cũ), vì tuy trong xã hội có nhu cầu, nhưng dự án chuyển giao công nghệ chưa phối hợp được với điều kiện cơ sở hạ tầng, và nhất là cách thức tổ chức tiêu thụ, cũng như biện pháp quản lý giống. Còn có thể nêu nhiều thí dụ về các dự án nhỏ nhằm tạo việc làm và tạo sản phẩm mới về nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cho các làng xã, nhưng không tiêu thụ được sản phẩm, cho nên không phát triển được. Hoặc các dự án rất "thời thượng" là sản xuất rau sạch, rau an toàn vv..., có khi Nhà nước đã hỗ trợ hàng tỷ đồng đầu tư ban đầu để CGCN, nhưng ít trường hợp đạt được kết quả trọn vẹn như mong muốn, mặc dầu qua kết quả điều tra của chúng tôi tại Hà Nội (đề tài KHCN 07-12), người tiêu dùng sẵn sàng mua rau sạch với giá gấp từ 1,5 đến 2 lần so với rau thường. Nguyên nhân chủ yếu là vì trong các dự án CGCN đó, người ta chỉ tập trung chú ý vào công nghệ sản xuất rau sạch, chứ không chú ý vấn đề tổ chức tiêu thụ và quản lý thị trường rau sạch. Kết quả là đại đa số người tiêu dùng rất phân vân khi mua rau, e ngại rằng những kẻ làm ăn gian lận đã tham tiền và thiếu trách nhiệm, luồn rau thường vào rau sạch để lừa người tiêu dùng. Một số hợp tác xã đã tổ chức việc cung cấp trực tiếp theo hợp đồng cho các cơ sở tiêu thụ thường xuyên, như các khách sạn, các cửa hàng rau

sạch có đăng ký, các trường/lớp mẫu giáo vv..., thì quyền lợi của cả hai bên đều được đảm bảo tốt hơn. Lúc này lại cần vai trò kiểm tra, giám sát sát sao của các cơ quan chức năng của Nhà nước, nâng cao vai trò tích cực của các cơ sở sản xuất và các cửa hàng làm ăn nghiêm chỉnh, xử phạt nghiêm khắc đối với những cơ sở và cá nhân có hành vi gian lận thương mại.

Trong nhiều trường hợp, do các nguyên nhân như tính chất phức tạp của công nghệ, quy mô áp dụng hơi lớn, quá trình thực hiện kéo dài, cần theo dõi quan trắc và điều chỉnh vv..., thường cần có mô hình làm thử hoặc trình diễn. Cho nên, nên coi trọng và đưa khâu này vào dự án CGCN, và cũng qua đó huấn luyện nâng cao trình độ cho những người tham gia thực hiện. Mô hình làm thử hoặc trình diễn này không những có ý nghĩa quan trọng đối với việc tiếp thu và áp dụng công nghệ được chuyển giao, mà còn có thể giúp cho việc thích nghi và cải tiến công nghệ nữa. Nhiều mô hình về canh tác trên đất dốc ở vùng núi, về ổn định cát bay tại miền Trung, về sản xuất và sinh hoạt ở vùng khô hạn Nam Trung bộ vv..., đã được kiểm nghiệm, hoàn chỉnh qua thực tiễn và mở rộng một cách có kết quả.

Khi tổ chức CGCN, một vấn đề cũng rất quan trọng là khả năng nhân rộng của mô hình, vì nếu một mô hình, dù có kết quả đến đâu nhưng không có khả năng nhân rộng thì việc CGCN cũng không đạt kết quả mong muốn. Nhân rộng là có thể áp dụng công nghệ đã chuyển giao tại một nơi khác, nhưng có điều kiện sắp sỉ, trên cơ sở tiếp thu tri thức và kinh nghiệm rút ra từ việc thực hiện mô hình. Nhưng nhân rộng mô hình cũng không có nghĩa là sao chép nguyên si mọi hoạt động và điều kiện như đối với mô hình. Thí dụ, khi làm mô hình thì chính phủ hoặc tổ chức nào đó có thể tài trợ một phần kinh phí, và tổng chi phí cho thực hiện mô hình có thể cao một chút, vì là lần đầu áp dụng công nghệ mới tại địa phương, có thể có khó khăn và thiếu kinh nghiệm. Nhưng khi nhân rộng

mô hình thì nguồn vốn đầu tư phải khác, hoặc nhân dân tự bỏ vốn hoặc có thể vay vốn với những điều kiện ưu đãi nào đó. Có khi người ta áp dụng hình thức quay vòng phần vốn tài trợ. Đây cũng là một hình thức tốt, nhằm tăng cường sự cam kết và tính làm chủ của người tiếp thu và sử dụng công nghệ, đồng thời cũng góp phần thực hiện công bằng xã hội và mở rộng diện những người hưởng thụ. Theo hình thức quay vòng vốn, thì người được tài trợ để xây dựng và thực hiện mô hình, sau một thời gian nhất định, thường là một hoặc hai năm tùy theo tính chất của nội dung công việc, phải hoàn trả phần vốn được tài trợ đó cho người khác sử dụng để nhân rộng mô hình. Có những mô hình nhỏ, thí dụ một số dự án về môi trường do Quỹ Môi trường Sida--SEF (Thụy Điển) tài trợ, mới trong vòng vài ba năm đã quay vòng vốn được tới ba lần, làm cho diện người hưởng thụ tăng gấp ba, so với lúc đầu.

Muốn tạo điều kiện thuận lợi cho việc CGCN và nhân rộng mô hình, cần rất coi trọng việc xây dựng nguồn nhân lực thông qua huấn luyện về lý thuyết và thực hành, chủ yếu là thực hành. Khi thực hiện mô hình CGCN, người nông dân luôn luôn được sự hướng dẫn cụ thể của cán bộ kỹ thuật. Vấn đề là ở chỗ, sau khi dự án kết thúc, không còn có cán bộ kỹ thuật kèm cặp nữa, liệu người nông dân có thể tiếp tục duy trì được mô hình theo đúng các yêu cầu kỹ thuật không. Muốn làm được điều này thì trong quá trình huấn luyện, cần phải làm cho người nông dân nắm được quy trình công nghệ một cách thành thục. Kinh nghiệm áp dụng công nghệ biogas, kể cả thành công và thất bại, đã chứng minh ý nghĩa của việc huấn luyện. Trong không ít trường hợp, sau khi người nông dân nắm vững được công nghệ đã chuyển giao, người ta còn làm thích nghi hơn

nông dân ở huyện Mê Linh, Vĩnh Phúc đã có cách dùng giấy báo để bọc các bông hoa hồng nhằm điều khiển quá trình sinh trưởng và nở của hoa, cũng là một biện pháp sáng tạo khá độc đáo.

Trong quá trình CGCN, không nhất thiết chỉ huấn luyện cho những người trực tiếp thực hiện mô hình, mà diện huấn luyện có thể mở rộng cho cả xã hoặc cả huyện, tùy theo tình hình cụ thể. Nên có hai loại đối tượng huấn luyện: một là những người có khả năng làm nòng cốt để sau này đi hướng dẫn cho người khác và hai là những người thực hiện trực tiếp và cụ thể. Cũng có không ít trường hợp, sau khi được dự huấn luyện chung, nhiều người có thể hoặc tìm cách tự mình áp dụng công nghệ được chuyển giao và việc nhân rộng mô hình có thể trở thành phong trào tự phát.

Nếu xét bối cảnh xã hội và nhìn về lâu dài, thì vấn đề phát triển nhân lực còn bao hàm cả việc nâng cao dân trí và nhận thức. Thí dụ, CGCN về IPM hoặc sản xuất rau an toàn, người dân có thể tiếp thu nội dung chuyên môn, có thể hiểu cái hại của việc sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật không đúng kỹ thuật, nhưng do nhận thức kém, ham lợi, người ta vẫn có thể tiếp tục phun nhiều thuốc, thậm chí phun gần sát lúc thu hoạch để thu hái mang đi bán, được nhiều tiền, nhưng gây hại cho người tiêu dùng, thậm chí đã có không ít trường hợp gây ngộ độc chết người.

Cho nên, để phát triển nông nghiệp, nông thôn trong xu thế công nghiệp hoá, hiện đại hoá, vấn đề xây dựng nguồn nhân lực thôn trên nền tảng nâng cao dân trí nói chung là có tính chiến lược.

Nhiều người nói tới "ba nông, bốn nhà", tức là "nông dân, nông nghiệp, nông thôn" và "nhà nông, nhà khoa học, nhà quản lý".

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ HOÀN THIÊN CƠ CHẾ QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH
**"XÂY DỰNG MÔ HÌNH ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ PHỤC
 VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN VÀ MIỀN NÚI"**

GS - TS Ngô Thế Dân

Thành viên Ban chỉ đạo Chương trình Nông thôn Miền núi

Trong các chủ trương giải pháp lớn để đẩy nhanh quá trình CNH - HĐH nông nghiệp và nông thôn từ nay đến 2020 như NQ5 TW IX đã chỉ rõ: Việc ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ vào sản xuất đời sống được coi là một trong ba giải pháp lớn nhất, là "chìa khoá", là "khâu đột phá" để ổn định và phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn trong xu thế hội nhập và cạnh tranh.

Vi vậy, chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi" thực thi hàng năm được xem là một trong các hình thái tổ chức triển khai ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ vào sản xuất sinh động và đem lại hiệu quả thiết thực. Chương trình này đang trong quá trình nghiệm thu, đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm và hoàn thiện để các dự án của chương trình ngày càng có hiệu quả cao hơn. Trước mắt chúng tôi muốn bàn đến 2 vấn đề trong cơ chế quản lý chương trình là vấn đề lựa chọn cơ quan chuyển giao công nghệ và lựa chọn cơ quan chủ nhiệm dự án.

1. Về cơ quan chuyển giao công nghệ

Trên phương diện lý luận cũng như thực tiễn những công trình khoa học và công nghệ có thể đưa vào ứng dụng trong sản xuất và đời sống thường phải là những

đó đem lại đến hiệu quả cụ thể cho người nông dân. Tuy nhiên công trình khoa học và công nghệ sử dụng để chuyển giao cũng có thể là tiến bộ kỹ thuật mới nhập nội lần đầu, nhưng đã được các cơ quan nghiên cứu khoa học trong nước thẩm định và xác định chắc chắn là đem lại hiệu quả nếu áp dụng vào thực tiễn ở nước ta theo hướng "tiếp cận, đi tắt đón đầu" để rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với trình độ các nước trên vùng và thế giới. Vấn đề không kém phần quan trọng là sản phẩm tạo ra trên cơ sở ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phải đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng và có thị trường tiêu thụ. Do vậy, việc lựa chọn cơ quan chuyển giao công nghệ cho các dự án của chương trình cần hướng vào các cơ quan khoa học hội tụ được các tiêu chuẩn sau:

- Là cơ quan khoa học tạo ra công nghệ hoặc cơ quan làm chủ công nghệ mà dự án cần.

- Cơ quan nghiên cứu khoa học hoặc cơ quan khoa học có kinh nghiệm làm công tác chuyển giao TBKT ở địa bàn nông thôn và miền núi.

- Có tinh thần trách nhiệm và có nhiệt tình phục vụ sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Những dự án nghiệm thu cấp Nhà nước trong thời gian qua đạt mức xuất sắc là minh chứng cho tính đúng đắn của các tiêu chuẩn đã đúc rút nêu trên.

Các dự án xây dựng phòng nuôi cấy mô tế bào, chuyển giao công nghệ và ứng dụng vào sản xuất giống cây trồng ở Nam Sinh, "Xây dựng phòng nuôi cấy mô tế bào" ở Hải Phòng, Trường Đại Học Nông nghiệp I là cơ quan chuyển giao công nghệ; dự án "phát triển trồng điều ghép" ở Ninh Thuận do Trung tâm Khoa học kỹ thuật Duyên Hải miền trung thuộc Viện KHKTNN Việt Nam là đơn vị chuyển giao công nghệ; dự án "Nuôi cá nước ngọt miền đồi núi" ở Điện Biên Phủ, Lai Châu do Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I là đơn vị chuyển giao. Những dự án này thực hiện xuất sắc vì cơ quan chuyển giao công nghệ đều là cơ quan nghiên cứu khoa học tạo ra công nghệ và có kinh nghiệm chuyển giao công nghệ ở địa bàn nông thôn. Ngược lại, những dự án trong Chương trình qua nghiệm thu không được đánh giá cao thường rơi vào trường hợp đơn vị chuyển giao công nghệ không làm chủ được công nghệ, thường lúng túng khi phải xử lý một số vấn đề kỹ thuật phát sinh. Tất nhiên cũng có nhiều nguyên nhân khác dẫn đến kết quả thực hiện dự án không được như mong muốn.

Vấn đề lựa chọn cơ quan làm chủ dự án

Cho đến nay phần lớn các dự án đã nghiệm thu đều do Sở KH-CNMT các tỉnh/thành phố làm chủ dự án. Qua quá trình xây dựng và triển khai các dự án của Chương trình ở địa phương trong những năm qua cho thấy đây là vấn đề còn chưa thống nhất được quan điểm.

Theo luật khoa học và công nghệ đã thông qua Quốc Hội 6/2000 hệ thống quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ Vụ Quản lý khoa học công nghệ TW có chức năng tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, quyết định các tiêu chuẩn, qui trình, qui phạm và

quyển. Nói gọn lại là thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ. Nội dung cơ bản của nhiệm vụ quản lý Nhà nước là xây dựng chiến lược, kế hoạch qui định, quản lý tổ chức nhân sự và kiểm tra kiểm soát đánh giá. Vì vậy, các dự án của chương trình cơ quan quản lý Nhà nước của dự án lại là cơ quan chủ trì có nghĩa là "vừa đá bóng vừa thổi còi", vừa là cầu thủ lại vừa là trọng tài. Những khiếm khuyết trong quá trình thực hiện dự án cũng như những ưu điểm rất khó được khắc phục hoặc phát huy, đề cao.

Ngoài ra, các cơ quan quản lý nhà nước lại thường không phải là cơ quan tạo ra công nghệ hoặc làm chủ công nghệ để chuyển giao. Tất nhiên trong hoàn cảnh thực tế hiện nay nguồn lực còn có hạn, nếu Sở KH-CNMT trực tiếp quản lý thực hiện Dự án thì có điều kiện "lồng ghép" các dự án khác nhau vào cùng địa bàn, để hình thành các mô hình mẫu, điển hình về ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào sản xuất. Vì hơn cơ quan nào hết, Sở là đơn vị nắm chắc được nhu cầu đòi hỏi của địa phương và khi có mô hình tốt có thể nhân điển hình ra diện rộng. Tuy nhiên, do chức năng qui định là quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ, Sở KH-CNMT cần tập trung vào nhiệm vụ quản lý Nhà nước các dự án trên địa bàn và tạo điều kiện cho các đơn vị thụ hưởng dự án làm chủ dự án.

Đơn vị thụ hưởng dự án có thể là doanh nghiệp, nếu là dự án hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp, đơn vị thụ hưởng dự án có thể là chính quyền cấp huyện, xã, nếu là dự án chuyển giao công nghệ để chuyển dịch cơ cấu kinh tế phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Trong quá trình nghiệm thu các dự án ở giai đoạn 1998 - 2002 cho thấy phần lớn các chủ dự án là Giám đốc hoặc phó Giám đốc Sở, không dành được lượng thời gian cần thiết cho hoạt động thực thi dự án.

chuyển giao công nghệ hoặc thư ký trình bày. Chính vì điều này mà một số Giám đốc Sở đã phát biểu từ chối làm chủ nhiệm dự án và đồng tình với đề xuất của đề tài nghiên cứu cơ sở lý luận và tổng kết thực tiễn xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền

núi giao cho chủ nhiệm dự án làm đơn vị thụ hưởng dự án.

Trên đây mới chỉ là một số ý kiến trao đổi để góp phần hoàn thiện cơ chế quản lý của chương trình.

Ý KIẾN VỀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI

TS. Lê Quốc Doanh

Phó Viện trưởng Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam

Trong những năm qua được sự quan tâm của Nhà nước, các Bộ, Ngành đã đầu tư nhiều dự án phát triển nhằm chuyển giao các công nghệ mới và kỹ thuật tiến bộ vào nông thôn miền núi, nơi sinh sống của trên 70% dân số cả nước. Chương trình nông thôn miền núi do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ KH&CN) đề xướng và chỉ đạo đã đóng góp rất hiệu quả trên phạm vi cả nước vào hoạt động này.

Thực hiện các dự án trong khuôn khổ của chương trình, Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho các Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh/thành phố chủ trì thực hiện và chọn các cơ quan nghiên cứu khoa học, các trường đại học làm cơ quan chuyển giao công nghệ. Nằm trong hệ thống các Viện nghiên cứu, thời gian qua, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam đã được Bộ KH&CN tin nhiệm giao tham gia thực hiện nhiều dự án ở các vùng sinh thái khác nhau. Những mô hình chính Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam xây dựng là:

- Mô hình thâm canh bền vững các cây lương thực, thực phẩm, rau màu.
- Mô hình phát triển cây trồng hàng hoá
- Mô hình chăn nuôi gia súc và gia cầm ở quy mô hộ gia đình
- Mô hình tổ chức nông dân sản xuất hạt giống cây trồng
- Mô hình canh tác đất dốc bền vững
- Mô hình sản xuất phân vi sinh vật
- Mô hình cây ăn quả, trồng dâu nuôi tằm, canh tác cá - lúa và nuôi trồng thủy hải sản

Nhìn chung, các mô hình của Viện chuyển giao đều thành công, được bà con nông dân nhiệt tình áp dụng và đã góp phần vào thành công chung của chương trình.

Từ kinh nghiệm triển khai các dự án, chúng tôi xin đóng góp một số ý kiến nhằm giúp chương trình hoạt động tốt hơn trong giai đoạn tới.

Những ưu điểm:

1. Chương trình đã xây dựng và phát triển hình thức chuyển giao công nghệ và kỹ thuật tiến bộ có hệ thống. Quá trình được tiến hành từ bước điều tra, tìm hiểu, đánh giá tình hình thực tế ở địa phương để xây dựng đề cương dự án đến các bước lựa chọn công nghệ phù hợp, xây dựng mô hình và truyền bá phổ cập. Nhờ có tính đồng bộ mà các mô hình trình diễn công nghệ, kỹ thuật tiến bộ thường rất thành công. Thông qua hình thức này, nông thôn miền núi, kể cả những vùng xa xôi hẻo lánh tiếp nhận được nhanh những kỹ thuật tiến bộ và các thông tin khoa học cập nhật. Góp phần tích cực thay đổi những tập quán lạc hậu, thậm chí thay đổi được bộ mặt nông thôn trong một thời gian ngắn.

2. Hầu hết các dự án của chương trình rất chú trọng đến nội dung tập huấn và đào tạo về kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ cho bà con nông dân và cán bộ địa phương, nên đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao dân trí, mở mang hiểu biết cho bà con các dân tộc, tăng cường trình độ chuyên môn và năng lực chỉ đạo sản xuất cho cán bộ quản lý và cán bộ khuyến nông lâm ở địa phương. Những đóng góp này là rất to lớn và phát huy hiệu quả lâu dài.

3. Thông qua các hoạt động của chương trình đã huy động được một lực lượng

cán bộ khoa học có trình độ cao của các cơ quan nghiên cứu khoa học trực tiếp tham gia vào công tác chuyển giao công nghệ, kỹ thuật tiến bộ vào nông thôn miền núi. Ngược lại, cũng tạo điều kiện cho cán bộ khoa học có điều kiện tiếp xúc thực tế sản xuất để nâng cao năng lực chỉ đạo, tổ chức sản xuất và phát hiện những vấn đề mà sản xuất đang cần để bổ sung vào các đề tài, chương trình nghiên cứu của mình.

Một số hạn chế:

1. Dự án Chương trình đòi hỏi kinh phí tương đối lớn cho việc xây dựng mô hình ở phạm vi tương đối hẹp. Vì thế nếu không có sự phối hợp chặt chẽ, triển khai đồng bộ và để cập đến lợi ích lâu dài của dự án thì hiệu quả kinh tế - xã hội của Chương trình sẽ bị giới hạn.
2. Nếu không làm tốt bước điều tra, khảo sát khi xây dựng nội dung dự án thì dễ dẫn đến cách tiếp cận chủ quan, áp đặt các công nghệ và kỹ thuật tiến bộ của các nhà khoa học, không phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương và dẫn đến thất bại.
3. Nếu không quan tâm đúng mức đến công tác thăm quan, hội nghị đầu bờ, tuyên truyền, phổ biến thì việc mở rộng các công nghệ và kỹ thuật tiến bộ ra diện rộng bị hạn chế và ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của dự án.
4. Việc Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho cấp Sở là cơ quan chủ trì thực hiện dự án đã tạo điều kiện nâng cao vai trò của các Sở KH-CN-MT trong việc quản lý và tiếp nhận các công nghệ mới trên địa bàn của mình và góp phần nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ thuộc Sở thông qua việc hợp tác triển khai nội dung dự án với các nhà khoa học và các cấp lãnh đạo chính quyền, bà con nông dân. Tuy nhiên, qua một thời gian thực hiện, cơ chế quản lý này cũng bộc lộ một số điểm hạn chế.

gian khởi đầu chuẩn bị nội dung dự án. Từ đó, dự án không đưa ra được những nội dung có tính khả thi, phù hợp với những công nghệ mới, những kỹ thuật tiến bộ mà cơ quan chuyển giao công nghệ có thể chuyển giao được.

- Một số quan niệm cho rằng quan hệ giữa cơ quan chuyển giao công nghệ và cơ quan chủ trì thực hiện đơn thuần là bên A và bên B như các hợp đồng kinh tế khác. Vì thế không có sự chia sẻ thực sự của các nhà khoa học và dẫn đến không khai thác một cách tốt nhất trí tuệ, tiềm năng và lòng nhiệt tình của các nhà khoa học, các cơ quan khoa học đối với sản xuất - thay vì mỗi bên chỉ tập trung, hoàn thành phần việc như đã ký trong hợp đồng.
- Một số địa phương, thủ tục hành chính còn quá nặng nề đã gây không ít khó khăn cho các cơ quan chuyển giao công nghệ.
- 5. Việc xét duyệt dự án và cấp vốn thường xuyên muộn nên việc triển khai các nội dung dự án thường bị động, đặc biệt đối với việc xây dựng các mô hình nông lâm nghiệp lại phụ thuộc rất chặt chẽ và khắt khe vào thời vụ.

Một số kiến nghị:

- Tiếp tục tăng cường Văn phòng thường trực, giúp Ban chủ nhiệm dự án quản lý, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện dự án. Bộ phận thường trực kết hợp với các Sở, các cơ quan chuyển giao công nghệ giải quyết ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai dự án.
- Nên có một Ban "Tư vấn khoa học" giúp Ban chủ nhiệm chương trình trong việc xây dựng kế hoạch và nội dung triển khai cho từng giai đoạn, từng lĩnh vực và từng vùng sinh thái.
- Cần có sự phân cấp quản lý và trách nhiệm trong chương trình. Những nội dung nghiên cứu và chuyển giao công nghệ có tính khả thi cao, có lợi ích lâu dài nên được ưu tiên triển khai.

như: ứng dụng công nghệ, mở rộng mô hình... thì nên giao về cho các địa phương chủ trì thực hiện.

- Chương trình nên có các dự án về đào tạo, tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và cộng đồng dân cư.

- Chương trình nên có nội dung duy trì hoạt động theo dõi, nhân rộng các mô hình ra diện rộng sau khi dự án kết thúc.

Trên đây là một số ý kiến của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam đóng góp để Chương trình đạt được kết quả cao hơn trong thời gian tới.

NHỮNG TÁC ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN VÀ MIỀN NÚI VÀO CUỘC SỐNG VÀ NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN

GS. Đường Hồng Dật

C hương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi giai đoạn 1998 - 2002" đã triển khai thực hiện hàng trăm mô hình thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, kỹ thuật, quản lý...) trên địa bàn 61 tỉnh và thành phố ở khắp các vùng miền đất nước ta.

Mức độ thành công của từng dự án có khác nhau. Tác động của mỗi dự án lên cuộc sống và nhận thức của nông dân cũng không giống nhau. Có nhiều dự án gây được những tác động tích cực lớn có những dự án chỉ có tác động ở những mức độ nhất định. Tuy mức độ tác động của các dự án có khác nhau, nhưng nhìn chung các dự án đều có những tác động tích cực lên cuộc sống và nhận thức của nông dân ở những nơi triển khai dự án.

Tác động tích cực của các dự án có thể diễn ra ở nhiều hướng khác nhau. Có dự án giúp nâng cao trình độ kỹ thuật, có dự án làm thay đổi tập quán làm ăn, có dự án giúp nâng cao hiểu biết về đối tượng sản xuất.

Các tác động tích cực của các dự án thuộc Chương trình Nông thôn Miền núi có thể tập hợp lại thành các nhóm sau đây:

1. Trăm nghe không bằng một thấy. Đối với người nông dân, điều dễ thuyết phục nhất đối với họ là được thấy cụ thể việc làm và kết quả mang lại.

Các dự án Chương trình Nông thôn Miền núi đã giúp nông dân thấy được những tiến bộ khoa học công nghệ mới, thấy được những gì họ chưa từng thấy như giống cây trồng mới, giống gia súc mới, loại phân bón mới.... Thấy được cái mới giúp người nông

dân mở rộng thêm kiến thức, có thêm phương tiện mới để tăng năng suất tăng thu nhập.

Các dự án giúp cho nông dân thấy tận mắt những điều họ được nghe nói nhưng chưa trông thấy, chưa tận tay được làm. Qua đài báo qua các phương tiện thông tin đại chúng, một số bà con nông dân có thể đã được nghe nói đến những giống cây trồng mới, những giống gia súc mới, những biện pháp kỹ thuật mới... nhưng bản thân họ chưa thấy, chưa được làm. Dự án đã mang những kỹ thuật, những giống mới đó đến tận nơi cho họ, giúp họ không những tận mắt trông thấy mà còn được bắt tay vào làm thật sự.

Các dự án giúp nông dân thấy tận mắt những kinh nghiệm làm ăn có kết quả của những nông dân tiên tiến, những quy trình sản xuất khoa học, tiến bộ. Nhiều điển hình nông dân tiên tiến, sản xuất nông nghiệp có hiệu quả, nhưng nhiều nông dân khác không học tập được không làm được vì họ chưa được thấy, chưa được bắt tay vào làm.

Các dự án được thực hiện với trình độ hiểu biết của cán bộ kỹ thuật cho nên những kinh nghiệm làm ăn tiên tiến ở nhiều nơi đã được đúc kết thành các quy trình kỹ thuật khoa học và được đưa đến tận nơi thể hiện trên đồng ruộng, vườn cây. Các mô hình này giúp nông dân thấy tận mắt những việc làm, những thao tác, những vật tư kỹ thuật cần có và từ đó có thêm những hiểu biết, những nhận thức mới.

2. Các dự án giúp các địa phương chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế được Đảng và Nhà nước ta đề ra nhằm thực hiện công nghiệp hoá (CNH), hiện đại hoá (HĐH), nông nghiệp và nông thôn trên cơ sở phát huy thế mạnh của mỗi

địa phương, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giúp nông dân tăng thu nhập, có thêm công ăn việc làm, góp phần xoá đói giảm nghèo, tiến lên làm giàu. Nông dân rất hoan nghênh và hết sức ủng hộ chủ trương này của đảng. Nhưng làm gì và làm như thế nào thì phần lớn nông dân còn rất lúng túng.

Các dự án, cùng với đội ngũ cán bộ có trình độ đã giúp nông dân ở các địa phương đánh giá hiện trạng, phân tích tình hình, làm rõ được thế mạnh của mỗi địa phương. Dự án đã giúp phân tích và đánh giá cơ cấu kinh tế hiện đang có, làm những ưu điểm, nhược điểm của cơ cấu đó vạch ra những tiềm năng đang chưa được khai thác sử dụng. Từ đó đề ra những phương hướng và các biện pháp cần áp dụng để chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Nhiều dự án đã thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở một số nơi theo hướng: tăng các hoạt động tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, chế biến tăng các hoạt động sản xuất chăn nuôi, tăng diện tích cây ăn quả... Những việc làm này không những giúp cho nông dân biết thêm kỹ thuật mới mà còn thấy được chuyển dịch cơ cấu kinh tế là làm gì và làm như thế nào.

Một số dự án đã giúp nông dân nâng cao thu nhập trên từng đơn vị diện tích bằng cách thay đổi cơ cấu cây trồng, tăng vụ, thâm canh, nâng cao chất lượng nông sản. Nhiều dự án đã đưa thu nhập trên 1 ha canh tác lên 50, 70 triệu đồng, thậm chí đạt trên 100 triệu đồng trong 1 năm. Bằng việc làm thực tế, bằng các tiến bộ khoa học công nghệ cụ thể, các dự án đã giúp nông dân thấy được những việc làm đó, những cách đó có thể tiến hành ngay trên đồng đất của họ.

Các dự án giúp cho nông dân không những hiểu được thấy được ý nghĩa và tính thiết thực của các chủ trương, đường lối của Đảng, mà còn giúp họ biết cách thực hiện đường lối đó trên đồng đất của mình. Từ đó tạo thêm lòng tin, tình yêu quê hương, đồng ruộng.

3. Các dự án làm cho khoa học và công nghệ không còn quá xa lạ đối với nông dân.

Với việc bắt tay thực hiện các dự án, nông dân thấy được tính chất thiết thực của khoa học và công nghệ. Nhiều nông dân sau khi tham gia các dự án chuyển giao KHCN đã nói: "Nghe nói khoa học, hiểu khoa học thật là khó, nhưng làm những việc ứng dụng khoa học thì không khó".

Dự án giúp nông dân phát triển nghề trồng nấm đã giúp nông dân hiểu được đời sống các loại nấm ăn, những yêu cầu của nấm đối với dinh dưỡng, nước và các điều kiện sống khác, giúp nông dân biết cách trồng nấm thu hái nấm, tiêu thụ sản phẩm nấm. Đó là những vấn đề khoa học và công nghệ, mà nếu không có dự án, nông dân khó mà biết được và làm được.

Nhiều dự án đã góp phần đưa những vấn đề khoa học và công nghệ về với nông dân làm cho khoa học công nghệ trở thành những biện pháp sản xuất, những thao tác thường ngày của người nông dân. Các vấn đề mang tính khoa học rất tổng hợp như: tổng hợp bảo vệ cây (IMP), đấu tranh sinh học, để giống lúa lai, dùng phân vi sinh vật... đã được nông dân tiếp thu và sử dụng trong các hoạt động sản xuất hàng ngày trên đồng ruộng.

Dự án làm cho nông dân thay đổi nhận thức đối với khoa học, hiểu khoa học hơn. có nhiều đòi hỏi hơn đối với khoa học và tin tưởng hơn ở khoa học.

Một số dự án giúp cho nông dân thấy được bản chất khoa học trong các kinh nghiệm thành công, thấy được những khía cạnh khoa học trong kinh nghiệm cũng như giúp nông dân thấy được những yếu tố phi khoa học, thậm chí mê tín dị đoan trong nhiều tập quán làm ăn lạc hậu. Điều này thấy rõ ở các vùng dân tộc ít người, các vùng sâu, vùng xa.

4. Các dự án góp phần tích cực làm thay đổi một số tập quán làm ăn, tập quán sinh hoạt của nông dân.

Thông qua việc tham gia thực hiện các dự án, nông dân nhiều nơi ở miền núi đã biết sử dụng phân chuồng để bón ruộng làm thay đổi tập quán từ trước đến nay không dùng phân chuồng bón ruộng. Nuôi nhốt gia súc, định canh trồng lúa nước... là những tập quán mới được một số dự án tạo ra ở một số nơi.

Nông dân ở một số vùng đồng bằng thường không bón phân kali cho lúa. Đến nay cùng với các dự án thâm canh lúa, nhiều nơi đã thấy rõ bón phân kali cho lúa trở thành một biện pháp thường xuyên.

Nhiều vùng ở các tỉnh phía Bắc, nông dân không có tập quán làm vụ đông. Các dự án đã cho nông dân thấy được ý nghĩa nhiều mặt của việc sản xuất vụ đông như: cải tạo đất, làm giảm sâu bệnh hại, tăng thu nhập cho nông dân, rải vụ, khai thác tốt hơn tài nguyên đất đai và khí hậu... nên đã trở thành tập quán sản xuất.

Nhiều dự án tạo cho nông dân cách thức làm ăn mới có kế hoạch, có tính toán, sắp xếp công việc để đảm bảo kịp thời vụ, không căng thẳng về lao động, nâng cao hiệu quả phân bón và vật tư nông nghiệp. Học tập cách làm ăn mới, nhiều nơi nông dân đã bỏ cách làm ăn tùy tiện, thiếu tính toán, bị động trước đây. Không những thế, nhiều nông dân còn học tập được cách làm ăn chủ động, linh hoạt, cơ động. Tùy theo hình thức biến đổi của thời tiết khí hậu, nông dân biết cách điều chỉnh mùa vụ phù hợp hoặc áp dụng những biện pháp khắc phục những tác động có hại của thời tiết. Tùy theo tình hình diễn biến của sâu bệnh gây hại ở vụ trước, nông dân biết cách tìm giống thích hợp để gieo trồng, tìm cây thích hợp để trồng

hơn đến thông tin khoa học công nghệ, thông tin kinh tế. Các dự án làm cho nông dân thấy được tác dụng to lớn và thiết thực của khoa học công nghệ, từ đó làm cho họ có khát khao đối với tất các tiến bộ KHCN mới. Tập quán nghe đài, đọc báo, tìm đến các buổi phát thanh, phát hình hướng dẫn áp dụng KHCN đã trở thành nếp sinh hoạt mới của nông dân ở nhiều vùng. Nông dân không chỉ nghe mà còn bàn luận, trao đổi, đối chiếu với các hoạt động sản xuất họ đang tiến hành hàng ngày và rút ra những kết luận cần thiết cho sản xuất.

Nhiều nông dân đã biết tìm đến các nhà khoa học, các cơ quan khoa học để học hỏi, tiếp thu những kết quả, những sản phẩm KHCN mới. Những gì học được họ đem áp dụng trong sản xuất, trên đồng ruộng của mình. Đáng chú ý hơn, nhiều nông dân đã biết tìm đến và đặt hàng cho khoa học nhiều vấn đề gay cấp và mắc mớ của họ trong sản xuất.

Trên phương diện này, các dự án đã góp phần tạo nên sức kéo của sản xuất đối với KHCN để bổ sung cho lực đẩy KHCN vào sản xuất.

5. Các dự án đã góp phần làm thay đổi nhận thức, nâng cao hiểu biết, thay đổi tập quán làm ăn và từ đó góp phần củng cố lòng tin ở nông dân.

Thông qua việc thực hiện các dự án, nông dân ngày càng tin vào hiệu quả, vào tính thiết thực của KHCN.

Dự án đã giúp nông dân hiểu hơn các chủ trương, đường lối phát triển nông nghiệp và nông thôn của Đảng và Nhà nước, tin tưởng hơn ở sự lãnh đạo của Đảng.

Dự án đã giúp nông dân thấy được một phần khả năng của họ trong sản xuất.

nguyên thiên nhiên đối với việc tạo ra các sản phẩm nông nghiệp. Điều này góp phần góp nông dân xoá được tâm lý mặc cảm tự ty và tin tưởng hơn ở khả năng đủ sức sản xuất ra nông sản để nuôi sống mình và góp phần nuôi sống xã hội.

Tạo dựng cho người nông dân lòng tin ở bản thân, tin vào khả năng vươn lên là việc làm khó, bởi vì đã từ nhiều năm nay, họ quanh quẩn với ruộng vườn, với năng suất lao động thấp, năng suất cây trồng và vật nuôi hình như có giới hạn. Vì vậy, các dự án đã đưa đến cho nông dân những hiểu biết mới, những khả năng mới, những biện pháp mới, giúp họ thay đổi nhận thức cũ, để tạo lập niềm tin mới.

Khi người nông dân được giải phóng trong suy nghĩ và hành động sẽ tạo nên sức

mạnh to lớn thúc đẩy phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn. Kinh nghiệm từ Nghị quyết X của Bộ chính trị về khoán sản phẩm trong nông nghiệp đã tạo ra bước chuyển mang tính đột phá trong nông nghiệp cho thấy, điều quan trọng là giải phóng cho nông dân, tạo lập ở họ niềm tin.

Các dự án của Chương trình Nông thôn Miền núi đã góp phần tích cực đặt viên gạch đầu tiên trên con đường tạo dựng niềm tin cho nông dân vào khoa học, vào tiềm năng của tài nguyên thiên nhiên, vào sức mạnh của chính họ. Trên hướng này, cùng với việc kịp thời rút kinh nghiệm, tổng kết lý luận và thực tiễn để không ngừng nâng cao chất lượng các dự án, nâng cao tính thiết thực và hiệu quả các dự án, Chương trình hứa hẹn tạo được những kết quả như mong đợi.



Ban chỉ đạo chương trình đi kiểm tra dự án tại Hà Tây



Trên đồi chè xã Tân Cương - Thái Nguyên



Hội thảo đầu bờ về đánh giá kết quả mô hình thâm canh lúa bao thai tại xã Bảo Cường huyện Định Hóa

nguyên thiên nhiên đối với việc tạo ra các sản phẩm nông nghiệp. Điều này góp phần góp nông dân xoá được tâm lý mặc cảm tự ty và tin tưởng hơn ở khả năng đủ sức sản xuất ra nông sản để nuôi sống mình và góp phần nuôi sống xã hội.

Tạo dựng cho người nông dân lòng tin ở bản thân, tin vào khả năng vươn lên và việc làm khó, bởi vì đã từ nhiều năm nay, họ quanh quẩn với ruộng vườn, với năng suất lao động thấp, năng suất cây trồng và vật nuôi hình như có giới hạn. Vì vậy, các dự án đã đưa đến cho nông dân những hiểu biết mới, những khả năng mới, những biện pháp mới, giúp họ thay đổi nhận thức cũ, để tạo lập niềm tin mới.

Khi người nông dân được giải phóng trong suy nghĩ và hành động sẽ tạo nên sức

mạnh to lớn thúc đẩy phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn. Kinh nghiệm từ Nghị quyết X của Bộ chính trị về khoán sản phẩm trong nông nghiệp đã tạo ra bước chuyển mang tính đột phá trong nông nghiệp cho thấy, điều quan trọng là giải phóng cho nông dân, tạo lập ở họ niềm tin.

Các dự án của Chương trình Nông thôn Miền núi đã góp phần tích cực đặt viên gạch đầu tiên trên con đường tạo dựng niềm tin cho nông dân vào khoa học, vào tiềm năng của tài nguyên thiên nhiên, vào sức mạnh của chính họ. Trên hướng này, cùng với việc kịp thời rút kinh nghiệm, tổng kết lý luận và thực tiễn để không ngừng nâng cao chất lượng các dự án, nâng cao tính thiết thực và hiệu quả các dự án, Chương trình hứa hẹn tạo được những kết quả như mong đợi.

CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN CỦA TRUNG QUỐC - MỘT VÀI SUY NGHĨ

Nguyễn Gia Thắng

Chuyên viên cao cấp - Nguyên tham tán KHCN/VN
Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc

Nói về dự án phát triển nông nghiệp và nông thôn của Trung Quốc, chúng ta thường hay nhắc tới chương trình đóm lửa - một chương trình nổi tiếng trên thế giới của Trung Quốc đã được tổ chức thực hiện 15 năm nay với hiệu quả rất to lớn và tác giả của nó là Ông Tống Kiện, chủ nhiệm Ủy ban khoa học công nghệ Trung Quốc đề xuất sau đó nhờ chủ trương của nhà nước và các Bộ ngành và địa phương đều phải tham gia - tuy nhiên, trên thực tế Trung Quốc có tới 3 loại chương trình phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn, cụ thể là:

1. Chương trình đóm lửa: là chương trình chủ yếu áp dụng các tiến bộ KHCN nhằm phát triển công nghiệp nông thôn (mà người Trung Quốc gọi là công nghiệp Hương Trán)
2. Chương trình mùa (Feng shou): chương trình chủ yếu áp dụng các tiến bộ KHCN nhằm phát triển nông nghiệp
3. Chương trình giúp đỡ vùng nghèo khó: (Fupin)

Cả 3 chương trình này với mục tiêu cụ thể khác nhau hợp lại và được tổ chức thực hiện rất kiên trì, được quản lý chặt chẽ và có sự điều chỉnh liên tục kịp thời của nhà nước trong suốt 15 năm qua, đã góp phần làm chuyển biến rõ rệt nền nông nghiệp của Trung Quốc và gần 1 tỷ nông dân vốn rất lạc hậu và nghèo đói liên miên chẳng những đã tự giải quyết được vấn đề no ấm của mình mà người dân còn có thể bước ra thế giới với những công nghệ tiên tiến, quản lý hiện đại, xoá hẳn dấu ấn của "học thuyết sự uy hiếp của Trung Quốc" mà một số học giả phương

Tây nêu nhiều lần trong những năm đầu của thập kỷ 90.

Nhân dịp Bộ Khoa học và Công nghệ tổng kết Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998 - 2002" chúng tôi xin cung cấp một số thông tin để tham khảo.

I. Một số thành tích cụ thể:

A - Chương trình đóm lửa:

Trung Quốc đã đánh giá đây là một trong những thành công của Đảng cộng sản Trung Quốc trong 80 năm qua. Vậy chương trình đóm lửa được khởi động từ năm 1986 đến nay đã mang lại những kết quả gì?

Cuộc giải phóng sức lao động cho nông thôn lần thứ 3:

15 năm thực hiện chương trình đóm lửa đã khai hoa kết quả ở khắp mọi miền đất nước. Chủ tịch Giang Trạch Dân đã đánh giá: "Chương trình đóm lửa là một sáng tạo của giới khoa học Trung Quốc, là một thực tiễn vĩ đại dẫn đường cho quảng đại quần chúng nông dân dựa vào khoa học, chiến thắng mê tín, thoát khỏi đói nghèo, tiến lên con đường no ấm giàu có".

Nếu như nói, từ ngày giải phóng đến nay, Cuộc cải cách ruộng đất là cuộc giải phóng sức lao động nông dân lần thứ nhất, thì việc cải cách mở cửa thực hiện chế độ khoán là cuộc giải phóng sức sản xuất bằng biện pháp điều chỉnh sản xuất, nói một cách nghiêm túc, Trung Quốc tự đánh giá đây chỉ là sự giải phóng trên mặt nổi của kinh tế. Việc thực thi chương trình đóm lửa làm cho

sức sản xuất nông thôn từ trạng thái kinh tế tự nhiên nhảy vọt lên tầng cao mới.

15 năm qua, chương trình đóm lửa đã triển khai 10,4 vạn dự án trình diễn, trong đó có hơn 1 vạn dự án cấp quốc gia, phủ tới hơn 85% số huyện thị trong cả nước, tạo nên sự chuyển biến cực kỳ to lớn về tổng lượng tăng trưởng kinh tế và phương thức sản xuất ở nông thôn. Trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ 9 đã tạo được lợi nhuận lũy kế là 281,0 tỷ yuan, sản sinh ra hiệu ích kinh tế và xã hội to lớn. Chỉ tính trong kế hoạch năm 1999, chương trình này đã tạo giá trị gia tăng là 110 tỷ yuan, thuế gia tăng là 21,6 tỷ yuan, giá trị xuất khẩu 4,5 tỷ đô la. Thật sự đã mang lại tin vui là "lập một dự án, làm giàu một điểm, phồn vinh cả vùng".

Kế hoạch đóm lửa đã xây dựng 145 dự án mật độ công nghệ cao cấp nhà nước và 227 dự án thuộc các lĩnh vực chuyên ngành chủ chốt cấp nhà nước, qua đó bồi dưỡng được một số xí nghiệp hàng đầu có lợi cho việc thúc đẩy kinh tế các vùng phát triển lành mạnh.

Kế hoạch đóm lửa được hình thành ngay từ những năm đầu cải cách kinh tế nông thôn, lúc này chính là thời kỳ khởi đầu của xí nghiệp hương trấn. Ngay từ những ngày mới bắt đầu chương trình đóm lửa đã có tác dụng tích cực thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật khoa học, hỗ trợ tích cực về khoa học công nghệ cho công nghiệp hương trấn. Tăng cường đô thị hoá và công nghiệp hoá nông thôn trên phạm vi toàn quốc. Trong thời kỳ đầu 85% số dự án, tập trung vào các công nghệ giải quyết thay đổi và nâng cao chất lượng sản phẩm của xí nghiệp hương trấn, giảm bớt tiêu hao, tiết kiệm năng lượng, cải thiện môi trường.

Đến năm 1999, cả nước có khoảng hơn 20 triệu xí nghiệp hương trấn, trên 125 triệu công nhân viên chức. Giá trị sáng tạo gia tăng là 2.500 tỷ yuan, đạt trên 60% giá trị gia tăng của nông thôn, chiếm trên 27% tổng giá trị quốc nội (GDP). Trong đó chiếm gần 50%

giá trị gia tăng của ngành công nghiệp. Điều khẳng định qua thực tế là công nghiệp hương trấn đã trở thành điểm tăng trưởng kinh tế mới tại nông thôn, chính nó đã thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Sự phát triển xí nghiệp Hương trấn đã thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá nông thôn, triển khai toàn diện kế hoạch đóm lửa, đã dần trở thành một trong những con đường quan trọng để phát triển bền vững nông thôn Trung Quốc. Trung Quốc cho rằng: hoàn toàn có thể kiêu hãnh mà nói rằng, việc triển khai kế hoạch đóm lửa bắt đầu từ phổ cập tri thức khoa học công nghệ có tác dụng hết sức đối với việc giải phóng sức lao động ở nông thôn lần thứ 3, là một trang không thể xoá nhòa được trong lịch sử Trung Quốc.

Đại quân đóm lửa 60 triệu người

Một trong những sứ mệnh lịch sử quan trọng của Đảng cộng sản Trung Quốc là xây dựng nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa. Dùng tư tưởng khoa học để vũ trang hàng trăm triệu nông dân là bộ phận hợp thành quan trọng của nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa. Người Trung Quốc cho rằng, một trong những sự thay đổi khác nhau mà kế hoạch đóm lửa mang lại cho nông dân và nông thôn Trung Quốc là dùng tư tưởng khoa học vũ trang hàng trăm triệu nông dân Trung Quốc. Bồi dưỡng nhân tài đóm lửa, nâng cao tố chất nông dân luôn là nội dung quan trọng của kế hoạch đóm lửa. Thông qua tổ chức những lớp bồi dưỡng chuyên đề, xây dựng các cơ sở tập huấn đóm lửa, triển khai hàng loạt những lớp tập huấn. Hiện đã có 5.000 điểm tập huấn, trong đó có tới 40 cơ sở cấp nhà nước, về cơ bản hình thành một mạng lưới tập huấn đóm lửa hoàn chỉnh. Trong 15 năm chương trình đóm lửa đã bồi dưỡng được 60 triệu thanh niên nông thôn thành một đội ngũ cán bộ cốt cán và những nhà quản lý khoa học kỹ thuật đóm lửa, họ đã trở thành quân chủ lực phát triển kinh tế nông thôn, trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ 10 tới, lực lượng này sẽ tăng lên trên

100 triệu, đội quân đóm lửa to lớn này sẽ là quân chủ lực tiếp tục đấu tranh với nghèo nàn và đói nát trong nông thôn toàn quốc thời gian tới.

Ủy ban kinh tế xã hội Châu Á Thái Bình Dương của Liên Hiệp Quốc đã cử chuyên gia đến khảo sát chương trình đóm lửa. Trong báo cáo tổng kết của đoàn khảo sát này đã ghi rõ: từ những năm 60 đến nay, nhiều nước đang phát triển đã triển khai rất nhiều chương trình tương tự như chương trình này, tuy nhiên đều không thành công, cần được nghiên cứu mô thức của Trung Quốc. Một vị quan chức cao cấp của liên hiệp quốc đã nói, chương trình đóm lửa không chỉ là của Trung Quốc mà nên là của Thế giới. Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo chương trình đóm lửa cũng đã mở ra một con đường phát triển kinh tế thành công trong việc phát triển kinh tế nông thôn cho các nước đang phát triển.

Năm 1990, lần đầu tiên đóm lửa của Trung Quốc bước ra ngoài, đã tổ chức thành công một cuộc trình diễn về "thành tựu khoa học công nghệ đóm lửa Trung Quốc" tại Thái Lan, tại hội nghị, đã thực hiện được số hợp đồng có giá trị hơn 100 triệu đô la. Giới thương nhân nước Thái gọi cuộc triển lãm này là "cuộc triển lãm khoa học công nghệ thực dụng có tính khai hoang, có tính lịch sử". Giá trị sáng tạo năm 1996 của chương trình đóm lửa là 3,03 tỷ đô la Mỹ, năm 1999 đã tăng lên rất nhanh (13,94 tỷ đô la Mỹ). Rõ ràng, chương trình đóm lửa đã phát huy tác dụng không thể thay thế trong thực tiễn cách mạng kinh tế xã hội của Trung Quốc trong thời gian vừa qua. Thành công của chương trình này có nguyên nhân nữa là ở chỗ không sử dụng thể chế mệnh lệnh hành chính của nhà nước đối với chương trình là thông qua sự điều phối, hướng dẫn của nhà, tổ chức việc trình diễn kỹ thuật, ban hành các chính sách khoa học kỹ thuật để thúc đẩy việc điều chỉnh cơ cấu sản xuất, thúc đẩy áp dụng tiến bộ kỹ thuật. Việc lựa chọn các dự án cụ thể hoàn toàn do xí nghiệp tự quyết định là chính,

tự chủ kinh doanh, tự lo lỗ lãi. Các tổ chức quản lý chương trình đóm lửa chỉ cung cấp các dịch vụ, tích cực giúp đỡ các xí nghiệp mau chóng trưởng thành về năng lực cạnh tranh, có cơ hội rèn luyện trong thực tiễn cuộc sống. Chương trình đóm lửa cũng đã lần đầu tiên phá vỡ cơ chế truyền thống mô thức cũ trong kế hoạch khoa học kỹ thuật đều là do nhà nước cho không, ngay từ đầu đã do xí nghiệp là chủ thể, mở ra lịch sử tạo vốn bằng nhiều hướng, nhiều cách để triển khai kế hoạch khoa học công nghệ. Việc thị trường hoá chương trình đóm lửa đã làm thay đổi việc khoa học công nghệ không có nơi áp dụng, nâng cao ý thức khoa học kỹ thuật và thị trường của nông dân. Thị trường hàng hoá còn có đặc trưng nữa là làm cho chương trình đóm lửa vượt qua vòng tuần hoàn nhỏ của hệ thống khoa học công nghệ mà bước vào vòng tuần hoàn lớn tài nguyên toàn xã hội.

B - Chương trình được mùa

Nếu như chương trình đóm lửa là chương trình dẫn người nông dân từ đồng ruộng bước vào nhà máy thì chương trình được mùa lại giúp đỡ đại bộ phận nông dân còn lại áp dụng khoa học tiên tiến, phương thức quản lý hiện đại để phát triển nền nông nghiệp của mình. Sự kiên trì 15 năm có thể nói tất cả các hạng mục chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp đều có bước phát triển mạnh mẽ mà rõ ràng nhất là sản xuất lương thực của Trung Quốc đã tăng lên hơn 3 lần so với những năm đầu 70 của thế kỷ trước (trong điều kiện bình thường đạt tới 490 - 500 triệu tấn), người Trung Quốc đã có thể xuất khẩu lương thực. Cá, thịt, trứng, sữa, rau, đậu... đều có bước nhảy vọt có tầm cỡ trên thế giới. Tới những năm giữa của thập kỷ 90 thế kỷ 20, sản lượng nông nghiệp các loại của Trung Quốc về cơ bản đã dư thừa về số lượng nhưng còn kém về chất lượng và hiệu ích kinh tế của người nông dân còn thấp, cho nên mục tiêu phát triển nền nông nghiệp của Trung Quốc lại cần có sự điều chỉnh. Năm 2001, Ông Trương Bảo Văn, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp Trung Quốc cho biết: từ 3 năm

lại đây, Trung ương Đảng đã nhấn mạnh tính chiến lược của việc điều chỉnh có hiệu quả và nhanh chóng, nông sản chuyên dụng và chất lượng cao phát triển nhanh, chế biến nông sản phẩm cũng chuyển biến khá mạnh.

Được biết, năm 2000. Diện tích trồng giống lúa, lúa mỳ chuyên dụng và ngô chuyên dụng chất lượng cao đã phát triển đến 3.700 vạn mẫu (gần 2,5 triệu ha), 2.900 vạn mẫu (gần 2 triệu ha) và 1.700 vạn mẫu (hơn 1 triệu ha), giống cải dầu chất lượng cao cũng đạt 1.900 vạn mẫu (1,2 triệu ha), đặc biệt là các loại giống có chất lượng tốt đang phổ cập rất nhanh trong toàn vùng và phát triển theo hướng chuyên môn hoá và sản nghiệp hoá. Điều chủ yếu là các nông sản thực phẩm chất lượng cao, trái vụ như rau, quả, cây làm thuốc... đang phát triển rất nhanh, ở một chừng mực nhất định đã đáp ứng nhu cầu đa dạng hoá và lành mạnh hoá nông sản của người tiêu dùng. Một số tỉnh có sản lượng lương thực lớn hiện đang hướng chuyển sang ngành chăn nuôi, một số tỉnh/thành phố phía đông đã trở thành cơ sở quan trọng chế biến xuất khẩu nông sản phẩm lớn, trình độ nông sản sau thu hoạch hoa quả và rau, cũng được nâng cao nhanh. Tất cả các tiến độ này đều có tác dụng tích cực, hiệu quả nâng cao thu nhập của nông dân.

Trong tình hình nền kinh tế thị trường và nông sản phẩm cung đã vượt cầu, làm thế nào để thúc đẩy một cách có hiệu quả việc điều chỉnh cơ cấu, nâng cao hiệu quả tổng thể của nông nghiệp và thu nhập của nông dân. Bộ Nông nghiệp Trung Quốc ngoài việc làm tốt các công tác dịch vụ như: công tác qui hoạch, xây dựng tiêu chuẩn ra, sẽ phải làm tốt 3 loại công việc sau đây:

1. Thúc đẩy kinh doanh sản nghiệp nông nghiệp: chủ yếu là phải thông qua việc bồi dưỡng những xí nghiệp hàng đầu của sản nghiệp, tạo nên động lực lôi cuốn toàn ngành, dựa vào xí nghiệp này để tạo nên một cộng đồng hài hoà về lợi nhuận giữa xí nghiệp với các nông hộ trong việc sản xuất

thu mua và tiêu thụ nông sản để lôi cuốn nông dân thay đổi cơ cấu ưu hoá sản xuất.

2. Bồi dưỡng thị trường bán buôn nông sản phẩm, dựa vào thị trường để thúc đẩy điều chỉnh cơ cấu. Xây dựng và hoàn thiện một số thị trường không chỉ lôi kéo sự phát triển sản xuất nông sản phẩm. Hình thành quy mô trồng trọt mà còn lôi kéo các khu vực lân cận cùng phát triển sản phẩm cùng loại, hình thành vùng phát triển sản nghiệp nông sản đặc sản.

3. Phát triển nông nghiệp đặt hàng: đây là cách làm mới xuất hiện vài năm gần đây là một mô thức phát triển nông nghiệp đầy sức sống. Dự tính trong năm nay số lượng đặt hàng cho vụ thu hoạch mùa hè này đã lên tới hơn 2 triệu ha, tăng so với năm trước khoảng 80 vạn ha (1.258 vạn mẫu). Thực tiễn cho thấy trên cơ sở tôn trọng quyền tự chủ sản xuất của nông dân, nông nghiệp đặt hàng là biện pháp vô cùng có hiệu quả để thúc đẩy điều chỉnh cơ cấu nông nghiệp.

C - Chương trình giúp đỡ vùng nghèo (xóa đói giảm nghèo)

Vùng nghèo đói thực ra cũng là một bộ phận của nông thôn, song do những đặc điểm riêng của nó: thường là vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc ít người xa xôi đi lại khó khăn cho nên người Trung Quốc xây dựng riêng một chương trình cho các vùng này với mục tiêu cụ thể sau:

1. Cốt lõi là giải quyết vấn đề no ấm cho dân, ra sức mở rộng ứng dụng thành tựu khoa học tiên tiến và đã có những cống hiến cho sự tiến bộ to lớn mang tính lịch sử: Thông qua phổ cập tri thức khoa học công nghệ, đưa vào và mở rộng quy mô những tiến bộ kỹ thuật, triển khai thực nghiệm khoa học công nghệ và bồi dưỡng cán bộ khoa học cốt cán cho nông thôn, làm cho sản lượng lương thực và thu nhập của nông dân tăng lên rõ rệt. Thí dụ tại 6 huyện nghèo mà Bộ Khoa học Công nghệ Trung Quốc trực tiếp chỉ đạo số dân nghèo đã giảm từ 1 triệu 60 vạn người xuống

còn có 5 vạn người, diện nghèo khó giảm từ 47% xuống còn 1,5%; Khu vực Đại Biệt Sơn, tỉnh Cương Sơn và Thiểm Bắc số dân nghèo giảm từ 9 triệu 40 vạn người xuống còn 50 vạn người, diện nghèo thu hẹp từ 48% xuống còn 2,5%, lương thực bình quân đầu người đạt 450 kg; Vùng Đại Biệt Sơn và tỉnh Sơn Cương về cơ bản đã giải quyết xong nạn đói nghèo.

2. Dùng ngành nghề chủ yếu của khu vực phát triển làm trụ cột, tích cực xây dựng điểm tăng trưởng kinh tế mới, đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của khu vực đói nghèo: *Một là*, lựa chọn ngành nghề có ưu thế nhất của khu vực khó khăn, tập trung lực lượng khoa học giải quyết những vấn đề kỹ thuật mấu chốt nhất để phát triển ngành đó, hình thành được những sản nghiệp có tính khu vực với quy mô tương đối lớn và trình độ khoa học công nghệ tương đối cao. *Hai là*, xây dựng hệ thống phục vụ khoa học công nghệ xã hội hoá, hướng về nông dân, liên kết chặt với thị trường cung cấp những dịch vụ tổng hợp trước, trong và sau sản xuất của các ngành hàng. *Ba là*, hướng dẫn khu vực khó khăn này mở rộng độ cải cách, ra sức nhập kỹ thuật, nhân tài và tiền vốn, tăng cường các hình thức hợp tác và liên kết kinh tế theo chiều ngang, hình thành dần sự phân công ngành nghề phù hợp với việc sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên của địa phương.

3. Triển khai rộng rãi công tác phổ biến khoa học và bồi dưỡng trình diễn khoa học, ra sức tạo thế hệ nông dân mới cống hiến cho việc xây dựng văn minh tinh thần vùng nông thôn nghèo khó: 15 năm qua, Bộ Khoa học Công nghệ Trung Quốc, Viện Hàn lâm khoa học Trung Quốc và Hiệp hội khoa học công nghệ Trung Quốc đã động viên 29 vạn lượt cán bộ khoa học công nghệ đi sâu vào các vùng nghèo khó để triển khai các hoạt động giúp nghèo, bồi dưỡng tri thức cho hàng vạn lượt nông dân, tổ chức áp dụng 9.400 dự án, thực hiện hàng loạt dự án trình diễn. Đa số nông dân khó khăn đều qua những hoạt động này mà nắm được một hoặc hai kỹ

thuật thích hợp và trở thành những ông chủ làm giàu bằng khoa học công nghệ.

4. Kiên trì lấy trình diễn để lôi cuốn phong trào, bồi dưỡng hàng loạt nhân tài khoa học công nghệ, quản lý và sáng tạo ở nông thôn: đã kết hợp chặt chẽ việc bồi dưỡng khoa học công nghệ với các công trình y tế giáo dục, văn hoá...

5. Kết hợp chặt chẽ giữa cán bộ khoa học công nghệ với quần chúng cán bộ khu vực khó khăn, cùng nhau phát hiện, tìm tòi khám phá những kinh nghiệm xoá đói giảm nghèo có hiệu quả. Kết hợp chặt chẽ việc xoá đói giảm nghèo với nâng cao tổ chất nông dân, mỗi công trình áp dụng kỹ thuật mới đều là đào tạo con người, chú ý nâng cao chất lượng của người lao động. Qua việc 3 kết hợp nông nghiệp, khoa học và giáo dục, đưa cán bộ khoa học công nghệ về thôn, tổ chức nhân viên kỹ thuật đi sâu vào bồi dưỡng kỹ thuật cho dân chúng, tiến hành trình diễn kỹ thuật, xây dựng và toàn kiện mạng lưới khoa học công nghệ, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao tinh thần khoa học, tư tưởng khoa học và phương pháp khoa học. Thực hiện tốt được khẩu hiệu: "giúp một dự án, thực hiện được một công trình bồi dưỡng, dạy được một kỹ thuật, thúc đẩy một số nông hộ hình thành một ngành nghề mà đạt tới mục đích xoá đói làm giàu.

6. Kết hợp việc giảm nghèo với việc phát triển kinh tế địa phương: Công tác khoa học kỹ thuật xoá đói giảm nghèo ngay từ đầu đã phải tìm được nội dung dự án đúng vị trí trong qui hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương, chú trọng tìm và giải quyết những khâu mấu chốt để phát triển kinh tế địa phương, giải quyết vấn đề công nghệ toàn cục. Thông qua cải tạo và nâng cấp ngành nghề truyền thống, phát triển ngành chủ chốt của địa phương và bồi dưỡng khả năng tự phát triển kinh tế địa phương. Nhờ vậy, rất nhiều nơi khoa học công nghệ giúp nghèo đã phá vỡ phương thức sản xuất cũ lạc hậu, phân tán và cơ cấu sản xuất đơn điệu để mở

ra con đường kết hợp tốt giữa tiểu sản xuất với đại thị trường, hình thành các xí nghiệp hàng đầu bám sát sự phát triển của thị trường, dùng các xí nghiệp này để lôi cuốn kinh doanh cục diện mới cho các hộ nghèo khó.

7. Kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng khoa học công nghệ với các lực lượng xã hội khác: *Một là*, gia tăng sự gắn kết lực lượng của nội bộ hệ thống khoa học, hình thành cục diện hợp lực của giới khoa học công nghệ xoá đói giảm nghèo. *Hai là*, gia tăng hợp lực giữa giới khoa học công nghệ với giới kinh tế và lực lượng xã hội khác làm cho các yếu tố khoa học công nghệ thấm thấu vào công tác giúp nghèo của các ngành, các giới khác. *Ba là*, thông qua việc giao lưu và hợp tác với các nước, các khu vực và các tổ chức quốc tế, vừa để thu hút thêm kinh phí, thu hút nhân tài quản lý, công nghệ và thông tin, thúc đẩy tầm nhìn của đội ngũ cán bộ quân chủng địa phương, thực hiện mở "cửa núi" bước vào thị trường trong nước và thế giới.

Theo đà của sự phát triển kinh tế chung của cả nước, tiêu chí xoá đói giảm nghèo của Trung Quốc cũng có sự thay đổi. Vì thế hiện nay Trung Quốc đặt ra yêu cầu xác định rõ lộ trình ra sức đưa công tác khoa học công nghệ xoá đói giảm nghèo lên bậc thang mới với 4 nội dung sau:

Một là, thúc đẩy việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế của vùng xoá đói giảm nghèo, dùng trăm phương ngàn kế để gia tăng thu nhập của nông dân.

Hai là, thúc đẩy sự phát triển bền vững của khu vực nghèo.

Ba là, thúc đẩy khả năng xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ của địa phương.

Bốn là, thúc đẩy địa phương hình thành môi trường và cơ chế có lợi cho áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ.

II. Một số suy nghĩ:

Sự phát triển kinh tế nói chung của Trung Quốc sau hơn 20 năm đổi mới đã đạt được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu và giải quyết.

cửa đã được thế giới thừa nhận. Kết quả đó không thể tách rời sự đóng góp của các Chương trình, dự án khoa học công nghệ, qua theo dõi, chúng tôi thấy không phải là tất cả những dự án mà Trung Quốc tổ chức thực hiện đều thành công, không ít dự án nghiệm thu xong không phát huy được tác dụng, có nơi hiện tượng xoá nghèo được một thời gian nghèo lại trở lại... Tuy vậy, cũng có thể rút ra vài điểm đáng suy nghĩ sau:

1. Cho dù bất kể dự án đó là của cơ quan nhà nước nào đề xuất nhưng dứt khoát nó phải trở thành hoạt động chung của các lực lượng trong xã hội, quyết không thể là một việc riêng của một ngành hay một bộ môn, chỉ có như vậy chương trình dự án mới có được sự quan tâm đầu tư nhiều nguồn vốn kể cả về công nghệ, quản lý và tài chính. Ở đây ta thấy, mặc dù chương trình đóm lửa do Ủy ban khoa học công nghệ Trung Quốc đề xuất nhưng nó đã rất nhanh chóng được quyết định và các bộ ngành đều phải tham gia việc chỉ đạo trực tiếp với những vùng và địa phương cụ thể, nguồn kinh phí thực hiện không chỉ là kinh phí của KHCN.

2. Muốn thành công, dự án phải được luận cứ rất công phu về phương diện kinh tế xã hội và nhất thiết phải phát hiện cho được những yếu tố đột phá phù hợp với qui hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Cách thực hiện giản đơn chỉ coi trọng nội dung kỹ thuật công nghệ, bỏ qua yếu tố kinh tế xã hội, yếu tố tổ chức chính sách đào tạo con người thoát li yếu tố thị trường chỉ có thể có được kết quả để chứng minh yếu tố công nghệ đơn thuần không có được sự tồn tại lâu dài và càng không có tác dụng lan toả nhanh chóng và trở thành lực lượng sản xuất. Trung Quốc đã yêu cầu và tạo điều kiện cho các cơ quan tham gia chương trình có liên quan đến phát triển nông nghiệp nông thôn phải làm tốt việc luận cứ kinh tế, kỹ thuật, xã hội, cho đến khâu thu mua chế biến phù hợp với yêu cầu của thị trường, tổ chức phân phối...

3. Dự án phải được lựa chọn từ cơ sở và do cán bộ, nhân dân địa phương đề xuất, cán bộ của các viện, trường và cơ quan cấp trên

4. Chủ yếu phải làm tốt công tác cung cấp thông tin, tư vấn và đôn đốc việc tổ chức thực hiện. Các chỉ tiêu kinh tế, sản lượng, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng tổ chức, áp dụng và đề xuất chính sách nhất thiết phải được ghi thành chỉ tiêu của các dự án. Có thể dự án mới có sức sống lâu dài.

5. Mục tiêu phát triển phải luôn luôn được đặt lên hàng đầu và phải được tạo điều kiện để dự án phát triển theo đúng ý nghĩa của nó. Chính vì vậy mà các dự án phát triển nông nghiệp và nông thôn của Trung Quốc phải là

công việc hàng đầu của các cơ quan hành chính nhà nước và cấp ủy đảng của địa phương các cấp, Bí thư, Chủ tịch các cấp thường là người chỉ đạo trực tiếp đối với các dự án.

6. Do đối tượng khác nhau, dự án phát triển cũng nên khác nhau, có mục tiêu, phương thức triển khai mạch lạc rõ ràng, bố trí nhân lực, chính sách khuyến khích, tạo dựng nguồn vốn ... cụ thể cho từng loại. Chính vì lý do trên mà Trung Quốc có tới 3 chương trình phát triển nông nghiệp và nông thôn như đã nêu trên.

Xin cảm ơn!



Ông Hứa Đức Nhị - Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên
kiểm tra dự án tại Định Hóa



Giống xoài GL xen đậu tương tại Đà Nẵng



Mô hình khoai tây do Viện KHKT NN Việt Nam
thực hiện tại xã Đức Long - Ninh Bình

SUY NGHỊ CỦA NGƯỜI DÂN THAM GIA DỰ ÁN

**ỨNG DỤNG TIẾN BỘ NHẪM PHÁT TRIỂN MỘT SỐ LOẠI
CÂY ĂN QUẢ CÓ GIÁ TRỊ KINH TẾ TẠI XÃ THANH
HUNG HUYỆN ĐIỆN BIÊN TỈNH LAI CHÂU**

Nguyễn Xuân Biên
Chủ tịch UBND xã Thanh Hưng

Tình hình đặc điểm

Xã Thanh Hưng là xã biên giới, nằm phía Tây lòng chảo Điện Biên. Phía Bắc giáp xã Thanh Luông, phía Nam giáp xã Thành Chăn, phía Đông giáp thị trấn Mường Thanh, phía Tây giáp tỉnh Phong Xa Lỳ (Lào) có đường biên giới dài 4 km. Diện tích tự nhiên của xã là 2.200 ha. Trong đó đất nông nghiệp 523 ha, đất thổ cư 108 ha, đất trồng lúa nước 287 ha, đất chuyên dùng, hồ và giao thông thủy lợi 83,4 ha. Diện tích đồi núi có rừng là 1.677 ha. Hiện tại xã có quỹ đất thổ canh là 108 ha đã trồng cây ăn quả là 60 ha.

Dân số: Toàn xã có 5.582 nhân khẩu gồm 1.320 hộ với 3 dân tộc anh em cùng chung sống tập chung ở 5 cụm dân cư, 20 thôn bản. Trong đó:

+ Dân tộc kinh có 860 hộ, 3.332 nhân khẩu, chiếm 59,6%. Dân tộc thái có 454 hộ, 2.221 nhân khẩu, chiếm 39,8 %. Dân tộc Tày có 6 hộ, 29 nhân khẩu, chiếm 0,6%.

Tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể: xã có 1 Đảng bộ, 19 chi bộ, 172 Đảng viên. Hội đồng nhân dân 25 đại biểu, 6 đoàn thể quần chúng. Về giáo dục xã có 3 trường học xây tập chung ở khu trung tâm xã. Về y tế có 1 trạm y tế nằm ở trung tâm xã và các thôn bản đều có cán bộ y tế.

Hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh đã tạo điều kiện tưới tiêu chủ động trong sản xuất thâm canh tăng năng suất, sản lượng các loại cây trồng.

Định hướng của xã là sản xuất nông lâm nghiệp - dịch vụ. Trong những năm qua Đảng và Nhà nước đã quan tâm đưa các tiến

bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, đã tạo phong trào ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật rộng rãi trong nhân dân. Nhân dân các dân tộc trong xã luôn đoàn kết thi đua sản xuất, tích cực thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Nhiều năm gần đây thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế nhất là chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi đã có hiệu quả rõ nét góp phần tích cực cho việc xóa đói giảm nghèo.

Năm 1993 có 4.175 người, lương thực sản lượng 27.246 tấn, năng suất bình quân 53 tạ/ha, bình quân lương thực đầu người 650 kg/người/năm. Năm 2002 có 5.582 người, tăng 1.407 người, chủ yếu là tăng cơ học (mức sinh năm 1993 là 2,31%, năm 2002 là 0,97%). Năng suất bình quân lúa đạt 60,06tạ/ha, tổng sản lượng lương thực đạt 3.719 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 666 kg. Trong điều kiện diện tích đất đai không tăng, dân số bình quân tăng cả về cơ học và sinh học là 140 nhân khẩu/năm. Nếu không có các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất thì khó có thể đáp ứng được, đó là kết quả của việc chuyển đổi cây trồng từ dự án Mường Thanh năm 1991 - 1992 do Bộ KH-CN&MT đầu tư, đến nay kết quả của dự án vẫn được duy trì và phát huy, tập đoàn lúa lai năng suất cao vẫn tiếp tục đứng vững trên địa bàn.

Ngoài thâm canh cây lúa nước thì các cây công nghiệp ngắn như cây đậu tương cũng phát triển nhanh. Đối với những nơi có điều kiện trồng cây ăn quả cũng được bà con nông dân sử dụng để trồng các loại cây ăn quả như hồng, vải, nhãn... Cây nhãn là loại cây ăn quả phổ biến của xã, số lượng, chất

lượng khá nhưng vấn đề thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn. Những năm trước đây nhân quả được các nhà kinh doanh chế biến thành long để xuất khẩu nhưng đến năm 2002 do không có thị trường xuất khẩu các nhà kinh doanh không mua nữa nên 1 kg quả tươi bình thường chỉ bán được 2.000 đồng/kg, đối với 1 kg nhân quả chất lượng cao có thể bán được gấp 2 - 3 lần, đó là thực tế đã diễn ra trên địa phương.

Một số cây có múi như cam, quýt, bưởi, chanh... cũng được bà con nông dân trồng từ những năm trước đây, tuy nhiên do giống không được chọn lọc nên phẩm chất kém, giá trị kinh tế thấp. Đến nay cây ăn quả có múi đã dần chuyển sang cây có chất lượng cao nhằm phục vụ trực tiếp trên địa bàn và cung cấp cho khu vực lòng chảo.

Song song với thuận lợi cũng không ít khó khăn: do là xã miền núi và biên giới còn một phần ảnh hưởng của tập tục lạc hậu, đời sống kinh tế không đồng đều. Việc cải tạo vườn tạp để chuyển đổi cây trồng ngay trên đất thổ canh cũng còn gặp nhiều khó khăn chưa thể một sớm một chiều giải quyết được, xong khắc phục từng bước chắc chắn sẽ dần hoàn thiện.

Kết quả triển khai dự án tại xã Thanh Hưng

Năm 2000 dự án đầu tư trồng mới cho xã 6,5 ha cây cam với số lượng 3.200 cây và 1 ha hồng không hạt. Được dự án đầu tư quy trình kỹ thuật, hướng dẫn từ khâu đào hố đến trồng và chăm sóc, hỗ trợ phân bón thuốc trừ sâu, bệnh. Qua 3 năm thực tế cây đã có quả, mặc dù là năm đầu sản lượng tuy ít nhưng về chất lượng thực tế đã được chứng minh bằng kết quả hoa sai quả ngọt, chắc chắn sang những năm tới kết quả này sẽ được nhân lên. Người dân đã thực sự tin tưởng và làm theo các tiến bộ kỹ thuật của dự án.

Song song với trồng mới, dự án đã tập trung tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cải tạo vườn tạp cho nông dân. Đến

nay khu vực Bản Lếch cường, Lếch cang đã có vườn cam trĩu quả, tuổi cây hơn chục năm. Một số vườn cam mới trồng năm 1997 - 1998 trên thực tế cho hiệu quả cao. Điển hình một vườn cam chân đồi dốc diện tích 2.500 m² với số lượng 120 cây trồng năm 1997, đến năm 2000 cho thu hoạch, mỗi cây bình quân 20 kg, năm 2001 mỗi cây cho thu hoạch 40 kg, năm 2002 mỗi cây cho thu hoạch tới 80 kg, ước tính theo giá trị tại thời điểm thu được khoảng 50 - 60 triệu đồng.

Năm 2002 được Nhà nước quan tâm đầu tư nhân dân vùng chúng tôi đã có nhân ghép mắt từ những cây được sàng lọc, tuyển chọn ngay trên đất của Điện Biên chắc chắn dần sẽ thay thế các cây nhân chất lượng kém trong khu vực.

Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi giai đoạn 1998 - 2002" đã trực tiếp đến với người nông dân. Với thực tế ở Lai Châu xã Thanh Hưng chúng tôi là một xã khó khăn về nhiều mặt, nhưng được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đầu tư các dự án giúp nông dân xóa đói, giảm nghèo. Về bản chất của nông dân là cần cù lao động, nhạy bén áp dụng các tiến bộ KHKT khi đã có kết quả thực sự thì mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

Muôm, me, khế, nhót trước kia

Đến nay thay thế quýt, cam, nhãn, hồng

Nguyện nhân kết quả đạt được

Các dự án ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất đều chú trọng chuyển giao giống mới có năng suất, chất lượng cao, tổ chức tập huấn quy trình sản xuất ngay cho nông dân tại UBND xã, xây dựng các mô hình điểm, hướng dẫn trực tiếp ngay trên đồng ruộng theo từng giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Đối với dự án phát triển cây ăn quả tập trung cho một số vườn điểm có số lượng lớn, có đánh giá kết quả của từng giai đoạn thực hiện, thông qua

đó đã giúp người dân nắm được kiến thức cơ bản về trồng trọt, sử dụng giống trong thực tiễn sản xuất. Trong trồng trọt không thể bỏ qua những yếu tố cần thiết đó là thời vụ, tỷ lệ mật độ của từng loại cây trồng, hiệu ứng tiếp thu ánh sáng quang hợp, trong việc chăm bón kịp thời đủ chế độ cho cây trồng và cuối cùng là công tác bảo vệ thực vật phòng trừ sâu bệnh được chú trọng quan tâm.

Tóm lại: Trong lĩnh vực nông nghiệp sản xuất trồng lúa, trồng cây ăn quả kể cả cây ngắn ngày và cây dài ngày đều cần có đầy đủ các yếu tố. Nhưng yếu tố quan trọng nhất là con người, là khoa học công nghệ. Qua các dự án, nhất là dự án xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi giai đoạn 1998 - 2002 đã có kết quả. Người trực tiếp được hưởng thành quả lao động. Những kiến thức ban đầu và kinh nghiệm của nông dân được động viên bằng nguồn thu nhập hiệu quả tính trên diện tích là sợi dây để nối dài và giữ cây đó đứng vững trên địa bàn là toàn bộ những cảm nghĩ và mong muốn của những người trực tiếp sản xuất.

Mặc dù là sản xuất thuần nông, nhưng người nông dân rất quan tâm đến chất lượng,

giá thành và hiệu quả của sản xuất. Được nhà nước đã giúp đỡ về kỹ thuật và cây giống, người dân đã đầu tư xây dựng, cải tạo các vườn cây ăn quả để tạo sản phẩm hàng hoá. Tuy nhiên người dân cũng rất quan tâm đến sản phẩm của họ làm ra có tiêu thụ được kịp thời và thuận lợi không. Khi sản phẩm của người nông dân đã thành hàng hoá rất mong được nhà nước sớm xem xét tạo điều kiện bao tiêu sản phẩm phù hợp với sản xuất, tạo đà phát triển vững chắc kinh tế xã hội ở địa phương.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự án vào điều kiện thực tế của xã Thanh Hưng. Cũng tại hội nghị này là đơn vị xã được thụ hưởng dự án, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Bộ KH-CN và Sở KH-CNMT Lai Châu, Viện Bảo vệ thực vật và các đơn vị liên quan đã tạo điều kiện cho người dân chúng tôi được tiếp thu nhanh chóng các tiến bộ khoa học kỹ thuật thâm canh cây trồng nông nghiệp, cây ăn quả... nâng cao đời sống từ chính đồng ruộng của mình. Đồng thời chúng tôi rất mong được các cấp, các ngành tiếp tục quan tâm hơn nữa giúp đỡ xã chúng tôi đẩy nhanh tiến độ xoá đói giảm nghèo trên địa bàn xã.

HIỆU QUẢ THIẾT THỰC TỪ DỰ ÁN XÂY DỰNG MÔ HÌNH TRỒNG MỚI VÀ THÂM CANH CHÈ, VẢI, NHÃN TRÊN ĐẤT ĐỒI GÒ TẠI HUYỆN PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN.

Nguyễn Đức Tấn
Chủ tịch UBND xã Phúc Thuận

Phúc Thuận là xã vùng sâu của huyện Phổ Yên, đời sống của đồng bào các dân tộc nông thôn và vùng miền núi còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, đây là xã có tiềm năng về đất gò đồi và nguồn lao động nhưng chưa có điều kiện để khai thác và sử dụng có hiệu quả. Do trình độ dân trí còn hạn chế nên hiệu quả kinh tế từ tiềm năng này còn chưa được là bao.

Từ năm 2000 - 2002, được sự quan tâm của Sở KH-CN-MT và UBND huyện Phổ Yên, xã Phúc Thuận được tham gia thực hiện dự án "Xây dựng mô hình trồng mới và thâm canh chè, vải, nhãn trên đất đồi gò tại huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên"

Xã chúng tôi đã được thực hiện 3 mô hình: Trồng chè giống mới bằng giâm cành với quy mô 7 ha, tại 113 hộ; thâm canh chè quy mô 20 ha tại 27 hộ dân; trồng vải nhãn 20 ha, tại 91 hộ dân.

Các mô hình đã trở thành những kiểu mẫu về KH-CN ở địa phương miền núi, không những mang lại giá trị kinh tế to lớn cho những hộ nông dân tham gia mà giúp cho chính quyền địa phương về kiến thức tư duy mới về quản lý phát triển kinh tế ở địa phương, giúp cho cộng đồng dân cư trực tiếp quan sát, học tập việc ứng dụng KH-CN khai thác sử dụng một cách hiệu quả trên đất gò đồi.

Trồng chè giống mới (LDP1,2) nhân giống bằng giâm cành 1 năm đã cao 50 - 70 cm, sang năm thứ 2 cho thu khoảng 7 - 10 kg chè khô/sào. Ưu điểm nhanh hơn (trồng chè hạt giống cũ phải 4 - 5 năm mới cho thu hoạch), năng suất và chất lượng sản phẩm cao (giá bán gấp 1,5 lần).

Thâm canh 20 ha chè: sau 1 thời gian áp dụng quy trình kỹ thuật, năng suất chè tăng ổn định từ 50 - 70 %, có hộ từ 5 tấn tăng lên trên 7 tấn/ha, 8 tấn/ha.

Trồng 20 ha vải nhãn trên cơ sở trồng mới và cải tạo vườn tạp, trên 50% số cây tại các hộ đã tạo ra hoa, bói quả, chắc chắn năm nay cho thu hoạch.

Trong hội thảo hôm nay, tôi vinh dự được đại diện cho nhân dân xã Phúc Thuận được mời tham dự, với suy nghĩ của người dân tham gia xây dựng các mô hình tôi có một số ý kiến sau:

Đây là lần đầu tiên nhân dân Phúc Thuận được tham gia 1 dự án có quy mô lớn hơn và tổ chức chặt chẽ nhất, mang lại hiệu quả KT-XH lớn cho địa phương. *Người dân tham gia được thụ hưởng rất lớn từ mô hình dự án như sau:*

1. Những tiến bộ kỹ thuật và cách thức chuyển giao phù hợp năng lực của người dân:

Được tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật rất cụ thể theo cách thức phù hợp với sự tiếp thu của người dân ở nông thôn miền núi, cho nên tại các hộ thực hiện các công nghệ mới áp dụng đều kết quả (những năm trước tại xã đã thử nghiệm trồng 1 ha chè giâm cành không thành công).

Từng bước một, các đồng chí cán bộ đi triển khai dự án xuống tận từng hộ khảo sát tiềm năng kinh tế, đất đai. Từ đó cùng gia đình lựa chọn tham gia mô hình gì (chè, vải, nhãn) và áp dụng theo công nghệ nào. Tiếp đó các hộ dân được lựa chọn tham gia dự án được mời đi tham dự các buổi học tập, nghe

phổ biến những kiến thức cơ bản về quy hoạch cây ăn quả; về giống chè và kỹ thuật giâm chè; trồng và thâm canh chè đạt năng suất cao; cải tạo nương chè năng suất thấp; kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc vải nhãn. Ngoài ra, còn được nghe phổ biến những quy định cụ thể khi các hộ gia đình được tiếp cận dự án đầu tư, biết được gia đình được hưởng lợi gì và trách nhiệm ra sao. Tại các buổi tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, các đồng chí cán bộ kỹ thuật phổ biến hướng dẫn chu đáo, tỉ mỉ từng khâu: quy hoạch nương chè, đào rạch trồng chè, bón lót, trồng cây phân xanh, cây che bóng, năm thứ nhất, năm thứ hai (giai đoạn chè kiến thiết cơ bản) thì chăm sóc ra sao, tạo tán chè, hái và phòng trừ sâu bệnh như thế nào; quy cách đào hố trồng cây ăn quả, trồng và chăm sóc,... hết sức cặn kẽ. Bên cạnh giờ giảng lý thuyết, các cán bộ chuyển giao còn hướng dẫn thực hành cho bà con rất chu đáo. Sau mỗi buổi học tập về bà con nông dân đều thu nhận được những kiến thức ở lớp nên rất phấn khởi và tin tưởng vào sự thành công của dự án. Trong quá trình triển khai các công đoạn như: đào rạch, đào hố, ... các cán bộ kỹ thuật đều luôn bên cạnh bà con kiểm tra xem đã thực hiện đúng quy cách chưa rồi mới cho thực hiện các công đoạn sau. Trong thâm tâm của mỗi người đều cảm nhận rằng đây là một dự án đem lại lợi ích lớn cho chính mình.

Sau mô hình mọi người đã nắm vững kiến thức KHKT để chủ động trong việc sản xuất và phổ biến giúp đỡ bà con hàng xóm. Ngay từ khi mô hình được một năm đã có rất nhiều hộ yêu cầu được áp dụng sản xuất, UBND xã đề nghị đã được Dự án cho phát triển thêm 6 ha nữa.

2. Về cơ chế đầu tư của dự án là phù hợp với khả năng đối ứng sản xuất của nông dân.

Phần lớn đầu tư của dự án gồm: toàn bộ giống (bầu chè, vải, nhãn); phân bón (đạm, lân, kali, vôi, phân hữu cơ); hạt cây

phân xanh, thuốc bảo vệ thực vật, cây bóng mát,... Các loại vật tư này chúng tôi đều được nhận lại các xóm đầy đủ, kịp thời và đảm bảo chất lượng. Đặc biệt là cây giống thì dự án đã cung cấp cho chúng tôi rất đúng thời vụ, trong quá trình vận chuyển có cây nào bị hư hại đều được cán bộ kỹ thuật đổi cho những cây khác có chất lượng đảm bảo.

Bà con nông dân đối ứng đất đai, công lao động. Quá trình chăm bón kể cả liều lượng và cách bón đều được cán bộ kỹ thuật hướng dẫn giám sát kiểm tra, tránh việc dùng phân bón của dự án đem chăm cho các cây trồng khác. Với sự chỉ đạo sát sao, hướng dẫn bài bản chu đáo của các cán bộ dự án người dân càng được khẳng định niềm tin và nhiệt tình bỏ công sức của mình để đóng góp vào sự thành công của dự án. Họ không quản nắng mưa chăm chút cho khu vườn nhà mình ngày thêm tươi tốt để đáp lại sự hỗ trợ của dự án đem lại. Biết mình đang sử dụng đất đai đúng hướng càng thấy tin tưởng những người đã giúp mình làm nên khuôn viên tươi mát của gia đình.

Chính sách thu hồi kinh phí đầu tư trực tiếp cho mô hình (30% giống cây, 60% vật tư thâm canh chè) là hợp lý để gắn thêm trách nhiệm của người nông dân với dự án, và cũng là đảm bảo công bằng trong dân cư.

3. Tác động của dự án làm thay đổi cách nghĩ, tập quán cũ để phát triển sản xuất ở địa phương:

Trước đây, chúng tôi vẫn trồng chè nhưng chỉ bằng hạt và cũ ở địa phương, thời gian để cho thu hoạch rất lâu. Nay được tiếp cận với công nghệ mới, trồng chè bằng giống cành giâm, chỉ sau 2 năm đã cho thu hái (theo quy trình kỹ thuật) và với giống chè mới LDP1, LDP2. Ngay từ đầu, nhiều bà con vẫn còn hơi lo ngại, chưa dám tin vào cái mới, nhưng đến nay sau 2 năm những lô chè trồng mới đã cho thu hái với năng suất 1,2 - 1,5 tấn/ha, giá bán lại cao hơn hẳn so với chè giống cũ, nên các hộ dân rất phấn khởi. Nhiều hộ không trong danh sách tham gia

cũng tự học hỏi các hộ đã trồng để triển khai cách làm mới ở gia đình mình.

Sau gần 2 năm tham gia dự án, các hộ dân tham gia dự án trong xã chúng tôi đều rất phấn khởi và hoàn toàn tin tưởng vào hiệu quả mà dự án đã và sẽ mang lại, có nhiều mô hình điển hình: chè trồng mới 7 ha đã bước đầu cho thu hoạch, 30 ha chè sau cải tạo đã nâng cao năng suất từ 50 - 70%, 6.600 cây vải Thanh Hà và nhãn Hương Chi 24 tháng tuổi, đến nay hơn 50% số cây đã ra hoa. Mặc dù mới chỉ có một số dân trong xã được tham gia dự án, nhưng đây sẽ là những

hạt nhân để phổ biến những tiến bộ khoa học kỹ thuật đến toàn xã nói riêng và huyện, tỉnh nói chung.

Chúng tôi, những người dân hiện đang sinh sống ở các xã vùng sâu của miền núi nên rất có ít điều kiện tiếp cận với những khoa học kỹ thuật mới, chúng tôi tha thiết được các cấp lãnh đạo từ TW đến địa phương tạo điều kiện để chúng tôi có cơ hội được tiếp nhận nhiều dự án phát triển kinh tế xã hội khác nhằm làm cho dân giàu hơn và nông thôn trù phú hơn.

MỘT SỐ SUY NGHĨ CỦA NGƯỜI DÂN XÃ HƯƠNG GIÁN VỀ DỰ ÁN CUNG CẤP NƯỚC SẠCH

Nguyễn Xuân Vê

Chủ tịch UBND xã Hương Gián - Huyện Yên Dũng

Hương Gián là xã miền núi thuộc huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang, nằm cách thị xã Bắc Giang 7,5 km về phía Đông bắc. Xã Hương Gián phía Nam giáp sông Thương, phía tây giáp xã Tây Tiến, phía Bắc giáp xã Đình Ké, phía Đông Bắc giáp xã Tân An và phía Đông giáp xã Xuân Phú. Xã Hương Gián có tổng diện tích là 863 ha, dân số năm 2002 gần 9.000 người. Nằm trong khu vực bán sơn địa. Hương Gián gồm 10 thôn, các thôn chủ yếu nằm trên khu vực đất cao. Khí hậu ở đây thuộc khí hậu trung du, hướng gió thay đổi theo mùa, lượng mưa trung bình hàng năm trên 2000 mm. Hương Gián là một xã tương đối đông dân, là địa phương có truyền thống cách mạng và là một trong những cơ sở hoạt động đầu tiên của đảng tại tỉnh Bắc Giang. Nghề chính của nhân dân xã Hương Gián là sản xuất nông nghiệp (97% số dân làm nghề nông), 100% số hộ gia đình có điện dùng, có 4 trạm biến áp hạ thế từ 6 KV với tổng công suất là 630 KVA.

Do đặc điểm cấu tạo địa tầng việc khoan giếng khai thác nước ngầm ở đây không thuận lợi như ở vùng đồng bằng. Về mùa mưa các cơn thôn vùng trũng nước bắn ngập xung quanh, làm ô nhiễm giếng đào của nhân dân. Về mùa khô các giếng lại cạn nước. Xã Hương Gián lại nằm ở lưu vực sông Thương so với thị xã Bắc Giang vì vậy có nhiều khả năng một số hoá chất độc hại trong nước thải từ Công ty phân đạm và hoá chất Hà Bắc, điều này được nhân dân trong vùng xác nhận qua việc tôm cá chết nổi lên. Vấn đề nước sinh hoạt trở nên rất cần thiết và cấp bách để cải thiện đời sống nhân dân xã Hương Gián.

Trong thời gian từ năm 1997 đến 2001, được sự quan tâm của Bộ khoa học và Công nghệ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về nước sạch vệ sinh môi trường, UBND tỉnh Bắc Giang, Sở KH-CN-MT thực hiện dự án cung cấp nước sạch tại xã Hương Gián huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang. Tháng 11 năm 2001 dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Sự thành công của dự án là niềm mong mỏi từ bao đời của người dân trong xã và cũng là điều kiện cần thiết để người dân Hương Gián từng bước tiếp cận văn minh, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

1. *Khái quát về dự án*

Dự án cung cấp nước sinh hoạt nông thôn tại xã Hương Gián huyện Yên Dũng được triển khai thực hiện từ năm 1997. Nhưng do những khó khăn về nguồn vốn nên phải thực hiện kéo dài, chia thành 2 giai đoạn và kinh phí cũng được cấp từ 2 nguồn khác nhau. Tổng kinh phí sự nghiệp khoa học đầu tư cho dự án là 1.330 triệu đồng, trong đó kinh phí từ Ban chỉ đạo quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường là 630 triệu đồng để phục vụ thiết kế, chế tạo và lắp đặt hệ thống xử lý.

Mục tiêu của dự án là khoan thăm dò tìm kiếm nguồn nước, xây dựng hệ thống xử lý và cấp nước sinh hoạt quy mô tập trung, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt đạt các tiêu chuẩn vệ sinh cho 2/3 dân số của xã Hương Gián thuộc các thôn: Lạc Gián, Hãn, Can, Chanh, Áng, Đông. Đào tạo lập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành và quản lý hệ thống cấp nước sinh hoạt để đảm bảo hệ thống được sử dụng một cách có hiệu quả và lâu bền.

Tiến độ của dự án được chia làm 2 giai đoạn: Giai đoạn I thực hiện từ năm 1997 đến năm 1999, gồm khảo sát, thăm dò, khoan giếng, thiết kế, chế tạo và mua thiết bị xử lý nước. Giai đoạn II thực hiện từ năm 2000 đến năm 2001 gồm: lắp đặt hệ thống ống dẫn nước, đường điện cấp cho trạm xử lý, đào tạo tập huấn, hướng dẫn sử dụng, vận hành cho cơ sở.

Hệ thống vật tư thiết bị dự án gồm: Hệ thống 2 giếng khoan với công suất bơm $14\text{m}^3/\text{h}$, hệ thống tuyến ống nhựa HDPE vận hành và tuyến ống dẫn nước chính tới 6 thôn dài trên 10.000m, hệ thống điện trong và ngoài trạm bơm, hệ thống trạm xử lý nước gồm các tháp ô xy, tháp điều hoà, hệ thống lọc nổi, hệ thống lọc cát, bể chứa, các động cơ...

Sau hơn 3 năm triển khai thực hiện, ngày 15/11/2001 Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã phối hợp với Trung tâm phát triển công nghệ cao - đơn vị chuyển giao công nghệ, UBND xã Hương Gián tiến hành tổ chức lễ khánh thành trạm cấp nước sinh hoạt xã Hương Gián - huyện Yên Dũng, với sự chứng kiến của lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ, lãnh đạo UBND tỉnh Bắc Giang, một số cơ quan chức năng trung ương và tỉnh. Ngay sau khi công trình hoàn thành, 80 hộ gia đình đã bỏ kinh phí để lắp đặt đường ống nước từ trực chính vào nhà để sử dụng nước sạch và tính đến cuối năm 2002 đã có trên 300 hộ và đơn vị trong xã có nước sạch để sử dụng (chiếm khoảng 25% số dân trong vùng dự án). Kết quả phân tích chất lượng nước đã qua xử lý của Trung tâm Y tế dự phòng Hà Nội cho thấy mẫu, mùi, vị độ pH, độ trong, nitrat, Amoniac, phốt phat, sắt, vi khuẩn gây bệnh... đảm bảo tiêu chuẩn cho phép.

2. Suy nghĩ chính quyền và nhân dân xã Hương Gián.

Sau hơn 3 năm thực hiện dự án, tuy có thời gian gián đoạn do thiếu nguồn kinh phí song với sự nỗ lực cố gắng của Sở KH-CN-MT, Trung tâm phát triển công nghệ cao, sự phối hợp chỉ đạo chặt chẽ của UBND huyện Yên

Dũng, Đảng bộ, chính quyền xã cùng toàn thể nhân dân xã Hương Gián, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung đã được hoàn thành. Đây là công trình rất thiết thực với nhân dân xã Hương Gián, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước ta trong sự nghiệp CNH - HĐH nông nghiệp nông thôn miền núi. Ngoài ra công trình còn rất có ý nghĩa quan trọng về mặt xã hội, góp phần vào việc bảo vệ sức khỏe nhân dân, đánh dấu một bước phát triển mới của nhân dân xã Hương Gián.

Việc thực hiện dự án cũng đã tạo được cho Hương Gián một đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý có đủ năng lực vận hành và quản lý có hiệu quả một hệ thống cấp nước tập trung quy mô xã.

Nhân dân xã Hương Gián đã tích cực đóng góp hàng ngàn ngày công để thi công hệ thống dẫn nước. Đây là kết quả có ý nghĩa của công tác phát huy nội lực, huy động sự đóng góp của người dân cho thực thi dự án.

Trong thời gian thực hiện dự án, được sự quan tâm của Sở KH-CN-MT, Ban chỉ đạo dự án được thành lập, trong đó có mặt của Đảng uỷ và UBND xã Hương Gián tham gia làm thành viên ban chỉ đạo. Định kỳ hàng tháng Ban chỉ đạo họp, để bàn bạc thống nhất cách tổ chức, phối hợp tháo gỡ các khó khăn và xử lý các vấn đề phức tạp nảy sinh trong quá trình triển khai. Đây là điều kiện thuận lợi, để chính quyền xã Hương Gián nắm bắt kịp thời mọi vấn đề tổng hợp trong quá trình triển khai thực hiện dự án, hướng dẫn nhân dân có ý thức tham gia giữ gìn bảo vệ vật tư thiết bị của dự án.

Chủ tịch UBND xã được Ban chỉ đạo đã phân công, chịu trách nhiệm tổ chức tiếp nhận dự án, lựa chọn cán bộ kỹ thuật để cử đi đào tạo vận hành và quản lý hệ thống cấp nước và tổ chức để nhân dân đào rãnh đặt ống nước, bảo vệ toàn bộ trang thiết bị của hệ thống cấp nước. Do có sự phối kết hợp tốt giữa Sở KH-CN-MT, cơ quan chuyển giao công nghệ, chính quyền địa phương và ý thức

của người dân tham gia thực hiện dự án, nên trong quá trình triển khai dự án cơ bản mọi việc đều diễn ra thuận lợi, dự án được hoàn thành đúng tiến độ, mục tiêu và nội dung đặt ra.

Tính đến nay, sau thời gian hơn 1 năm công trình được bàn giao và đi vào sử dụng, chất lượng nước vẫn đảm bảo ổn định, tâm lý các hộ sử dụng rất yên tâm, phấn khởi.

Tuy nhiên, sau khi bàn giao đưa vào sử dụng, vẫn còn một số vấn đề nảy sinh cần bàn bạc giải quyết như số hộ đăng ký sử dụng nước sạch có tăng nhưng chậm, dự án vẫn chưa sử dụng hết công suất thiết kế.

Nguyên nhân các hộ chậm tham gia mắc nước được xác định như sau:

Thứ nhất, do hệ thống nước sạch thời gian vận hành mỗi ngày chỉ được từ 1 đến 2 tiếng vào các giờ cố định, vì thế các hộ chủ động bỏ kinh phí xây bể chứa, bên cạnh đó nhân dân phải tự đầu tư đường ống từ trục chính vào gia đình, đầu tư đồng hồ, van, cút, ... nên một số hộ chưa đủ kinh phí để thực hiện.

Thứ hai, do điều kiện thực tế của xã Năm 2002 được Nhà nước cho phép đầu tư xây dựng tuyến đường liên xã từ Hương Gián

đi Kế. Trong quá trình thi công tuyến đường, hệ thống tuyến ống dẫn nước chính phải đào lên, di chuyển. Đây cũng là nguyên nhân làm chậm việc mắc nước tới các hộ.

Thứ ba, do UBND xã còn gặp nhiều khó khăn về tài chính, nên chưa có điều kiện hỗ trợ các hộ kinh phí để thực hiện. Thông qua việc tuyên truyền hướng dẫn người dân sử dụng nước sạch vẫn còn một số hộ có tư tưởng trông chờ xem người khác sử dụng như thế nào thì mới tham gia.

3. Một số đề nghị

Để dự án phát huy hiệu quả tích cực hơn, số hộ có nước sạch sử dụng nhiều hơn, phát huy tối đa công suất thiết kế của dự án. Chính quyền và nhân dân xã Hương Gián mong nhận được sự quan tâm của Bộ KHCN, UBND tỉnh và các cơ quan hữu quan, tiếp tục đầu tư thêm về kinh phí mở rộng xây dựng tuyến ống dẫn nước chính đến 4 thôn còn lại và hỗ trợ một phần kinh phí để giúp đỡ các hộ thực sự khó khăn về tài chính không thể tự đầu tư tuyến ống nhánh về đến gia đình.

Xin trân trọng cảm ơn!



*Bộ phận ly tâm nước, cắt thô
xưởng chế biến chè đẳng Cao Bằng*



Ban chỉ đạo chương trình đi khảo sát thực tế tại Hà Tĩnh



*Trao đổi kỹ thuật trong phòng nuôi cấy mô tế bào thực vật
thành phố Hải Phòng*

SUY NGHĨ CỦA NGƯỜI DÂN XÃ LỘC THÀNH TỈNH BÌNH PHƯỚC

Trần Văn Sửu
Bí thư Đảng uỷ xã Lộc Thành

Lộc Thành là xã dân tộc miền núi, nằm ở phía Tây nam huyện Lộc Ninh, có đường biên giới với nước bạn CPC (Căm - Pu - Chia) dài 29,7 km, xã có khu di tích lịch sử Tà Thiết "Căn cứ quân uỷ - Bộ tư lệnh giải phóng miền nam Việt Nam", và là "Căn cứ Bộ chỉ huy chiến dịch HCM" trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Xã có 9 ấp gồm 4 ấp chủ yếu là người kinh; 5 ấp chủ yếu là người dân tộc sinh sống. Toàn xã có 1.058 hộ/6.129 nhân khẩu, 3.693 lao động. Diện tích tự nhiên là 17.768,4 ha; trong đó đất nông nghiệp là 3.081,5 ha. Trình độ dân trí của xã nhìn chung còn thấp, chưa có trường cấp II, nên việc tiếp thu khoa học kỹ thuật còn nhiều hạn chế. Đời sống nhân dân chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi gồm các loại cây: điều, tiêu, lúa nước và các loại con gồm: trâu, bò, heo và gia cầm, chủ yếu bằng giống địa phương nên sản lượng và năng suất thấp. Xã thuộc diện nghèo và khó khăn.

Được sự quan tâm của Sở KHCNMT và UBND tỉnh Bình Phước, Bộ KHCN đã chọn xã Lộc Thành để thực hiện dự án "Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để phát triển kinh tế tại xã miền núi". Cán bộ và nhân dân xã Lộc Thành rất phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo, quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với vùng sâu vùng xa ít có điều kiện tiếp cận khoa học kỹ thuật, đặc biệt đối với bà con dân tộc ít người. Dự án trên đã hỗ trợ tích cực cho xã Lộc Thành phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn tại địa phương.

Tôi xin thay mặt cho cán bộ và nhân dân xã Lộc Thành phát biểu một số suy nghĩ, cảm tưởng của đông đảo nhân dân đối với dự án:

1. Dự án đã đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên nông cốt cho xã.

Năm 1999 xã đã lập chương trình thực hiện chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo của Chính Phủ đến năm 2000 và những năm tiếp theo gồm 9 giải pháp cơ bản, chia làm 3 nhóm: Nhóm cấp bách, nhóm cơ bản lâu dài và nhóm phát huy nội lực.

Căn cứ tình hình đặc điểm của địa phương, giải pháp khuyến nông được xác định là giải pháp vừa cấp bách, vừa lâu dài của xã. Trong quá trình thực hiện Sở NN&PTNT tỉnh, phòng NN&PTNT huyện đã tích cực hỗ trợ cán bộ kỹ thuật mở lớp khuyến nông và cấp giống cây trồng. Xã đã thành lập Câu lạc bộ khuyến nông, song mọi cố gắng nỗ lực vẫn chỉ tạm dừng lại ở mức: Tập huấn 1 ngày cho 1 loại cây trồng hoặc vật nuôi, cấp tài liệu bướm, cấp một số cây, con giống cho hộ dân nghèo.

Việc làm của dự án có tính khoa học tích cực hơn đó là: Cán bộ của Trường đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành khảo sát, chọn mô hình, triển khai dự án, phân công cán bộ kỹ thuật theo dõi, chỉ đạo liên tục, tập huấn kỹ thuật, xử lý dịch bệnh, sơ kết từng giai đoạn, từng mô hình.

Dự án không những hạn chế được những mặt yếu trước đây địa phương chưa khắc phục được mà còn giúp cho địa phương đào tạo 14 kỹ thuật viên (8 kỹ thuật về thú y, 6 kỹ thuật về cây trồng) với thời gian thích hợp, nắm vững kỹ thuật cần thiết phục vụ cho cây trồng, vật nuôi ở địa phương. Hiện nay số kỹ thuật viên đã giúp cho xã thành lập được ban thú y gồm: 9 đồng chí và bổ sung vào Câu lạc bộ khuyến nông ngày càng đông. Nhiều kỹ thuật viên trước khi có dự án chỉ

chăn nuôi ở mức tự cung tự cấp. Nay do được học tập trang bị kiến thức đã chuyển chăn nuôi theo hướng hàng hoá, có một số hộ đã chăn nuôi thuộc loại trang trại nhỏ (20 - 25 con heo thịt, 2-3 heo nái). Ngoài ra, dự án đã tập huấn gần 600 lượt hộ nông dân về kỹ

thuật chăm sóc cây trồng, vật nuôi, lực lượng kỹ thuật viên tích cực phổ biến theo dõi trên địa bàn được phân công, nên các dịch bệnh xảy ra đã kịp thời phát hiện để nghị các cấp xử lý, tránh được thiệt hại cho nhân dân đến mức thấp nhất.

SUY NGHĨ CỦA NGƯỜI DÂN SAU KHI DỰ ÁN "ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT NGHỀ VƯỜN XÃ NHÂN NGHĨA, HUYỆN LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI" ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

**Ông Nguyễn Đắc Kháng
Chủ tịch UBND xã Nhân Nghĩa**

Đại diện cho địa phương xã Nhân Nghĩa, tôi xin có một số ý kiến tham luận về tình hình thực hiện dự án "Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nâng cao hiệu quả sản xuất nghề vườn ươm xã Nhân Nghĩa, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai" như sau:

Về việc tổ chức thực hiện dự án:

Theo tinh thần Nghị quyết 22/TW của Bộ chính trị về phát triển kinh tế xã hội miền núi, Nghị quyết TW lần 5 về phát triển kinh tế xã hội nông thôn và Nghị Quyết số 1075/QĐ-KH của Bộ KHCNMT ngày 14/8/1997 về chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi, xã Nhân Nghĩa chúng tôi rất vinh dự là địa bàn được áp dụng thực hiện dự án "Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nâng cao hiệu quả sản xuất nghề vườn ươm xã Nhân Nghĩa, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai"

Việc tổ chức thực hiện dự án đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chuyển giao kỹ thuật (Trung tâm nghiên cứu cây ăn quả miền Đông Nam Bộ), cán bộ địa phương (huyện, xã) và nông dân trong địa bàn.

Việc xác định đối tượng tham gia các nội dung của dự án đều có sự thống nhất giữa địa phương - nông dân và cán bộ kỹ thuật. Do đó đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật vừa đáp ứng được yêu cầu nguyện vọng của người dân địa phương.

Cán bộ kỹ thuật của Cơ quan chuyển giao đã bám sát địa bàn thực hiện các nội dung dự án khá nhiệt tình. Mặc dù thời tiết năm 2001 và năm 2002 diễn biến khắc nghiệt, mùa khô kéo dài đặc biệt mùa khô năm 2002 khiến nhiều vườn cây bị thiếu nước thậm chí nước sinh hoạt cũng thiếu, ngoài ra còn xuất hiện dịch bệnh làm hạn chế về sinh

trưởng và năng suất cây trồng, các cán bộ kỹ thuật đã có mặt thường xuyên trên địa bàn xã hàng tuần để theo dõi bám sát thực hiện, giải quyết các khó khăn, hướng dẫn nhà vườn khắc phục tình huống, đảm bảo cho cây trồng trong mô hình và của xã nói chung phát triển tốt.

Về khối lượng công việc và kết quả đã thực hiện được một số nội dung sau:

- Xây dựng các mô hình trồng mới, thâm canh cải tạo (sầu riêng, cà phê và cây tiêu).

- Chuyển giao giống tốt và kỹ thuật ghép chuyển đổi giống nhanh trên địa bàn.

- Tập huấn và chuyển giao kỹ thuật (cho cây sầu riêng, cà phê, tiêu và kỹ thuật lắp đặt hệ thống tưới tiết kiệm nước).

- Nội dung về lắp đặt các hệ thống tưới tiết kiệm nước trong các mô hình trên.

Nhìn chung, các kỹ thuật của dự án đã được đông đảo nhân dân ủng hộ và làm theo. Việc đăng ký thực hiện các mô hình thâm canh, tham gia tập huấn kỹ thuật canh tác... được đông đảo các nhà vườn tham gia và phong trào thâm canh tăng năng suất cho vườn cây trên địa bàn diễn ra rầm rộ hơn trước.

Đánh giá thực hiện dự án:

Hiện trạng về phong trào làm vườn trước khi thực hiện dự án cho thấy:

- Việc đầu tư thâm canh tăng năng suất trước đây chưa được bà con nông dân chú trọng.

- Dịch bệnh trên một số loại cây đặc biệt là sấu riêng xảy ra khá phổ biến và việc phòng trừ của nông dân hiệu quả còn thấp.

- Tỷ lệ vườn tạp chiếm khá lớn, việc phát triển các giống chất lượng cao và thích nghi tốt trên địa bàn chưa được bà con nông dân quan tâm nhiều (cây trồng chủ yếu nhân giống bằng hạt, bị phân ly và phẩm chất kém).

Sau khi thực hiện dự án, phong trào làm vườn của xã đã có một số diễn biến tích cực:

- Việc cải tạo vườn tạp, áp dụng giống tốt đã được nông dân chú ý và quan tâm thực hiện. Thông qua một số giống cây trồng được chuyển giao của dự án, cùng với việc thực hiện các mô hình đã được nông dân tham quan làm theo và mang lại hiệu quả cao.

- Từ bộ giống đã được chuyển giao cùng với một số giống giới thiệu thông qua tập huấn là nguồn vật liệu quý để chúng tôi phát triển ngành làm vườn. Đặc biệt với kỹ thuật ghép chuyển đổi giống nhanh trên cây sấu riêng, chôm chôm... được áp dụng thì số lượng cây giống sẽ được nhân lên rất lớn.

- Việc tập huấn kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh đã giúp bà con nông dân áp dụng có hiệu quả (đặc biệt trên cây sấu riêng) và tình trạng dịch bệnh đã giảm đi khá nhiều trên địa bàn. Áp dụng kỹ thuật tiêm chích *Phosphonate* cho sấu riêng trong đó dùng ống tiêm cải tiến đã mang lại hiệu quả và tiết kiệm chi phí (ống tiêm của Úc 60.000 đồng/cái, trong khi dùng ống tiêm cải tiến chỉ tốn khoảng 7.000 đồng/cái).

- Bà con nông dân (đặc biệt là các hộ tham gia thực hiện mô hình) đã có thêm một số vật tư vật liệu được dự án đầu tư. Đây là niềm phấn khởi lớn của nông dân. Những mô hình trên đã khởi đầu tốt và là nền móng cho phong trào phát triển nghề vườn của chúng tôi.

- Thông qua các lớp tập huấn đã giúp nông dân học hỏi và nhận thức rõ từng khâu trong quá trình canh tác. Và trên cơ sở những

quy trình kỹ thuật đã chuyển giao đặc biệt là các mô hình được nông dân làm theo ngày càng nhiều, từ đó năng suất, hiệu quả kinh tế tăng lên và theo tôi nghĩ sẽ được nhân lên hơn nữa sang các địa phương lân cận.

- Giải quyết việc làm cho nông dân, góp phần xoá đói giảm nghèo đồng thời bà con cũng được tiếp cận với khoa học kỹ thuật tuy những kỹ thuật không phải là hiện đại nhưng là những tiến bộ kỹ thuật đã được khẳng định và là mới đối với bà con nơi đây.

Một số đề xuất thông qua dự án.

1. Theo tôi nghĩ giống tốt là quan trọng. Và nhu cầu cải tạo vườn tạp trên địa bàn là cần thiết, chúng tôi đang cần số lượng lớn giống tốt. Thông qua dự án này có thể cho phép được nhân rộng các giống đã chuyển giao trên địa bàn, theo tôi nghĩ đây là nguồn nguyên liệu rất quý.

2. Phát triển thâm canh tăng năng suất dựa trên những quy trình của dự án đồng thời phải có chính sách giải quyết đầu ra sản phẩm (giữ giá ổn định) để bà con yên tâm sản xuất.

3. Do đa số bà con thiếu vốn đầu tư nên để đảm bảo tốt cho việc lập vườn thì chúng tôi rất cần chính sách cho vay ưu đãi đối với vùng nông thôn miền núi trong thời kỳ kiến thiết cơ bản để lập vườn.

Việc phát triển nghề vườn trên địa bàn xã Nhân Nghĩa là rất quan trọng và cần thiết. Chúng tôi xin cảm ơn Đảng, Nhà nước và các đơn vị thực hiện dự án. Mong rằng sẽ có thêm nhiều dự án như thế cho vùng nông thôn miền núi của chúng tôi để xã Nhân Nghĩa phát triển hơn, theo kịp các vùng khác.



Mô hình nuôi gà thả vườn tại Thái Nguyên



Nhà bán xạ trong dự án nuôi cấy mô tế bào thực vật tại Hải Phòng



Cán bộ kỹ thuật đang vận hành máy bơm nước tại xã Hương Gián

KINH NGHIỆM QUẢN LÝ, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN

**MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÁC DỰ
ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN
1998 - 2002 Ở THÁI NGUYÊN**

TS. Phạm Văn Tân

Giám đốc SKHCNMT Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên đã được Bộ KH&CN cho phép triển khai 4 dự án thuộc Chương trình Nông thôn Miền núi.

Qua hơn 2 năm thực hiện, các dự án đã triển khai tốt, mang lại kết quả cao, đạt được các mục tiêu của Chương trình đề ra. Đa số các mô hình đã khẳng định tính phù hợp và khả năng nhân rộng cho các vùng có điều kiện sinh thái tương tự, góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng suất, chất lượng, đa dạng hoá các sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi, nâng cao đời sống cho người nông dân, góp phần tăng trưởng kinh tế ở địa phương. Các dự án NTMN đã thực hiện xây dựng 12 mô hình trình diễn về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật - khoa học công nghệ, trong đó có 6 mô hình về kỹ thuật canh tác, giống mới đối với lúa, chè, cây ăn quả, lâm nghiệp, tổng diện tích là 190 ha; 5 mô hình về kỹ thuật chăn nuôi, giống con mới, thú y với quy mô ở 11 xã, phường, tạo ra gần 15.000 con gà, lợn, hàng ngàn con gà giống và hàng trăm thùng ong; một mô hình trạm cấp nước sạch cho 194 hộ dân (có thể mở rộng đến 600 hộ). Tổng số hộ nông dân tham gia các mô hình hơn 1.300 hộ của 3 huyện và 1 thị xã. Các mô hình trình diễn ngoài việc đã tạo ra một khối lượng sản phẩm lớn có ý nghĩa kinh tế mà còn đào tạo, huấn luyện trang bị kiến thức quản lý và KHCN cho hàng chục cán bộ cơ sở, hàng ngàn nông dân.

Đã có 5 cơ quan KHCN tham gia chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật thực hiện xây dựng 12 mô hình của các dự án.

Từ thực tế xây dựng thành công những mô hình ứng dụng KHCN các dự án, rút ra một số vấn đề về triển khai dự án ở cơ sở như sau:

1. Về cách thức tổ chức:

Việc lựa chọn địa bàn triển khai và các hộ tham gia là tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, chủ yếu là căn cứ vào nguyện vọng của người dân đề xuất của chính quyền UBND và các tổ chức đoàn thể ở huyện và xã, nhưng phải là địa bàn có thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cũng như trình độ, năng lực của những người tham gia dự án. Đối với việc lựa chọn hộ, nếu với quan điểm là dự án xoá đói giảm nghèo thì khả năng thành công của dự án đạt được mục tiêu của Chương trình rất thấp, bởi vì: đối với các hộ nghèo đói không có khả năng đối ứng về vốn, tư liệu sản xuất và đặc biệt là về tiếp thu và ứng dụng TBKT, do đó tiêu chí chọn hộ căn cứ vào: khả năng tiếp thu, phát triển KHCN và phải những hộ có điều kiện kinh tế từ mức trung bình trở lên. Về số hộ trong 1 mô hình: quy mô số hộ là tùy thuộc vào thực tế (quy mô mô hình) có thể lên đến trăm hộ để tăng sức lôi kéo của dự án cũng như tạo điều kiện để nhiều người dân được tiếp cận với các hoạt động chuyển giao KHCN.

Về số lượng mô hình dự án nếu để quá nhiều (từ 4 mô hình trở lên) việc tổ chức thực hiện rất khó khăn, đồng thời quy mô nhỏ bé sức thuyết phục không cao. Nên lựa chọn từ 1- 3 mô hình / dự án, với mức đầu tư 500 triệu đồng dự án là đảm bảo phù hợp với năng lực

quản lý, tiếp thu của địa phương và các hộ nông dân, có hiệu quả.

Việc lựa chọn công nghệ không quá thiên về các công nghệ hiện đại hoặc phải là của các cơ quan nghiên cứu trung ương, mà nên xem xét đến sự phù hợp của công nghệ và phương pháp, nội dung chuyển giao của cơ quan chuyển giao công nghệ, khả năng tiếp thu ứng dụng của địa phương. Và thời gian cho sản phẩm không quá 2 năm để có điều kiện đánh giá nghiệm thu.

Ví dụ: nghiên cứu tìm ra 1 giống mới có năng suất, chất lượng cao là của cơ quan TW, song việc xây dựng thành công mô hình trình diễn và nhân rộng sản xuất thì ngành ở địa phương và những cơ quan đã có kinh nghiệm chỉ đạo, tổ chức sản xuất thực hiện chuyển giao công nghệ sẽ thuận lợi và tốt hơn.

Phối hợp thực hiện: chặt chẽ giữa các cơ quan (Sở KH-CN-MT, cơ quan CGCN, ngành chủ quan và các cấp chính quyền địa phương (huyện, xã) và các tổ chức đoàn thể xã hội (hội nông dân, đoàn thanh niên, hội phụ nữ ... ở cơ sở) đến các hộ nông dân trong việc triển khai cũng như khi dự án kết thúc bàn giao cho cơ sở, để tạo ra năng lực nội sinh trên địa bàn thực hiện dự án. Phần lớn các công việc cụ thể như: tham gia các lớp tập huấn, tiếp nhận vật tư, giống, áp dụng quy trình kỹ thuật xây dựng mô hình đều do

cơ sở đảm nhận mà vai trò nòng cốt là các tổ chức tại cơ sở vận động, tổ chức.

2. Cơ chế đầu tư.

Dự án cần có sự hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước, nhưng tập trung vào các khâu: tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ; hỗ trợ giống, vật tư, các biện pháp đảm bảo an toàn trong sản xuất; kiểm tra, đánh giá mô hình. Để đảm bảo tính bền vững của mô hình, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ một phần nào những khâu thiết yếu, phần còn lại người dân đầu tư và thực hiện là chính.

Thực hiện thu hồi kinh phí đầu tư, đây là vấn đề cần thiết phải làm là vì: xây dựng mô hình là áp dụng những tiến bộ kỹ thuật đã được khẳng định thành công; Nâng cao trách nhiệm của người dân tham gia dự án; những ưu đãi của dự án không gây ra sự bất công bằng trong cộng đồng dân cư; có điều kiện tái đầu tư cho việc mở rộng mô hình. Ở Thái Nguyên đã thực hiện thu hồi kinh phí đầu tư của 11/12 mô hình đối với 3 dự án, mức thu hồi phụ thuộc vào mức đầu tư, thời gian và sản lượng sản phẩm của mô hình, đối với các loại mô hình lâu năm (cây ăn quả, vườn đồi rừng) là 30%, loại mùa vụ (lúa, chăn nuôi lợn, gà, thâm canh chè) từ 60 - 70% kinh phí đầu tư trực tiếp (giống, vật tư).

ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KH & CN, PHÁT TRIỂN KINH TẾ CÁC XÃ MIỀN NÚI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

KẾT QUẢ VÀ KIẾN NGHỊ

Ông Mai Đức Lộc

Phó Giám đốc Sở KHCN & MT Thành phố Đà Nẵng

Xuất phát từ tình hình thực tế trên, nhằm tạo ra bước chuyển căn bản về sản xuất nông nghiệp. Trong đó, bước đột phá là tạo điều kiện chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất tại các xã miền núi của thành phố. Được sự giúp đỡ của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) và UBND thành phố Đà Nẵng, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường thành phố Đà Nẵng đã chủ trì tổ chức, chỉ đạo thực hiện 2 dự án trong khuôn khổ Chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển KT - XH nông thôn miền núi giai đoạn 1998 - 2002:

- Dự án: *"Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi phục vụ phát triển kinh tế hộ gia đình tại xã miền núi Hoà Bắc, huyện Hoà Vang thành phố Đà Nẵng - gọi tắt là dự án NTMN Hoà Bắc"*; thời gian thực hiện 12/1999 - 2002, dự án đã được nghiệm thu cấp nhà nước tháng 4/2002.

- Dự án: *"Ứng dụng tiến bộ KH & CN xây dựng mô hình thâm canh lúa và sử dụng có hiệu quả đất dốc tại xã Hoà Phú, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng - gọi tắt là dự án NTMN Hoà Phú"*. Thời gian thực hiện từ tháng 12/2000 - 12/2002, dự án đã được nghiệm thu cấp tỉnh/thành phố tháng 01/2003 và nghiệm thu cấp Nhà nước tháng 2/2003 đạt loại khá.

1. Một số kinh nghiệm rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án

Qua việc triển khai thực hiện mô hình với những kết quả rõ rệt trong việc nâng cao đời sống nhân dân, cho thấy vai trò có tính

quyết định của kỹ thuật mới và chuyển giao kỹ thuật đó vào sản xuất trực tiếp. Nông thôn Hoà Phú, Hoà Bắc qua dự án này, có sự chuyển dịch tích cực hơn, mở ra khả năng nâng cao hiệu quả sản xuất, nhất là cây ăn quả, cây lương thực theo hướng thâm canh và cũng từ Dự án đã được sự hưởng ứng nồng nhiệt của nhân dân ở hầu khắp địa bàn, cho thấy rằng người nông dân luôn luôn sẵn lòng tiếp thu cái mới, nhất là trong việc chọn giống và các biện pháp thâm canh, miễn sao các biện pháp đó phải thực sự dễ hiểu, thiết thực và quản lý dân chủ. Qua thực tiễn triển khai các dự án có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

+ Việc lựa chọn và đưa vào mô hình các giống cây trồng, vật nuôi thích hợp và xây dựng quy trình kỹ thuật hợp lý là khâu quyết định thành công của dự án. Các tiến bộ kỹ thuật đưa vào mô hình được đánh giá và kiểm nghiệm trong thực tiễn sản xuất và phù hợp với trình độ và cơ sở vật chất của người nông dân và được họ tiếp nhận. Đồng thời, phải tạo được chuyển biến mang tính đột phá về năng suất, chất lượng đối với địa phương thì mới có khả năng thuyết phục và lan toả mô hình.

+ Xây dựng quy trình kỹ thuật hợp lý trên cơ sở có điều tra cẩn thận về các điều kiện thổ nhưỡng, thủy văn trình độ canh tác của địa phương; quy trình cần được thống nhất giữa cơ quan quản lý, cơ quan chuyển giao, đơn vị thực hiện và địa phương. Việc tổ chức triển khai cần có sự hướng dẫn cụ thể để hoàn thiện quy trình qua từng vụ, sau đó tổng kết rút ra các bước cụ thể và hoàn chỉnh

để phổ biến cho địa phương áp dụng và nhân rộng là hết sức cần thiết.

+ Chọn các hộ tham gia mô hình phải có điều kiện đảm bảo theo yêu cầu Dự án: đất đai liền vùng, liền khoảnh, có lao động và có khả năng tiếp thu quy trình, có điều kiện kinh tế nhất định. Việc này cần có sự phối hợp chặt chẽ với địa phương - đặc biệt là vai trò của UBND xã.

+ Tập huấn hướng dẫn kỹ quy trình kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật (số nông dân có điều kiện được địa phương chọn), sau đó hướng dẫn rộng rãi cho bà con tham gia dự án. Đồng thời công khai mức đầu tư của dự án để dân biết và theo dõi.

+ Trong thực tế việc bón phân đúng kỹ thuật và đúng thời điểm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quy trình sản xuất, vì vậy, nhất thiết phải có cán bộ kỹ thuật có trình độ và phân công theo dõi trực tiếp dự án.

- Việc lựa chọn đúng các giống cây trồng, vật nuôi và xây dựng quy trình kỹ thuật hợp lý là rất quan trọng. Các tiến bộ kỹ thuật đưa vào mô hình cần được đánh giá và kiểm nghiệm trong thực tiễn sản xuất và phù hợp với trình độ và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, phải tạo được chuyển biến mang tính đột phá về năng suất, chất lượng đối với địa phương thì sức thuyết phục và lan toả của mô hình mới cao.

- Quy trình kỹ thuật canh tác cần được xây dựng dựa trên kết quả điều tra kỹ về điều kiện đất đai, trình độ canh tác của nông dân, quy trình cần được thống nhất giữa cơ quan quản lý, cơ quan chuyển giao, đơn vị thực hiện và địa phương. Việc kiểm tra, theo dõi để hoàn thiện quy trình trong quá trình sản xuất là hết sức cần thiết. Đồng thời phải đảm bảo việc tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật, thường xuyên có cán bộ hướng dẫn, đặc biệt những lúc gieo sạ, bón phân, phòng trừ sâu bệnh.

- Công việc lựa chọn hộ tham gia mô hình cũng rất quan trọng. Trước hết phải có

điều kiện đảm bảo theo yêu cầu dự án có ruộng liền vùng, liền khoảnh, có lao động và có khả năng tiếp thu quy trình, có điều kiện kinh tế nhất định. Việc lựa chọn này cần có sự phối hợp chặt chẽ với địa phương.

- Trong quá trình triển khai các mô hình thâm canh lúa lạc, việc theo dõi đánh giá kỹ thuật trong từng vụ hết sức quan trọng, để làm cơ sở xác định cơ cấu giống và thời vụ chuẩn xác cho các vụ sau. Đồng thời, cần hết sức quan tâm, chú ý đến thảo luận, khuyến nghị của người nông dân, để những tiến bộ kỹ thuật mới đưa vào vừa đáp ứng yêu cầu của dự án, vừa thoả mãn tập quán tiêu dùng của nông dân. Có như vậy, tiến bộ kỹ thuật mới có thể tiếp tục được áp dụng trong sản xuất sau khi dự án kết thúc.

II. Một số đề xuất

1. Chương trình xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi có mục tiêu, nội dung thiết thực. Kết quả các mô hình trình diễn và kết quả huấn luyện, đào tạo sẽ tạo cho người nông dân khả năng tiếp thu và nhân rộng cái mới, tự họ ổn định và cải thiện đời sống.

Tuy nhiên, để đạt hiệu quả hơn cần có sự lồng ghép với các Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình Phát triển KT - XH của địa phương. Bộ Khoa học và Công nghệ cần có cơ chế thống nhất chỉ đạo chung ngay từ cấp Bộ về phương thức lồng ghép.

2. Do đặc điểm của khu vực miền Trung, các vụ sản xuất nông nghiệp trong năm bắt đầu từ tháng 11 năm trước và như vậy, công tác phải chuẩn bị tiến hành từ tháng 10 hàng năm.

Trên thực tế, Dự án Đà Nẵng được phê duyệt và ký kết hợp đồng vào sát cuối năm, nên gần như bỏ qua một vụ sản xuất lúa và cây công nghiệp ngắn ngày, bỏ qua một vụ trồng (một mùa mưa) đối với cây ăn quả. Đồng thời, việc giải ngân kinh phí hạn mức,

được cấp vào thời điểm cuối năm, hết sức khó khăn.

Do vậy, cần nghiên cứu, đổi mới quy trình thẩm định, thủ tục cấp phát (không nên cấp theo hạn mức mà cấp uỷ nhiệm chi), để làm sao các dự án có thể được triển khai ngay từ tháng 8 - 9 hàng năm, nhằm làm tốt công tác chuẩn bị cho vụ sản xuất đầu tiên.

3. Thời gian thực hiện dự án chỉ là 02 năm chỉ phù hợp với loại hình dự án chỉ triển khai các cây trồng ngắn ngày. Đối với những Dự án có mô hình chăn nuôi, cây ăn quả có thời gian thực hiện dài hơn, ít nhất là phải có được 2 lứa nuôi hoặc một lứa thu trái, thì mới có thể nói đến việc đánh giá hiệu quả của dự án, mô hình.

4. Các dự án chủ yếu triển khai ở địa bàn nông thôn, miền núi có điều kiện khá phức tạp về đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu mà không có điều kiện để điều tra toàn diện, đầy đủ được ngay từ đầu. Do vậy trong quá trình thực hiện dự án thường có một số thay đổi nội dung.

Vì vậy, việc phê duyệt Dự án cần có *khung mềm* để địa phương có thể chủ động điều chỉnh những thay đổi cần thiết mà không làm ảnh hưởng đến mục tiêu của Dự án. Tất cả là nhằm mục tiêu để Dự án đạt được kết quả tốt hơn.

5. Nên nghiên cứu xây dựng định mức chi cụ thể và phù hợp với điều kiện địa bàn nông thôn, miền núi: Mức chi công tác phí, lưu trú, thuê khoán chuyên gia, quản lý điều hành dự án..., để động viên khuyến khích cán bộ KH - CN tham gia dự án.

6. Về cách thức triển khai và quản lý dự án: Qua thực tế triển khai dự án Hoà Bắc cho thấy, cần thay đổi phương thức triển khai và quản lý dự án cho phù hợp hơn, theo hướng: Cơ quan khuyến nông của tỉnh/thành phố là đơn vị chủ trì và thực hiện dự án (đối với những Sở KHCN & MT không có Trung tâm ứng dụng KHKT) hoặc Trung tâm ứng dụng KHKT của Sở KHCN & MT (đối với những Sở KHCN & MT có Trung tâm này); cơ quan khoa học chuyên ngành là đơn vị chuyển giao tiến bộ kỹ thuật. Sở KHCN & MT tỉnh/thành phố là đơn vị quản lý dự án theo sự uỷ nhiệm của Bộ KHCN.

Theo cách làm hiện nay, Sở KHCN & MT chúng tôi vừa là cơ quan chủ trì Dự án, vừa là cơ quan quản lý dự án. Hơn thế nữa, không có lực lượng cán bộ để trực tiếp thực hiện dự án. Tất cả các nội dung của Dự án đều ký hợp đồng với cơ quan khác thực hiện. Trên thực tế Sở cũng chỉ là cơ quan chỉ đạo, điều hành và quản lý chung.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

“XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN MIỀN NÚI” Ở CAO BẰNG.

Từ năm 1998 đến nay Bộ KHCN mở chương trình “Xây dựng các mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển KTXH nông thôn và miền núi giai đoạn 1998 - 2002”. Trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có 04 dự án thuộc chương trình đã góp phần đáp ứng được nhu cầu bức xúc ứng dụng và chuyển giao KHCN phục vụ phát triển KTXH nông thôn miền núi Cao Bằng thời gian qua.

I. Những dự án thuộc chương trình “Xây dựng các mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998 - 2002” thực hiện ở tỉnh Cao Bằng.

1. Dự án: “Xây dựng mô hình sản xuất thuốc lá nguyên liệu giống mới chất lượng cao phục vụ xuất khẩu tại Cao Bằng”.

Dự án được thực hiện từ năm 1998 đến năm 2000. Cơ quan chuyển giao công nghệ là Viện Kinh tế kỹ thuật thuốc lá của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam. Có 294 hộ nông dân ở 2 xã trọng điểm thuốc lá là xã Nam Tuấn và xã Đạo Ngạn tham gia. Đất canh tác huy động là 40 ha.

Mô hình được xây dựng với những đặc điểm, tiêu chí cơ bản sau: dùng 2 giống mới K326 và C176, áp dụng triệt để những biện pháp kỹ thuật từ làm giống, đất, kỹ thuật canh tác, chăm sóc, hái, sấy ... Từ đó năng suất tăng 1,2 đến 1,5 lần (năng suất bình quân từ 8 đến 11 tạ /ha tăng lên đạt 16 - 18 tạ/ha); chất lượng tốt đạt tiêu chuẩn xuất khẩu trên 60%; thu nhập tăng hơn so với

Sở KHCNMT Cao Bằng

phương pháp truyền thống là 12 - 15 triệu đồng/ha/vụ.

Mô hình đã được đồng bào quan tâm, hưởng ứng và nay đã được nhân rộng ra tất cả các xã, huyện trồng thuốc lá của tỉnh; có thể nói rằng gần như toàn bộ diện tích trồng thuốc lá Cao Bằng đã áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mà mô hình đã trình diễn. Dự án đã được địa phương đánh giá cao và chỉ đạo mở rộng ứng dụng rộng rãi được Hội đồng nghiệm thu Bộ KHCN đánh giá xuất sắc.

2. Dự án: *Ứng dụng kỹ thuật tiến bộ xây dựng một số mô hình nông lâm nghiệp nhằm phát triển kinh tế - xã hội đồng bào các dân tộc vùng cao núi đá xã Phúc Sen (huyện Quảng Hoà), xã Đa Thông (huyện Thông Nông) tỉnh Cao Bằng.*

Địa bàn thực hiện dự án là vùng đồng bào các dân tộc vùng cao cuộc sống còn rất nhiều khó khăn, lạc hậu, dân trí thấp rất cần hướng dẫn, hỗ trợ ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông lâm nghiệp hàng ngày. Kết quả xây dựng mô hình qua hai vụ năm 2000 - 2001 và vụ năm 2001 - 2002, Viện KHKTNN (là cơ quan chuyển giao công nghệ) đã cùng Sở KHCN&MT, địa phương thực hiện dự án đã phổ biến sử dụng các giống mới là lúa: BM 9820, AYT77 và nếp N97; khoai tây: CO, VT2; đậu tương AK 06; cây ăn quả; Na dai Núi đá; cây Hoàng Bì; Hồng không hạt; lợn đực giống Landrace, lợn giống móng cái; gà Lương Phượng; hướng dẫn ứng dụng các kỹ thuật tiến bộ cụ thể trồng trong trồng lúa, khoai lang, cây ăn quả, và chăn nuôi lợn gà quy mô hộ gia đình.

Dự án đã được đánh giá là rất thiết thực với đời sống bà con nông dân vùng cao, có hiệu quả, có khả năng nhân rộng ra các vùng xung quanh góp phần xoá đói giảm nghèo cho đồng bào vùng cao.

3. Dự án: Xây dựng mô hình chế biến chè đấng, loại chè đặc sản tỉnh Cao Bằng

Cơ quan chuyển giao công nghệ là Viện Cơ điện Nông nghiệp; thời gian thực hiện dự án 2000 - 2002; Trung tâm TN&CGCN tỉnh phối hợp cùng huyện Thạch An tiếp nhận chuyển giao công nghệ.

Mục tiêu chính, nội dung chủ yếu của dự án là xây dựng được một xưởng chế biến chè đấng quy mô công suất 300 - 400 kg/ngày làm mô hình trình diễn về ứng dụng KHCN trong lĩnh vực sản xuất và chế biến nhằm khai thác triệt để thế mạnh của loại chè đặc sản tỉnh Cao Bằng.

Được cất băng khánh thành đi vào hoạt động ngày 29/12/2001 đến nay. Xưởng chế biến chè đấng Cao Bằng thu mua trên 20 tấn nguyên liệu, chế biến sản xuất được 50000 hộp chè đấng, giới thiệu và tiêu thụ tại thị trường trong tỉnh, các thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng ... và các tỉnh thành trong cả nước. Xưởng cũng đã được tiếp đón trên 60 đoàn khách trong tỉnh, đến từ các tỉnh bạn Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Sơn La, Quảng Ninh, từ thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh ... đến tham quan, tìm hiểu.

Chè đấng Cao Bằng được Sở KHCN & MT Cao Bằng hợp tác cùng các Viện, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Viện Dược liệu tiến hành nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng; phối hợp cùng Công ty Kỹ thuật xanh, Viện Cơ điện tiến hành sản xuất thử nghiệm ... Những hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm này được thực hiện từ những năm 1994 đến nay. Dự án xây dựng mô hình xưởng chế biến chè đấng mà chúng tôi đang báo cáo đã giải quyết cơ bản khâu cuối cùng của cả một quá trình sản xuất ra chè đấng

Cao Bằng, tạo ra được một sản phẩm mới, một loại hàng hoá mới cho tỉnh Cao Bằng, Việt Nam. Kết quả dự án được tỉnh Cao Bằng đánh giá rất cao. Cây chè đấng trở thành cây kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Một đơn vị sản xuất kinh doanh mới của địa phương đã được thành lập đó là Công ty chè đấng Cao Bằng.

4. Dự án: Xây dựng mô hình bảo quản chế biến một số quả đặc hữu Cao Bằng: hạt dẻ, mắc mật ...

Dự án được phê duyệt thực hiện từ cuối năm 2002 đến năm 2004, do Viện Cơ điện Nông nghiệp chuyển giao công nghệ, Trung tâm TN &CGKHCN tỉnh tiếp nhận công nghệ. Dự án đã chọn đối tượng bảo quản chế biến là một số quả đặc hữu của tỉnh Cao Bằng có vùng nguyên liệu tương đối rộng, dân đã trồng lâu năm và mong mỏi sớm giải quyết được vấn đề bảo quản chế biến, thông thoáng đầu ra.

Hiện nay dự án đang trong giai đoạn chế tạo máy móc thiết bị, thi công phần kiến trúc nhà xưởng, đồng thời tiếp tục hoàn chỉnh công nghệ mẫu mã sản phẩm ... Tin tưởng rằng năm 2003 sẽ có những sản phẩm mới mang nét đặc hữu Cao Bằng được thị trường cả nước chấp nhận.

II. Một số kinh nghiệm trong xây dựng và tổ chức thực hiện dự án

1. Chọn lấy đối tượng thật sự cần thiết KHCN, có triển vọng đem lại hiệu quả KTXH cao, lâu dài; có điều kiện khả thi khi xây dựng và tổ chức thực hiện dự án; có đặc điểm nổi cộm, đặc hữu, đặc sản thì sự cần thiết, tính cấp bách càng cao:

Chúng tôi chọn đối tượng cây thuốc lá để thực hiện đầu tiên vì cây thuốc lá là cây kinh tế mũi nhọn truyền thống của tỉnh Cao Bằng; Viện KTKT thuốc lá đã có các giống mới, có những tiến bộ kỹ thuật, có lực lượng lên bảm địa bàn vận động hướng dẫn bà con áp dụng; nhưng kết quả rất hạn chế, canh tác theo truyền thống vẫn là chủ yếu nên năng suất thấp, chất lượng hàng hoá, hiệu quả

kinh tế không cao ... Vì vậy tập trung đẩy mạnh áp dụng giống mới và các tiến bộ kỹ thuật khác cho cây thuốc lá Cao Bằng là một yêu cầu thật sự bức xúc của địa phương và có tính khả thi cao. Thực tế cho thấy dự án đã trở thành cú hích thật sự thúc đẩy mạnh mẽ bà con nông dân tự nguyện áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến phổ biến sâu rộng ra toàn bộ vùng nguyên liệu thuốc lá Cao Bằng.

Một dự án được đánh giá là thành công nhất của Cao Bằng là dự án "Xây dựng mô hình xưởng chế biến chè đẳng loại chè đặc sản tỉnh Cao Bằng". Đối tượng chè đẳng tuy là cây bản địa lâu đời ở Cao Bằng, nhưng gần đây mới biết đến nó qua sự lực tìm thu mua ráo tiết của Trung Quốc, qua một số sản phẩm chè đẳng của nước bạn. Các kết quả nghiên cứu cơ bản về phân bố, đặc tính sinh học, đặc điểm thực vật, thành phần vật chất, công dụng; nghiên cứu ứng dụng và thử nghiệm công nghệ các khâu từ chọn tạo nhân giống, canh tác, phòng trừ bệnh hại đến công nghệ và thiết bị chế biến chè đẳng ... đã khẳng định rõ tính năng tác dụng, giá trị sử dụng và khả năng công nghệ chế biến chè đẳng Cao Bằng và do đó việc chế biến chè đẳng đã trở thành một nhu cầu bức xúc thực tế đòi hỏi cần phải giải quyết ngay. Nội dung và mục tiêu của dự án được xuất phát từ thực tiễn và các kết quả KHCN trước đó nên có tính khả thi rất cao.

Dự án "Bảo quản chế biến hạt dẻ Mác Mật: đã chọn đối tượng bảo quản chế biến là một số quả đặc hữu của địa phương có vùng nguyên liệu tương đối rộng, dân đã trồng lâu năm và đang mong mỏi sớm giải quyết được vấn đề bảo quản chế biến, thông thoáng đầu ra. Tuy đang trong giai đoạn chế tạo thiết bị, xây dựng nhà xưởng nhưng đã được bà con nông dân rất quan tâm theo dõi, và tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh vừa qua các đại biểu HĐND đã yêu cầu đẩy nhanh tiến bộ thực hiện dự án đồng thời cũng yêu cầu các huyện vùng nguyên liệu đẩy mạnh trồng, chăm sóc ... Điều đó chứng tỏ đối tượng, mục tiêu dự

án đã chọn đúng và thật sự cần thiết, cấp bách đối với địa phương.

Qua thực tiễn chúng tôi nhận thấy dự án nào có đối tượng được liệt vào dạng nổi cộm, đặc hữu, đặc sản ... của địa phương thì được nhân dân và chính quyền địa phương thực hiện dự án quan tâm ủng hộ và sốt sắng tham gia. Những đặc sản này thường là cây con, mặt hàng truyền thống lâu đời, có những đặc điểm riêng của địa phương nhưng chưa đạt đến "đặc sản quốc gia" nên đa phần tuy đã lâu đời nhưng hiểu biết về nó còn ít ỏi và hầu như không nằm ở một số chương trình quốc gia nào cả. Những trường hợp đặc sản địa phương này để phát triển được đa phần địa phương phải mày mò thân cò lặn lội trước rồi mời các đơn vị KHCN chuyên ngành giúp đỡ làm cơ sở lập dự án tham gia các chương trình của TƯ hoặc kêu gọi đầu tư.

2. Cơ quan chuyển giao công nghệ đã làm chủ được thật sự công nghệ cần chuyển giao của dự án; có năng lực giải quyết thực tiễn và luôn bám sát cơ sở khi thực hiện.

Đơn vị chuyển giao công nghệ cho Cao Bằng trong chương trình 1998 - 2002 là Viện KTKT thuốc lá đối với dự án thuốc lá, Viện KHKTNN đối với dự án ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nông lâm nghiệp xã vùng cao núi đá, Viện Cơ điện Nông nghiệp chuyển giao công nghệ trong các dự án chế biến chè đẳng, dự án bảo quản chế biến hạt dẻ Mác Mật.

Trong quá trình thực hiện chúng tôi các đơn vị chuyển giao công nghệ này đã thực sự làm chủ được công nghệ cần chuyển giao trên lý thuyết và cả thực tiễn, đã làm được như vậy hoặc tương tự như vậy ở nơi nào đó với công trình nào đó. Các Viện này chuyển giao hết sức chủ động và sáng tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn cụ thể. Thường thấy họ chỉ lúng túng khi quy mô, trình độ công nghệ và kinh phí kèm theo được duyệt giảm đáng kể là KHCN rất quan trọng, yêu cầu thi lớn, nhưng chỉ được làm nhỏ mang tính mô hình, phù hợp với ngưỡng kinh phí nhỏ, chỉ là đốm

lửa thối chứ không được thổi bùng đốt cháy cả đám cỏ hoang.

Chúng tôi thấy rằng thực sự làm chủ được công nghệ cần chuyển giao và năng lực giải quyết thực tiễn của cơ quan chuyển giao công nghệ là yếu tố quyết định thành bại thứ nhất của dự án. Ngoài ra địa phương cần lực lượng và điều kiện tiếp nhận công nghệ tốt, sự gắn kết đồng bộ nhịp nhàng giữa Sở KHCN & MT, Cơ quan chuyển giao công nghệ và địa phương thực hiện dự án là yếu tố thành bại tiếp theo. Phải có sự kết hợp đồng bộ tốt, và địa phương phải có đủ trình độ, lực lượng để tiếp nhận công nghệ thì thực hiện dự án mới đạt hiệu quả.

3. Chuẩn bị tốt duy trì và phát huy tác dụng lâu dài đầu dự án:

Nhiều mô hình sau khi trình diễn xong thì cũng hết tác dụng trên thực tế. Có nhiều nguyên nhân. Bộ đã chỉ đạo rất đúng là sau khi kết thúc dự án các địa phương cần chủ động bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học để nhân rộng mô hình. Cao Bằng đã kết thúc 2 dự án trong chương trình này. Dự án thuốc lá thực hiện trong 2 năm ở 2 xã, 2 năm sau đã mở rộng ra toàn bộ vùng thuốc lá của tỉnh. Dự án chè dướng vừa thực hiện xong, đang trong giai đoạn nghiệm thu, thì tỉnh đã triển khai dự án phát triển vùng nguyên liệu, đồng thời cho thành lập công ty chè dướng Cao Bằng, Hai dự án này đã được đồng thời cho thành lập công ty chè dướng Cao Bằng. Hai dự án này đã được thực hiện tốt và đang phát huy tác dụng ở thời kỳ hậu dự án.

Chúng tôi xác định cơ quan KHCN địa phương tiếp tục có trách nhiệm duy trì và phát huy tác dụng dự án ngay sau khi dự án kết thúc. Để thực hiện việc đó chúng tôi đã giao cho Trung tâm TN&CGKHCN của Sở tham gia trực tiếp và làm nòng cốt tiếp nhận công nghệ. Sau khi dự án chính đội ngũ này cùng với một số đồng bào tiếp thu tốt sẽ thực hiện việc duy trì và phát huy dự án. Thứ hai là khi xây dựng, tổ chức thực hiện dự án đã

chuẩn bị nội dung hậu dự án. Trân trọng kính mời và phối hợp tốt với các ngành sản xuất cùng quan tâm chỉ đạo, tham gia dự án sẽ là tiền đề tốt để tiếp tục duy trì và phát huy tác dụng dự án sau này.

Nếu kết quả tốt, khả năng nhân rộng lớn thì cơ quan KHCN địa phương cố gắng thuyết phục cấp uỷ, chính quyền địa phương các cấp đưa vào nghị quyết, kế hoạch hàng năm, dài hạn những chỉ tiêu, chương trình, dự án mới để áp dụng, nhân rộng kết quả dự án.

Trên đây là một số ý kiến của Sở KHCN & MT Cao Bằng được rút ra trong quá trình các dự án của chương trình trong 4 năm qua.

III. Đề nghị

1. Tiếp tục chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi"

Chúng tôi nhận thấy rằng chương trình này đã phát huy được tác dụng và đem lại hiệu quả thiết thực được nhiều ngành nhiều địa phương đánh giá cao. Hiện nay nội dung và đối tượng còn nhiều, nhu cầu ở các địa phương còn lớn, vì vậy chúng tôi đề nghị cần tiếp tục chương trình này.

2. Các tỉnh miền núi vùng cao dân tộc ít người đang rất cần chuyển giao KHCN phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp, phát triển nông thôn. Vì vậy đề nghị được ưu tiên tham gia các chương trình KHCN phục vụ nông nghiệp nông thôn. Chúng tôi cũng đề nghị không thu hồi kinh phí khi chuyển giao KHCN ở vùng 3, vùng đặc biệt khó khăn.

3. Dự án thuộc chương trình nên có quy mô hơn, trình độ công nghệ cao hơn, kéo dài thêm.

4. Hỗ trợ địa phương có đơn vị tiếp nhận chuyển giao KHCN đủ mạnh để có khả năng tiếp nhận và chủ động chuyển giao trên địa bàn.

BẠC LIÊU SAU BA NĂM THỰC HIỆN DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI

Thạc Sĩ. Huỳnh Minh Hoàng
PGĐ. Sở KHCN & MT tỉnh Bạc Liêu

Từ năm 1999 đến nay, tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện 2 dự án xây dựng mô hình ứng dụng KH & CN phục vụ phát triển KT - XH nông thôn, miền núi được Bộ KH & CN phê duyệt:

- Dự án "*Xây dựng mô hình sản xuất nông - lâm - ngư phù hợp vùng sinh thái ven biển tỉnh Bạc Liêu*" là dự án đầu tiên thực hiện ở Bạc Liêu. Dự án xây dựng các mô hình: Mô hình thâm canh lúa 20ha kết hợp với màu 4 ha; cải tạo và thâm canh 40 ha nuôi tôm sú kết hợp với trồng rừng ngập mặn sinh thái; phát triển mô hình nuôi Artemia trong ruộng muối 20 ha; xây lắp và trình diễn 10 bộ xa quạt gió phát điện D 170 - 6 với sự phối hợp Trường Đại học Cần Thơ là cơ quan thực hiện chuyển giao công nghệ. Đây là dự án với nhiều mô hình cùng thực hiện trên một địa bàn, có sự điều hành chung của các cơ quan, đơn vị nên dự án đã đạt kết quả cao, dự án thành công ở khâu đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật với sự tham gia đông đảo của 109 hộ nông dân thực hiện dự án. Trong dự án, có 2 mô hình cải tạo và thâm canh 40 ha nuôi tôm sú kết hợp trồng rừng ngập mặn sinh thái, mô hình nuôi Artemia trong ruộng muối là những mô hình có quy mô lớn và rất thành công. Đến nay, từ địa bàn thực hiện dự án, các mô hình được mở rộng quy mô ra nhiều xã ven biển trong Tỉnh.

- Dự án: "*Xây dựng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nuôi tôm sú bán thâm canh và luân canh tôm - lúa tại xã Phong Thạnh Nam, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu*" với 03 ha nuôi tôm bán thâm canh, 05 ha nuôi tôm quảng canh cải tiến,

15 ha nuôi tôm kết hợp với trồng lúa; dự án bắt đầu thực hiện từ năm 2002; kết quả bước đầu cho năng suất tôm nuôi quảng canh cải tiến, 15 ha nuôi tôm kết hợp với trồng lúa; dự án bắt đầu thực hiện từ năm 2002; kết quả bước đầu cho năng suất nuôi tôm quảng canh cải tiến 400kg/ha, năng suất lúa 3,5 tấn/ha. Dự án đang tiếp tục triển khai với sự hỗ trợ của hai cơ quan chuyển giao công nghệ là Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ những kết quả đạt được trong triển khai các dự án thuộc chương trình NTMN, chúng tôi rút ra những kinh nghiệm sau:

1. Về phương thức tổ chức và hoạt động của chương trình:

Quán triệt sâu sắc về Chủ trương xây dựng và thực hiện chương trình "*Xây dựng mô hình ứng dụng KH & CN phục vụ phát triển KT - XH nông thôn và miền núi*" của Bộ Khoa học và Công nghệ bằng hệ thống các văn bản quy định về tổ chức quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình, bước đầu tạo điều kiện triển khai thuận lợi.

- Về cách thức tổ chức:

+ *Bước 1*: Sau khi dự án được duyệt, Sở KHCN & MT đề nghị UBND tỉnh thành lập Ban Chủ nhiệm dự án với cơ cấu thành phần như sau: Sở có 4/9 thành viên; 5/9 thành viên còn lại là ở địa bàn huyện (02), xã (03).

+ *Bước 2*: Tổ chức Hội nghị triển khai tại huyện, mời các đồng chí đại diện Đảng uỷ, UBND xã nơi địa bàn triển khai, thông

qua thuyết minh dự án, qua đó công khai toàn bộ nội dung và kinh phí dự án. Ưu điểm của tổ chức phương pháp này là ngay từ đầu đã lấy lòng tin của địa phương, tranh thủ sự ủng hộ đồng tình của địa phương nhất là cán bộ UBND xã.

+ *Bước 3:* Sau khi lựa chọn áp để triển khai dự án, nhờ hướng dẫn của các cán bộ UBND xã giới thiệu, tùy mục tiêu của mô hình chuyên biệt, chúng tôi tiến hành xây dựng mạng lưới cộng tác viên, 01 mô hình có 1 - 2 cộng tác viên, cộng tác viên chủ yếu là cán bộ kỹ thuật đang công tác ở địa bàn xã, làm hợp đồng trách nhiệm cụ thể; tiến hành xây dựng các nhóm trưởng, trong 5 - 10 hộ dân chọn và tự bầu ra một nhóm trưởng đại diện.

+ *Bước 4:* Ban chủ nhiệm dự án ký hợp đồng trực tiếp với nhóm trưởng để đầu tư, nhóm trưởng phân bố kinh phí đầu tư cho hộ nông dân có danh sách ký nhận. Ban chủ nhiệm dự án giám sát chặt chẽ qua kiểm tra từng hộ, có danh sách ký nhận từng hộ, Ban chủ nhiệm chọn đúng hộ dân và triển khai đầu tư đầy đủ không bị 'rơi rớt'. Trách nhiệm dân rõ ràng (thông qua hợp đồng), trách nhiệm UBND xã rõ ràng (xác nhận có hộ dân trên địa bàn cư trú).

+ *Bước 5:* Ban chủ nhiệm dự án phân công thành viên của Ban chủ nhiệm (chủ yếu là cán bộ Sở KH-CN & MT) chịu trách nhiệm mỗi mô hình cụ thể (và các cộng tác viên báo cáo về cho thư ký tổng hợp).

- Về phương thức hoạt động:

+ *Lựa chọn địa bàn thực hiện dự án:* Mặc dù có tiêu chuẩn về lựa chọn địa bàn triển khai dự án. Tuy nhiên, qua thực tế cho thấy, Ban chủ nhiệm dự án phải qua điều tra khảo sát thực tế để chọn được địa bàn mang tính đại diện cho từng vùng có điều kiện tự nhiên. Điều kiện KT - XH, cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương đối phát triển,

đồng thời phù hợp với các mô hình chuyển giao.

+ *Lựa chọn công nghệ và cơ quan chuyển giao công nghệ:* Ban chủ nhiệm dự án phải sáng suốt lựa chọn công nghệ chuyển giao trên địa bàn có những tính chất ổn định, có tính mới so với địa phương, phù hợp với vốn đầu tư của dân, có thị trường tiêu thụ đồng thời đưa lại hiệu quả kinh tế cụ thể cho người dân. Tuy nhiên, trong việc lựa chọn cơ quan chuyển giao công nghệ đã có định hướng của Bộ, nhưng thực tế chọn cơ quan chủ trì chuyển giao công nghệ là Viện Nghiên cứu, Trường đại học, Trung tâm Thực nghiệm,... đều có bề dày trong nghiên cứu và chuyển giao. Mặt khác, họ thiếu lực lượng triển khai, quản lý, thiếu kinh nghiệm phối hợp với địa phương, sự am hiểu thực tế chưa nhiều, lúng túng khi xử lý những vấn đề phát sinh trong triển khai dự án, dẫn đến kết quả của một số mô hình chưa được nhân rộng, gây thất vọng cho bà con nông dân. Vì vậy, cơ quan Viện, Trường, Trung tâm không nên làm chức năng là cơ quan chủ trì mà là cơ quan tư vấn, chuyên gia thi hiệu quả phát huy sẽ tốt hơn.

+ *Lựa chọn hộ nông dân thực hiện mô hình:* Kinh nghiệm thành công trong triển khai dự án cần lưu ý về cách chọn hộ nông dân thực hiện dự án:

* *Tiêu chuẩn:* Nên chọn các hộ có mức sống trung bình và tự nguyện tham gia. Vì những hộ này thường có ý chí vươn lên trong cuộc sống, có khả năng tiếp thu thuận lợi hơn các hộ khó khăn, có vốn đối ứng nhất định, có lực lượng lao động sản xuất đầy kinh nghiệm, có tiếng nói "giá trị" nhiều hơn đối với các hộ khác tại địa phương.

* *Cách chọn hộ:* Dựa vào các tổ chức chính quyền và đoàn thể quần chúng ở cơ sở; thực hiện dân chủ hoá, công khai hoá tiêu chuẩn chọn hộ để người dân tự bình chọn. Kết hợp tự nguyện cá nhân đăng ký

có hợp đồng trách nhiệm với Ban chủ nhiệm dự án.

+ *Lựa chọn cộng tác viên kỹ thuật:*
Qua triển khai cho thấy, việc chọn cộng tác viên kỹ thuật hoặc xây dựng mạng lưới kỹ thuật viên tại chỗ là một trong những bước đưa đến thành công của dự án. Đây sẽ là lực lượng hỗ trợ triển khai dự án, là lực lượng nòng cốt để duy trì và nhân rộng kết quả của mô hình sau khi kết thúc dự án. Chọn đối tượng vùng từ nông dân tiên tiến (50%) và cán bộ kỹ thuật biệt phái từ Phòng Nông nghiệp huyện, hoặc trạm tại thực nghiệm ở địa phương (50%)

+ *Cách thức chuyển giao công nghệ:*
Từ phương châm ' học để làm và làm để học' trong thực tiễn, dự án đã cung cấp nhiều tài liệu phong phú ' ít chữ nhiều hình' dễ hiểu, đơn giản đã góp phần đào tạo một cách thiết thực cho nông dân, và đã là chọn cán bộ khoa học tiếp xúc trực tiếp với nông dân. Với các hình thức tập huấn kỹ thuật cho đông đảo đối tượng, cho hộ nông dân làm thí điểm hoặc cho cả đội ngũ kỹ thuật viên kết hợp tổ chức tham quan thực tế ở địa phương tương tự đã áp dụng thành công ' mô hình'.

+ *Công tác kiểm tra, giám sát:* Ban chủ nhiệm dự án thường xuyên tổ chức đi thực tế giám sát, định kỳ 1 lần/ tháng, xử lý khi có những vấn đề mới phát sinh, mỗi quý thì cơ sở báo cáo tiến độ thực hiện, đánh giá và đề xuất.

2/ Về chủ trương và chính sách:

- Về chủ trương:

Quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh uỷ và UBND tỉnh về vai trò quan trọng của KH-CN, gắn chặt kế hoạch KH-CN với nhiệm vụ phát triển KT - XH của tỉnh, lựa chọn vấn đề cần ưu tiên giải quyết, lựa chọn địa bàn có đủ điều kiện triển khai dự án, lựa chọn công nghệ phù hợp và cơ quan chuyển giao công nghệ thích hợp,

đưa nhanh những thành tựu KH-CN, các kỹ thuật tiến bộ vào cuộc sống phục vụ trực tiếp các nhiệm vụ phát triển KT - XH của địa phương trong từng lĩnh vực cụ thể, quan tâm lựa chọn, xây dựng và thực hiện các mô hình ứng dụng kỹ thuật tiến bộ trong sản xuất và đời sống. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai do chuyển đổi cơ cấu sản xuất trên một số vùng quy hoạch sản xuất bị điều chỉnh rất bất cập làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của mô hình.

- Về chính sách:

+ *Về chính sách tài chính:* Chính sách tài chính cho khoa học hiện nay còn nhiều điều bất cập. Các định mức chi tiêu các khoản mục hiện nay theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2001/TTLB/TC - BKHCNMT (18/06/2001) chỉ quy định chung cho tất cả các loại đề tài, dự án; không có các định mức riêng cho các khoản mục của dự án mô hình nông thôn, miền núi. Điều này thật sự gây khó khăn trong thực hiện, vì tính chất công việc của các loại đề tài và mô hình rất khác nhau. Việc thông tư 57/2001/TTLB/TC - BKHCNMT (04/05/1999) không quy định các khoản chi tiêu cho cơ quan quản lý dự án mô hình địa phương đã dẫn đến không thể phân công giám sát, hỗ trợ việc thực thi dự án và cũng không có kinh phí dự phòng; khi có sự cố, không thể ứng phó kịp thời; thiếu nhiều định mức kinh tế - kỹ thuật nên khó quyết toán. Việc thanh quyết toán các khoản chi cho dự án theo hoá đơn tài chính cũng là một cản trở lớn. Xin đơn cử một số việc:

* Cơ quan khoa học tạo ra một giống mới, công nghệ mới để chuyển giao cho nông dân, nhưng họ không có hoá đơn tài chính nên việc chuyển giao rất khó khăn.

* Tập huấn kỹ thuật có ghi tên danh sách cho cơ sở ký và đóng dấu. Chỉ nhận có vài ngàn mà bắt buộc học viên ký tên

từng chữ, thì thấy khó chấp nhận, cơ chế tài chính chưa tạo điều kiện thuận lợi.

* Kinh phí sử dụng cho dự án nông thôn và miền núi nếu quyết toán không hết thì chuyển tiếp cho thanh toán năm sau mà không phải nộp vào kho bạc.

+ *Về chính sách cán bộ:* Chính sách cán bộ như hiện nay chưa khuyến khích được đội ngũ khoa học tình nguyện về nông thôn công tác; chưa khuyến khích được cơ quan, tổ chức, nhà nghiên cứu đầu tư cho nghiên cứu và phổ biến kiến thức khoa học vào địa bàn nông thôn, cho nên rất khó đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho CGCN và các hoạt động khác để áp dụng nhanh các thành tựu KH & CN vào sản xuất. Mức chi chưa thật thoả đáng cho cán bộ làm công tác chuyển giao công nghệ, cán bộ quản lý dự án, kể cả công tác phí trong lập dự án cũng không có.

+ *Về cơ chế xây dựng dự án:* Hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng dự án chưa tốt, khâu thẩm định dự án thường kéo dài. Có những đồng chí trong Hội đồng thẩm định dự án không nắm điều kiện cụ thể ở địa phương, thiếu tính nhất quán trong hệ thống văn bản.

+ *Về nguồn vốn đầu tư dự án:* Nói chung các dự án chủ yếu là dựa vào nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương và công lao động, đất đai của người dân, chưa ghi nhận được các nguồn vốn đối ứng của địa phương hoặc nếu có thì cũng rất ít vì không đủ điều kiện để nhân rộng mô hình. Đối với các hộ nông dân tham gia dự án không nên hỗ trợ 100% vật tư mà phải yêu cầu họ bỏ ra một phần đối ứng, thì hiệu quả của mô hình rất cao. Khi các mô hình được nghiệm thu kết quả tốt thì các địa phương cần có biện pháp đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các hệ thống tín dụng cần hỗ trợ đầu tư nhân rộng mô hình cho cộng đồng.

3/ Kiến nghị:

- Tiếp tục thực hiện Chủ trương xây dựng mô hình ứng dụng KH & CN vào các địa bàn nông thôn, miền núi tạo sự đột phá mới để nhân rộng mô hình tốt. Thường xuyên tổng kết rút kinh nghiệm những mặt được và chưa được, những khó khăn tồn tại để kịp thời tìm biện pháp tháo gỡ.

- Hoàn thiện cơ chế tài chính cho dự án: Chế độ khuyến khích đối với những người tham gia thực hiện dự án; quy định rõ "nguồn dự phòng", định mức kinh tế kỹ thuật cụ thể, đơn giản hoá chế độ thanh quyết toán, ... Tháo gỡ các ách tắc trong quản lý tài chính.

- Nội dung của chương trình nên tập trung vào một số sản phẩm có thế mạnh, có tiềm năng phát triển của địa phương, có thị trường tiêu thụ.

- Cơ quan chuyển giao nên tham gia ngay từ đầu trong quá trình xây dựng thuyết minh dự án (điều tra khảo sát địa bàn, lựa chọn vấn đề, lựa chọn giải pháp công nghệ,...) Nếu không có lực lượng triển khai dự án nên tham gia vào chức năng tham mưu tư vấn, đánh giá tiến độ thực hiện, cùng với Sở KH&CN & MT thành lập ban điều hành dự án để có thể phối hợp thực hiện dự án một cách có hiệu quả hơn.

- Hoàn thiện công tác xét duyệt dự án thông qua 1 lần (có cả Bộ Tài Chính) nên hạn chế sự chậm trễ với thời gian triển khai. Thời gian phải dài hơn 2 năm tùy theo mục tiêu của dự án.

- Địa bàn thực hiện mô hình được lựa chọn phải là nơi không quá khó khăn mọi mặt: Hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cũng như trình độ, năng lực của những người tham gia dự án. Đặc biệt là người nông dân trực tiếp tham gia mô hình dự án phải có đủ trình độ để hiểu, tiếp nhận được các kỹ thuật chuyển giao trong sản xuất, cùng với năng lực và sự đồng tình của các thành viên tham gia dự án sẽ đem lại sự thành

công của mô hình và có sức thuyết phục những người khác yếu kém hơn học tập, làm theo, cũng như việc nhân rộng mô hình.

- Xác định rõ nhiệm vụ ưu tiên của từng tiểu vùng, từng khu vực để có biện pháp tăng cường hỗ trợ KH & CN, phối

hợp, lồng ghép với các chương trình, dự án khác trên địa bàn, cả về nội dung cũng như nguồn tài chính. Các mô hình sản xuất của dự án được xây dựng, phải phù hợp với chính sách chuyển dịch cơ cấu sản xuất của địa phương, thì sẽ góp phần vào sự thành công của dự án.



Quạt nước trang bị trong ao nuôi tôm thâm canh dự án đầu tư con giống tại Cà Mau



Sản phẩm tôm nuôi sau 120 ngày tại Cà Mau



Tập huấn cho hộ dân về cách nuôi tôm trong ruộng lúa tại Bạc Liêu

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ VIỆC NHÂN RỘNG CÁC MÔ HÌNH CỦA DỰ ÁN NTMN TẠI TỈNH KHÁNH HOÀ

Đỗ Phi Phong

Phó Giám đốc Sở KH&CN&MT tỉnh Khánh Hoà

Được sự giúp đỡ của Bộ KH&CN&MT (nay là Bộ KH&CN), tỉnh Khánh Hoà đã và đang triển khai thực hiện 2 dự án thuộc Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi giai đoạn 1998 - 2002", trong đó dự án "Ứng dụng KH&CN phát triển kinh tế khu định canh định cư của đồng bào Raglay tại Hòn Dữ xã Khánh Đông huyện Khánh Vĩnh" được triển khai từ đầu năm 1999, kết thúc 4/2001 được Hội đồng nghiệm thu cấp Nhà nước xếp loại khá.

Tuy đây là dự án đầu tiên, chưa có nhiều kinh nghiệm về tổ chức quản lý, chỉ đạo thực hiện nhưng Khánh Hoà đã chọn địa bàn là một xã miền núi, đồng bào dân tộc Raglay, trình độ sản xuất lạc hậu, đã định cư nhưng chưa định canh, chưa biết làm ruộng nước, đời sống còn nhiều khó khăn, mặc dù điều kiện tự nhiên có tiềm năng để định canh phát triển sản xuất nông nghiệp. Địa bàn này cũng có tính đại diện cho một số xã miền núi, đồng bào dân tộc ít người của tỉnh Khánh Hoà, là những địa bàn được Tỉnh uỷ - UBND Khánh Hoà quan tâm. Về công tác định cư, định canh, xoá đói giảm nghèo cần có mô hình để nhân rộng. Cũng vì mục tiêu như vậy nên nội dung dự án chúng tôi đã lựa chọn có tính tổng hợp đồng bộ gồm nhiều mô hình khai thác tiềm năng sản xuất của địa bàn. Muốn thay đổi tập quán sản xuất của đồng bào trước tiên dự án phải xây dựng cơ sở hạ tầng (san ủi, khai hoang ruộng nước ...) tạo cơ sở vật chất để đồng bào tiếp nhận kỹ thuật tiến bộ.

Một số kết quả chính mà dự án đã thực hiện có hiệu quả cao:

- **Mô hình lúa nước:** Đã khai hoang, san ủi được 7,6ha trồng lúa nước 2 vụ tạo bước đột phá để chấm dứt tình trạng thiếu đói hàng năm. Phối hợp với Viện KHKT Nông nghiệp Miền Nam dự án hỗ trợ và hướng dẫn kỹ thuật cho bà con canh tác loại lúa VND 95-20; VND 95-19; IR 59606; IR 50404; VND 80; Jasmine 85 đạt năng suất 3,5 tấn/ha/vụ. Để tập dần cho bà con làm quen với việc làm lúa nước, dự án có chính sách hỗ trợ và giảm dần cho đến khi bà con tự lo liệu được. Với năng suất bình quân 3,5 tấn/ha/vụ hiện nay bà con đã tự cân đối được nguồn lương thực của vùng định canh - định cư.

- **Mô hình trồng vườn cây xanh dinh dưỡng quanh nhà:** Đã xây dựng 5 vườn, diện tích mỗi vườn 200m² trồng các loại cây: chanh, dứa, chuối, xoài, các loại rau cải, rau xanh, cà chua, bầu, bí... đủ cung cấp dinh dưỡng cho bữa ăn hàng ngày và có một phần thu nhập. Hỗ trợ giống và vật tư kỹ thuật xây dựng 6 vườn cây ăn trái và trồng vườn đôi tổng diện tích 32.000m² gồm các loại cây: điều ghép (năng suất 5-7kg/cây), xoài cát. Việc xây dựng mô hình này bước đầu giúp bà con nông dân nhận thức được giá trị đất đai, khắc phục tập quán để đất trồng quanh nhà đi phá rừng làm nương rẫy ở đồi núi cao và đưa năng suất cây điều từ 300-500kg hạt/ha lên đến 1.000-1.500kg hạt/ha.

- **Mô hình nuôi cá ao:** vận động và hướng dẫn bà con tự đào 7 ao với diện tích 8.000m² nuôi cá gia đình, năng suất bình quân 1 tấn cá/ha. Cá nuôi qua 6 tháng đạt trọng lượng 1,8 - 2kg/con đã góp phần cải thiện chế độ dinh dưỡng cho đồng bào tại chỗ, kích thích bà con hăng hái đào thêm ao nuôi cá.

- Mô hình chăn nuôi bò và gia cầm:

Phối hợp với việc chuyển giao kỹ thuật của Trung tâm Nghiên cứu và huấn luyện chăn nuôi bò sữa - Viện KHKT Nông nghiệp Miền Nam. Dự án xây dựng được mô hình chăn nuôi bò gồm 4 con bò cái kéo lai Sind và 7 đàn bò cái sinh sản lai Zebu, 6 hộ chăn nuôi gà đàn, 30 hộ nuôi vịt - cá kết hợp. Bên cạnh đó dự án cũng đã hỗ trợ thêm 14 chuồng bò đủ qui cách và tiêu chuẩn kỹ thuật vệ sinh môi trường. Mô hình đã giúp cho bà con nắm bắt được kỹ thuật chăn nuôi bò giống lai, góp phần cải tạo đàn bò vàng địa phương, khắc phục tình trạng chăn thả tự nhiên không hiệu quả, thay đổi tập quán nuôi từ thả rông sang nuôi có chuồng trại, hiện nay đã sinh sản được 5 bê lai, phối giống cho hàng chục bò địa phương. Việc đưa vào mô hình chăn nuôi có chuồng trại đã và đang hỗ trợ cho việc phát triển trồng trọt, giúp thêm sức kéo cho công việc cày bừa, làm đất, bà con đã biết thu gom được phân bón để bón ruộng, cây trái, làm thức ăn cho cá.

- Dự án đã xây dựng được 1 trạm thủy điện gồm 4 máy công suất 1.000W/máy kết hợp thêm một số giải pháp như: đưa thêm bộ hoá mạng, thay ổ bi bằng bạc composite đã cung cấp một cách có hiệu quả điện thấp sáng cho 25 hộ đồng bào trong khi mạng lưới điện quốc gia chưa kéo tới.

Qua kết quả triển khai của dự án đã góp phần thay đổi dần bộ mặt cuộc sống người dân ở đây. Giảm được số hộ phải cứu đói trong mùa giáp hạt, bà con đã biết sử dụng nhiều biện pháp tổng hợp để tăng hiệu quả sản xuất: như sử dụng phân chuồng, biết làm vườn ô xanh dinh dưỡng quanh nhà, biết phương thức chăn nuôi mới và nuôi giống mới đạt hiệu quả hơn. Nhất là bà con đã biết trồng và chăm sóc cây lúa nước, tạo bước cơ bản để xóa được đói, ổn định định canh lâu dài và hướng dẫn cho dân biết ứng dụng kỹ thuật trên những điều kiện tự nhiên sẵn có của mình, định hướng được sản xuất trên cơ sở tiến bộ kỹ thuật đã được chuyển giao. Ý

thức của người dân đã được nâng lên rõ rệt trong việc tiếp thu những thành tựu KHCN, khắc phục được tính ỷ lại và tự tin vươn lên bằng ý chí và sức lực của mình.

1. Nhân rộng các mô hình của dự án nông thôn miền núi tại Khánh Hoà.

Từ sự thành công của dự án đầu tiên tại Khánh Hoà thuộc Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi" do Bộ KHCN hỗ trợ thực hiện (Dự án Hòn Dũ - Khánh Đông) đã tạo ra một mô hình tổng hợp xoá đói giảm nghèo cho khu định canh - định cư của đồng bào Raglây đã được hình thành, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rất rõ nét, đã được coi là mô hình mẫu, từ đó đã được UBND tỉnh phê duyệt một dự án tương tự để thực hiện định canh định cư, ổn định và cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc buôn Suối Sâu Minh tâm huyện Ninh Hoà bằng nguồn vốn của tỉnh. Đồng thời tỉnh tiếp tục đối ứng kinh phí và ủng hộ để tiếp tục triển khai dự án tại thôn Bàu Sang - Liên Sang - Khánh Hoà. Hiện nay từ mô hình của dự án tại Tỉnh đã phân công cho các ngành tổ chức giúp cho các xã khó khăn hình thành các phương thức sản xuất như dự án đã xây dựng. Ngành nông nghiệp của Tỉnh và hai huyện miền núi đã đầu tư mạnh vào việc hỗ trợ xây dựng các cơ sở vật chất (như xây dựng hệ thống thủy lợi nhỏ, san ủi đồng ruộng) cho vùng đồng bào dân tộc để phát triển chương trình lúa nước. Bên cạnh đó Sở chúng tôi đã nhận được nhiều yêu cầu triển khai nhân rộng mô hình như các dự án đã thực hiện tại các xã Ninh Tây - Ninh Hoà, xã Sơn Bình - Khánh Sơn, xã Cam Tân - Cam Ranh...Chúng tôi sẽ có kế hoạch khảo sát, huy động nhiều nguồn lực để thực hiện nhân rộng hơn nữa mô hình.

Từ những vấn đề trên đã minh chứng hiệu quả của mô hình dự án đã triển khai tại Khánh Hoà. Tỉnh đã xác định đây là mô hình đi trước có hiệu quả và làm cơ sở định hướng

hình thành chủ trương xoá đói giảm nghèo cho vùng đồng bào dân tộc.

2. Những bài học kinh nghiệm trong công tác triển khai các dự án nông thôn miền núi ở Khánh Hoà.

Thành công của dự án tại Khánh Hoà do nhiều nguyên nhân nhưng xét đặc thù của dự án và qua thực tế triển khai chúng tôi xin nêu lên một số bài học kinh nghiệm triển khai thành công tại Khánh Hoà:

a. Sự kết hợp hài hoà, lồng ghép các chương trình, phát huy sức mạnh tổng hợp các dự án trên một địa bàn: Vấn đề này xin được đề cập ở phần sau.

b. Coi trọng việc triển khai đồng bộ giữa chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng cơ sở hạ tầng cho việc tiếp nhận các tiến bộ kỹ thuật:

Dự án đã biết phát huy và tranh thủ các cơ quan nghiên cứu và triển khai khoa học - công nghệ của Trung ương và địa phương để chuyển giao công nghệ và hướng dẫn kỹ thuật cho các nội dung của dự án. Có thể xem việc xây dựng cơ sở vật chất là phần cứng, việc huấn luyện chuyển giao kỹ thuật là phần mềm. Hai phần này có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Kinh nghiệm một số dự án trước đây chỉ chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng mà thiếu việc chuyển giao công nghệ, huấn luyện kỹ thuật làm cho cơ sở vật chất không phát huy được tác dụng. Kết quả khi hết dự án bà con lại quay lại du canh phá rừng làm rẫy. Trong việc huấn luyện kỹ thuật chúng tôi tiến hành chỉ bảo theo trình độ của bà con, tiến hành trên thực địa bằng các công việc cụ thể, cầm tay chỉ việc cho đến khi bà con tự làm được.

Nhờ kết hợp chặt chẽ như vậy, đến nay một số công việc người dân đã tiếp thu thuần thục và có thể tự làm được. Đó đó nếu huấn luyện kỹ thuật trên một cơ sở vật chất tốt sẽ làm cho tiến bộ kỹ thuật được nảy nở và nhân rộng. Ngược lại chỉ chú trọng đầu tư cơ sở vật chất tâm thường không thể phát huy tác dụng được.

c. Chọn khâu đột phá, có bước đi thích hợp:

Xuất phát từ tình hình thực tế của bà con tại khu vực này thiếu đói triển miên nên khâu đột phá là giải quyết lương thực tại chỗ bằng phát triển mô hình lúa nước. Mặt khác tập quán của người dân tộc "thấy mới tin", muốn vận động họ tin và làm theo mình thì phải có một số công việc mang lại kết quả thiết thực cho họ. Với cách đặt vấn đề như vậy cộng với việc chuyển giao công nghệ nghiêm túc và thích hợp của cơ quan chuyển giao công nghệ, các kỹ thuật chuyển giao thành công phù hợp với nguyện vọng của bà con đã tạo uy tín chắc chắn của dự án đối với bà con và địa phương từ đó mở rộng cho việc vận động bà con xây dựng các mô hình tiếp theo.

Đồng thời với việc chuyển giao công nghệ làm lúa nước, nên văn minh lúa nước dần dần đi vào cuộc sống tinh thần của bà con giúp bà con góp phần đáng kể vào việc nâng cao dần đời sống văn hoá của bà con dân tộc tại đây.

Bên cạnh đó dự án cũng đã có những hướng đi thích hợp trong việc hướng dẫn bà con sử dụng nguồn đất đai tại chỗ phát triển thêm các mô hình làm vườn, chăn nuôi, nuôi cá để tăng dinh dưỡng hằng ngày và có tích lũy dần cho cuộc sống mai sau.

d. Công khai các vấn đề triển khai một cách dân chủ, triệt để hỗ trợ đến tay người nông dân cao nhất:

Một trong những bài học qua thực tế triển khai mang lại hiệu quả thiết thực là bài học dân chủ. Mọi công việc triển khai đều bàn bạc và phổ biến rộng rãi cho người dân biết, người dân tự đề xuất người tham gia mô hình.

Một nét nổi bật của dự án là tất cả các khoản hỗ trợ đều đến trực tiếp người dân, không qua các khoản trung gian nên mức hưởng lợi đến tay người dân nhiều nhất do đó càng tăng sức thuyết phục của dự án đối với người dân.

3. Vấn đề kết hợp, lồng ghép các chương trình trên địa bàn triển khai dự án nông thôn - miền núi ở Khánh Hoà.

Nổi bật nhất trong việc triển khai dự án hỗ trợ ứng dụng KHHCN ở miền núi của Khánh Hoà là sự kết hợp chặt chẽ và đồng bộ nhiều chương trình. Quán triệt chủ trương của Bộ KHHCN khi lựa chọn địa điểm thực hiện dự án chúng tôi đã tính toán đến việc kết hợp lồng ghép các Chương trình trên một địa bàn, các Chương trình lồng ghép phải kể đến:

- Chương trình định canh định cư (ĐC-ĐC): chúng tôi đã kết hợp chặt chẽ với Chương trình này khi tiến hành triển khai trên địa bàn. Với dự án Hòn Dữ - Khánh Đông Chương trình ĐC-ĐC đã xây dựng tại đây 1 hệ thống thuỷ lợi nhỏ khi dự án đi vào triển khai công trình đã phát huy tác dụng trong việc cung cấp nước cho các mô hình. Đối với dự án Suối Nâu - Ninh Tân chương trình ĐC-ĐC đã khai hoang đất đai, làm đường sá vào khu sản xuất cho dự án triển khai. Với dự án Bầu Sang - Liên Sang chương trình ĐC-ĐC đã giúp xây dựng nhà kiên cố và tái định cư cho 2 hộ nằm trên đường tràn xả lũ của công trình thuỷ lợi nhỏ. Bên cạnh đó chương trình ĐC-ĐC đã hỗ trợ xây dựng nhà kiên cố cho đồng bào trong vùng dự án.

- Kết hợp với Chương trình IPM của Chi cục Bảo vệ thực vật trong việc tập huấn hướng dẫn bà con sử dụng biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp ngay trên đồng ruộng của dự án.

- Trên cơ sở các ao cá đã được xây dựng, khi kết thúc chương trình hoặc dự án sẽ được chuyển giao cho chương trình khuyến ngư tại các huyện miền núi. Chương trình này sẽ tiếp tục hỗ trợ giống và mở các lớp hướng dẫn về nuôi trồng thuỷ sản cho bà con tại đây.

- Kết hợp đưa bộ hoà mạng vào các trạm thuỷ điện cục nhỏ trong chương trình đưa nguồn năng lượng tự nhiên giải quyết điện tại chỗ thuộc vùng lõm, vùng sâu, vùng

xa của tỉnh. Mặt khác Chương trình phủ điện nông thôn kết hợp kéo nguồn điện lưới vào các khu vực dự án triển khai.

- Khi dự án rút đi, các chương trình khuyến nông tiếp tục hỗ trợ giống và các vật tư nông nghiệp vào cho bà con. Đặc biệt dự án do lĩnh đầu tư kinh phí, chúng tôi đã mời các cơ quan nông nghiệp địa phương phối hợp chuyển giao công nghệ, sử dụng hệ thống khuyến nông và được sự đầu tư của các Chương trình khuyến nông của tỉnh như: đầu tư máy sạ hàng, máy tuốt lúa, sức kéo ...

- Tỉnh chúng tôi đã hình thành Chương trình lúa nước cho vùng sâu vùng xa và đã phối hợp rất tốt với các dự án thuộc Chương trình NTMN. Cùng với nguồn kinh phí hỗ trợ của Bộ, địa phương đã đối ứng từ nguồn kinh phí của Chương trình lúa nước để xây dựng công trình thuỷ lợi nhỏ cho dự án Bầu Sang - Liên Sang. Bên cạnh đó sau khi dự án Hòn Dữ - Khánh Đông do Bộ hỗ trợ kinh phí hoàn thành bàn giao cho Huyện, Chương trình lúa nước của tỉnh đã tiếp tục đầu tư thêm 600 triệu đồng để kiên cố hoá hệ thống kênh mương và san ủi thêm 12ha ruộng lúa nước 2 vụ.

- Tỉnh uỷ và UBND tỉnh có chủ trương giao cho các cơ quan của tỉnh đỡ đầu cho các vùng xa miền núi xoá đói giảm nghèo, các cơ quan này đã cùng với dự án hỗ trợ các cơ sở vật chất cho đồng bào. Trung tâm Nghiên cứu Thuỷ sản 3 đã cung cấp 200 tấn tole lợp chuồng bò và hứa sẽ tiếp tục hỗ trợ toàn bộ giống cá cho bà con tại khu vực Hòn Dữ - Khánh Đông trong những năm sau khi dự án rút đi.

Tóm lại các Chương trình thực hiện đã có sự phối hợp lồng ghép, gắn kết chặt chẽ các Chương trình kinh tế - xã hội của Trung ương cũng như của tỉnh. Từ Chương trình định canh định cư đến Chương trình Nông thôn Miền núi, Chương trình phòng trừ dịch hại tổng hợp IBM, chương trình khuyến ngư, xoá đói giảm nghèo ... nên nó đã làm tăng

hiệu quả của các Chương trình và gắn bó, thúc đẩy lẫn nhau phục vụ tốt hơn.

4. Vấn đề tổ chức quản lý các dự án nông thôn - miền núi ở Khánh Hoà.

ở Khánh Hoà địa điểm chọn dự án là vùng khó khăn, trình độ nhận thức của đồng bào còn thấp, cuộc sống còn nhiều khó khăn. Do đó vấn đề chuyển giao tiến bộ kỹ thuật không thể lựa chọn những vấn đề cao xa được mà chỉ lựa chọn những vấn đề thiết thực với cuộc sống của bà con. Có thể những vấn đề đưa vào đây là tầm thường đối với các vùng đồng bằng nhưng đối với vùng sâu vùng xa như dự án triển khai là vấn đề mới mẻ đối với bà con, là những ngành nghề mới, là những tiến bộ kỹ thuật đưa cuộc sống của bà con thoát khỏi đói nghèo. Do đó vấn đề lựa chọn kỹ thuật tiến bộ để chuyển giao còn tùy thuộc vào địa bàn và yêu cầu, vấn đề là địa bàn yêu cầu gì, cần loại kỹ thuật tiến bộ nào có hiệu quả đối với cuộc sống hiện tại của bà con.

Chính vì yêu cầu của tiến bộ kỹ thuật triển khai trên địa bàn nên có những công nghệ cơ qua cấp tỉnh như khuyến nông - khuyến lâm có thể chuyển giao được. Thực tế dự án nhân rộng mô hình nông thôn miền núi sử dụng nguồn kinh phí của tỉnh chúng tôi đã sử dụng các cơ quan chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp địa phương, đã tạo ra một mối quan hệ và đem lại kết quả khá tốt. Vì vậy có thể giao một phần vấn đề chuyển giao công nghệ cho cơ quan khuyến nông - khuyến lâm địa phương làm chứ không hoàn toàn dựa vào cơ quan khoa học ở Trung ương. Nói chung do cơ quan chuyển giao công nghệ là Trung ương, cụ thể ở Khánh Hoà là Viện KHKT nông nghiệp Miền Nam và Trung tâm Nghiên cứu Thủy sản 3 nên mối quan hệ với các cơ quan khuyến nông - khuyến lâm, khuyến ngư, phòng nông nghiệp huyện không chặt chẽ. Các cơ quan ở Tỉnh chỉ đóng vai trò giám sát và tiếp quản sau khi bàn giao.

Về mối quan hệ với địa phương như UBND huyện và xã: tất cả các nội dung triển khai đều thông báo cho chính quyền địa phương biết, một số công việc phải họp bàn và giao cho địa phương chịu trách nhiệm như: vấn đề chia đất, quản lý công trình thủy lợi... Tuy nhiên để người dân hưởng lợi nhiều nhất khoản hỗ trợ của dự án tránh rơi rớt, dự án phải trực tiếp giao cho người dân, theo sát kiểm tra theo tiến độ triển khai. Làm như vậy công việc của người cán bộ triển khai dự án có nặng nhọc hơn nhưng hiệu quả sẽ cao hơn. Mặt khác tại địa bàn triển khai dự án, chúng tôi đã cùng UBND xã đưa ra một giải pháp thiết thực là lấy cán bộ UBND xã vào cùng làm trên cùng một mảnh đất với bà con dân tộc, cùng hưởng quyền lợi như bà con. Nhờ sự theo sát này mà tiến bộ KT nhanh chóng bắt rễ vào đời sống của bà con.

Về vấn đề cấp phát kinh phí: Dự án mang tính thời vụ, do đó yêu cầu ngặt nghèo về mặt thời gian. Ở Khánh Hoà chúng tôi việc cấp phát kinh phí từ Sở TC-VG rất chậm, một trong những nguyên nhân là do không đồng bộ ở cấp Trung ương và địa phương. Do đó để giúp cho địa phương triển khai thuận lợi cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa Bộ KH-CN với Bộ tài chính và Sở tài chính - Vật giá địa phương.

5. Những kiến nghị

- Theo đánh giá của địa phương chúng tôi, đây là một Chương trình thiết thực có chiều sâu, có mục tiêu rõ ràng và có ý nghĩa rất lớn trong đời sống bà con vùng nông thôn miền núi, vì vậy đề nghị Chương trình nên có kế hoạch triển khai trong thời gian tới.

- Đối với vùng đồng bào dân tộc khó khăn, việc hỗ trợ kinh phí cho bà con đồng bào dân tộc là cần thiết và là cơ sở để tạo tích lũy ban đầu cho bà con, do đó đề nghị không đặt ra vấn đề thu hồi đối với đồng bào khu vực này. Tuy nhiên để tăng trách nhiệm của bà con đối với nguồn kinh phí của Nhà nước, đề nghị cho phép dự án được dùng nguồn kinh phí thu hồi nếu có để tiếp tục hỗ

trợ cho bà con theo phương pháp vết dầu loang.

- Qua kinh nghiệm thực tế triển khai ở địa phương công tác tổ chức kỹ thuật viên tại cơ sở và cấy cán bộ của chính quyền địa phương vào vùng dự án là một biện pháp hay và phát huy hiệu quả. Vì vậy kinh phí dự án của Trung ương nên tăng tỷ trọng cho việc hợp đồng chỉ đạo dự án tại địa phương và có phần bồi dưỡng thích đáng hơn cho các kỹ thuật viên.

- Đối với thời gian thực hiện một dự án tại địa phương có thể kéo dài tối đa 3 năm

nhằm có thời gian đúc kết một cách thấu đáo, giải quyết các vấn đề triển khai được triệt để hơn.

Trên đây là một số vấn đề trong việc triển khai các dự án nông thôn miền núi tại Khánh Hoà và kinh nghiệm qua việc triển khai các dự án nông thôn miền núi Khánh Hoà xin trao đổi cùng quý vị đại biểu cùng các tỉnh bạn. Hy vọng những ý kiến trên sẽ góp phần nhỏ bé giúp cho Chương trình trong thời gian tới đạt kết quả tốt hơn.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG VIỆC PHỐI HỢP - LỒNG GHÉP NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN XÂY DỰNG MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KINH TẾ - XÃ HỘI KHÁC TRÊN CÙNG ĐỊA BÀN

Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Bến Tre

Kính thưa Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ.

Kính thưa quý Đại biểu.

Tỉnh Bến Tre được hỗ trợ dự án nông thôn miền núi từ năm 1996, Sở KH&CN&MT là đơn vị trực tiếp được UBND tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện dự án tại xã Tân Thiêng, huyện Chợ Lách, với tinh thần trách nhiệm, các hoạt động của dự án đã triển khai đầy đủ với chất lượng cao và tiết kiệm. Qua sự hỗ trợ của Bộ KH&CN&MT (nay là Bộ KH&CN) (qua Văn phòng Chương trình Nông thôn Miền núi), học tập mục tiêu, tính chất, nội dung của các dự án do Bộ KH&CN hỗ trợ, năm 1997 Sở KH&CN&MT Bến Tre đã hình thành loại dự án hỗ trợ phát triển vùng nông thôn sâu, vùng căn cứ kháng chiến cũ ... còn nhiều khó khăn bằng nguồn vốn sự nghiệp KH&CN địa phương. Quan điểm thực hiện dự án là đạt được mục tiêu chuyển giao tiến bộ KH&CN đã chọn lựa, mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN đạt hiệu quả cao để người thụ hưởng có khả năng tuyên truyền, tỷ lệ vốn đầu tư đến người thụ hưởng cao nhất và là cơ sở mở đường cho các dự án sử dụng nguồn vốn khác tiếp theo.... Để thực hiện 4 mục tiêu chính trên, Ban chủ nhiệm đã nghiên cứu địa bàn và quan tâm đến nhiều vấn đề, mà trong đó có 2 lãnh vực quan trọng và không thể thiếu là:

- Trong vùng dự án đã, đang và sẽ có dự án gì ? Mối quan hệ với nội dung tiến độ và kết quả dự kiến của dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi sắp triển khai.
- Dự báo khi dự án kết thúc người thụ hưởng nhận được gì và Ban chủ nhiệm có thể giúp nhân rộng thành quả đó với chính sức của cộng đồng.

Trong phạm vi tham luận chúng tôi xin xoay quanh 2 vấn đề trên để Hội nghị chúng ta cùng tham khảo.

Trong bối cảnh dự án hỗ trợ phát triển nông thôn miền núi do Bộ KH&CN đầu tư hoặc dự án hỗ trợ nông thôn của địa phương đều được triển khai trên cơ sở ưu tiên đầu tư vùng còn nhiều khó khăn nhất và có tiềm năng phát triển. Do đó thường là tại địa phương cũng có các dự án chuyên ngành khác cùng đầu tư trong cùng thời điểm. Trên tinh thần phát huy sức mạnh tổng hợp của các dự án, nên vấn đề rất quan trọng là phải hạn chế tuyệt đối sự mâu thuẫn của các giải pháp kỹ thuật trong các dự án, Ban chủ nhiệm phải nghiên cứu khảo sát, trao đổi thảo luận với các Ban chủ nhiệm dự án khác và chính quyền địa phương. Nếu không có mâu thuẫn, buổi gặp gỡ sẽ có ý nghĩa thông báo để hỗ trợ nhau, nếu chưa phù hợp thì trao đổi để kịp thời điều chỉnh. Chi tiết hơn nữa là nếu cùng lãnh vực có liên quan mật thiết thì phải lưu ý đến tiến độ, nội dung kỹ thuật tiến bộ áp dụng của các bên phải phù hợp, nhịp nhàng và nếu được có kết hợp thực hiện. Các hoạt động trên được thực hiện tốt sẽ giúp cho người thụ hưởng thuận lợi tổ chức thực hiện điểm trình diễn. Nhờ có sự quan tâm trên, nên nội dung dự án KH&CN trong những năm qua luôn có sự kết hợp hài hòa với nội dung các dự án chuyên ngành cũng từ hoạt động đó nhiều nội dung dự án KH&CN đã phát huy tác động nhanh vào đời sống sản xuất và được các ngành khác đồng tình hỗ trợ.

Thực tiễn nhiều năm của nhiều dự án, phổ biến dự án chuyển giao tiến bộ KH&CN hỗ trợ phát triển vùng còn nhiều khó khăn sẽ

gặp các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng: đường giao thông, xây dựng lưới điện, xây dựng khu chợ nông thôn, chương trình y tế cộng đồng, phổ cập tiểu học, chương trình vệ sinh nông thôn..... hoặc các dự án tín dụng hỗ trợ vốn từ Ngân hàng Phục vụ người nghèo hoặc Ngân hàng Nông nghiệp triển khai cùng thời gian mỗi nội dung chương trình dự án đều có sự hỗ trợ của vốn từ ngân sách và còn có sự đóng góp của người thụ hưởng do đó cần xác định mức độ đóng góp của người thụ hưởng thật phù hợp về số lượng lẫn hình thức thì giúp hoạt động có tính khả thi.

Dự án chuyển giao và xây dựng mô hình KHCN, có lúc kết quả nhận được hỗ trợ từ các dự án khác phát huy tác dụng và nâng cao hiệu quả KHCN đầu tư. Trong thực hiện dự án, người thụ hưởng phải có vốn đối ứng, có lúc bà con nông dân vay quỹ tín dụng để đối ứng thực hiện điểm trình diễn. Mặc dù chỉ là điểm trình diễn, sản phẩm tạo ra có sản lượng ít song có chất lượng cao và bà con nông dân rất cần bán sản phẩm nên có đường giao thông sẽ góp phần thuận lợi hơn, có chợ để vận chuyển đi bán. Mô hình đào tạo thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tham gia các dịch vụ tiểu thủ công nghiệp nông thôn: dịch vụ sửa chữa điện điện tử, hàn xì, thú y, dệt lưới,... có liên quan mật thiết đến các dự án phát triển lưới điện, dự án xây dựng chợ các thương lái từ huyện vào đến tận vườn để mua sản phẩm, đến tận các ao nuôi tôm ở ven biển trong ruộng đồng để mua tôm thịt.... nhờ có dự án giao thông. Dự án đổi mới công nghệ dệt chiếu nội địa thành xuất khẩu nhờ có dự án đường dây điện mà đã đưa vào được các thiết bị may bìa, thiết bị quấn chỉ.... và giao thông phát triển nên xe tải đến được trong làng nghề dệt chiếu Các mô hình nhà tắm, hố xí hợp vệ sinh rẻ tiền sẽ triển khai rất tốt, thuận lợi vào thời điểm sau chương trình khám và điều trị bệnh phụ khoa cho phụ nữ địa phương.

Tóm lại, thiết kế tiến độ triển khai các mô hình rất cần thiết Ban chủ nhiệm phải

quan tâm đến tiến độ, nhu cầu thu hút vốn, lao động, thời gian ... của bà con thực hiện điểm trình diễn, của các dự án khác để tổ chức trao đổi, thảo luận và xây dựng tiến độ, mức độ huy động vốn, lao động, thời gian cho việc tập huấn, xây dựng các mô hình của dự án hỗ trợ nông thôn cho phù hợp.... mới phát huy hiệu quả đầu tư của dự án hỗ trợ nông thôn.

Trường hợp các dự án hỗ trợ nông thôn đầu tư cho những vùng chưa có nhiều các dự án khác lúc bấy giờ dự án chuyển giao tiến bộ KHCN sẽ độc lập triển khai để khai thác tiềm năng. Trong trường hợp này phần lớn là những vùng có khó khăn nhưng chưa bức xúc, một số yếu tố khác: tổ chức đoàn thể chưa mạnh ... chưa thu hút các cơ quan đầu tư, thì dự án hỗ trợ nông thôn vẫn thực hiện. Trong quá trình thực hiện dự án, Ban chủ nhiệm cần nhạy bén xác định nguyên nhân thu hút đầu tư kém của địa phương, xác định tiềm năng có khả năng khai thác nhanh, xác định biện pháp có sự phối hợp và trách nhiệm cao của chính quyền và đoàn thể địa phương để làm cơ sở thực hiện các hoạt động tiếp theo dự án. Một thuận lợi cần lưu ý là mỗi dự án có từ 3-4 nội dung chuyển giao, khi dự án kết thúc chính quyền và đoàn thể địa phương có thể giới thiệu 1-2 dự án nhân rộng phát triển mô hình ưu tiên với Ngân hàng, phổ biến từ kết quả dự án khoa học cùng với tai nghe mắt thấy những điểm trình diễn để các Ngân hàng sẵn sàng đầu tư vốn cho nhân dân thực hiện. Những năm qua dự án nhân rộng tiến bộ KHCN bằng cách vay vốn ngày càng nhiều hơn từ khi hệ thống Ngân hàng có chủ trương cho vay theo hình thức tập thể và tín chấp... nhờ vậy tiến bộ KHCN đạt hiệu quả cao được nhanh chóng được áp dụng nhân rộng hơn.

Hiệu quả của dự án chắc chắn sẽ nhân lên rõ rệt nhanh chóng nếu được hỗ trợ bổ sung hoặc tiếp nối với những nguồn đầu khác. Để thực hiện mục tiêu trên cần thiết phải thực hiện 2 bước:

Bước 1: Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về: Tiếp cận và xác định các vấn đề lợi thế so sánh và yếu tố hạn chế của địa phương; Xây dựng văn kiện dự án; Tổ chức quản lý, điều hành và đánh giá tác động dự án.... Để thực hiện các nội dung trên, Ban chủ nhiệm dự án phải thiết kế trong nội dung dự án có lớp tập huấn dành cho cán bộ chính quyền, đoàn thể cơ sở. Tập huấn lý thuyết và thực tập ngay trên địa bàn vùng dự án, sản phẩm thực tập sẽ được nâng lên để thành các dự án xin đầu tư sau này. Ban chủ nhiệm dự án phải mời những cán bộ có năng lực về quản lý dự án trong tỉnh ở các Sở Ban Ngành hoặc Viện trường Trung tâm kinh tế. Mỗi địa phương tổ chức từ 2 đến 3 lần. Các học viên sẽ được chọn một số tham gia trực tiếp quản lý dự án đang triển khai tại địa phương. Đến nay ở Bến Tre, các lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý chỉ mới thực hiện được từ năm 2000, trong lớp tập huấn đối tượng chính là các cán bộ xã ấp, song để tăng hiệu quả Ban chủ nhiệm dự án cũng mời các cán bộ kỹ thuật hỗ trợ mô hình tham gia. Bước đầu một số dự án cho thấy kết quả hoạt động này có ý nghĩa, chính cán bộ cơ sở đã từng bước chủ động tranh thủ các nguồn vốn khác sau dự án.

Bước 2: Vào thời điểm cuối dự án, Ban chủ nhiệm cần lưu ý đến việc chuẩn bị nhân rộng mô hình thành công của dự án, chủ yếu tập trung vào các hoạt động sau:

- Kết quả của dự án KHCN được hướng dẫn và hỗ trợ xây dựng thành kế hoạch hoặc chương trình hành động của địa phương xã, huyện. (Sử dụng chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho hệ thống chính trị cơ sở để hướng dẫn và hỗ trợ).
- Qua sự phối hợp và quan hệ thực hiện dự án, hỗ trợ Hội Nông dân, Hội Phụ nữ hoặc Hội Cựu chiến binh xã xây dựng dự án sản xuất vay vốn tập thể. Hoạt động nên tiến hành sau buổi sơ kết 1 năm thực hiện dự án KHCN.

- Hỗ trợ địa phương tiếp cận các dự án chuyên ngành triển khai tại địa phương trên cơ sở khai thác tiềm năng.

Kết quả của những năm qua cũng đã cho thấy sự chọn lựa của các Ban chủ nhiệm dự án hoàn toàn phù hợp. Chấn hạn như dự án "Chuyển giao tiến bộ KHCN phát triển kinh tế nông thôn xã Tân Thiềng" đã thu hút được dự án nâng cao năng lực xoá đói giảm nghèo do UNDP tài trợ gần 2 triệu USD, Dự án hỗ trợ làng nghề nông thôn đã được Terre des homes Thụy sĩ tài trợ cơ sở sản xuất chỉ xơ dừa cho phụ nữ Thị xã, dự án ADB phát triển vườn cây ăn trái sạch, hoặc UBND tỉnh đã hình thành chương trình hỗ trợ phát triển các làng nghề, hình thành dự án cải tạo đất vườn tạp, chương trình cải tạo giống tạp ven biển, Chương trình phát triển nuôi thủy sản vùng mặn.... mở đường cho việc hình thành hàng chục tổ hợp nuôi tôm sú công nghiệp trong 2 năm qua ... là những dự án đã thu hút cộng đồng lớn. Riêng trong nông thôn của những vùng dự án hỗ trợ phát triển nông thôn sâu đã đi qua, bà con nông dân địa phương đã nhìn nhận việc ứng dụng tiến bộ KHCN vào sản xuất sẽ mang lại hiệu quả kinh tế, cải thiện đời sống nên bà con đã thôi thúc cán bộ chính quyền và đoàn thể địa phương xây dựng các dự án và thu hút vốn vay Ngân hàng theo hình thức tập thể. Việc làm này gần như đã đều khắp và đã trở thành phong trào lan toả rất nhanh.

Tóm lại, với tinh thần trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về KHCN, trách nhiệm với UBND tỉnh Bến Tre giao cho chủ trì thực hiện 3 dự án do Bộ KHCN hỗ trợ, Sở KHCN&MT Bến Tre cũng xin mạnh dạn giới thiệu 2 vấn đề mà các dự án hỗ trợ nông thôn ở Bến Tre thường quan tâm. Kết quả có được là nhờ sự hỗ trợ tích cực của Bộ KHCN, sự động viên và hướng dẫn nhiệt tình của cán bộ Văn phòng Chương trình Nông thôn Miền núi, sự chỉ đạo sâu sát của UBND tỉnh Bến Tre và sự phối hợp nhiệt tình của hệ thống cán bộ cơ sở. Mặc dù kết quả đến nay chưa

thể hiện những sai sót, song để đánh giá tốt thì chúng tôi vẫn còn đang tiếp tục kiểm chứng xem xét. Chúng tôi cũng mong các đồng nghiệp tham khảo và đóng góp để loại

hình dự án hỗ trợ nông thôn ở Bến tre phát triển mạnh và ổn định hơn nữa.

Trân trọng kính chào.

NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN THÔNG QUA VIỆC THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, NÊN LÀM THẾ NÀO ĐỂ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ KỸ THUẬT SẢN XUẤT CỦA NÔNG DÂN CÓ HIỆU QUẢ NHẤT.

Bùi Minh Tao

PGĐ Sở KHCNMT tỉnh Cần Thơ

1. Vấn đề nhận thức của người dân thông qua việc thực hiện các dự án

Không thể nói chỉ qua các dự án thuộc Chương trình Nông thôn mới nâng cao được nhận thức của người nông dân đối với những tiến bộ khoa học, người dân nông thôn ngày nay hầu như hàng ngày đều được nắm bắt những thông tin về những công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp, những mô hình đã mang lại hiệu quả cao trong sản xuất. Những điều này đến với người nông dân thông các phương tiện truyền thông như TV, đài phát thanh; những cán bộ khuyến nông địa phương,... Ngoài ra nhiều chương trình phổ biến kiến thức khoa học-kỹ thuật cho các nông hộ như Chương trình xóa đói giảm nghèo, nông dân sản xuất giỏi, chương trình khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công,...

Nhiều thông tin, nhiều chương trình đào tạo, tập huấn như thế tại sao đa số các hộ theo nghề nông vẫn còn nghèo nhất là người nông dân ĐBSCL? Điều này có thể cho thấy do đặc tính của người nông dân là phải "tai nghe mắt thấy" hay "nói có sách, mách có chứng", do đó, chỉ vận động tuyên truyền đơn thuần chưa chắc họ đã chịu làm theo; một điểm nữa người dân sản xuất theo phong trào nhưng lại không quan tâm vấn đề hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ: khi nhận có giá cao sẵn sàng chặt phá dừa để trồng nhãn, khi tập trung cao độ cung vượt cầu người nông dân phải chịu giá thấp; việc sản xuất theo phong trào thực tế là một điều hay nên phát huy nhưng phải trên nền tảng, nền kinh tế hợp tác.

Hiện các dự án chúng ta còn đang quan tâm nhiều đến kinh tế hộ, nhằm giải quyết cơ bản thấp nhất là kinh tế từ hộ gia

đình đến phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của địa bàn. Qua việc triển khai các dự án xây dựng các mô hình thuộc chương trình nông thôn của Trung ương kể cả địa phương, kết hợp với các chương trình khác trên địa bàn tỉnh, đã nâng cao nhận thức của người dân rất nhiều, nhiều hộ nông dân làm ăn có hiệu quả thông qua việc ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, đã được bình chọn là nông dân sản xuất giỏi, đã giúp cho một số hộ nông dân biết tổ chức sắp xếp lại sản xuất vươn lên hộ khá giàu, một số hộ thoát khỏi nghèo đi đến đủ ăn.

Tuy nhiên, trong quy mô một chương trình, một dự án, trọng tâm chỉ tuyên truyền, tập huấn thì chưa thể thúc đẩy hết toàn bộ các hộ dân nông thôn đều tự nguyện thực hiện làm theo mà không có sự tác động của cán bộ kỹ thuật, sự hỗ trợ đầu tư.

2. Nên làm thế nào để nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất của nông dân có hiệu quả nhất.

Chủ trương của Nhà nước thông qua Bộ KHCNMT triển khai việc thực hiện các dự án thuộc chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng KH-CN phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi" là chủ trương đúng đắn và phù hợp với nhu cầu của người dân, do nội dung thực hiện dự án chứa đựng đầy đủ những yếu tố cần thiết như: Tập huấn, đào tạo chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ; chuyên gia có trình độ triển khai chương trình; hỗ trợ đầu tư giống, vật tư trang thiết bị cần thiết,...

Đánh giá tác động của từng yếu tố trong dự án:

1. Việc tập huấn, phổ biến những tiến bộ kỹ thuật như trên đã nói người dân không phải không nhận biết nhưng do đặc tính của người nông dân là mắt thấy, tai nghe, quen làm theo tập quán lâu đời nên việc nghe và tự nguyện đem vào áp dụng trong sản xuất chỉ có ở một ít bộ phận nông dân. Do đó, tập huấn phải gắn liền với thực tế sản xuất, phải tổ chức điểm trình diễn trực tiếp tại các hộ dân, tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo đầu bờ trao đổi kinh nghiệm, tự người nông dân đặt vấn đề cho người nông dân tự trả lời với nhau họ sẽ dễ tiếp thu nhất, nhưng không thể thiếu đội ngũ kỹ thuật hỗ trợ từ ban đầu về quy trình kỹ thuật, biện pháp canh tác... Song song với tập huấn cho người nông dân cũng cần phải đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên tại chỗ (cán bộ khuyến nông) nắm sâu về công nghệ chuyển giao, đủ năng lực, trình độ giải đáp cũng như gỡ rối những vướng mắc cho nông dân trong quá trình canh tác.

2. Đội ngũ chuyên gia, đây là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của dự án chuyển giao tiến bộ kỹ thuật (đây là sự khác biệt của dự án thuộc chương trình nông thôn với các dự án khác)

Các chuyên gia của dự án thuộc các đơn vị Viện, Trường, Các cơ quan kỹ thuật của tỉnh am hiểu những công nghệ chuyển giao được chọn để triển khai dự án trực tiếp tại địa bàn nông thôn; qua dự án gắn kết được các chuyên gia về với sản xuất; người nông dân yên tâm hơn và tin tưởng hơn. Chuyên gia phải là người nhiệt tình, năng động không ngại khó, ngại khổ để đến với người nông dân đồng thời phải kiên nhẫn và tự tin.

Người nông dân khi nghe triển khai dự án bước đầu rất nhiệt tình đăng ký tham gia, nhưng khi triển khai đôi khi còn ngần ngại, thiếu tự tin trong ứng dụng công nghệ mới, vd: khi triển khai sử dụng máy sạ hàng trong sản xuất lúa, qua sử dụng máy thì giảm lượng giống từ 200-220kg/ha xuống còn từ 100-120kg/ha, các hộ cam kết tham gia sau gieo

sạ nhìn thấy hạt lúa quá thưa, lo âu lúa sẽ thất mùa sau đó khi cán bộ kỹ thuật không chú ý, sạ thêm lúa giống vào, như vậy sẽ ảnh hưởng ngay đến kết quả của mô hình. Một số hộ, được tập huấn, cung cấp vật tư nhưng thực tế khi thực hiện lại không đảm bảo quy trình,...

3. Hỗ trợ vật tư trang thiết bị xây dựng mô hình:

Đây là giải pháp hỗ trợ trong chuyển giao công nghệ, là điểm để người dân học tập thực tế, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau trong việc áp dụng công nghệ mới, để giúp người dân tin tưởng hơn trong việc ứng dụng công nghệ, khuyến khích các hộ dân mạnh dạn hơn trong những bước đi ban đầu, đồng thời qua xây dựng mô hình khẳng định lại quy trình công nghệ phù hợp được với điều kiện địa phương.

Việc đầu tư hỗ trợ trang thiết bị là cần thiết nhưng để tạo sự công bằng trong sản xuất, tránh sự ỷ lại của nông dân vào Nhà nước, tập ý thức trách nhiệm trong hợp tác phát triển, các vật tư trang thiết bị hỗ trợ cần phải có thu hồi với tỉ lệ phù hợp (thường là nên nhất quán tỉ lệ giữa các chương trình), nhằm tránh sự so kè của các hộ dân tham gia chương trình này với các hộ dân tham gia chương trình khác, nhất là tránh tình trạng trông chờ vào dự án đầu tư thì thực hiện, không đầu tư thì không cải tiến. Có thể áp dụng hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm trong triển khai dự án như tính toán các vật tư thiết bị cần thiết để người dân đủ thực hiện mô hình, đầu tư theo tỉ lệ không phải thu hồi.

Nhưng thu hồi cũng phải quan tâm đến sự rủi ro của dự án, vì thường các dự án về lĩnh vực nông nghiệp mang tính rủi ro cao như thiên tai, lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh,... với những trường hợp đó cùng bàn bạc để giảm miễn thu hồi. Đối với những hộ cố ý không nộp thu hồi cần kết hợp chính quyền địa phương có biện pháp xử lý.

Việc thu hồi kinh phí không nhất thiết là phải nộp trả vào ngân sách mà nguồn này có thể tính toán để đầu tư mở rộng dự án.

Việc triển khai dự án mạng lại hiệu quả cao cho các vùng, các hộ tham gia trực tiếp vào dự án, nhưng việc mở rộng mô hình sang các vùng các hộ khác còn hạn chế do các mô hình không triển khai rộng được, (do thiếu nguồn kinh phí, muốn đầu tư cho một vùng khác phải xây dựng và lập thủ tục xét mới, phải mang tính mới)

Một số giải pháp đề xuất và kiến nghị:

- Công nghệ phù hợp, phải lựa chọn những công nghệ có điều kiện phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, quy trình đã được nghiên cứu thử nghiệm hoàn chỉnh, điều này đòi hỏi khi xây dựng dự án, BCN dự án phải khảo sát kỹ tình hình địa phương và nắm được tập quán sản xuất của dân để có hướng hỗ trợ. Kiến nghị: Bộ KHCN cần dành một phần kinh phí để xây dựng các dự án chuẩn bị đầu tư.

- Chuyên gia nhiệt tình, am hiểu công nghệ chuyển giao, sẵn sàng bám sát vùng nông thôn để triển khai hiệu quả mô hình; để khuyến khích cần có chế độ chính sách phù hợp cho những cán bộ này;

- Đào tạo tập huấn, với hình thức vừa học vừa làm, cầm tay chỉ việc tức là phải học cụ thể trên đồng ruộng, trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất; tổ chức tham quan học tập

lẫn nhau ở những điểm có mô hình thành công;

- Xây dựng mô hình, chọn hộ nông dân tự nguyện, ham mê ứng dụng khoa học, hỗ trợ vật tư thiết bị phục vụ công nghệ mới. Phối hợp với việc bám sát của các chuyên gia, kỹ thuật viên và tăng cường công tác kiểm tra của BCN dự án.

- Phối hợp đồng bộ giữa các chương trình, hiện nay trong lĩnh vực nông thôn không ít những chương trình được nhà nước hỗ trợ, để mang tính đồng bộ và mở rộng sự thừa hưởng của các hộ nông dân, tăng hiệu quả của dự án cần có chủ trương phối hợp ở cấp Trung ương để các địa phương cùng thực hiện

- Nên có dự án ở quy mô vùng hay hợp tác xã, cần có yếu tố quan hệ sản xuất gắn kết nhau, có quy mô đất rộng, các nông hộ cùng định hướng phát triển, việc ứng dụng khoa học- công nghệ sẽ dễ dàng hơn, cán bộ khoa học kỹ thuật có thể bám trụ theo dự án. Với tổ chức hợp tác xã có thể đầu tư dự án tín dụng cho các hộ dân vay lãi suất thấp, thời gian phù hợp điều kiện sản xuất; từ đó, với quy mô lớn, sản phẩm nhiều có thể dễ dàng hợp đồng với các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm tạo sự ổn định cho đầu ra của sản xuất, sẽ kích thích người dân tự nâng cao kiến thức và tự tìm kiếm những quy trình kỹ thuật để tăng năng suất, hiệu quả trong sản xuất.

VÀI Ý KIẾN NHẬN XÉT TRONG QUÁ TRÌNH QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN VÀ MIỀN NÚI Ở TỈNH CÀ MAU

KS. Nguyễn Văn Thuộc
Sở KHCN&MT Cà Mau

7 ừ năm 1998 - 2002 tỉnh Cà Mau được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) đầu tư kinh phí để thực hiện 4 dự án chuyển giao tiến bộ kỹ thuật phục vụ sản xuất thuộc Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi giai đoạn 1998 - 2002". Tổng kinh phí thực hiện được Bộ cấp lên đến 1.900 triệu đồng, chưa kể vốn đối ứng địa phương và nhân dân tham gia đóng góp, đó là:

1. Dự án "Xây dựng phòng nuôi cấy mô thực vật phục vụ nhân giống mía trong tỉnh Cà Mau".
2. Dự án "Xây dựng mô hình ứng dụng TBKT khai thác tiềm năng vùng kinh tế ven biển Tây tỉnh Cà Mau".
3. Dự án "Ứng dụng tiến bộ KHKT để phát triển nuôi trồng thủy sản ở 2 huyện Cái Nước và Ngọc Hiển".
4. Dự án "Xây dựng mô hình ương nuôi tôm càng xanh trong vùng ngọt hoá".

Qua đánh giá sơ bộ kết quả 4 dự án tỉnh Cà Mau đã và đang thực hiện, chúng tôi có mấy nhận xét sau đây:

- Đối với các dự án trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp thuộc Chương trình NTMN, khâu khảo sát chọn địa bàn, xác định đối tượng cây trồng vật nuôi và tiến bộ kỹ thuật để chuyển giao là rất quan trọng, nó sẽ quyết định sự thành công hay không thành công của dự án và cả việc duy trì nhân rộng được mô hình. Phải xác định cho được những yếu tố có liên quan mật thiết với cây trồng vật nuôi xem nó có thích nghi và phát triển được hay không? Tốt nhất không nên chọn những

đối tượng quá mới mẻ và quá nhạy cảm đối với vùng đất dự án. Trình độ và nguyện vọng của nhân dân, khả năng đối ứng vốn tham gia dự án ra sao, có đủ các điều kiện tiếp nhận được đối tượng chuyển giao hay không? Việc qui hoạch sản xuất đã ổn định hay chưa để tránh tình trạng khi mô hình thành công thì lại thay đổi không nhân rộng được như mô hình lúa cá đồng, lúa 2 vụ của dự án 2 (khi đã thành công thì lại chuyển dịch sang nuôi tôm sú). Đã chọn đủ các yếu tố trên rồi, trong quá trình thực hiện cũng cần phải tuân thủ tính mùa vụ của cây trồng vật nuôi để hạn chế dịch bệnh, đảm bảo được giá và nâng cao hiệu quả kinh tế. Trong trường hợp cần thiết cũng cần phải thay đổi, bổ sung nội dung đầu tư để đảm bảo tính mới, phù hợp và nâng cao được hàm lượng khoa học cho dự án và trong điều kiện đặc biệt cũng nên ngừng không thực hiện tiếp tục dự án.

- Hình thành mối quan hệ tốt giữa chủ nhiệm, cơ quan chủ trì với cán bộ và nhân dân địa phương tiếp nhận dự án là vô cùng quan trọng. Sự nhiệt tình tâm huyết của chủ nhiệm sẽ có tác dụng động viên, tạo được sự đồng thuận với địa phương và nhân dân để họ hăng hái cùng bỏ vốn đối ứng và công sức thực hiện tốt dự án, đồng thời sẽ không hình thành "cảm giác được ban phát" mà là "tình cảm cùng hợp tác" gắn bó nhau hơn trong mục tiêu chung. Đây là bài học thực hiện dự án 2 và 4, kết quả đạt được khá tốt là nhờ tình cảm gắn bó giữa cơ quan chủ trì, chủ nhiệm với địa phương luôn phát triển trong quá trình thực hiện dự án và vẫn duy trì tốt ngay cả sau khi dự án kết thúc. Các chủ nhiệm đã chịu khó lắng nghe và quán triệt cho nhân dân và địa phương mục tiêu,

nội dung và ý nghĩa của các mô hình dự án nên nhân dân đồng tình và sẵn sàng hợp tác.

- Về cơ quan chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho dự án, chúng tôi thấy rằng: Đối với vùng sâu vùng xa như Cà Mau, nếu đối tượng cây trồng vật nuôi có tính truyền thống, kỹ thuật công nghệ chuyển giao không quá cao siêu mà các trung tâm khuyến nông, khuyến ngư... tại địa phương có người trợ giúp thì có thể không bắt buộc phải có cơ quan chuyển giao là Viện, Trường, Trung ương, vì quá xa xôi Viện, Trường không thể bám địa bàn giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc được, nếu buộc phải gắn kết Viện, Trường cũng sẽ phải phối hợp với cán bộ các cơ quan địa phương nói trên để thực hiện việc chuyển giao, mà đôi khi rất không kịp thời lại tốn kém thêm kinh phí gián tiếp và quá nhiều trung gian, phần đầu tư trực tiếp cho dân sẽ bị ít đi không có lợi cho địa phương và nhân dân.

- Đã xác định là xây dựng mô hình thì không được bố trí dàn trải mà phải chọn hộ hợp tác có đủ điều kiện đảm bảo thực hiện thành công mô hình cho các hộ khác học tập, nhân rộng, cụ thể các hộ chịu hợp tác phải có trình độ kiến thức tối thiểu đủ sức để tiếp thu các tiến bộ kỹ thuật dự án sẽ chuyển giao, có vốn đối ứng cần thiết và lao động, đất đai, quan trọng hơn hết là có tính cần cù, chịu khó học hỏi nắm bắt tiếp thu khoa học kỹ thuật. Kinh nghiệm cho thấy nếu dự án đầu tư cho những hộ trình độ nhận thức quá kém, ngại lao động, thiếu vốn đối ứng kiểu như đầu tư xoá đói giảm nghèo thì chẳng những không xây dựng được mô hình cần thiết như thiết kế của dự án mà còn làm tổn thương đến lòng tin của dân đối với mục tiêu nội dung và kết quả của dự án, sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các bước tiếp theo của dự án và cả đến chương trình lớn của nhà nước.

- Về tiến bộ kỹ thuật và công nghệ xin chuyển giao trong các dự án cũng cần cân nhắc kỹ sao cho ngang tầm, phù hợp với điều kiện và trình độ của cơ quan quản lý ở địa

phương và nhân dân tiếp nhận. Những công nghệ trình độ cao, đầu tư thiết bị máy móc lớn, người thao tác thực hiện đòi hỏi có trình độ nhất định và đối tượng là những cá thể sinh vật nhạy cảm với môi trường thì cần phải xem xét nhiều vấn đề có liên quan một cách thận trọng, sao cho đảm bảo được mục tiêu, nội dung dự án và nhận chuyển giao tiến bộ kỹ thuật để phục vụ sản xuất đời sống và phát triển kinh tế xã hội chứ không phải chỉ để trang trí cho lấy có. Cũng cần tránh trường hợp khi được đầu tư chuyển giao nhưng địa phương lại không ứng dụng khai thác được hoặc không mang lại hiệu quả kinh tế xã hội mà còn trở thành một gánh nặng để cuối cùng phải xếp nó lại như một số phòng cấy mô và nuôi tôm công nghiệp qui mô hộ ở Cà Mau.

Kết luận và kiến nghị

- Đối với Cà Mau các dự án thuộc Chương trình Nông thôn Miền núi đã gióng lên tiếng chuông khoa học làm thức tỉnh các địa phương và nhân dân, khơi dậy những tiềm năng đất đai và lao động, làm chuyển biến tốt nhận thức của những người được tiếp nhận dự án.

- Dù có nơi, có dự án thành công tốt, có dự án còn nhiều hạn chế nhưng chương trình NTMN cần phải được tiếp tục và mở rộng hơn nữa, đầu tư mạnh hơn nữa nhưng phải được kiểm tra chặt chẽ, thường xuyên, kịp thời và nghiệm thu đánh giá kỹ, có biểu dương khen thưởng càng tốt.

- Do cây trồng vật nuôi (nông lâm ngư) là các đối tượng sinh học rất nhạy cảm và rất khó thâm nhập vào tập quán sản xuất của nông dân vùng sâu vùng xa, khả năng thành công mang lại hiệu quả nhanh là rất hạn chế nên xin kiến nghị tiếp tục không thu hồi đối với những dự án thuộc loại này.

- Đầu năm nên cấp sớm kinh phí để các địa phương được chủ động hơn và đảm bảo được tính mùa vụ.

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

MỐI QUAN HỆ PHÂN CÔNG PHỐI HỢP GIỮA SỞ, CƠ QUAN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ ĐỊA BÀN THỰC HIỆN DỰ ÁN NHƯ THẾ NÀO, NÊN LÀM NHƯ THẾ NÀO ĐỂ VIỆC TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC THUẬN LỢI VÀ ĐẠT KẾT QUẢ CAO HƠN

TS. Đào Huy Quý

Giám đốc Sở KHCN&MT Nam Định

Trong các năm 1998 - 2002, tỉnh Nam Định được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phê duyệt cho thực hiện 3 dự án thuộc Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998 - 2002":

- Dự án "Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN nuôi cá lươn lúa trên vùng đất trũng huyện Vụ Bản". Thời gian thực hiện: 1998 - 2000. Cơ quan chuyển giao công nghệ: Viện Sinh học, Trường Đại học Nông nghiệp I. Nghiệm thu đạt loại xuất sắc.

- Dự án "Ứng dụng công nghệ Khâm Châu Trung Quốc xây dựng trại sản xuất tôm sú giống, nuôi tôm theo mô hình sinh thái đạt năng suất 3 tấn/ha". Thời gian thực hiện: 2000 - 2002. Cơ quan chuyển giao công nghệ: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Vùng. Chưa đánh giá nghiệm thu.

Từ kết quả triển khai, thực hiện các dự án trên, chúng tôi xin trao đổi về những vấn đề như sau:

- Vai trò, vị trí của Sở KHCN&MT trong thực hiện dự án.
 - Vai trò, vị trí của địa bàn triển khai dự án.
 - Vai trò, vị trí của cơ quan chuyển.
1. Vai trò, vị trí của Sở KHCN&MT:

Ngay từ giai đoạn đầu, giai đoạn đầu tư của các dự án thuộc Chương trình NTMN, Sở KHCN&MT đã xác định:

- Việc tổ chức xây dựng và thực hiện các dự án tại địa phương, Sở KHCN&MT phải là trung tâm, nòng cốt, giữ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, không thể dừng lại ở vai trò chuyển tải thông tin và quản lý về mặt Nhà nước.

- Đây là các dự án khoa học triển khai trên địa bàn nông thôn, tới hộ (hoặc đích cuối cùng là tới hộ), nơi đang có nhiều chủ trương chính sách, cơ chế quản lý mới của Đảng và Nhà nước đã và sẽ ban hành nhằm phục vụ cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng CNH - HĐH nên cần phải tạo được sự phối hợp, thống nhất về chủ trương, biện pháp trong lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp, các ngành chức năng có liên quan. Nhận thức này là phù hợp và khẳng định chủ trương đúng đắn trong lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ KHCN&MT (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) qua văn bản "Qui chế về tổ chức quản lý và chỉ đạo Chương trình".

- Trong các dự án cần phải các định rõ chủ đầu tư là các cá nhân, đơn vị có ý tưởng và tự nguyện đầu tư, tự chịu trách nhiệm về huy động, bảo toàn vốn và phát triển sản xuất theo yêu cầu của cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng; các cơ quan điều hành dự án và các ngành chức năng có liên quan chỉ thực hiện chức năng hướng dẫn, trợ giúp kỹ thuật và vốn theo chế độ khuyến khích đầu tư và phát triển.

I. Từ nhận thức trên, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Lựa chọn các nhiệm vụ KHCN cần áp dụng ngay trong giai đoạn 1998 - 2002, đưa vào kế hoạch, báo cáo với thường trực UBND tỉnh và Bộ KHCN.

- Làm việc với lãnh đạo UBND huyện Giao Thủy, Vụ Bản, Nghĩa Hưng. Tiếp theo là cùng với lãnh đạo huyện, ngành chuyên môn huyện làm việc với chính quyền xã và các hộ dự kiến tham gia dự án.
- Làm việc với các Sở chuyên ngành, các cơ quan quản lý tổng hợp như Sở NN&PTNT, Sở Thủy sản, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá...bàn biện pháp phối hợp hỗ trợ và triển khai dự án.
- Tổ chức cuộc Hội thảo khoa học "Hoạt động khoa học phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản tỉnh Nam Định" (Tổ chức ngày 30/03/2000 do đồng chí chủ tịch UBND tỉnh và đồng chí Thứ trưởng Bộ KHCN&MT đồng chủ trì).

Sở KHCNMT tỉnh Nam Định đã nhanh chóng nhận được sự tán đồng trong nhận thức, thống nhất ý chí trong hành động trong các cấp, các ngành khi thực hiện các dự án tại địa phương. Kết quả là:

1. Lựa chọn đúng được các hộ - chủ đầu tư; huy động được nguồn lực các hộ tham gia vào thực hiện dự án (có hộ bán xe máy để đầu tư); xã và huyện giao hạn giao khoán đất công cho hộ (dự án cá - lúa). Sau khi nghiệm thu mô hình đã được nhân rộng ở các huyện có điều kiện tương tự.

2. Huy động được vốn xây dựng cơ bản, Vốn sự nghiệp khoa học tỉnh cho dự án nuôi cấy mô, tổ chức được hệ thống mạng lưới sản xuất giống khoai tây tạo ra bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật phục vụ cho xuất khẩu với mô hình: Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường sản xuất

giống Invitro: Trung tâm giống cây trồng (Sở NN&PTNT) - giống siêu nguyên chủng; các địa phương sản xuất giống F1 phục vụ sản xuất đại trà và khoai tây thương phẩm. Vào tháng 3/2003, Thường trực UBND tỉnh Nam Định nghe Sở KHCN&MT và Sở NN&PTNT báo cáo chuyên đề về việc "Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống sản xuất giống khoai tây nuôi cấy mô tế bào thực vật phục vụ cho Chương trình xuất khẩu", để quyết định chủ trương đầu tư.

3. Lồng ghép được nguồn vốn từ các Chương trình như nguồn vốn 773, quỹ khuyến khích đầu tư và phát triển,...(cho dự án tôm, trước đó năm 1998 - 1999 không được xem xét phê duyệt); thành lập mới được Trung tâm giống thủy sản huyện Nghĩa Hưng. Sau hội thảo khoa học, UBND tỉnh cho phép thực hiện và đã phê duyệt qui hoạch tổng thể phát triển nuôi trồng thủy sản 3 huyện ven biển đến năm 2010, nay chuẩn bị thực hiện qui hoạch chi tiết.

II. Vai trò của các cơ quan trên địa bàn thực hiện dự án:

Như đã nêu ở trên, đây là các dự án triển khai trên địa bàn nông thôn, tới hộ (hoặc đích cuối cùng là hộ), nơi đang có nhiều chủ trương chính sách, cơ chế quản lý mới của Đảng và Nhà nước đã và sẽ ban hành nhằm phục vụ cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng CNH - HĐH; nên cần phải tạo được sự phối hợp, thống nhất về chủ trương, biện pháp trong lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp. Ở giai đoạn thực hiện đầu tư, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã phân định rõ cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện dự án và cơ chế thực hiện đầu tư. Cụ thể là:

- Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của UBND huyện, xã hoặc ngành kinh tế - kỹ thuật.
- Vai trò của chủ đầu tư (các hộ hoặc trạm, trại).

1. Về vai trò lãnh đạo và chỉ đạo của UBND huyện, xã hoặc ngành kinh tế - kỹ thuật:

Giải quyết các vấn đề về cơ chế chính sách liên quan đến thực hiện dự án trên địa bàn như: giao đất, mức khoán giá trị giao nộp (liên quan đến mục tiêu mở rộng kết quả KHCN ra sản xuất). Do nhận thức như vậy:

a. *Đối với dự án cá - lúa:* Sở KHCN&MT tỉnh Nam Định đã thành lập Ban chủ nhiệm dự án bao gồm đồng chí Giám đốc Sở và Phó Chủ tịch UBND huyện Vụ Bản, UBND huyện Vụ bản thành lập tổ công tác bao gồm đồng chí lãnh đạo, cán bộ phòng NN-PTNT, đồng chí Phó Chủ tịch UBND các xã hưởng thụ dự án để chỉ đạo triển khai thực hiện, tiếp thu công nghệ từ lúc khởi đầu thực hiện đến khi kết thúc dự án. UBND huyện quyết định phê duyệt danh sách các hộ tham gia thực hiện dự án. Các bộ phận này đều được qui định chức năng nhiệm vụ và quyền hạn rõ ràng. Nhờ vậy, lãnh đạo UBND huyện, xã đều vào cuộc và trên thực tế những vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện và xã đều được phản ánh, giải quyết kịp thời. Dự án đã được Hội đồng nghiệm thu Bộ KHCN đánh giá đạt loại khá và đang được nhân rộng mô hình.

b. *Đối với dự án nuôi cấy mô:* Sở KHCNMT thực hiện việc liên kết theo ngành trong khuôn khổ thực hiện các dự án nhánh: Sở KHCNMT (Phòng nuôi cấy mô) thực hiện sản xuất thực nghiệm giống Invitro, Trung tâm giống cây trồng (Sở NN&PTNT) sản xuất giống siêu nguyên chủng, nguyên chủng, phòng sản xuất, trung tâm khuyến nông (Sở NN&PTNT) chỉ đạo sản xuất thử nghiệm giống F1, khoai tây thương phẩm trên địa bàn các huyện. Nhờ vậy về cơ bản trong giai đoạn thực hiện dự án đã hình thành mô hình sản xuất giống khoai tây bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật và từ cuối năm 2000 đến năm 2002 đã sản xuất được hơn 220kg loại nguyên chủng (đạt năng suất 7,4tấn/ha), đến vụ đông năm 2001 thu

5.500kg loại nguyên chủng (đạt năng suất 8,3tấn/ha), vụ đông năm 2002 triển khai trên 10ha tạo 3 huyện Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực với năng suất giống F1 đạt 20tấn/ha (theo số liệu báo cáo nhanh). Dự án đã nghiệm thu tháng 2/2003, Hội đồng KHCN cấp nhà nước đánh giá loại xuất sắc.

c. *Đối với dự án sản xuất tôm giống và nuôi tôm:* Sở KHCNMT thành lập các tiểu ban chỉ đạo thực hiện mô hình: Ban chỉ đạo mô hình sản xuất tôm sú giống và nuôi tôm công nghiệp do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng làm trưởng ban và các đồng chí thuộc phòng Thủy sản huyện, chuyên viên thuộc Sở KHCNMT. Nhờ vậy, các trình tự đầu tư từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến đầu tư trại sản xuất tôm sú giống, khu ao nuôi công nghiệp, thủ tục thành lập Trung tâm giống Thủy sản Nghĩa Hưng, huy động vốn 773, vốn xây dựng cơ bản lồng ghép vào việc thực hiện dự án đều được thực hiện nhanh chóng. Ở đây cần nhấn mạnh rằng: Vào thời điểm Bộ KHCNMT phê duyệt dự án - ngày 11/8/2000, huyện Nghĩa Hưng chưa có dự án đầu tư, chưa có trung tâm giống; vậy mà 6 tháng sau dự án đầu tư đã được phê duyệt, trung tâm giống của huyện đã được thành lập, vốn 773, vốn XDCB của huyện năm 2000 đã được bố trí vào xây dựng trạm biến thế, đường dây tải điện và kiên cố hoá đường giao thông vào trại.

Sở KHCNMT thành lập Ban chỉ đạo mô hình nuôi tôm sinh thái đạt 1tấn/ha bao gồm đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện Giao Thủy làm trưởng ban và các đồng chí thuộc Phòng Thủy sản huyện, chuyên viên Sở KHCNMT, UBND huyện quyết định phê duyệt danh sách các hộ tham gia thực hiện dự án. Ban chỉ đạo mô hình đã chỉ đạo các hộ thực hiện nhiệm vụ đầu tư XDCB cho việc thực hiện mô hình. Dự án thực hiện 2 năm, chưa tổ chức đánh giá nghiệm thu năm 2002.

Tóm lại, trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình NTMN, tùy thuộc đặc điểm cụ thể của từng dự án mà Sở KHCNMT

xác định cơ chế phối hợp cụ thể với chính quyền địa phương, ngành sao cho chuẩn xác. Đó là mối liên kết không thể thiếu đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện dự án.

2. Về vai trò của chủ đầu tư

Trong các dự án thuộc Chương trình NTMN ngoài việc phân định rõ chức năng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện dự án; cần phải xác định rõ chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải là đơn vị hoặc cá nhân có ý tưởng và tự nguyện đầu tư xây dựng mô hình, tự chịu trách nhiệm về huy động, bảo toàn vốn và phát triển sản xuất phù hợp với cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, cơ chế quản lý đối với các dự án thuộc Chương trình NTMN.

Để giải quyết vấn đề này, trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (khảo sát, xây dựng dự án thuộc Chương trình NTMN), Sở KHCVNT chủ động phối hợp với tổ chức KHCV dự kiến làm nhiệm vụ chuyển giao công nghệ cho dự án thực hiện nhiệm vụ khảo sát, giới thiệu công nghệ, giới thiệu nội dung chính của dự án để các chủ đầu tư hiểu rõ mà tự nguyện, có trách nhiệm trong việc đầu tư xây dựng mô hình.

III. Vai trò chuyển giao công nghệ của cơ quan KHCV Trung ương

Về vai trò của cơ quan CGCN xin nêu 2 điểm:

- Điều kiện tham gia dự án đối với cơ quan CGCN.
- Mối quan hệ giữa Sở KHCVNT tỉnh, các cơ quan chức năng trong tỉnh với cơ quan CGCN.
- Sở KHCV&MT tỉnh Nam Định xác định, cơ quan chuyển giao công nghệ đóng vai trò quyết định đối với việc thành, bại của dự án. Bởi lẽ đây là dự án KHCV chứa đựng nhiều yếu tố công nghệ phức tạp cần phải thực hiện.

1. Điều kiện tham gia dự án đối với cơ quan CGCN: Có lẽ các bạn đồng nghiệp, các

nhà khoa học và công nghệ thuộc các cơ quan KHCV tán đồng với chúng tôi rằng:

Thứ nhất: Cơ quan chuyển giao công nghệ phải là đơn vị có đủ tiềm lực KHCV, có và làm chủ được công nghệ cần chuyển giao thì việc thực thi hoạt động chuyển giao công nghệ mới được tiến hành thuận lợi, có hiệu quả.

Thứ hai: Cơ quan, cán bộ thực thi công việc CGCN phải tận tâm, tận lực với công việc, với đơn vị, với người dân tiếp nhận công nghệ. Họ là những người bỏ vốn đầu tư mà chưa biết gì hoặc là hiểu biết còn rất ít về công nghệ nên họ phân vân, dao động là điều dễ hiểu. Chỉ có nhiệt thành, tận tụy trong công việc của người cán bộ KHCV mới giải mã cho nỗi băn khoăn này.

2. Về quan hệ giữa Sở KHCVNT tỉnh, các cơ quan chức năng trong tỉnh với cơ quan CGCN: là mối quan hệ theo chức năng. Chức năng này được thể hiện theo hợp đồng KHCV trong khuôn khổ thực hiện các dự án thuộc Chương trình NTMN hoặc theo Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 1/7/1998 của Chính phủ qui định chi tiết về chuyển giao công nghệ. Mối quan hệ này được nêu trong các điều khoản, các phụ lục trong hợp đồng và trong cả dự toán kinh tế khi thực hiện hợp đồng.

Giai đoạn 1998 - 2002, tỉnh Nam Định đã thực hiện 3 dự án, đã thành công tốt 2 dự án, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ rệt, góp phần định hướng trong chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và nông thôn, là cơ sở khoa học để các huyện và tỉnh đưa vào kế hoạch áp dụng ra diện rộng. Dự án nào hội tụ đủ 3 yếu tố trên là dự án thành công, trong đó vai trò của cơ quan chuyển giao công nghệ là rất quan trọng, vai trò chủ đầu tư có tính quyết định, yếu tố quản lý của Sở KHCVNT không thể thiếu.

IV. Kiến nghị

1. Các dự án thuộc Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công

nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi", nhất là các dự án thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản thường mang tính thời vụ, các địa điểm thực hiện dự án thường gắn với qui hoạch của khu vực nhất là qui hoạch chi tiết, kỹ thuật nhằm khai thác có hiệu quả các điều kiện tự nhiên (phần lớn các địa phương chưa làm được); đề nghị nên kéo dài 3 năm: năm đầu là qui hoạch (qui hoạch khu vực), thiết kế kỹ thuật, xây dựng cơ sở hạ tầng và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện dự án; năm thứ 2 và 3 là thực hiện và hoàn chỉnh mô hình. Thực hiện được như vậy, mô hình không những hoàn thiện, hiệu quả trong khuôn khổ dự án, còn hoàn thiện và hiệu quả ở mục tiêu mở rộng.

2. Nên xây dựng định mức cụ thể phục vụ cho công tác lập dự toán, nhất là nhiệm vụ quản lý, điều hành dự án, thuê khoán chuyên gia. Trong thuê khoán chuyên gia cần phân định sự chuyển giao công nghệ của các viện,

các trung tâm mà tiến bộ kỹ thuật là sản phẩm khoa học do Nhà nước đầu tư với TBKT có Know - how (các bí quyết công nghệ) và không phải là sản phẩm do Nhà nước đầu tư.

3. Việc lựa chọn và chỉ định các đơn vị chuyển giao công nghệ là hết sức quan trọng trong quá trình chuẩn bị nên các Sở KHCNMT và Bộ Khoa học và Công nghệ cần xem xét, quyết định cho chuẩn xác. Đơn vị chuyển giao công nghệ phải là đơn vị có tiềm lực KHCN, có và làm chủ được công nghệ cần chuyển giao. Ngoài cơ chế tuyển chọn đơn vị, cá nhân thực hiện dự án thì việc tuyển chọn cơ quan CGCN là hết sức quan trọng, đóng góp phần lớn vào thành công dự án và khả năng mở rộng mô hình.

4. Đề nghị Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ cho tiếp tục triển khai thực Chương trình NTMN sâu, rộng hơn nữa.

NHỮNG KINH NGHIỆM VỀ CÁCH THỨC TỔ CHỨC PHỐI HỢP, QUẢN LÝ VÀ CHỈ DẠO THỰC HIỆN DỰ ÁN.

Sở KHCNMT Đồng Tháp

Từ lúc triển khai Chương trình Nông thôn Miền núi, tại tỉnh Đồng Tháp thực hiện 3 dự án cấp nhà nước và 3 dự án cấp tỉnh. Trong quá trình tổ chức thực hiện, chúng tôi đã rút ra một số kinh nghiệm về chỉ đạo, điều hành và quản lý dự án. Trong khuôn khổ của một bài tham luận, chúng tôi xin sơ lược những kinh nghiệm đã tích lũy được.

1. Xác định nội dung và quy mô dự án:

Điều đầu tiên và cũng hết sức quan trọng là việc xác định nội dung và quy mô của dự án. Nói chung nội dung các dự án triển khai thuộc lĩnh vực khoa học thì rất nhiều, nhưng phải chọn các nội dung vừa phù hợp với mục tiêu chung của chương trình là phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi, vừa mang tính ứng dụng các kết quả khoa học công nghệ, và phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương.

Muốn xác định tốt nội dung theo hướng như vậy thì phải căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đối chiếu với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình Nông thôn Miền núi; từ đó xác định nội dung cụ thể của dự án. Kinh nghiệm cho thấy các địa phương rất thích các dự án được thực hiện ở địa bàn mình không cần biết là phù hợp hay không phù hợp, thành công hay thất bại, vì vậy một yêu cầu có tính nguyên tắc là nội dung dự án phải phù hợp với nhu cầu của địa phương.

Để đảm bảo đúng yêu cầu của Chương trình là "ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội", khi chọn nội dung dự án phải xác định được tính mới, tính đột phá và đáp ứng yêu cầu của địa phương hoặc của vùng. Là dự án ứng dụng, triển khai

nên các dự án của Chương trình ngoài việc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn trong vùng dự án, cần phải tính đến việc triển khai nhân rộng mô hình khi dự án kết thúc; các mô hình (dự án) được triển khai phải là những mô hình mẫu mực và những kết quả của nghiên cứu triển khai phải chuyển giao cho nông dân áp dụng vào sản xuất và đời sống. Điều đó có ý nghĩa là thành công của dự án, ngoài việc góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội còn phải tạo cho nông dân, say mê sáng tạo, say mê với việc ứng dụng khoa học công nghệ.

Ngoài ra còn một yếu tố phụ nhưng cũng rất quan trọng là phải xác định quy mô dự án phù hợp. Phù hợp ở đây là phù hợp với khả năng tổ chức triển khai, khả năng quản lý, khả năng kinh phí đối ứng của đơn vị tiếp nhận và địa phương. Theo quy trình hiện tại, Sở KHCNMT địa phương là Cơ quan chủ trì dự án, cho nên ngoài nhiệm vụ quản lý nhà nước Sở còn phải làm nhiệm vụ quản lý dự án, một việc làm có thể coi là "không chuyên môn" lắm. Do đó chỉ có những dự án với quy mô nhỏ thì mới quản lý nổi. Thông thường một dự án, kinh phí hỗ trợ của TW chỉ là một phần, phần còn lại là do kinh phí sự nghiệp khoa học địa phương và của đơn vị, cá nhân tiếp nhận dự án đảm nhiệm. Nếu kinh phí dự án quá lớn, thì địa phương phải huy động (phân bổ) từ nhiều nguồn và thực tế cho thấy càng huy động từ nhiều nguồn thì việc cấp vốn cho thực hiện dự án gặp rất nhiều khó khăn, không đảm bảo thời gian. Theo chúng tôi, nên thực hiện các dự án với quy mô vừa phải, để ngoài phần hỗ trợ từ kinh phí TW, phần còn lại sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học địa phương phân bổ hàng năm và một phần đóng góp của đơn vị, cá nhân tiếp nhận dự án.

Lựa chọn cơ quan chuyển giao công nghệ và đơn vị, cá nhân tiếp nhận dự án:

Sau khi đã xác định nội dung, quy mô dự án, bước tiếp theo là xác định cơ quan chuyển giao công nghệ và đơn vị, cá nhân tiếp nhận công nghệ.

Cơ quan chuyển giao cần xác định là có kinh nghiệm trong chuyển giao công nghệ; có uy tín trong lĩnh vực chuyên môn mà nội dung dự án sẽ triển khai. Cách tìm hiểu xác định cơ quan chuyển giao qua nhiều nguồn: thông tin quảng cáo, giới thiệu của cá nhân, tổ chức, tự tiếp xúc... Nhưng theo chúng tôi nên chọn ngay các tổ chức (cá nhân) là chủ hoặc tác giả các công trình, công nghệ sẽ chuyển giao là tốt nhất.

Đơn vị, cá nhân tiếp nhận phải có ngành nghề phù hợp với công nghệ sẽ triển khai. Chỉ có như vậy dự án mới mang lại hiệu quả ngay. Trước khi chọn, phải tìm hiểu thật kỹ và phải xác nhận đúng đơn vị, cá nhân thật sự có ý thức tiếp nhận để thực hiện và phát triển. Ngoài ra cũng còn phải tính đến khả năng triển khai, vốn đối ứng của đơn vị, cá nhân đó. Theo chúng tôi nên chọn các doanh nghiệp tư nhân hoặc cá nhân tiếp nhận các dự án là tốt nhất vì đây là loại hình phù hợp với việc thực hiện, triển khai các dự án vừa và nhỏ. Hơn nữa đây là tổ chức rất tự chủ về kinh phí đóng góp một khi họ thấy có lợi.

Phối hợp với địa phương và các ngành liên quan chỉ đạo triển khai dự án:

Mỗi dự án đều gắn liền với một địa phương nhất định, và lẽ thông thường thì các địa phương rất muốn có dự án được triển khai ở địa phương mình. Kinh nghiệm cho thấy nếu được bàn bạc, trao đổi với địa phương ngay từ lúc đầu triển khai dự án rất thuận lợi. Địa phương còn có thể tham gia một số công việc cũng rất quan trọng như tìm nguồn vốn đối ứng, chọn đơn vị, cá nhân tham dự án, địa bàn triển khai, và tổ chức gặp gỡ các bên

liên quan. Địa phương ở đây được hiểu bao gồm cả tỉnh, huyện, xã, thôn (ấp).

Nếu dự án triển khai gọn trong một xã thì vai trò của xã là quan trọng; nếu dự án thực hiện trong nhiều xã thì vai trò của huyện là quan trọng; và nếu dự án triển khai ở nhiều huyện thì vai trò của tỉnh là quan trọng.

Trong quá trình triển khai dự án sẽ nảy sinh những vướng mắc nhất định, nếu chần chừ hoặc chờ điều chỉnh sẽ không kịp thời vụ (thời gian của dự án), cho nên cần tranh thủ các cơ quan chuyên môn của địa phương để giải quyết, sau đó mới điều chỉnh bổ sung. Và theo chúng tôi thì nên phối hợp với các cơ quan khuyến nông, khuyến công và dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp của địa phương để thực hiện các công đoạn canh tác, truyền thông, hội thảo, hướng dẫn... vừa tạo sự phối hợp với địa phương vừa góp phần nâng cao trình độ cán bộ địa phương thông qua dự án.

Lồng ghép với các chương trình, dự án khác:

Hiện tại ở địa phương có rất nhiều chương trình, dự án, mục tiêu quốc gia hoặc của tỉnh được triển khai với cùng đối tượng là nông thôn - nông nghiệp - nông dân và do rất nhiều ngành là chủ đầu tư; nếu có một cơ chế phối hợp cụ thể và triển khai đồng bộ thì với một số vốn nhất định có thể tăng quy mô của dự án vì tận dụng được lực lượng, cơ sở vật chất, trang bị ban đầu của những chương trình, dự án khác.

Trên đây là một số kinh nghiệm rút ra từ quá trình quản lý và chỉ đạo thực hiện dự án, chúng tôi muốn trao đổi, học hỏi nhằm rút ra những kết luận bổ ích góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình Nông thôn Miền núi trong những năm tiếp theo để thật sự đưa ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi nói riêng.

NÔNG DÂN LẠNG SƠN

VỚI CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 1998 - 2002

Sở KHCNMT Lạng Sơn



Qua 5 năm thực hiện 04 dự án nông thôn miền núi tại Lạng Sơn, trong đó có 02 dự án đã kết thúc. Các mục tiêu, nội dung của 02 dự án đề ra đã được hoàn thành và mang lại hiệu quả thiết thực cho người nông dân, đó là các dự án đầu tư xây dựng 1 số mô hình ứng dụng KHCN thâm canh tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và lao động địa phương góp phần ổn định và nâng cao sản lượng lương thực, tăng thu nhập cho người nông dân từ sản xuất nông nghiệp. Ngoài các mô hình sản xuất, các dự án đều tiến hành đào tạo, tập huấn cho các kỹ thuật viên cơ sở và hộ nông dân để nâng cao dân trí, củng cố và mở rộng các kiến thức ứng dụng KHCN, các quy trình công nghệ sản xuất, các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến và các kinh nghiệm phong phú của các chuyên gia chuyển giao công nghệ. Hiện nay Lạng Sơn đang tiếp tục triển khai thực hiện 02 dự án vào lĩnh vực xây dựng vườn cây mẹ đầu dòng, vườn ươm nhân giống phục vụ phát triển cây ăn quả của tỉnh và dự án chế biến sau thu hoạch một số nông sản đặc trưng của địa phương nhằm tạo điều kiện cho phát triển vùng nguyên liệu sẵn có là vùng cây ăn quả đặc sản truyền thống thành vùng sản xuất tập trung để tạo ra các sản phẩm hàng hoá nông nghiệp có giá trị kinh tế được thị trường ưa chuộng, tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

Các dự án nông thôn miền núi do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt thực hiện tại Lạng Sơn những năm qua đều có các mục tiêu và nội dung thực tế theo nhu cầu đòi hỏi phát triển sản xuất nông nghiệp - nông thôn mà đối tượng được thụ hưởng kết quả đầu tư

từ các mô hình dự án là người nông dân. Nhu cầu của nông dân để sống, tồn tại và phát triển rất lớn và bức xúc. Nhưng cái mà người nông dân nói chung đang còn thiếu đó là vốn tri thức, kinh nghiệm sản xuất, thông tin khoa học công nghệ thông tin về thị trường, là phương hướng phát triển sản xuất, vốn sản xuất là những hiểu biết về chính mình về năng lực nội sinh của bản thân và các điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội như: đất đai, đồng ruộng, lao động ... Vì vậy bấy lâu nay người nông dân vẫn sống và sản xuất chủ yếu theo lối mòn với tập tục canh tác lạc hậu, tự cung tự cấp. Do đó sản xuất chưa phát triển, đời sống còn rất khó khăn ... nhìn chung mức sống của nông dân đa số còn ở mức nghèo.

Đánh giá đúng tình hình thực tế và đáp ứng nguyện vọng của người dân nông thôn miền núi, các dự án thuộc chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi giai đoạn 1998 - 2002" được phê duyệt đầu tư cho Lạng Sơn đã được chính quyền địa phương và các hộ nông dân nhiệt tình tiếp nhận và tham gia tích cực. Kết quả bước đầu của các dự án đã được gần 2000 lượt hộ nông dân tham gia, dự án đã tiến hành đào tạo hàng trăm kỹ thuật viên cơ sở, hàng nghìn nông dân được tập huấn các kiến thức về KHCN, áp dụng các quy trình và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Các mô hình ứng dụng KHCN được triển khai có hiệu quả tại Lạng Sơn trong thời gian qua gồm:

- Mô hình thâm canh lúa: Đã tiến hành thâm canh lúa trên các vùng đất ruộng bậc thang nghèo dinh dưỡng và vùng lúa trên đất 1 vụ không chủ động tưới nước và bỏ hoang các vụ khác bằng các giống lúa mới ngắn ngày, chịu hạn, chịu rét kết hợp với việc áp

đụng các quy trình chăm sóc tiên tiến đã cho năng suất cao. Kết quả năng suất bình quân trên vùng ruộng bậc thang đã đạt 40 tạ/ha (các ruộng khác chỉ đạt 20 tạ/ha), còn với loại ruộng vùng núi thấp chỉ trồng 1 vụ mùa đã cho năng suất 45 tạ/ha (trong đó năng suất toàn vùng chỉ đạt 30 tạ/ha). Điều đáng quan tâm trong kết quả của mô hình thâm canh lúa là đã chọn được giống thích hợp cho canh tác toàn vùng dự án và các vùng có điều kiện tương tự của địa phương.

- Mô hình khoanh nuôi tái sinh rừng đầu nguồn và trồng cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao: Đã tiến hành mô hình trên 30 ha để khoanh nuôi tái sinh rừng tại các vùng rừng đầu nguồn thuộc vùng núi Mẫu Sơn - Lạng Sơn và trồng 10 ha cây hồi, hiện là cây công nghiệp có giá trị kinh tế nhất của Lạng Sơn. Mô hình đã góp phần xây dựng ý thức cho người dân đối với việc bảo vệ rừng, phát triển rừng với cây bản địa tự nhiên kết hợp trồng dặm các cây khác như thông, keo dai để nâng cao giá trị kinh tế vườn rừng và quy hoạch thiết kế một số rừng hồi cho nông dân. Qua những năm đầu được dự án đầu tư đến nay vườn rừng khoanh nuôi tái sinh và rừng hồi đều phát triển tốt.

- Mô hình phát triển cây ăn quả: Các dự án đã tập trung phục tráng một số giống cây ăn quả đặc sản của địa phương như đào Mẫu Sơn, Hồng Bảo Lâm, quýt Bắc Sơn. Thông qua phục tráng đã tuyển chọn được các cây ưu tú đầu dòng phục vụ nhân giống phát triển cây ăn quả hiện nay, góp phần thực hiện thành công chương trình mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh. Ngoài việc phục tráng các loại cây đầu dòng, dự án còn xây dựng các mô hình trồng một số cây ăn quả có giá trị khác như nhãn lồng, xoài GL-2, đào Pháp, hồng ngâm Bảo Lâm. Dự án đã đầu tư chăm sóc những năm đầu tiên và người dân tiếp tục áp dụng các quy trình công nghệ đã có, đã được học tập vào các vườn cây, đến nay các vườn cây đã cho thu hoạch.

- Mô hình chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên đất một vụ lúa: Dự án đã tập trung sử dụng hợp lý tài nguyên đất đai, lao động địa phương vào việc tăng mùa vụ từ 1 vụ lúa mùa lên 3 vụ trong năm bằng các mô hình cây trồng vụ Đông, vụ Xuân với các giống cây trồng thích hợp như khoai tây Đông và ngô-dưa hấu vụ xuân. Kết quả cho thấy việc tăng vụ, đã làm tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác, tạo ý thức sản xuất khoa học và hợp lý góp phần tăng sản phẩm nông nghiệp cho xã hội, tăng thu nhập cho nông dân, tạo việc làm liên tục và có ích quanh năm cho người dân trên đồng ruộng.

- Mô hình phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng đã được dự án đầu tư vào chăn nuôi bò địa phương và gà công nghiệp với phương thức nuôi thả vườn. Tuy quy mô nhỏ nhưng đã ý thức cho người nông dân thấy có thể áp dụng TBKT trong chăn nuôi gia súc, gia cầm để tạo thêm thu nhập kinh tế hộ gia đình.

Kết quả thành công các mô hình của dự án nông thôn miền núi tại Lạng Sơn đã khẳng định hiệu quả đầu tư về khoa học - công nghệ vào thực tiễn sản xuất, đã đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cho người dân vùng dự án nói chung và đã được mở rộng áp dụng cho nhiều vùng khác trong tỉnh.

Kết quả các mô hình dự án, hiệu quả các lĩnh vực khoa học - công nghệ, kinh tế - xã hội của các dự án đã được đánh giá tại Hội đồng nghiệm thu trên từng mô hình và từng dự án. Một trong những kết quả có ý nghĩa quan trọng thu được qua thực tế các dự án NTMN là đã nâng cao nhận thức cho người nông dân về khoa học - công nghệ và các tiến bộ kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, chỉ có ứng dụng hợp lý các thành tựu KH-CN mới đưa sản xuất đạt hiệu quả.

Thông qua các dự án NTMN Lạng Sơn, mặc dù mới được triển khai trên phạm vi nhỏ và thời gian ngắn nhưng đã cung cấp cho người dân một số lượng kiến thức quý giá thông qua các lớp đào tạo tập huấn của dự án, người nông dân tìm được hướng phát

triển trên quê hương đồng ruộng của mình bằng chính năng lực của mình để sản xuất ra nhiều sản phẩm cho bản thân gia đình và xã hội. Nhiều người dân đã biết phải làm gì, trồng cây gì, nuôi con gì và làm như thế nào để mang lại hiệu quả kinh tế cao, xoá đói giảm nghèo tiến tới làm giàu trên mảnh đất của họ.

Cụ thể một số điển hình tại Lạng Sơn như sau:

- Với dự án NTMN tại vùng núi Mẫu Sơn: Phát huy kết quả của dự án người dân đã chọn giống lúa thích hợp đã được xác định là giống Khang Dân 18 để canh tác. Sau khi dự án kết thúc người nông dân tiếp tục phát huy sử dụng các kiến thức tiến bộ khoa học công nghệ về các loại giống lúa mới, các quy trình kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nâng cao năng suất, góp phần ổn định lương thực tại chỗ tăng hiệu quả kinh tế, góp phần xoá đói giảm nghèo. Đối với các rừng khoanh nuôi tái sinh đã được bảo vệ giữ được các nguồn nước đầu nguồn góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, các sản phẩm từ rừng đang được khai thác đem lại lợi ích kinh tế cho người dân như nhựa thông, một số cây dược liệu, một số loại gỗ cảnh ngọn tận dụng đã được sử dụng sản xuất các loại nấm như mộc nhĩ, nấm hương, linh chi ... Đối với cây ăn quả, do đã phục tráng được vườn đào giống đặc sản (đào Mẫu Sơn) nên đã tiến hành áp dụng công nghệ sinh học mới nhân giống bằng các phương pháp ghép mắt để khôi phục lại các vườn đào đã thoái hoá, già cỗi và phát triển thêm các vườn mới trong vùng. Đối với chăn nuôi gia súc, ngoài việc tiếp tục nhân đàn bò của dự án đầu tư, người dân còn chủ động vay vốn để phát triển chăn nuôi trong toàn vùng.

- Với dự án NTMN tại xã Gia Cát - Cao Lộc: Các mô hình dự án đầu tư sau khi kết thúc vẫn được người dân duy trì và phát triển. Cụ thể: Hầu hết các diện tích đất 1 vụ lúa đã được áp dụng mô hình thâm canh tăng vụ: Lúa mùa, khoai tây vụ đông, dưa hấu xuân hoặc mô hình lúa mùa, khoai tây đông, ngô

chủ lực do dự án áp dụng đã được phổ biến toàn xã như vụ Đông là cây khoai tây, vụ Xuân là cây ngô lai và dưa hấu. Xã Gia Cát đã trở thành vùng sản xuất khoai tây và dưa hấu chính của tỉnh. Học tập mô hình dự án của xã Gia Cát nhiều xã khác trong huyện Cao Lộc và một số địa phương các huyện Lộc Bình, Chi Lăng, Tràng Định, Văn Lãng cũng đã và đang đầu tư trồng khoai tây và dưa hấu đạt hiệu quả. Những người phổ biến và hướng dẫn kỹ thuật canh tác đa số là nông dân xã Gia Cát bằng các kiến thức, quy trình của dự án và kinh nghiệm của bản thân đã nhân rộng kết quả mô hình dự án ra các địa phương trong tỉnh. Ngoài ra kết quả luân canh tăng vụ của dự án cũng đang được các nhà quản lý của nhiều địa phương nghiên cứu để đưa các giống cây trồng thích hợp áp dụng vào sản xuất trên từng địa bàn cụ thể.

Để có được một số kết quả như trên, qua thực tiễn triển khai các dự án NTMN tại Lạng Sơn thấy rằng: Muốn duy trì và phát huy hiệu quả của dự án, ngoài việc tích cực tổ chức triển khai phần đầu thực hiện tốt nhất các mục tiêu nội dung của dự án và giải quyết thoả đáng những vấn đề phát sinh kịp thời hợp lý thì cần thiết phải coi trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất cho nông dân của các dự án. Để thực hiện có hiệu quả nhất vấn đề đào tạo kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn tốt cho nông dân và chỉ đạo sát sao về kỹ thuật vì thông thường các quy trình kỹ thuật rất nghiêm ngặt và chặt chẽ, trong khi trình độ văn hoá kiến thức của người nông dân về quy trình sản xuất các tiến bộ khoa học công nghệ của nông dân chưa đồng đều và còn nhiều hạn chế. Vì vậy để nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất của nông dân có hiệu quả nên lưu ý các vấn đề sau đây:

Lựa chọn các cơ quan, đơn vị chuyển giao công nghệ hợp lý: Cơ quan chuyển giao công nghệ phải là những đơn vị đầu ngành liên quan đến các lĩnh vực, mô hình, nội dung của dự án, có uy tín, có chuyên gia giỏi để thực hiện chuyển giao các công nghệ tiên

tiến nhất cho dự án đạt hiệu quả. Cơ quan chuyển giao công nghệ phải cử các chuyên gia giỏi về chuyên môn, nhiệt tình tham gia trực tiếp chỉ đạo thực hiện các mô hình, phải trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đào tạo tập huấn, biên soạn các quy trình công nghệ ngắn gọn, dễ hiểu. Ngoài việc phổ biến các quy trình công nghệ trong lớp học, các chuyên gia còn phải hướng dẫn trao đổi trực tiếp tới từng người dân trên đồng ruộng để truyền đạt các kiến thức và kinh nghiệm vào thực tế giúp người dân nắm vững và sâu các yêu cầu về công nghệ và kỹ thuật sản xuất. Việc phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ cho người dân phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa các chuyên gia của cơ quan chuyển giao công nghệ và đội ngũ cán bộ kỹ thuật hiện có của địa phương.

Kinh nghiệm của dự án: ứng dụng KHCN xây dựng mô hình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng núi Mẫu Sơn cho thấy. Vùng núi Mẫu Sơn là vùng đồng bào dân tộc Dao, có trình độ văn hoá, trình độ dân trí rất thấp, người dân đa số mù chữ, nhiều người không biết tiếng phổ thông. Do đó trong quá trình tổ chức các lớp đào tạo tập huấn đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chuyển giao công nghệ là trường Đại học Nông nghiệp I và đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của địa phương: Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Trung tâm khuyến nông tỉnh, phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cao Lộc, Lộc Bình.

Các chuyên gia của Đại học Nông nghiệp I biên soạn các quy trình kỹ thuật các loại cây con, hướng dẫn cho cán bộ khoa học kỹ thuật của địa phương. Cán bộ khoa học kỹ thuật của tỉnh tổ chức đào tạo cho bà con nông dân (bằng tiếng dân tộc), trên lớp, kết hợp hướng dẫn cho nông dân tại hiện trường có như vậy bà con nông dân mới tiếp thu và áp dụng được các tiến bộ KHCN và quy trình sản xuất tiên tiến.

Các tiến bộ KHCN, các loại giống cây con đưa vào áp dụng phải thích hợp với điều kiện của địa phương, có hiệu quả kinh tế cao, thị trường tiêu thụ tốt mới được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Lựa chọn đúng các hộ nông dân trực tiếp triển khai các mô hình dự án, phải là các hộ nhiệt tình và tự nguyện tiếp nhận nhiệm vụ của dự án. Các hộ phải có năng lực về lao động và đất đai đáp ứng yêu cầu sản xuất của dự án, có tinh thần trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ, có khả năng tiếp thu các quy trình công nghệ vào sản xuất cho gia đình và sẵn sàng truyền đạt kiến thức cho người khác áp dụng.

Trên đây là một số kết quả về việc nâng cao nhận thức, nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất của nông dân Lạng Sơn thông qua việc thực hiện các dự án NTMN của Bộ Khoa học và Công nghệ cùng với một số kinh nghiệm trong công tác đào tạo tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân đạt hiệu quả dự án để ra.

Qua thực tiễn quá trình tổ chức triển khai các dự án, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Lạng Sơn xin có một số kiến nghị với Bộ Khoa học và Công nghệ để các dự án trong thời gian tới đạt hiệu quả tốt hơn.

1. Về thời gian thực hiện một dự án:

- Đối với các dự án sản xuất nông nghiệp có thời vụ ngắn ngày (cây lương thực, thực phẩm, chăn nuôi gia cầm ...) chỉ cần triển khai từ 2 đến 3 vụ, hay dự án sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản cũng tương tự qua 2 vụ rau, hoa quả là có thể kết thúc và tổng kết dự án. Thời gian cho loại hình dự án trên chỉ cần khoảng 2 năm là hợp lý.
- Đối với các dự án cho phát triển cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm hoặc chăn nuôi gia súc thì không nên quy định thời gian như thời gian qua (2 năm) vì không thể có các kết luận chính xác để đánh giá kết quả dự án

mà cần xem xét đến từng đối tượng, từng mô hình dự án để xác định thời gian dự án hợp lý.

2. Về Quy mô dự án

- Về địa bàn triển khai dự án: Không nên chọn địa bàn quá rộng hoặc quá khó khăn về địa hình về cơ sở hạ tầng yếu kém và trình độ dân trí quá thấp vì dự án đầu tư vào địa bàn như trên sẽ kém hiệu quả và không có khả năng nhân rộng kết quả thực hiện các mô hình dự án.

- Trong một dự án không nên dàn trải quá nhiều mô hình mà chỉ chọn một số mô hình trọng điểm có giá trị cả về mặt kinh tế - xã hội và giá trị về khoa học - công nghệ để tác dụng của dự án có thể giữ vững lâu dài và nhân rộng áp dụng cho nhiều vùng tương tự.

3. Về kinh phí

- Do đặc thù sản xuất nông nghiệp là mùa vụ, vì vậy kinh phí đầu tư phải kịp thời vụ cho bảo đảm tiến độ và hiệu quả dự án.

- Nên ưu tiên cho các dự án thực hiện tại các vùng khó khăn trong việc thu hồi kinh phí để động viên, khuyến khích người dân trong việc ứng dụng KHCN vào đời sống phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi.

- Kinh phí được cấp chậm, thường vào cuối năm gây khó khăn cho việc triển khai dự án. Đề nghị Bộ Khoa học, Công nghệ và Ban chủ nhiệm chương trình nông thôn miền núi thông báo sớm cho các địa phương chuẩn bị dự án và thẩm định nhanh dự án để cấp kinh phí kịp thời cho dự án.

Trên đây là báo cáo về nhận thức của người dân thông qua việc thực hiện các dự án và các biện pháp nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất của nông dân có hiệu quả trong quá trình thực hiện các dự án nông thôn miền núi tại Lạng Sơn giai đoạn 1998 - 2002 và một số kiến nghị và kết luận để triển khai thực hiện tốt dự án NTMN nói chung trong thời gian tới.

NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ QUA 4 NĂM THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Thạc sỹ. Hoàng Dân Mạc
Giám đốc Sở KH&CN & MT Phú Thọ

Cùng với các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các địa phương huyện thị trên địa bàn tỉnh và sự hỗ trợ của Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện các dự án ứng dụng kỹ thuật tiên bộ trong khuôn khổ Chương trình "Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998 - 2002", trong thời gian 1999 - 2002 tỉnh Phú Thọ đã xây dựng triển khai thực hiện 3 dự án thuộc Chương trình là Dự án Xây dựng các mô hình ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại 3 xã miền núi vùng đồi, chiêm trũng phía Tây huyện Thanh Ba; Dự án Xây dựng mô hình trồng chè thâm canh bằng giống mới kết hợp với chế độ canh tác cải tiến tại 2 huyện Phù Ninh, Thanh Ba và Dự án Xây dựng mô hình trồng tập trung và thâm canh giống vải chín sớm Hùng Long tại huyện Phù Ninh tỉnh Phú Thọ.

Sau 4 năm triển khai thực hiện, các dự án trên đã thu được nhiều kết quả, thiết thực đáp ứng được yêu cầu của sản xuất, đời sống và đem lại hiệu quả kinh tế xã hội cao. Hầu hết các mô hình của dự án đều được đánh giá cao, có sức thuyết phục và đang được nhân rộng trong sản xuất. Tiêu biểu là kết quả về đưa tiến bộ KH&CN vào sản xuất đời sống trên các địa bàn vùng dự án. Đó là kết quả chuyển giao đồng bộ hệ thống các giải pháp KH&CN về giống mới về biện pháp kỹ thuật liên hoàn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi mới phù hợp với điều kiện sinh thái, tập quán sản xuất và định hướng phát triển kinh tế xã hội của từng vùng và của tỉnh.

Các mô hình về trồng mới cây ăn quả trong các dự án tại 2 huyện Thanh Ba và Phù Ninh đã chuyển giao cho sản xuất tập đoàn

giống mới được tuyển chọn, có chất lượng và tiềm năng năng suất cao như giống nhãn lồng Hưng Yên dòng Hương chi chín muộn, giống vải chín sớm Hùng Long, giống hồng nhân hậu, xoài Vân Du, giống trám trắng địa phương. Xây dựng và chuyển giao mô hình giữ giống cây bố mẹ, kỹ thuật vườn ươm nhân giống cây ăn quả qui mô hộ gia đình (công suất vườn ban đầu 5.000 cây/năm tại xã Chí Tiên nhằm tạo và cung cấp lâu dài tại chỗ giống cây chất lượng cho việc mở rộng, phát huy dự án sau khi kết thúc. Cùng với tiến bộ kỹ thuật về giống mới, dự án đã hướng dẫn, phổ biến áp dụng rộng rãi qui trình kỹ thuật cải tạo đồi vườn tạp, kiến thiết nương đồi theo mô hình SALT-1, kỹ thuật thâm canh cây ăn quả, trồng cây cải tạo đất, trồng xen các cây kinh tế ngắn ngày (các cây họ đậu, lạc, dứa) vừa phát huy được hiệu quả sử dụng trước mắt vừa cải tạo và bảo vệ được đất lâu dài.

Mô hình trồng chè thâm canh bằng giống mới kết hợp với chế độ canh tác cải tiến đã lựa chọn đưa vào sản xuất hai giống chè mới là LDP1, LDP2. Đây là hai giống chè lai hữu tính có năng suất và chất lượng tốt nhất trong các giống chè đang sử dụng hiện nay trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã được Bộ NN & PTNT công nhận và cho phép đưa vào sản xuất đại trà. Đồng thời đã hướng dẫn, chuyển giao cây dựng được 3 vườn ươm nhân giống chè canh LDP1, LDP2 cho hộ nông dân (tổng công suất vườn 15 vạn bầu/năm tại Khải Xuân - Thanh Ba và Phú Hộ - Phù Ninh) không những đã phục vụ tốt dự án, hiện nay đang được phát huy phục vụ chương trình phát triển chè chung của tỉnh.

Mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trên chân ruộng vẫn thấp và đồng

chiếm vùng đồi, gò đặc trưng của tỉnh đã đưa vào sản xuất tập đoàn các giống lúa mới như lúa lai Bắc ưu 903, Bồi tạp Sơn thanh, lúa thuần DT-17, lúa thuần chịu úng DT-16, thay thế các giống địa phương năng suất thấp như Bao Thai, 314, 268, nếp chiêm, tẻ ngoi. Về chăn nuôi, thủy sản đã áp dụng qui trình sản xuất tiến bộ 1 lúa - 1 cá với cơ cấu giống thả hợp lý, các giống mới như trắm cỏ, trôi Mrigan, chép lai 3 màu, rô phi đơn tính đực, một số giống gia cầm mới như vịt siêu trứng CV2000, gà kabir đã được sản xuất chấp nhận phù hợp, mang lại hiệu quả đã và đang được nhân rộng và phát huy trong sản xuất sau dự án.

- Về qui mô, phạm vi các mô hình trình diễn của tất cả các dự án đã được triển khai trên một địa bàn tương đối rộng lớn, có sức thuyết phục cao. Điển hình là các mô hình chuyển đổi 50ha đất đồi sau trồng bạch đàn, cọ, cây tạp, cây kèm hiệu quả sang trồng mới cây ăn quả tại 6 xã Chí Tiên, Mạn Lạn, Yên Khê, Đồng Xuân, Khải Xuân, Thị trấn Thanh Ba; mô hình thâm canh 45ha chè giống mới trên đất sau khai thác cây bạch đàn ở 6 xã Khải Xuân, Võ Lao, Đồng Xuân, Phù Hộ, Trung Giáp, Tiên Phú thuộc hai huyện Phù Ninh và Thanh Ba; Mô hình trồng tập trung và thâm canh giống vải chín sớm Hùng Long tại xã Phú Lộc huyện Phù Ninh đã triển khai năm thứ nhất trên qui mô 18ha/kế hoạch 40ha dự án. Đây là các mô hình đang phát triển rất tốt. Kết quả dự án đồng thời đã góp phần hình thành một số vùng sản xuất chuyên canh, thâm canh cây trồng, phát triển kinh tế hộ và kinh tế trang trại, sử dụng hiệu quả tiềm năng lao động, đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Qua triển khai các dự án, các tiến bộ KHCN đã được kiểm chứng, khẳng định trong sản xuất và đã đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt. Các mô hình của dự án đồng thời đã mở ra hướng giải quyết việc làm, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho nông dân ở các vùng khó khăn, nông thôn miền núi hiện nay. Một số loài cây ăn quả như nhãn, vải, xoài bước đầu đã cho thu hoạch. Một số tiến

bộ KHCN có hiệu quả trực tiếp đã được tổng kết, đánh giá nhân rộng như các giống lúa mới, lúa Bắc ưu - 903, DT 16, DT-17, Bồi tạp Sơn thanh năng suất đều đạt cao hơn so với các giống cũ và sản xuất đại trà từ 15 đến 20 tạ/ha; các giống cá mới đều sinh trưởng và cho năng suất gấp 2 lần so với giống cũ; các giống vịt siêu trứng, gà kabir cho năng suất sản phẩm trứng và thịt gấp 1,5 đến 2 lần so với giống cũ. Các mô hình vườn nhân giống cây ăn quả, cây chè tại chỗ giảm được 30% giá thành cây giống, bảo đảm chất lượng giống và rất thuận lợi cho việc mở rộng diện tích, phát huy tiến bộ kỹ thuật trên toàn vùng dự án và các vùng lân cận.

- Một trong các kết quả quan trọng của các dự án là chuyển giao, đào tạo, phổ cập kiến thức KHKT cho hàng ngàn lượt hộ nông dân, đào tạo hàng chục kỹ thuật viên phục vụ cho địa bàn dự án; tổ chức cho nông dân và cán bộ đi tham quan, học tập các mô hình trồng cây ăn quả đạt hiệu quả kinh tế cao tại các tỉnh: Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Bắc Giang, tham quan mô hình trồng và chế biến vải tại Lục Ngạn, tham quan mô hình trồng và chế biến chè tại tỉnh Thái Nguyên, tập huấn kỹ thuật trồng vải trên đất đồi, kỹ thuật canh tác trên đất dốc. Đây là hình thức chuyển giao kỹ thuật rất có hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức về KHKT, trình độ canh tác, dân trí... làm chuyển biến, thay đổi tập quán canh tác cũ lạc hậu.

Qua 4 năm triển khai thực hiện các dự án NTMN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, từ thực tiễn rút ra một số đánh giá, kết luận và kiến nghị chủ yếu sau đây:

Hệ thống các tiến bộ kỹ thuật, các giải pháp KHCN có ý nghĩa quyết định đến thành công của các mô hình ứng dụng KHCN trong các dự án ở Phú Thọ, đồng thời đã và đang được nhân rộng trong sản xuất trên địa bàn 12 huyện thành, thị của tỉnh. Đó là các giống cây con mới có tiềm năng năng suất, chất lượng cao như giống nhãn lồng Hương Chi, Hồng Nhân Hậu, vải chín sớm Hùng Long,

xoài Vân Du, các giống chè lai LDP1, LDP2, giống lúa thuần DT17, lúa lai Bồi tạp sơn thanh, gà Kabir, vịt siêu trứng. Trong hệ thống các giải pháp KHCN, tiêu biểu là qui trình kỹ thuật cải tạo vườn bồi tạp, thiết kế xây dựng cơ bản kiến thiết nương đồi trên đất trống trọc nghèo xấu, đất sau khai thác bạch đàn, các qui trình thâm canh cây con mới...

Dự án thực sự đã tạo ra những mô hình điển hình về áp dụng KHCN có sức thuyết phục để nhân diện đồng thời cũng rút ra được những kinh nghiệm, phương thức về đào tạo, huấn luyện, chuyển giao đồng bộ các tiến bộ KHCN cho đông đảo bà con nông dân và đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý địa phương thông qua các hình thức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, tham quan, hội thảo đầu bờ, hướng dẫn tại chỗ đã đem lại hiệu quả rõ rệt, nâng cao dân trí, hiểu biết về KHKT, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, góp phần chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp nông thôn theo hướng CNH-HĐH và phát triển KT-XH của địa phương.

Các dự án đã thu hút được sự tham gia của đông đảo lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý của các cơ quan chuyển giao khoa học công nghệ của Trung ương và của nhiều ngành, nhiều cơ quan ở địa phương từ tỉnh đến huyện, xã, tạo ra sức mạnh tri thức tổng hợp cho thành công của dự án. Cùng với phương thức chuyển giao đồng bộ, trọn gói về KHCN - đây thực sự là một cầu nối, một phương thức hiệu quả để gắn bó chặt chẽ giữa khoa học và sản xuất, đưa nhanh tiến bộ KHCN vào sản xuất, đời sống.

Thực tiễn khẳng định Chương trình xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi là một trong những nội dung, hoạt động thiết thực đem lại hiệu quả trong việc triển khai các Nghị quyết, chủ trương của Đảng và Nhà nước về KHCN phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn. Chúng tôi xin kiến nghị với Bộ KHCN và Chính phủ tiếp tục cho mở rộng triển khai Chương trình trong giai đoạn tới đến 2010 với qui mô và phạm vi lớn hơn.

Để đảm bảo cho Chương trình thực hiện thuận lợi và đạt hiệu quả cao hơn nữa, đi đôi với việc tổng kết toàn diện thực tiễn, đề nghị Bộ KHCN nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, ban hành hướng dẫn thống nhất và đồng bộ hệ thống các văn bản pháp qui liên quan đến thực hiện Chương trình NTMN. Trong đó cần được cụ thể hoá một số qui định về cơ chế tổ chức bộ máy quản lý dự án ở cấp địa phương (Lựa chọn chủ nhiệm dự án, Ban điều hành dự án ở địa phương), các cơ chế chính sách đầu tư từ Ngân sách Nhà nước, chính sách huy động các nguồn vốn đầu tư, cơ chế lồng ghép với các Chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội khác... Đặc biệt cơ chế đầu tư tài chính cho dự án phải tính toán cụ thể, tính đúng, tính đủ cho phù hợp với đặc thù, điều kiện địa bàn triển khai rất khó khăn, phức tạp ở các vùng miền núi, phù hợp với tính chất của các hoạt động và sản phẩm KHCN, tính đến các chi phí quản lý, phối hợp chỉ đạo và tổ chức thực hiện dự án.

NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN THÔNG QUA VIỆC THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, NÊN LÀM THẾ NÀO ĐỂ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ KỸ THUẬT SẢN XUẤT CỦA NÔNG DÂN CÓ HIỆU QUẢ NHẤT.

Sở Công nghiệp, Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn

Từ năm 1998 đến nay, tỉnh Bắc Kạn đã và đang triển khai thực hiện 7 đề tài, dự án thuộc Chương trình Nông thôn Miền núi.

Kết quả sau 4 năm thực hiện chương trình, tỉnh Bắc Kạn đã xây dựng được một số mô hình phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các mô hình được triển khai xây dựng đã đạt được những kết quả bước đầu đáng khích lệ. Các mô hình vườn đồi, vườn rừng, cải tạo vườn tạp đã huy động được gần 500 lượt hộ nông dân tham gia tại các xã thuộc các huyện: Ba Bể, Ngân Sơn, Chợ Đồn, với diện tích triển khai trên 82ha cây ăn quả, trồng và chăm sóc trên 30.000 cây ăn quả đặc sản của địa phương như: Vải, nhãn, xoài, hồng không hạt, lê, cam, quýt, na...; 23,5ha cây lâm nghiệp (gồm: trám, sấu, hồi, quế) và các cây trồng xen như cỏ voi, đậu tương, khoai sọ...; đồng thời đã xây dựng được 2 vườn ươm giống cây ăn quả với quy mô 1.000m² tại huyện Ngân Sơn và huyện Chợ Đồn. Các vườn ươm đã nhân bản các giống cây ăn quả của địa phương, như: Xoài, hồng không hạt, cung cấp cho các mô hình dự án. Mô hình khai thác đất một vụ đã triển khai đạt hiệu quả cao, gồm: 50ha trồng các giống ngô lai LVN10, LVN25, LVN17, DK999, năng suất đạt 40-45tạ/ha, so với giống địa phương tăng từ 7-10tạ/ha; 10ha diện tích cây đậu tương ĐT84, năng suất bình quân đạt 15-18tạ/ha, so với giống địa phương tăng từ 6-7tạ/ha. Mô hình thâm canh cây lúa nước đã triển khai được 61ha diện tích với các giống tiến bộ là lúa lai Tạp giao 1, Tạp giao 5, C70... năng suất bình quân

đạt 60-65tạ/ha, so với giống địa phương tăng từ 10-15tạ/ha. Các mô hình chăn nuôi đã triển khai như sau: Năm 1999 dự án đã đầu tư nuôi bò đực lai sind tại Ba Bể, đến nay đã tiến hành cho phối giống cải tạo đàn bò địa phương; các giống gà Tam hoàng, Lương phượng; lợn nái Móng cái và lợn đực ngoại, các giống gia súc, gia cầm bước đầu đã khẳng định vị thế của mình trong chăn nuôi ở các vùng nông thôn miền núi tỉnh Bắc Kạn.

Từ cách tổ chức, quản lý và triển khai các dự án thuộc Chương trình NTMN có thể thấy, mặc dù phạm vi thực hiện Chương trình rộng, nhưng nội dung của từng dự án là rất cụ thể. Việc ứng dụng các thành tựu về KHCN để hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hoá bằng xây dựng các mô hình áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật như: Kỹ thuật canh tác, các biện pháp chuyển dịch, cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi; xây dựng mô hình cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và tưới tiêu cho cây trồng... thực sự đã trở thành điểm sáng có tác dụng tuyên truyền, phổ biến các tiến bộ KHCN về giống, quy trình chăm sóc cây trồng, vật nuôi, đồng thời được các địa phương chấp nhận và đánh giá cao, các tiến bộ KHCN mà các dự án đưa vào để thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn miền núi tại tỉnh Bắc Kạn bước đầu đã được khẳng định là thành công, mang lại hiệu quả cao.

Thông qua việc triển khai các dự án cho thấy khả năng tiếp thu các tiến bộ kỹ thuật của các hộ nông dân để vận dụng vào sản xuất và đời sống bước đầu chuyển biến tốt, nhân dân tin tưởng và phấn khởi tiếp nhận triển khai các dự án, tổ chức thực hiện

các nội dung của dự án theo đúng hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật, đảm bảo mục tiêu và hiệu quả dự án.

Tuy nhiên, để đạt được kết quả trên đòi hỏi cán bộ khoa học kỹ thuật không những nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn cần phải biết phương pháp dân vận, khuyến nông khuyến lâm, bởi không dễ gì thay đổi được tập quán canh tác lạc hậu hàng ngàn đời nay của đồng bào các dân tộc thiểu số. Trong khi điều kiện và trình độ nhận thức nhiều hộ nông dân còn rất hạn chế cùng với tư tưởng ỷ lại, trông chờ, ngại khó, dễ thoả mãn với cuộc sống hiện tại, không có ý chí vươn lên làm giàu là những vấn đề đặc thù của đồng bào dân tộc ít người đã gây cản trở không nhỏ tới việc đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất ở các vùng nông thôn miền núi. Những đặc điểm trên đã phần nào làm ảnh hưởng đến kết quả của các dự án khi thực hiện ở những vùng sâu, vùng xa của tỉnh, một số nơi sau khi dự án thực hiện xong, cán bộ kỹ thuật rút đi thì hiện trạng của địa phương lại trở lại trạng thái gần như ban đầu.

Qua quá trình triển khai thực hiện các đề tài, dự án tại tỉnh, để đảm bảo các nội dung của đề tài, dự án được triển khai đầy đủ, đúng tiến độ, có hiệu quả, cần làm tốt một số công việc sau:

Một là: Điều tra kỹ lưỡng các điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội của địa bàn cần triển khai, thấy rõ được tiềm năng nội lực, trong đó chú trọng đến đội ngũ cán bộ cơ sở và phong tục tập quán của địa phương để làm căn cứ đề xuất các nội dung dự án, vừa đảm bảo các tiến bộ kỹ thuật đưa vào dễ tiếp thu, vừa khai thác được các tập quán tốt của người dân để thực hiện thành công nội dung của dự án đã đề ra. Các nội dung đề xuất thực hiện phải là nhu cầu bức xúc của địa bàn cần phải giải quyết, coi trọng các đề xuất của

địa phương và đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển chung của vùng.

Hai là: Cơ quan chuyển giao công nghệ phải là tổ chức nghiên cứu và phát triển hoặc tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ trực tiếp thực hiện các nội dung của dự án và chịu sự giám sát của Sở Khoa học - Công nghệ và Ban điều hành dự án. Việc lựa chọn cơ quan chuyển giao công nghệ phải căn cứ vào lĩnh vực chuyên môn của dự án và khả năng tổ chức thực hiện của cơ quan chuyển giao công nghệ (thường là các Viện nghiên cứu, các trường Đại học đúng chuyên ngành có đủ điều kiện).

Ba là: Lựa chọn hộ thực hiện dự án, đây là khâu cơ bản quyết định thành công của dự án.

Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống không phải là dự án xoá đói giảm nghèo, nên các hộ được chọn phải có nhiệt tình, tình nguyện tham gia dự án; có trình độ nhất định để tiếp nhận khoa học kỹ thuật; có điều kiện kinh tế nhất định để đầu tư phần đối ứng của dự án.

Bốn là: Địa điểm thực hiện các nội dung của dự án nên tập trung, thuận tiện cho việc tham quan học tập và chỉ đạo, thông qua đó để bà con các dân tộc học tập, làm theo, là cơ sở để nhân rộng mô hình sang các thôn bản khác.

Năm là: Công tác đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên cơ sở tại địa bàn phải được đầu tư thích đáng. Việc đào tạo, tập huấn kỹ thuật, đòi hỏi phải tỉ mỉ, kỹ lưỡng, cán bộ chỉ đạo dự án phải cùng thực hiện với dân, kết hợp chặt chẽ với chính quyền, các tổ chức đoàn thể của xã và tổ chức khuyến nông cơ sở cũng như các thành viên tích cực tại địa phương để đảm bảo cho các tiến bộ kỹ thuật mới được duy trì và phát huy kể cả sau khi dự án kết thúc.

Sáu là: Việc đánh giá hiệu quả kinh tế-xã hội của dự án cần tập trung đánh giá phần

công nghệ được lựa chọn có phù hợp với địa bàn triển khai không. So sánh giữa mô hình của dự án với các mô hình đối chứng do dân tự làm theo tập quán cũ, để thấy được hiệu quả cụ thể nhằm thuyết phục các hộ nông dân tiếp tục tham gia và mở rộng mô hình trong sản xuất đại trà.

Bảy là: Tổ chức các hội nghị đầu bờ, hội nghị sơ kết dự án tại cơ sở để người dân trực tiếp thực hiện mô hình đánh giá hiệu quả của các tiến bộ kỹ thuật đã được áp dụng,

đồng thời giới thiệu với các hộ nông dân khác, thông qua đó để bà con các dân tộc học tập, làm theo.

Tám là: Sau khi kết thúc dự án, trong báo cáo tổng kết dự án phải đưa ra được những khuyến nghị và các giải pháp cụ thể. Đối với các mô hình triển khai đạt hiệu quả cao cần được quan tâm đầu tư, khuyến khích nhân rộng trong sản xuất và đời sống, có như vậy mới tạo điều kiện cho các dự án tồn tại lâu dài trong dân./.

MỘT VÀI KINH NGHIỆM QUẢN LÝ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN NÔNG THÔN, MIỀN NÚI Ở HÀ NAM

Trương Minh Đức
Phó Giám Đốc Sở KH-CN-MT Hà Nam

7 hông qua việc triển khai thực hiện các dự án thuộc chương trình "Xây dựng các mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998 - 2002" Sở KH-CN-MT tỉnh Hà Nam đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt cho thực hiện 4 dự án:

1. Dự án "Xây dựng mô hình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp 3 xã miền núi Kim Bảng - Hà Nam"
2. Dự án "Xây dựng mô hình chế biến rau củ quả thành sản phẩm hàng hoá"
3. Dự án "Xây dựng phòng nuôi cấy mô tế bào thực vật"
4. Dự án "Xây dựng mô hình áp dụng KH-CN thúc đẩy phát triển nghề dâu, tằm tơ, tỉnh Hà Nam"

Qua 4 dự án trên chúng tôi rút ra một số bài học sau:

- Trong công tác tổ chức quản lý và điều hành:

Từ một số kinh nghiệm về tổ chức xây dựng nội dung và tổ chức quản lý dự án tại Hà Nam, trong đó nổi bật vai trò nông hộ trong việc tổ chức thực hiện dự án:

1. Lựa chọn nội dung địa bàn thực hiện dự án:

Các dự án thuộc chương trình ứng dụng tiến bộ KH-CN mới vào phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi phải thực sự có những nội dung thiết thực và phù hợp với trình độ khoa học kỹ thuật của địa phương. Để đảm bảo sự thành công của dự án trước hết điều tra, khảo sát, nắm chắc tình hình kinh tế xã hội địa bàn và từ đó xây dựng nội dung dự án, đây là việc làm hết sức quan

trọng, nó quyết định sự thành công của dự án. Mỗi dự án có mục tiêu riêng, bước đi khác nhau nhưng chung mục đích làm tăng trưởng năng suất cây trồng, vật nuôi góp phần xoá đói giảm nghèo khu vực nông thôn, miền núi.

Dự án: "Xây dựng mô hình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp 3 xã miền núi Kim Bảng - Hà Nam" việc khảo sát bổ sung vùng dự án để điều chỉnh các hoạt động của dự án theo sự thay đổi chung của xã hội và khu vực là không thể thiếu; xác định các yếu tố hạn chế và giải pháp khắc phục, lựa chọn vùng và hộ tham gia mô hình.

Dự án "Xây dựng mô hình chế biến rau, củ quả..", ngoài việc phải điều tra tình hình kinh tế - xã hội địa bàn lựa chọn xây dựng mô hình, thì việc lựa chọn địa bàn xây dựng mô hình phải gắn với vùng nguyên liệu và địa bàn tiêu thụ sản phẩm.

Dự án "Xây dựng phòng nuôi cấy mô tế bào thực vật...", ngoài việc xây dựng phòng thí nghiệm tiêu chuẩn, cần có đội ngũ cán bộ kỹ thuật có đủ năng lực tiếp thu công nghệ mới, duy trì các hoạt động và nhanh chóng đưa những kết quả nghiên cứu vào sản xuất nông lâm của tỉnh.

2. Tổ chức phối hợp quản lý:

Trong quá trình tổ chức thực hiện dự án, các bên tham gia phải tuân thủ theo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Cơ quan chuyển giao công nghệ chịu trách nhiệm trực tiếp chuyển giao công nghệ và chỉ đạo kỹ thuật trong suốt thời gian thực hiện dự án thông qua tổ kỹ thuật dưới sự giám sát của Ban chỉ đạo thực hiện dự án.

- Việc lựa chọn vùng, hộ tham gia dự án do chính quyền địa phương đảm nhiệm với điều

kiện: các hộ tham gia phải có diện tích canh tác cùng thửa, cùng cánh đồng. Các hộ tham gia dự án phải nhiệt tình, tự nguyện và có năng lực thực hiện mô hình theo yêu cầu của dự án.

- Các mô hình phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình công nghệ.
- Một trong những yếu tố để dự án thành công là sự phối kết hợp chặt chẽ giữa cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao công nghệ với chính quyền địa phương huyện xã và các ngành trong tỉnh.

Dự án "Xây dựng mô hình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp 3 xã miền núi Kim Bảng - Hà Nam" đã được cấp Đảng, chính quyền huyện Kim Bảng ủng hộ ngay từ đầu và chỉ đạo Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện trực tiếp tham gia chỉ đạo kỹ thuật, tổ chức, triển khai và các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp quan tâm hỗ trợ chỉ đạo nông dân thực hiện. Chúng tôi cho đây là điểm quan trọng nhất để dự án thực hiện thành công. Trong thời gian thực hiện dự án, UBND huyện Kim Bảng đã cử nhóm kỹ sư nông nghiệp thuộc Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn trực tiếp tham gia tổ kỹ thuật và cùng cơ quan chuyển giao công nghệ theo dõi, chỉ đạo kỹ thuật. Các xã tham gia dự án thành lập văn phòng dự án, tạo điều kiện để cơ quan chuyển giao công nghệ làm việc, thu thập giải quyết những vấn đề vướng mắc của nông dân trong quá trình thực hiện.

Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyển giao công nghệ, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức kiểm tra việc xây dựng các mô hình, ứng vốn cho các hộ nông dân tham gia dự án bằng vật tư kỹ thuật (phân bón, giống...), nhờ vậy việc chủ động trong sản xuất nông nghiệp đã quyết định đến kết quả dự án.

Trong công tác tổ chức triển khai dự án:

1. Chọn hộ tham gia dự án:

Trong những năm gần đây, mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình đã trở thành một thành phần quan trọng trong nền kinh tế của thời kỳ quá độ và trong thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Vì vậy, đã có nhiều chương trình, chính sách ưu đãi để giúp nhân dân xoá đói giảm nghèo, đặc biệt là vùng nông thôn, miền núi. Hộ gia đình là nơi phát huy tiềm năng nội lực của mọi lao động và tài nguyên, nhân tố quan trọng tạo ra mọi của cải vật chất cho xã hội, là đơn vị kinh tế nhỏ nhất trực tiếp sản xuất ra sản phẩm và quyết định năng suất lao động.

Tổ chức thực hiện các dự án ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi là việc làm khó cho nên việc chọn hộ tham gia thực hiện dự án có ý nghĩa hết sức quan trọng. Hầu hết các hộ nông dân tham gia thực hiện dự án có ý nghĩa hết sức quan trọng. Hầu hết các hộ nông dân miền núi điều kiện kinh tế còn nghèo, dân trí thấp, tập quán canh tác còn lạc hậu, ít được tiếp cận với tiến bộ khoa học công nghệ mới, đây là một cách thức đối với cơ quan chuyển giao công nghệ. Ngoài ra, sau khi được chuyển giao công nghệ, các hộ tham gia dự án hoàn toàn tự giác và chủ động trong tất cả các khâu kỹ thuật. Vì vậy, ngoài chọn các hộ có trình độ thâm canh khá trong số các hộ nông dân trong thôn, xã phải đưa ra công khai bàn bạc dân chủ trong nhân dân. Các hộ tham gia xây dựng mô hình, ngoài việc được tập huấn kỹ thuật theo các lớp do cơ quan chuyển giao công nghệ trực tiếp hướng dẫn, thường xuyên cán bộ kỹ thuật xuống từng thôn, từng hộ gia đình động viên và hướng dẫn kỹ thuật.

2. Vai trò của cơ quan chuyển giao công nghệ:

- Cơ quan chuyển giao công nghệ phải chuẩn bị tốt nội dung tập huấn cho cán bộ kỹ thuật và các hộ nông dân. Các nội dung tập huấn cần ngắn gọn, dễ hiểu, dễ tiếp thu, quá trình tập huấn phải gắn với thực hành và liên hệ với thực tiễn sản xuất.

- Thường xuyên theo dõi và chỉ đạo kỹ thuật với các hộ tham gia dự án. Ngoài việc được tập huấn trung cơ quan chuyển giao công nghệ cần thường xuyên tiếp cận với các hộ có trình độ thâm canh thấp trực tiếp hướng dẫn.

3. *Vai trò của cơ quan quản lý:*

Cơ quan quản lý phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn trong tỉnh, thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án. Đối với các dự án sản xuất nông nghiệp, sau mỗi mùa vụ phải kiểm tra nghiệm thu kết quả từng mô hình, kiểm điểm những mặt mạnh, mặt yếu trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan chuyển giao công nghệ tổ chức tập huấn và xây dựng mô hình.

Những vấn đề cần lưu ý:

Qua việc xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án thuộc chương trình ứng dụng tiến bộ KHCN mới nhằm phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi trên địa bàn Hà Nam, chúng tôi rút ra một số vấn đề sau:

- Tranh thủ sự ủng hộ của các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương trong khi triển khai thực hiện các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Cần nắm chắc tình hình thực trạng sản xuất, điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội, dân trí của địa phương trên cơ sở đó lựa chọn đúng và đồng bộ các giải pháp KHCN phù hợp với điều kiện địa phương nhằm xây dựng mô hình có tính khả thi cao và có khả năng nhân ra diện rộng.

- Phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ KHKT trung ương với cán bộ KHKT địa phương là nhân tố hết sức quan trọng cho sự thành công của dự án.

- Cần chọn hộ nông dân có năng lực thật sự, vận động họ tự nguyện tham gia và gắn

họ với hệ thống khuyến nông cơ sở để thực hiện dự án.

- Cần có sự hỗ trợ kịp thời của Nhà nước cho nông dân khi thực hiện việc ứng dụng KHCN vào sản xuất.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát tiến độ thực hiện để điều chỉnh kịp thời những nội dung và khối lượng công việc cho phù hợp với mục tiêu của các dự án.

Các dự án thuộc chương trình ứng dụng tiến bộ KHCN mới nhằm phát triển KT - XH nông thôn miền núi ở Hà Nam đã đạt được những kết quả nhất định.

Những kết quả của các dự án thông qua các mô hình nông dân thấy được việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng phá độc canh cây lúa, phát triển mạnh cây vụ đông và cây ăn quả là hoàn toàn có thể làm được và đem lại hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế củ địa phương.

Kiến nghị:

Đối với những dự án sản xuất nông nghiệp cần tuân thủ chặt chẽ vào thời vụ gieo trồng hàng năm vì vậy cần có cơ chế tài chính cho phù hợp để dự án có thể tiến hành theo đúng tiến độ đề ra.

Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước Nhà nước về các chương trình, dự án cho các địa phương, Bộ ngành TW chỉ làm công tác tư vấn, tránh tình trạng áp đặt cơ quan chuyển giao công nghệ, tăng cường tính trách nhiệm của địa phương với các dự án được TW phê duyệt.

Đề nghị Bộ khoa học và Công nghệ bố trí một số dự án thuộc chương trình ứng dụng KHCN vào phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi để Hà Nam tiếp tục triển khai nhằm góp phần thực hiện CNH - HĐH nông nghiệp và nông thôn như Đại hội đảng lần thứ IX đã đề ra.

ĐÔI ĐIỀU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG; CƠ QUAN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ ĐỊA BÀN THỰC HIỆN DỰ ÁN

TS. Hoàng Ngọc Tuấn
Giám đốc SKHCNMT Thành phố Hải Phòng

Trên 5 năm qua, cùng với các chương trình KH-CN khác phục vụ Phát triển kinh tế - xã hội thành phố, trong đó có những thành tích của chương trình cấp Bộ "Xây dựng mô hình ứng dụng Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi" tiến hành ở Hải phòng đã có kết quả, có 5 dự án và nhiều mô hình đã có kết quả cụ thể được nông dân làm theo và nhân rộng. Trong quá trình thực hiện các dự án đã tăng cường thêm cơ sở vật chất: các máy móc thiết bị đồng bộ phục vụ cho việc chuyển giao công nghệ; đặc biệt các giống mới quy trình kỹ thuật mới đã được triển khai.

Các mô hình phục vụ phát triển nông lâm ngư nghiệp đã đáp ứng kịp thời cho nhu cầu thực tiễn của thành phố.

Trong quá trình chuyển giao công nghệ, các cơ quan chuyển giao công nghệ đã được chọn lọc có kinh nghiệm và cơ quan này cũng là cơ quan tạo ra các tiến bộ kỹ thuật cho nên công việc chuyển giao có đủ điều kiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyển giao. Các cơ quan chuyển giao còn cung cấp thông tin, đào tạo các chuyên gia kỹ thuật viên tập huấn cho nông dân trực tiếp.

Những kỹ thuật tiến bộ chuyển giao cho nông dân thích hợp phục vụ phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp đem lại hiệu quả thiết thực được người nông dân tin tưởng ở các vùng thực hiện dự án.

Trên 5 năm qua Hải Phòng đã được Bộ KH&CN&MT (nay là Bộ KH&CN) xét duyệt 5 dự án, có 3 dự án đã kết thúc và được nghiệm thu tại hội đồng khoa học cấp thành

phố và cấp nhà nước. Trong quá trình triển khai các dự án "Xây dựng mô hình ứng dụng Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi", tại hội nghị này chúng tôi xin tham luận:

Đôi điều về mối quan hệ giữa cơ quan Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường; cơ quan chuyển giao công nghệ và địa bàn thực hiện dự án

Nói đến mối quan hệ giữa cơ quan Sở Khoa học công nghệ và môi trường; cơ quan chuyển giao công nghệ và địa bàn thực hiện dự án, phải căn cứ vào quy chế tổ chức quản lý chỉ đạo thực hiện chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi" (Ban hành theo quyết định số 1075/QĐ-KH ngày 14 tháng 8 năm 1997). Bởi vì, trong chu trình quản lý dự án phụ thuộc vào nhiều bước, đồng thời phải xét đến đặc thù của các dự án nông nghiệp ngư nghiệp, lâm nghiệp còn phụ thuộc vào quy luật sinh học và điều kiện thiên nhiên, năng lực xã hội quyết định cho nên không tránh khỏi sự chậm trễ lỡ thời vụ, và các rủi ro khác v.v. Do vậy, chúng tôi xin có ý kiến từ khâu:

+ *Khâu xét duyệt dự án*

Đã có quy trình quản lý cụ thể qua 4 bước (Chuẩn bị và xét duyệt danh mục dự án; Lựa chọn cơ quan khoa học công nghệ chủ trì thực hiện dự án; triển khai thực hiện dự án; Kiểm tra, đánh giá nghiệm thu) Điều có văn bản hướng dẫn cụ thể.

Việc xét duyệt dự án còn chậm, do qua nhiều khâu trung gian việc bố trí các dự án qua nhiều khâu Bộ đến Sở KH&CNMT đến các

cơ quan chuyển giao đến các địa bàn thực hiện. Trong quy chế nêu, sau khi nhận được thông báo của Bộ KHCNMT, Sở KHCNMT thành phố công bố tên, mục tiêu, nội dung chủ yếu và địa bàn thực hiện dự án để các cơ quan KHCN tham gia dự tuyển chủ trì thực hiện dự án tiến hành xây dựng bản thuyết minh chi tiết, đảm bảo tính khả thi thực hiện dự án.

+ Khâu lựa chọn đơn vị KHCN

Trong việc lựa chọn đơn vị KHCN chủ trì thực hiện dự án Hải Phòng đã có kinh nghiệm, chọn các cơ quan chuyển giao công nghệ có năng lực, Cơ quan đó phải có nghiên cứu (làm ra) cụ thể các tiến bộ kỹ thuật, có đủ năng lực để chuyển giao (Phần thiết bị và phần chất xám); đơn vị chuyển giao thực sự gắn với sản xuất. Sản phẩm tạo ra phải đạt tiêu chuẩn chất lượng giá thành (chọn Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I; Trường Đại học nông nghiệp I Hà nội, Viện Nông hoá thổ nhưỡng, Viện Di truyền nông nghiệp Việt Nam v.v...) Không những thế đơn vị chuyển giao có năng lực tài chính trong bối cảnh vốn ngân sách cấp như hiện nay còn chậm và còn có quan hệ rộng để kết nối với các tổ chức quốc tế khác cùng thực hiện dự án như dự án, "Xây dựng mô hình hộ gia đình nuôi trồng thủy sản tại xã Phù Long đảo Cát Bà huyện Cát Hải Hải phòng." có tổ chức Trung tâm phát triển nghề cá Đông Nam Á (SEAFDEC) tham gia hoặc dự án "Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN nhân giống hoa mới nhằm góp phần phát triển nghề trồng hoa hàng hoá ở Hải Phòng." Do Chương trình hoa của quốc gia hỗ trợ ở các đơn vị chuyển giao Hải phòng chọn cho các dự án các đơn vị chuyển giao lấy việc chuyển giao công nghệ làm trọng tâm, có kinh nghiệm áp dụng công nghệ tiên tiến của nước ngoài vận dụng vào dự án, do đó các đơn vị chuyển giao đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

+ Về khâu lựa chọn đơn vị thực hiện dự án

Đơn vị thực hiện dự án theo như quy chế đưa ra Hải Phòng đã chọn đảm bảo yêu

cầu chung các đơn vị thực hiện dự án đều có cam kết thực hiện các văn bản từ các hộ, các xã, các huyện, đều nhất trí thực hiện dự án và có kế hoạch phân công cụ thể nội dung công việc về xây lắp, về đất đai dành cho dự án và con người cụ thể nhân chuyển giao công nghệ, đồng thời đi theo tính toán rõ ràng các khoản đóng góp cho dự án tại địa phương (kể cả phân thu hồi) thực hiện dự án, công tác quản lý kế hoạch thực hiện, kế hoạch kiểm tra, kế hoạch thanh quyết toán kinh phí đối ứng, nghiệm thu cơ sở cho từng mô hình, nghiệm thu cấp thành phố, cấp nhà nước.

Cơ sở thực hiện dự án đó là Hộ gia đình; Đơn vị thanh niên xung phong; các xã Phù Long, xã Đằng Hải, Công ty giống thủy sản Hải Phòng. Các đơn vị thực hiện dự án là nơi có năng lực, có đội ngũ tiếp nhận dự án, có tiềm năng thực hiện .

+ Về khâu quản lý dự án Sở KHCNMT

Về quy chế cần phải làm rõ thêm như: Sở KHCN&MT ký hợp đồng với các cơ quan chủ trì dự án và tổ chức lực lượng theo dõi... Hoặc ở TW (Bộ KHCN&MT) vừa quản lý vừa xét duyệt do vậy cần phải bàn thêm. Nay đã có thay đổi giao cho Văn phòng Chương trình Nông thôn Miền núi quản lý cần phải bàn thêm bổ sung vào quy chế cho cụ thể. Ngoài ra quy chế không đề cập đến việc khen thưởng; đặc biệt tiền thu hồi của dự án lại thu về TW trong khi quy chế thì để lại quỹ phát triển KHCN tập trung ở thành phố ...

Một số kiến nghị chung

Mối quan hệ giữa các cơ quan Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường; cơ quan chuyển giao công nghệ và địa bàn thực hiện dự án chưa có quy định cụ thể cho nên chưa có sự kết hợp rõ ràng

Sự lồng ghép giữa dự án trong địa bàn chưa có cho nên việc nhân rộng kết quả của dự án gặp khó khăn.

Cấp phát kinh phí cho dự án nhìn chung còn chậm, cách thanh toán còn nhiều điểm phải thay đổi, như kinh phí cần chuyển trực tiếp về tài khoản của cơ quan quản lý khoa học để Sở KH-CN&MT chủ động tiến hành kiểm tra theo dõi và ứng phó khi gặp khó khăn đột xuất; cần tính toán lại mức thu hồi vốn cho thống nhất vốn của TW và thành phố và tỷ lệ thu hồi, thời gian thu hồi... nên chăng để lại cho thành phố quản lý vốn thu hồi để tái đầu tư cho việc nhân rộng dự án.

Việc thanh toán kinh phí của các dự án cần có sự thống nhất với các bộ ngành có văn bản hướng dẫn cách quyết toán cho thống nhất.

Công việc nghiệm thu, các cấp đã có quy định song chưa thực hiện triệt để, và việc khen thưởng động viên các cơ quan chuyển giao công nghệ các đơn vị các nhân tham gia dự án chưa được đặt ra.

Cần có hướng dẫn dạng sổ tay về toàn bộ tài liệu về xây dựng và chu trình quản lý dự án để thống nhất giữa các dự án và các cơ quan chuyển giao công nghệ và cơ quan quản lý, tạo điều kiện cho việc trình duyệt quản lý thống nhất.

Nội dung tập huấn phải được kiểm soát phần cứng của giáo trình và phải được cấp có thẩm quyền cho tập huấn; đồng thời các học viên phải được cấp chứng chỉ đào tạo. Đối với cán bộ kỹ thuật viên tại các điểm thực hiện dự án phải hiểu biết công việc được giao và bán sát cơ sở để thực hiện dự án sau khi kết thúc.

Để công tác chuyển giao công nghệ của dự án NTMN tiếp tục phát huy kết quả cần có thời gian, chỉ tiêu cụ thể để theo dõi thêm các dự án phát huy tác dụng trong sản xuất và đời sống.

Cần bổ sung vào quy chế các vấn đề quan hệ giữa các cơ quan chuyển giao công nghệ và cơ quan thực hiện dự án và quyền lợi nghĩa vụ của họ trong quá trình thực hiện dự án

Đối với các mô hình có hiệu quả cụ thể có chất lượng, giá thành phù hợp cần có chính sách khuyến khích để sớm đưa vào sản xuất rộng chương trình được triển khai trên quy mô lớn có hiệu quả hơn về khoa học công nghệ, về kinh tế xã hội và chủ động tạo chuyển biến rộng về ứng dụng KH-CN thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội ở nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá thực hiện nghị quyết TW5.

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN

"XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT, BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN MỘT SỐ LOẠI RAU TẠI HUYỆN ĐAN PHƯỢNG - TỈNH HÀ TÂY"

Thuộc chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi"

Sở KHCNMT Hà Tây

Kính thưa các vị đại biểu, thưa toàn thể Hội nghị!

Bàn về vấn đề: Đánh giá hiệu quả của các dự án thuộc Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi", tôi xin đề cập tới 2 vấn đề: những mặt được và một số điều cần nghiên cứu thêm. Trong khuôn khổ thời gian có hạn, tôi muốn trích dẫn kết quả của một dự án cụ thể làm nền tảng cơ sở cho những ý kiến nhận xét tổng quan. Đó là dự án "Xây dựng mô hình sản xuất, bảo quản và chế biến một số loại rau tại huyện Đan Phượng tỉnh Hà Tây".

Với mục tiêu nhằm xây dựng một mô hình sản xuất và chế biến "mẫu", có hàm lượng khoa học công nghệ tiên tiến, làm động lực thúc đẩy nông nghiệp phát triển có định hướng, ổn định và có hiệu quả kinh tế cao. Dự án đã được triển khai tại địa điểm thuộc huyện Đan Phượng - tỉnh Hà Tây là một huyện thuộc vùng đồng bằng, thuận lợi cho việc thâm canh các loại cây ngắn ngày, trong đó có các loại rau. Đã có một vài điểm áp dụng công nghệ mới, giống mới vào sản xuất, năng suất và sản lượng đã được nâng cao nhưng do các sản phẩm nông nghiệp còn tiêu thụ dưới dạng nguyên liệu thô, vì vậy giá trị kinh tế chưa đáp ứng được với thực giá trị của giống mới và công sức của bà con. Trên địa bàn khu vực lại chưa có một cơ sở chế biến bảo quản nông sản nào có điều kiện thu mua, tạo ra đối trọng về giá cả trong thị trường để bà con nông dân yên tâm sản xuất. Do đó không kích thích được sản xuất, không

phát huy được tiềm năng của đất đai. Việc xây dựng một mô hình "vùng sản xuất nguyên liệu phục vụ chế biến, bảo quản" và mô hình "xưởng bảo quản, chế biến nông sản" tại Đan Phượng đã đáp ứng được nguyện vọng của người nông dân, đã thể hiện được vai trò then chốt của khoa học, công nghệ trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc, là nền tảng và động lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Dự án thành công đã góp phần đắc lực trong việc biến sản phẩm nông nghiệp trở thành hàng hoá có chất lượng cao.

Việc áp dụng kỹ thuật thâm canh tiên tiến, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có khoa học đã làm tăng năng suất, chất lượng cây trồng, tạo ra được vùng sản xuất nông nghiệp có tiêu chuẩn môi trường tốt, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.

Thí dụ: Với đậu tương, trước đây gieo trồng, chăm sóc theo kỹ thuật truyền thống chỉ có năng suất 1,7 tấn/ha thì sau khi áp dụng kỹ thuật mới, giống mới đã đưa năng suất lên 2,5 tấn/ha. Hoặc như sản phẩm dưa chuột bao tử cũng tăng từ 4,5 tấn/ha lên 5 tấn/ha, v.v...

Nhờ có dự án triển khai, vùng sản xuất nguyên liệu đã được phát triển, mở rộng. Riêng diện tích trồng ngô rau, huyện Đan Phượng đã tăng thêm được 60ha ngay sau dự án. Diện tích trồng măng Đài loan cũng được nhân rộng thêm hàng chục ha.

Mô hình "Xưởng bảo quản, chế biến rau" được xây dựng không chỉ đơn thuần là trang bị một số thiết bị, máy móc để tạo ra một hệ thống cơ khí hoá trong sản xuất nông nghiệp mà nó còn mang ý nghĩa: thể hiện cơ cấu sắp xếp trang thiết bị một cách khoa học và hiệu quả. Việc bố trí trong một khu vực xưởng tập trung 03 hệ thống dây truyền: Chế biến, bảo quản lạnh, bảo quản bằng phương pháp sấy đã tạo thành một chu trình khép kín và có tác dụng hỗ trợ nhau khi cần thiết. Thí dụ: vào vụ thu hoạch chính, sản lượng nguyên liệu lớn, việc chế biến có thể không kịp thời giải quyết hết ngay thì sẽ có 02 biện pháp bảo quản áp dụng phù hợp với từng chủng loại nguyên liệu, bảo đảm kéo dài thời gian sử dụng mà không ảnh hưởng tới chất lượng của nông sản.

Thông qua mô hình xưởng, với những sản phẩm có chất lượng cao đã trực tiếp đưa khái niệm sử dụng rau "sạch" và vệ sinh an toàn thực phẩm đối với từng người dân.

Với kết quả xây dựng 02 mô hình của dự án, đã trực tiếp đào tạo được một đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật viên phục vụ cho việc sản xuất nguyên liệu và chế biến nông sản có năng lực tiếp thu công nghệ mới, kỹ thuật tiến bộ.

Quá trình thực hiện dự án đã tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa lý thuyết nghiên cứu với thực tế sản xuất, giữa các nhà khoa học, nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà quản lý. Hình thành mối liên kết giữa sản xuất nguyên liệu, cơ sở chế biến và tiêu thụ sản phẩm vừa khép kín vừa năng động. Đồng thời đó cũng là sự liên kết giữa các ngành khoa học, công nghệ, môi trường với nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ., v.v...

Trong quá trình triển khai dự án, nhằm mục đích nâng cao thu nhập đối với từng nông hộ, lãnh đạo địa phương (nơi tiếp nhận dự án) đã nghiên cứu và ban hành cơ chế khuyến khích sản xuất, kinh doanh phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi nhằm kích thích và tạo ra sự yên tâm cho người nông dân trong sản

xuất nông nghiệp. Thí dụ: Trước khi triển khai thực hiện dự án, mặc dù qui mô diện tích, sản lượng ngô rau còn thấp nhưng giá thành mua, bán tại thị trường không vượt quá 1.500đ/kg. Từ khi có Xưởng bảo quản, chế biến, giá ngô rau đã lên tới 1.700đ/kg ngô rau nhưng nếu tại thị trường giá cao hơn thì chấp nhận để bà con tiêu thụ tại thị trường nhằm trước hết tăng thu nhập, nâng cao đời sống của người nông dân. Chính vì vậy, sản xuất đã được kích thích, diện tích cây trồng tăng nhiều so với yêu cầu của dự án, góp phần làm tăng thu nhập, nâng cao đời sống của người nông dân. Cụ thể như sản phẩm ngô rau qui mô dự án để ra là 35ha nhưng thực tế gieo trồng là 110ha.

Dự án thành công đã góp phần kích thích việc thực hiện mục tiêu chuyển đổi cơ cấu giống, cây trồng trong nông nghiệp cho phù hợp với tiềm năng đất đai, nhân lực, vật lực của từng vùng nhằm tăng năng suất cây trồng, tăng giá trị của sản phẩm nông nghiệp, nhanh chóng biến sản phẩm nông nghiệp thành hàng hoá có chất lượng cao, phục vụ nhu cầu thị trường trong thời kỳ mới.

Tuy nhiên, mặc dù dự án đã có những cái được như tôi vừa trình bày nhưng không phải không có những vấn đề còn cần nghiên cứu tiếp.. Trong từng dự án, với từng tính chất của mô hình đều có những điểm mà trong quá trình triển khai thực hiện dự án mới phát sinh. Tôi xin dừng lại ở mô hình xây dựng xưởng bảo quản chế biến nông sản sau thu hoạch:

Trước hết, về vấn đề nhân lực và vật lực của đơn vị tiếp nhận dự án. Cần lựa chọn kỹ hơn về khả năng của vai trò chủ trì quản lý, chỉ đạo sản xuất của xưởng. Người phụ trách xưởng phải có năng lực không những trong quản lý mà còn phải linh hoạt trong kinh doanh. Chính vì lẽ đó, đối với xưởng chế biến, bảo quản nông sản Đan Phượng, Ban chủ nhiệm dự án đã phải đề nghị thay đổi đơn vị tiếp nhận dự án và thực tế đã thu được kết quả tốt hơn.

Với tính chất là sản xuất nhưng vai trò kinh doanh lại có một vị trí rất quyết định trong sự tồn tại và phát triển lâu dài của Xưởng cho nên địa điểm xây dựng xưởng được đặt tại đâu cũng là một yếu tố quan trọng. Ban đầu, nhằm mục đích đỡ tốn công vận chuyển nguyên liệu nên xưởng đã được dự tính đặt ở gần vùng sản xuất nông nghiệp, xa khu dân cư. Nhưng xét thấy sẽ rất khó khăn cho việc tiếp cận thị trường, phát triển thị phần nên Ban chủ nhiệm dự án đã đề nghị chuyển vị trí Xưởng về giữa thị trấn, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh.

Một vấn đề nữa cần quan tâm là: khi xây dựng qui mô công suất sản phẩm của dự án cần phải chú trọng tới nhu cầu thị trường đối với sản phẩm. Với một thị trường nông thôn như Đan Phượng mặc dù cách Hà Nội chỉ có 18km nhưng việc sử dụng những loại hình sản phẩm chế biến đóng lọ, hộp chưa trở thành thói quen trong nhân dân. Việc để có chỗ đứng cho sản phẩm này tại các siêu thị, các đô thị cần phải có thời gian. Vì vậy nếu đưa định mức sản xuất lớn sẽ gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, cần tìm hiểu kỹ hơn về những nhu cầu bức thiết của người dân trong khu vực đối với một số công nghệ khác để tạo ra chủng loại sản phẩm có thể mạnh, từ đó sẽ ưu tiên đầu tư để các loại hình sản phẩm có sức hỗ trợ lẫn nhau, bảo đảm sản xuất, kinh doanh hiệu quả, an toàn cho sự phát triển của doanh nghiệp. Ví dụ: Tại dự án xây dựng xưởng chế biến, bảo quản nông sản Đan Phượng, hệ thống thiết bị, máy móc của dây chuyền sấy thì sử dụng hết công suất vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân (đã phải đầu tư mở rộng).

Cụ thể: theo yêu cầu dự án đề ra, công suất sấy của năm đầu tiên sẽ đạt 100 tấn sản phẩm, thực tế năm thứ nhất xưởng đã sấy được 1.200 tấn sản phẩm (gồm các chủng

điều kiện tồn đọng ít xảy ra. Trong khi đó, sản phẩm chế biến đóng lọ, hộp tiêu thụ chậm, phải vừa sản xuất với công suất thấp, vừa phải khai thác thị trường. Do đó nếu trang bị hệ thống thiết bị có công suất lớn sẽ không phù hợp bởi nhiều lý do như: sản xuất không liên tục, tiêu hao năng lượng lớn hơn và như vậy lãi suất sẽ bị giảm.

Tuy nhiên về mặt qui mô dự án, đề nghị:

Mỗi dự án không nên dừng ở qui mô mức "điểm" như hiện nay. Không chỉ đơn thuần là qui mô về diện tích cây trồng, qui mô nhà xưởng (hệ thống trang thiết bị), cần hướng tới một cấp dự án có qui mô rộng hơn, áp dụng nhiều chủng loại công nghệ, nhiều thành phần tham gia, nhiều thể loại sản phẩm (ngoài sản phẩm vật thể còn có cả sản phẩm phi vật thể mang ý nghĩa phục vụ xã hội...). Thí dụ: có thể một dự án xây dựng, phát triển một vùng nhằm đạt được nhiều mục đích như:

+ Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao.

+ Thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi sao cho phù hợp với địa phương để khai thác cao nhất tiềm năng đất đai và khả năng nhân lực.

+ Chuyển tải những kiến thức khoa học, công nghệ mới, những kỹ thuật tiên bộ tới từng người dân bằng nhiều hình thức (tập huấn, thông tin đại chúng...)

+ Triển khai chương trình cơ - điện phục vụ sản xuất nông nghiệp (cả sản xuất nguyên liệu và chế biến nông sản sau thu hoạch).

+ Tạo ra những vùng sản xuất nông nghiệp có công nghệ tiên tiến.

chăn nuôi cũng tạo điều kiện biến thành hàng hoá tại từng vùng.

+ Bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế bền vững.

Tiến tới xây dựng những mô hình vùng nông thôn đã được cơ khí hoá, điện khí hoá trong sản xuất để tiến tới hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Để có thể đáp ứng được ý tưởng như vậy, xin đề xuất một số ý kiến như sau:

- Mục tiêu của dự án phải phù hợp với chương trình phát triển kinh tế - xã hội lâu dài của địa phương nhằm mục đích thực hiện thành công công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và miền núi.

- Ban điều hành dự án ở cấp Trung ương nên có một số hội nghị hội thảo mở rộng để thảo luận, bàn bạc, định hướng xây dựng nội dung, nhiệm vụ của các dự án sao cho phù hợp với từng vùng, từng địa phương.

- Thời gian thực hiện dự án thường là 2 năm. Đề nghị cần tăng thêm thời gian vì thực tế của khâu tổ chức chỉ đạo, lựa chọn công nghệ, chế tạo lắp đặt hệ thống thiết bị (nếu mô hình có hệ thống thiết bị), tập huấn kỹ thuật... đã phải mất khoảng 1 năm. Đồng thời nhiều chủng loại cây trồng, vật nuôi phải 3 - 4 năm mới khẳng định được năng suất, chất lượng và có chỗ đứng trong thị trường/ (Ví dụ: trồng măng Đài Loan thì phải sau 3 năm mới

bắt đầu được thu hoạch). Thời gian thu hồi khoản kinh phí phải thu hồi cũng cần được tăng theo cho phù hợp.

- Cần có cơ chế chính sách tài chính ưu tiên cho việc phổ biến nhân rộng và phát triển của các mô hình khi dự án đã kết thúc với kết quả tốt (Ví dụ: cơ chế vay vốn ưu đãi để mở rộng mô hình, chính sách miễn giảm thuế trong những khoảng thời gian cho phù hợp...).

- Dự án nên mở rộng các thành phần tham gia, có chính sách ưu đãi cụ thể để thu hút đầu tư, tạo kinh phí từ nhiều nguồn (Từ ngân sách nhà nước hỗ trợ, từ các doanh nghiệp, từ trong dân...)

- Cần có sự tham gia, liên kết chặt chẽ giữa các ngành để xây dựng những mô hình thành phố trong cả tổng thể dự án lớn. Ví dụ: ngành khoa học, công nghệ và công nghiệp với mô hình sản xuất công nghiệp, khoa học, công nghệ và nông nghiệp với những mô hình nông nghiệp (thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xây dựng vùng nông nghiệp công nghệ cao...).

Khoa học, công nghệ với sự tham gia của giao thông, xây dựng, công nghiệp sẽ tạo ra được những vùng xây dựng và phát triển mô hình dự án phù hợp với qui hoạch tổng thể trong tương lai.



Hội thảo Biogas



Lễ ký hợp đồng các dự án nông thôn miền núi



Nghiệm thu dự án nông thôn miền núi

KINH NGHIỆM TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

KINH NGHIỆM TRONG VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ SỰ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỚI CÁC CƠ QUAN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN NÔNG THÔN MIỀN NÚI

Phan Huy Chi

Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Vùng

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Vùng là đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có chức năng là cầu nối giữa các hoạt động khoa học và công nghệ với các hoạt động nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội vùng.

Trong lĩnh vực chuyển giao công nghệ, từ năm 1999 đến nay Trung tâm đã tập trung xây dựng được nhiều dự án chuyển giao công nghệ. Tuy là hoạt động mới được 5 năm nhưng bước đầu đã thu được những kết quả khả quan, được địa phương và lãnh đạo các cấp hoan nghênh, ủng hộ.

Thành tựu nổi bật trong lĩnh vực này là Trung tâm đã xây dựng thành công các dự án phát triển thủy sản ở các tỉnh ven biển, điển hình là các dự án triển khai ở Quảng Ninh và Hải Phòng.

- Nghiên cứu quy hoạch khu nuôi tôm công nghiệp:

- Kim Sơn - Ninh Bình.
- Tiền Lãng - Hải Phòng.

- Thiết kế kỹ thuật nuôi tôm công nghiệp:

- Tân An - Yên Hưng - Quảng Ninh.
- Đoàn 327 Móng Cái - Quảng Ninh.
- Lập Lễ - Thủy Nguyên - Hải Phòng.

- Trợ giúp quy hoạch khu nuôi:

- Công ty BIM - Quảng Ninh.
- Công ty Geleximco Tiền Hải - Thái Bình.

Những dự án Trung tâm thực hiện đã góp phần thúc đẩy việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở ven biển Bắc bộ và lần đầu tiên khẳng định miền Bắc đã sản xuất được tôm giống trong điều kiện mùa đông. Theo công

nghệ gia nhiệt bằng lò đun nước nóng đốt than được chuyển giao từ Khâm Châu - Quảng Tây - Trung Quốc vào Việt Nam (trại sản xuất tôm sú giống Đại Yên - Quảng Ninh).

Trong quá trình thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ, Trung tâm nhận thấy một số vấn đề cần xem xét và điều chỉnh trong thời gian tới:

Việc Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho cấp Sở là cơ quan chủ trì thực hiện dự án đã tạo điều kiện nâng cao vai trò của các Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường trong việc quản lý và tiếp nhận các công nghệ mới trên địa bàn của mình, góp phần nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ thuộc Sở thông qua việc hợp tác triển khai nội dung dự án với các ngành khoa học và các cấp lãnh đạo chính quyền. Tuy nhiên qua một thời gian thực hiện theo cơ chế quản lý này cũng bộc lộ một số điểm bất cập cần quan tâm:

1. Có nhiều dự án chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở KHCNMT và các cơ quan chuyển giao công nghệ, đặc biệt là thời gian đầu chuẩn bị nội dung của dự án. Từ đó, dự án chưa đưa ra được những nội dung mang tính khả thi cao phù hợp với những công nghệ mới, những kỹ thuật tiến bộ mà cơ quan chuyển giao công nghệ có thể chuyển giao được (đặc biệt là các công nghệ phức tạp chuyển giao từ nước ngoài vào). Vai trò của chủ nhiệm dự án không rõ ràng, còn mang tính hình thức, thủ tục cần có quy định rõ trách nhiệm quyền hạn và quyền lợi.

2. Một số quan niệm giữa cơ quan chuyển giao công nghệ và cơ quan chủ trì thực hiện đơn thuần là bên A bên B như các hợp đồng kinh tế. Vì thế không có sự chia sẻ thực sự của các nhà khoa học và dẫn đến không khai thác một cách tốt nhất trí tuệ, tiềm năng và lòng nhiệt tình của các nhà khoa học, các cơ quan khoa học đối với sản xuất, thay vì mỗi bên chỉ tập trung hoàn thành những phần việc như đã ký trong hợp đồng.

3. Hiện nay các thủ tục hành chính còn quá phức tạp, gây không ít khó khăn cho các cơ quan chuyển giao công nghệ, đặc biệt là thủ tục thanh quyết toán tài chính và quy trình cấp vốn.

4. Việc xét duyệt và cấp vốn thường xuyên muộn nên việc triển khai các nội dung dự án thường bị động, đặc biệt đối với việc xây dựng các mô hình thủy sản, nông, lâm nghiệp lại phụ thuộc rất nhiều vào thời vụ.

Những bất cập về quản lý và giám sát thực hiện dự án:

1. Dự án đầu tư vào khu vực nông thôn miền núi phải chi một khoản tài chính không nhỏ và nhiều nguồn. Nếu không tăng cường giám sát kiểm tra thì sự thất thoát cũng sẽ xảy ra, báo cáo hay nhưng hiệu quả thì không nhiều. Con đường tốt nhất là đi trực tiếp đến địa bàn, giảm tối đa các khâu trung gian.

2. Để việc quản lý, giám sát được tốt Bộ KHCN không nên quản lý quá nhiều dự án nhỏ thuộc các chuyên ngành hẹp như hiện nay, mà chỉ nên tập trung vào một số lĩnh vực chủ đạo, có hàm lượng khoa học công nghệ cao hoặc có nguồn vốn hỗ trợ mang tầm cỡ quốc gia.

3. Nên phân cấp quản lý dự án cho tỉnh trong một số dự án thuộc phạm vi ảnh hưởng tại địa phương, chương trình chỉ xem xét thống nhất về nội dung và kết quả cần đạt, mức hỗ trợ kinh phí rồi giao cho Sở ký kết hợp đồng triển khai với cơ sở.

4. Các cơ quan khoa học và công nghệ, các nhà khoa học phải được huy động để chuyển tải được các nội dung chuyển giao tiến bộ KH & CN vào các chủ thể tham gia thực hiện dự án. Các cơ quan chuyển giao công nghệ, các nhà khoa học thực sự vào cuộc bằng các nghiệp vụ và trách nhiệm cụ thể thể hiện bằng các hợp đồng kinh tế chuyển giao KHCN và thực hiện đúng quy trình chuyển giao CN tùy theo loại hình.

5. Chương trình tổng kết các dự án đạt hiệu quả, địa phương xây dựng phương án nhân rộng và tuyên truyền và phổ biến trong quá trình dự án đang thực hiện thông qua các hình thức hội nghị tham quan tại chỗ, phối hợp với các đoàn thể tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật tiến bộ, tổng kết thực tiễn mô hình ứng dụng KHCN điển hình để tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân có điều kiện ứng dụng.

Những vấn đề cần tiếp tục suy nghĩ, đổi mới để phát huy hơn nữa hiệu quả KT - XH của dự án:

Lựa chọn tổ chức chuyển giao công nghệ cho dự án, với cơ chế mở hiện nay, nếu không có sự trợ giúp thông tin từ phía cơ quan quản lý cấp trên, từ HDKH chuyên ngành của từng dự án thì cơ quan chủ trì khó tìm được tổ chức chuyển giao công nghệ có năng lực, uy tín thực sự.

Về tài chính:

1. Kinh phí hỗ trợ ngân sách từ Trung ương cho hoạt động khoa học công nghệ nên chuyển thẳng về nơi tiếp nhận dự án, để giảm bớt thời gian kinh phí nằm tại các cơ quan trung gian, tạo điều kiện thuận lợi và tính chủ động cho các cơ quan chuyển giao công nghệ thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cũng như công tác thanh quyết toán sau này.

2. Ngoài ra, để tăng cường trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận công nghệ và nâng dần thụ hưởng công nghệ, cần đặt ra vấn đề thu hồi vốn. Căn cứ vào địa bàn thực hiện dự án,

công nghệ được chuyển giao mà đặt ra mức thu hồi vốn thích hợp. Khoản thu này có thể sẽ để lại cho cơ sở tái đầu tư cho việc mở rộng mô hình.

3. Khi thanh quyết toán dự án, không nên coi đây là công trình xây dựng cơ bản đơn thuần mà cần áp dụng các chế độ hợp lý với loại hình chuyển giao công nghệ ứng dụng kỹ thuật mới và được ưu đãi theo quy định của luật pháp.

Về hoàn thiện cơ chế hỗ trợ tài chính:

Để triển khai thành công các dự án ứng dụng KH & CN cần đảm bảo huy động tổng hợp các nguồn vốn. Phân hỗ trợ từ vốn sự nghiệp Khoa học Công nghệ chỉ hỗ trợ cho những nội dung liên quan trực tiếp tới khâu chuyển giao công nghệ. Kiên quyết không phê duyệt những dự án không chứng minh được các nguồn vốn đối ứng của địa phương, nội dung của dự án phải đưa ra được các sản phẩm có giá trị cao và sau dự án phải sản nghiệp hoá để tiếp tục duy trì và nhân rộng. Chỉ có thể thực hiện tốt các nguyên tắc này thì mới tạo tiền đề cho việc nhân rộng các mô hình trình diễn ứng dụng KH & CN.

Một số kiến nghị:

1. Nên có một ban tư vấn khoa học giúp ban chủ nhiệm chương trình trong việc xây dựng kế hoạch và nội dung triển khai cho từng giai đoạn và từng vùng sinh thái.

Hiện nay, các dự án mô hình thuộc chương trình NTMN do sở KH&CN & MT chủ trì là không hợp. Vì sở KH&CN & MT là cơ quan quản lý nhà nước về KH & CN trên địa bàn tỉnh, thành phố, cần đưa các Sở vào đúng chức năng đó. Chủ dự án phải là nơi tiếp nhận và triển khai dự án để chủ dự án có trách nhiệm với dân sở tại.

2. Muốn chuyển giao công nghệ được tốt phải dựa trên cơ sở nhu cầu của người sản

xuất và khả năng cung cấp công nghệ của cơ quan khoa học. Lợi ích của người nông dân phải là số một trong việc chuyển giao và tiếp nhận công nghệ mới.

3. Cần phải phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ KHKT Trung ương với cán bộ KHKT địa phương là nhân tố hết sức quan trọng cho sự thành công của dự án. Khi dự án kết thúc cái còn lại là cán bộ kỹ thuật ở địa phương tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả của dự án.

4. Các mối quan hệ của chủ dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ: Nếu các đơn vị này hoạt động lỏng lẻo, vô trách nhiệm sẽ đem lại hậu quả tiêu cực. Để làm tốt điều này theo chúng tôi trước hết phải xác định rõ trách nhiệm của mỗi bên nếu không khi có sự cố các bên đổ lỗi cho nhau, còn nhà nước và nông dân thì chịu thua thiệt. Chịu trách nhiệm chính ở đây phải là nơi tiếp nhận công nghệ, cơ quan chuyển giao chịu trách nhiệm về chuyên môn, công nghệ theo quy định hợp đồng.

5. Thông qua các dự án trong Chương trình Nông thôn và Miền núi kể cả các vùng xa xôi hẻo lánh người dân đã tiếp nhận được những tiến bộ kỹ thuật và các thông tin khoa học cập nhật, góp phần thay đổi tập quán canh tác lạc hậu, đẩy nhanh công tác ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và thúc đẩy sự phát triển của địa phương. Do vậy cần đẩy mạnh và tăng cường các biện pháp đưa thông tin đến địa phương.

Chương trình đã huy động được một lực lượng đông đảo cán bộ khoa học của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực có trình độ của các cơ quan nghiên cứu khoa học trực tiếp tham gia vào công tác chuyển giao khoa học, công nghệ. Ngược lại cũng tạo cho cán bộ khoa học tiếp xúc thực tế để nâng cao năng lực chỉ đạo, tổ chức sản xuất. Giúp cho công tác định hướng nghiên cứu khoa học cụ thể hơn và gắn với sản xuất hơn.

KINH NGHIỆM VỀ VIỆC TỔ CHỨC, SỰ PHỐI HỢP GIỮA SỞ VỚI CƠ QUAN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

PGS.TS Bùi Văn Miên

Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu khoa học

Trưởng Bộ môn phát triển sản phẩm - ĐH Nông lâm - TP.HCM

Trong thời gian từ 1998 - 2002 Trường Đại học Nông lâm TP.HCM tham gia thực hiện chuyển giao công nghệ cho 5 dự án xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi tại 5 tỉnh Đồng Nai, Phú Yên, Bình Thuận, Bình Phước, Lâm Đồng, cụ thể:

- Xã Ngọc Định huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai từ 4/1999 - 12/2000 với kinh phí 500 triệu đồng.
- Xã Sơn Thành huyện Tuy Hoà tỉnh Phú Yên từ 5/1999 đến 5/2001 với kinh phí 27.000.000 (500.000.000 đồng).
- Xã Sùng Nhơn huyện Đức Linh tỉnh Bình Thuận từ 12/1999 đến 12/2001 với kinh phí 334.000.000 (500.000.000 đồng).
- Xã Lộc Thành huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước từ 12/2000 đến 12/2002 với kinh phí 460.000.000 đồng.
- Huyện Đạh tỉnh Lâm Đồng từ 12/2000 đến 12/2002 với kinh phí 600.000.000 đồng

Có thể nói rằng gần nhất là Đồng Nai cũng hơn 60km và xa như Phú Yên 600km dù gần hay xa nhưng với sự phối hợp ăn ý, mềm dẻo mà tất cả các dự án đều đạt kết quả tốt dù kinh phí nhiều hay ít. Nhiều cũng từ 5 đến 6 trăm triệu như ở Lâm Đồng, Đồng Nai hay quá ít như Phú Yên chỉ vắn vắn 27 triệu đồng nhưng ở đâu chúng ta cũng đạt được những kết quả mà chính những người cán bộ cơ sở đã có những đánh giá cao. Vì thực sự việc thực hiện các dự án đã góp phần

nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất và xoá đói giảm nghèo cho nhân dân trên địa bàn thực hiện dự án. Qua thực tế công tác chuyển giao công nghệ và những kết quả đã đạt được của 5 dự án ở 5 địa phương đã nêu trên chúng tôi cho rằng:

1. Có hướng đầu tư, phát triển và có sự quan tâm bằng nhiệt huyết của các cán bộ KHKT, các nhà khoa học kỹ thuật nông nghiệp.

Có thể nói rằng Chương trình ứng dụng KHKT nông thôn miền núi là phù hợp với chủ trương chung của Đảng và Nhà nước, "Đưa nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp...Tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn. Qui hoạch hợp lý và nâng cao hiệu quả của việc sử dụng đất, nguồn nước, vốn rừng gắn liền với bảo vệ môi trường. Qui hoạch các khu dân cư, phát triển các thị trấn, thị tứ, các điểm văn hoá ở làng xã, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, xây dựng cuộc sống dân chủ, công bằng, văn minh ở nông thôn kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp và có chính sách hỗ trợ định cư, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân miền núi. Văn kiện ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ IX - Đảng công sản VN 168-171).

Đi đôi với việc xây dựng kết cấu hạ tầng phải rất coi trọng tạo nguồn lực cần thiết để dân cư các vùng nghèo, xã nghèo đẩy mạnh sản xuất, phát triển ngành nghề tăng nhanh thu nhập. Chúng ta sẽ thấy rõ rằng chúng ta đang rất được quan tâm và có đầu tư, có phát triển và cần đầu tư và cần phát triển và đã có chương trình ứng dụng khoa

học công nghệ cho các vùng nông thôn miền núi.

Vấn đề thứ 2 chúng tôi muốn nêu là: Phải chọn được những cán bộ khoa học có tâm huyết ở đây muốn nói đến sự nung nóng của các nhà KHKT muốn đem các kiến thức tích lũy được nhiều năm qua có thể giúp cho những người nông dân chân lấm tay bùn, bết nghèo, bết khó. Chính vì vậy chúng tôi đã chọn được những cán bộ nhiệt tình trong nghiên cứu và ứng dụng như TS. Huỳnh Thanh Tùng, TS. Nguyễn Như Phò, PGS.TS Lê Minh Triết, KS. Phan Gia Tân ... và rất nhiều nhà khoa học khác tham gia với những người dân khó khăn và vất vả những nơi mà một năm thu nhập gia đình dưới 100USD (1,5 triệu đồng).

2. Có sự phối hợp thể hiện qua từng công việc, từng bước tiến hành

Mô hình đó là sự thực hành có hiệu quả tại cơ sở sản xuất.

Từ những khái quát của Chương trình ứng dụng KHKT cho những vùng nông thôn nghèo và các dân tộc vùng núi nghèo. Trường cùng với các Sở KHCN&MT, Sở NN&PTNT khảo sát tại các xã nghèo của 1 huyện, tất cả các xã...

Các địa phương đều nghèo nhưng mỗi địa phương đều có những đặc thù, những điều kiện khác nhau trong phát triển cây gì, con gì, ngành nghề gì? Vậy khảo sát, định hướng là cần thiết: đây là bước khởi đầu nhưng vô cùng quan trọng, các CBNC và cả các Sở cũng không thể biết kỹ càng sâu sắc đến từng cây, từng con, kinh nghiệm trồng cây gì nuôi con gì có hiệu quả đối với người dân vì vậy mỗi người cần có những tài liệu, số liệu cụ thể từ đó kết hợp với những nhu cầu và khả năng của địa phương, các cán bộ cơ sở, trường, huyện, xã và đôi khi xuống tới thôn (làng) xóm. Qua 5 dự án thì chúng tôi cùng tìm thấy cho xã một phương án với các mô hình khác nhau (thường là 2 bên bàn bạc lựa chọn). Như ở Lộc Thành, Lộc Ninh, Tây

Ninh. Hay ở Phú Yên, với điều kiện xã nên cách làm khác là tạo chủ động cho địa phương. Thường các dự án chúng tôi thực hiện:

Bước 1: Thu thập các số liệu ban đầu tại địa phương, căn bản là vạch ra những số liệu nào cần thu thập và thống nhất phương pháp thu thập số liệu vấn đề viết, phân công cho cán bộ có khả năng hoặc mỗi người viết một phần.

Bước 2: Xây dựng hướng đề cương, viết và trình đề cương. Dựa vào đề cương của Bộ KHCN chia ra phần số liệu về đặc điểm tình hình địa phương các cán bộ của Sở KHCNMT phối hợp với Sở NN&PTNT, phân xây dựng các mô hình do cán bộ của trường viết sau đó cùng trao đổi lần cuối để hoàn chỉnh và gửi đi đăng ký.

Bước 3: Triển khai thực hiện

- Chọn điểm: Thông qua Sở đến Huyện, từ huyện xuống xã, từ xã xuống ấp và hộ. Chúng ta phải xem hộ nào, nhóm nào có thể tham gia vào mô hình nào. Nếu chúng ta đánh đúng vào chỗ bức xúc và khả năng của người dân thì sẽ mở ra một hướng phát triển cho họ. Ví dụ: Một gia đình ở xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước: xưa nay nuôi heo cỏ, heo nội nên không có lời nhưng khi chúng ta đưa giống lai vào tức là mở cho họ có sự phát triển nếu giúp họ tận tình thì sẽ thật sự tạo cho họ sự thành công và thực sự họ đã thành công : 1 con heo ...9-12 con heo.

- Với công việc đòi hỏi các cán bộ chuyển giao ứng dụng phải thực sự gắn liền với cơ sở. Như vậy có tạo nên các "móc xích" được nối với nhau trong công việc thì mới đem lại sự thành công cho dự án. Cần có thêm một móc xích giữ những người thực hiện và chuyển giao.

Để tạo cầu nối mỗi dự án, mỗi mô hình đều có ít nhất 01 cán bộ gần như ở cùng dân để bám sát địa bàn và giúp dân về kỹ thuật, từ đó tìm hiểu dần và tiến đến lựa chọn những người có thể nắm bắt được cho về

trường huấn luyện kỹ thuật theo nhu cầu mô hình, từ đó xây dựng mạng lưới kỹ thuật. Mặt khác cho những bà con tham gia dự án đi tham quan, ví dụ như từ Phú Yên ra tới Quảng Bình tham quan mô hình trồng tiêu ...

+ Khi đưa xuống cơ sở giống con và các sản phẩm khác vấn đề quan trọng là chọn giống tốt nhưng cũng cần chú ý liệu có thích ứng ngay với vùng khí hậu thời tiết của vùng đó hay không? Liệu có những người dân có khả năng đó không?

+ Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn đầu bờ. Đây là dịp trao đổi thông tin nhanh nhạy dễ hiểu và rất thực tế, giúp mọi người hiểu nhanh và rõ những việc cần làm cho từng loại mô hình, từ đó họ có thể chủ động thực hiện ở nhà. Rõ ràng từ các hội nghị tập huấn đầu bờ nó đã là nơi chia sẻ kinh nghiệm và trao đổi thực tế giúp các cán bộ hiểu được nhu cầu của người dân, mọi người cảm thấy như là chủ vì cùng bàn bạc, cùng thực hiện.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:

Đánh giá việc thực hiện từng mô hình, từng nông hộ, ở từng địa phương (cấp phường, xã).

Thực tế thì thường đã có mạng lưới theo dõi tiến độ và kết quả của dự án. Đó là các thành viên trong mạng lưới tại cơ sở và các thầy cô và cán bộ trực tiếp tham gia nên việc đánh giá kết quả để tài không khó khăn và phức tạp lắm, tuy nhiên từng đợt chúng tôi có thành lập các hội đồng có các thành viên của trường, thành viên của các Sở KH-CN-MT, Sở NN&PTNT và các cán bộ phụ trách cấp huyện, xã và những người trực tiếp trong dự

án. Kết quả được đánh giá cho từng mô hình, từng ấp, từng xã nên thông qua đó mọi thành viên đều nắm được và kịp thời giải quyết những vướng mắc và tạo điều kiện tốt hơn cho dự án phát triển tốt.

3. Biến các kiến thức chuyển giao công thành kiến thức của người nhận tạo sự yên tâm và chắc chắn.

Đây là kinh nghiệm của các chương trình chuyển giao thông qua các chương trình ứng dụng khoa học công nghệ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi và các Chương trình nghiên cứu khác. Nếu chúng ta giúp họ chỉ là nhà cửa, là gạo, là tiền thì chưa hẳn họ đã phát triển vì hết rồi lại ngồi không, đã khó lại càng khó khăn hơn. Vấn đề là chúng ta giúp họ có một việc làm phù hợp. Muốn vậy chúng ta phải đào tạo họ, thông qua các chương trình chúng ta đào tạo cho họ những kiến thức tối thiểu, những nghề nghiệp phù hợp cho từng vùng, từng địa phương và đôi khi cho từng cá nhân để sau khi kết thúc họ có những hiểu biết khá tốt về công việc mình làm và chủ động làm vì vậy Chương trình kết thúc cũng là chúng ta đã để lại cho họ một nguồn vốn quý giá, lớn lao mà họ tự phát triển được.

Trên đây là một số vấn đề được nêu lên với tư cách là những người thực hiện một số dự án: xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998 - 2002. Chúng tôi chưa có nhiều điều kiện để rút ra những kết luận chắc chắn mà chỉ nêu lên những nhận định rút ra từ thực tế công tác chuyển giao công nghệ cho 5 dự án tại 5 địa phương để hội nghị tham khảo.

BÁO CÁO THAM LUẬN TẠI HỘI NGHỊ TỔNG KẾT GIAI ĐOẠN I CHƯƠNG TRÌNH "XÂY DỰNG MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 1998 - 2002"

Lê Việt Hùng
Viện kinh tế kỹ thuật thuốc lá

Kính thưa các đại biểu!

Kính thưa toàn thể hội nghị!

Trong thời gian qua được sự ủng hộ và giúp đỡ có hiệu quả của Bộ Khoa học và Công nghệ và Ban chỉ đạo Chương trình nông thôn miền núi. Các TBKHKT thuộc lĩnh vực sản xuất thuốc lá nguyên liệu đã được áp dụng có hiệu quả tại 2 tỉnh: Cao Bằng, Tuyên Quang. Thay mặt Viện Kỹ thuật thuốc lá là cơ quan chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực nguyên liệu tôi xin phát biểu một số kinh nghiệm và các ý kiến đề xuất về các dự án: áp dụng kỹ thuật tiên tiến xây dựng mô hình sản xuất thuốc lá nguyên liệu có năng suất chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu tại 2 tỉnh Cao Bằng và Tuyên Quang mà Viện chúng tôi đã kết hợp với 2 Sở KHCNMT của 2 tỉnh thời gian qua như sau:

1. Chọn đúng cơ quan chuyển giao kỹ thuật: Thuốc lá là một cây trồng khá đặc thù, ngoài năng suất thì chất lượng đóng một vai trò rất quan trọng, chất lượng được thể hiện qua giá cả, 1 kg thuốc lá khô có thể dao động từ 15.000 đồng đến vài nghìn đồng đó là do chất lượng quyết định, 1 bao thuốc lá có thể dao động từ 25.000 đồng đến 1.500 - 2000 đồng cũng là do chất lượng nguyên liệu cơ bản quyết định. Trong 2 dự án này Sở KHCNMT Cao Bằng và Tuyên Quang đã chọn Viện Kỹ thuật thuốc lá làm cơ quan chuyển giao TBKT. Viện Kỹ thuật thuốc lá là một cơ quan chuyên nghiên cứu về lĩnh vực nông nghiệp và công nghệ thuốc lá, có bề dày kinh nghiệm trong công tác chuyển giao TBKT, có đội ngũ cán bộ kỹ thuật yêu ngành,

yêu nghề, bám sát đồng ruộng, các trang thiết bị phục vụ nghiên cứu đạt trình độ khu vực. Đây là yếu tố góp phần cho dự án thành công tốt đẹp.

2. Chọn đúng địa bàn triển khai dự án, từ mô hình này sẽ nhân rộng ra nhiều địa bàn khác trong tỉnh. Tại Cao Bằng cũng như Tuyên Quang các địa bàn thực hiện dự án đều ở vị trí trung tâm của vùng trồng thuốc lá trong tỉnh, mật độ trình độ dân trí phải ở mức trung bình khá để tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật, gần tương đương với ở các vùng dự kiến sẽ nhân rộng, mặt khác cơ sở hạ tầng phải đáp ứng cho yêu cầu sản xuất thuốc lá nguyên liệu. Thực tế đã cho thấy khi triển khai làm bầu cây con ở xã Nam Tuấn, huyện Hoà An và xã Đào Ngạn, huyện Hà Quảng (địa bàn dự án), do tác dụng của bầu, cây khoẻ hơn, tỷ lệ chết ít hơn, ít bị sâu xâm cắn so với không làm bầu, vì vậy hiện nay toàn bộ các xã trong huyện này đã hầu hết làm bầu cây con.

3. Vấn đề bao tiêu sản phẩm cho dự án: Trong sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất thuốc lá nói riêng vấn đề bao tiêu sản phẩm cho bà con nông dân là rất quan trọng. Viện kỹ thuật thuốc lá đã kết hợp với các Sở KHCNMT của 2 tỉnh Cao Bằng và Tuyên Quang thu mua toàn bộ thuốc lá nguyên liệu cho bà con nông dân, đây là nguyên nhân quan trọng góp phần vào thành công của dự án.

4. Mục tiêu của dự án rõ ràng, sát với yêu cầu thực tế: trong 2 dự án ở Cao Bằng và Tuyên Quang mục tiêu dự án đã đề ra được là thuốc lá nguyên liệu là phải đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, muốn thế các tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, phân bón, canh tác, hái, sấy, phân cấp phải được bà con thực hiện nghiêm chỉnh.

Qua thực hiện dự án tại Cao Bằng và Tuyên Quang, chúng tôi xin có một số kiến nghị sau:

- Diện tích trồng thuốc lá của 2 tỉnh Lạng Sơn và Bắc Kạn khá lớn, các vùng trồng đều nằm ở vùng sâu, vùng xa. Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tạo điều kiện để Viện kết hợp với 2 Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Lạng Sơn và Bắc Kạn tiến hành dự án

với nội dung như đã làm tại Cao Bằng và Tuyên Quang.

- Với nguồn kinh phí được Bộ hỗ trợ cho dự án đã góp phần quan trọng nhất làm nên thành công dự án, nhưng vì dự án thực hiện trong lĩnh vực nông nghiệp, vì vậy thời vụ rất quan trọng, trong 2 dự án trên kinh phí cấp chậm hơn vì vậy phần nào ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án.

- Trên đây là một số bài học kinh nghiệm và một số đề nghị của Cơ quan chuyển giao tiến bộ kỹ thuật. Một lần nữa thay mặt tập thể cán bộ khoa học của Viện Kinh tế kỹ thuật thuốc lá xin chúc hội nghị thành công rực rỡ, chúc các quý vị đại biểu sức khoẻ dồi dào.

Xin chân thành cảm ơn!

KINH NGHIỆM CHUYỂN GIAO TIẾN BỘ KỸ THUẬT ĐỐI VỚI TỪNG ĐỐI TƯỢNG SẢN XUẤT VÀ TỪNG LOẠI ĐỊA BÀN THÔNG QUA CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG MÔ HÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI

PGS.TS Nguyễn Hữu Đống

Giám đốc Trung tâm Công nghệ Sinh học Thực vật - Viện Di Truyền

Trong thời gian qua, Trung tâm Công nghệ Sinh học Thực vật đã được Chương trình xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế- xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002 đầu tư để triển khai các dự án trên địa bàn 7 tỉnh (tỉnh Hoà Bình, Ninh Bình, Quảng Bình, Quảng Nam, Sóc Trăng, Trà Vinh, Tây Ninh). Trên địa bàn các tỉnh kể trên, chúng tôi đã và đang triển khai thành lợi các tiến bộ khoa học kỹ thuật về các loại giống mới của nấm ăn và nấm dược liệu, công nghệ tiến bộ về nhân giống và công nghệ nuôi trồng. Trung tâm đang được Chính phủ, Bộ NN & PTNT, Bộ Khoa học và Công nghệ giao nhiệm vụ chủ trì Chương trình quốc gia về nghiên cứu và nuôi trồng nấm ăn trên địa bàn cả nước. Với Chương trình đó, đang phấn đấu đến năm 2010, Việt Nam sẽ sản xuất được 1 triệu tấn nấm, giải quyết công ăn việc làm cho 1 triệu lao động. Đó là một Chương trình lớn không chỉ có ý nghĩa về mặt khoa học, công nghệ mà cả về kinh tế và xã hội. Thông qua thực tiễn hoạt động, chúng tôi đã rút được nhiều bài học về chỉ đạo chiến lược, về triển khai kỹ thuật và chuyển giao tiến bộ khoa học vào các vùng miền trải dài trên địa bàn cả nước (nông thôn, trung du, miền núi, miền Bắc, miền Nam...). Sau đây, chúng tôi xin phát biểu một số nét lớn mà bản thân tập thể chúng tôi đạt được trong giai đoạn vừa qua nhân dịp tổng kết giai đoạn 1 của Chương trình (1998-2002).

Phần I. Đặt vấn đề.

Ngành sản xuất nấm ăn đã hình thành và phát triển trên thế giới từ hàng trăm năm nay. Do đặc tính khác biệt với thực vật và động vật về khả năng quang hợp, dinh dưỡng và sinh sản, nấm được xếp thành một giới riêng. Giới nấm có nhiều loài, chúng đa dạng về hình dáng, màu sắc, gồm nhiều chủng loại và sống ở khắp nơi. Cho đến nay, con người mới chỉ biết đến một số loại nấm để phục vụ cuộc sống.

Nấm ăn là một loại thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao. Hàm lượng Protein (đạm thực vật) chỉ sau thịt cá, rất giàu chất khoáng và các axit amin không thay thế, các vitamin (sinh tố A, B, C, K, D, E ...) không có độc tố. Có thể coi nấm ăn như một loại "rau sạch" và "thịt sạch". Ngoài giá trị về dinh dưỡng, nấm ăn còn có nhiều đặc tính của biệt dược, có khả năng phòng chữa bệnh như: làm hạ huyết áp, chống bệnh béo phì, chữa bệnh đường ruột, tẩy máu xấu. Nhiều công trình nghiên cứu về y học xem nấm như là một loại thuốc có khả năng chống bệnh ung thư. Hướng nghiên cứu này đang được tiếp tục làm sáng tỏ trong tương lai.

Vấn đề nghiên cứu và sản xuất nấm ăn trên thế giới ngày càng phát triển mạnh mẽ, nó đã trở thành một ngành công nghiệp thực phẩm thực thụ. Ở các nước phát triển như Hà Lan, Pháp, Ý, Nhật Bản, Mỹ, Đức ... nghề trồng nấm đã được cơ giới hóa cao, từ khâu xử lý nguyên liệu đến thu hái, chế biến nấm đều do máy móc thực hiện.

Các nước ở khu vực Châu Á như Đài Loan, Trung Quốc, Malayxia, Indonesia,

Singapore, Triều Tiên, Thái Lan ... có nghề trồng nấm cũng đã được phát triển mạnh mẽ. Một số loại nấm ăn được nuôi trồng khá phổ biến đó là nấm mỡ (*Agaricus bisprus*), nấm hương (*Lentinus edodes*), nấm rơm (*Volvariella volvacea*), nấm sò (*Pleurotus florida*), mộc nhĩ (*Auricularia politricha*), nấm linh chi (*Ganoderma lucidum*)... Sản phẩm nấm được tiêu thụ chủ yếu ở dạng tươi, đóng hộp, sấy khô và làm thuốc bổ. Các nước Bắc Mỹ và Tây Âu tiêu thụ nấm nhiều nhất (tính theo bình quân đầu người trong một năm). Giá 1kg nấm tươi (nấm mỡ) bao giờ cũng cao hơn giá 1kg thịt bò. Nhiều nước như Mỹ, Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông phải nhập khẩu nấm từ Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam...

Ở Việt Nam nấm ăn cũng được biết từ lâu. Tuy nhiên, chỉ hơn 10 năm trở lại đây, trồng nấm mới được xem như là một nghề, mang lại hiệu quả kinh tế. Các tỉnh phía Nam chủ yếu trồng nấm rơm và mộc nhĩ (nấm mèo). Sản lượng đạt trên 100.000 tấn/năm. Nấm được tiêu thụ tại thị trường nội địa và chế biến thành dạng hộp, muối xuất khẩu. Các tỉnh phía Bắc như: Vĩnh Phúc, Hà Tây, Hưng Yên, Bắc Giang, Hải Dương, Ninh Bình, Hà Nội, Thái Bình... đã có nhiều cơ sở quốc doanh, tập thể, hộ gia đình trồng nấm. Tổng sản lượng đạt trên 10.000 tấn nấm/năm. Các tỉnh Miền Trung như: Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Đà Nẵng ... đang từng bước bắt đầu xây dựng các cơ sở sản xuất giống và nuôi trồng nấm. Sản lượng trung bình đạt 1.000 tấn nấm /năm.

Tiềm năng phát triển nấm ăn ở Việt Nam: Nước ta là một trong những nước có đủ các điều kiện để phát triển mạnh nghề trồng nấm do:

1- Nguồn nguyên liệu để trồng nấm là rơm rạ, thân gỗ, mùn cưa, bã mía ... Các loại phế liệu sau thu hoạch giàu chất Xen-lu-lô rất lớn. Nếu tính trung bình một tấn thóc sẽ cho ra 1,2 tấn rơm rạ khô thì tổng sản lượng rơm rạ trong cả nước đạt con số vài chục triệu tấn/năm. Chỉ cần sử dụng 10% số phế liệu kể

trên để trồng nấm thì sản lượng nấm đã đạt vài trăm ngàn tấn/năm.

2- Lực lượng lao động dồi dào và giá công lao động rẻ. Tính trung bình 1 lao động nông nghiệp mới chỉ dùng đến 30-40% quỹ thời gian. Chưa kể một số lượng lớn các lao động phụ trong nông thôn đều có thể tham gia trồng nấm được.

3- Điều kiện tự nhiên (về nhiệt độ, độ ẩm...) rất thích hợp cho nấm phát triển. Cả hai nhóm nấm (nhóm ưa nhiệt độ cao: nấm rơm, mộc nhĩ..., nhóm ưa nhiệt độ thấp như: nấm mỡ, nấm hương, nấm sò...) ở Việt Nam đều trồng được. Phân vùng đối với các tỉnh phía Nam tập trung trồng nấm rơm, mộc nhĩ, các tỉnh phía Bắc trồng nấm mỡ, nấm hương, nấm sò.

4- Vốn đầu tư ban đầu để trồng nấm rất ít so với việc đầu tư cho các ngành sản xuất khác.

5- Kỹ thuật trồng nấm không phức tạp. Một người dân bình thường có thể tiếp thu được công nghệ nuôi trồng nấm trong một thời gian ngắn.

6- Thị trường tiêu thụ nấm trong nước và trên thế giới tăng nhanh do sự phát triển chung của xã hội và dân số. Hiệp hội Nấm ăn thế giới đã đưa chỉ số bình quân lượng tiêu thụ nấm ăn cho 1 người trong 1 năm để đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia.

Phần II: Các lĩnh vực chuyển giao công nghệ chính trong chương trình phát triển nấm ăn của trung tâm CNSH thực vật

1. Chuyển giao nhanh các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực chọn tạo, sản xuất các chủng giống nấm ăn và nấm dược liệu phù hợp với điều kiện môi trường (nhiệt độ, độ ẩm, nguyên liệu và các điều kiện xã hội: trình độ dân trí, tập quán từng địa phương.....). Cung cấp đủ số lượng và chất lượng các loại giống nấm đáp ứng nhu cầu của người sản xuất trong cả nước.

2. Chuyển giao công nghệ nuôi trồng các loại nấm trên các đối tượng nguyên liệu khác nhau: rơm rạ, mùn cưa, bã mía, thân cây gỗ, bông phế thải, cây cỏ...đảm bảo năng suất chất lượng nấm thành phẩm, có hiệu quả kinh tế.

3. Chuyển giao công nghệ bảo quản, chế biến nấm ở dạng tươi, sấy khô, muối, đóng hộp, phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

4. Tư vấn cho các cơ sở sản xuất giống, nuôi trồng, chế biến nấm trong các lĩnh vực: xây dựng nhà xưởng, đầu tư trang thiết bị, tổ chức con người và tiêu thụ sản phẩm nấm nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất trong quá trình tổ chức triển khai sản xuất nấm.

Phần III: Phương thức chuyển giao.

1. Mở các lớp học đào tạo tại Trung tâm Công nghệ Sinh học Thực vật (Viện Di truyền Nông nghiệp). Các khoá học ngắn hạn (10 ngày), khoá dài hạn (60 ngày) nhằm giúp các học viên nắm bắt được:

- Các quy trình kỹ thuật cơ bản trong việc nuôi trồng 6 loại nấm ăn và nấm dược liệu thông dụng hiện nay: Nấm sò, nấm mỡ, nấm hương, nấm rơm, mộc nhĩ và linh chi.

- Quy trình kỹ thuật chế biến sản phẩm ở các dạng khô, muối có thể xuất khẩu được.

- Kiến thức về kinh tế học : Học viên biết tự hạch toán lỗ, lãi khi nuôi trồng nấm, biết cách tiếp cận thị trường tiêu thụ từ nông thôn đến thành thị và có thể xuất khẩu sản phẩm nấm ra thị trường thế giới.

- Đi thăm quan thực địa các mô hình nuôi trồng nấm quy mô tỉnh, huyện, xã, trang trại và hộ gia đình để học tập, trao đổi kinh nghiệm.

Tất cả các học viên không những chỉ học lý thuyết mà còn được thực hành đầy đủ các công đoạn từ xử lý nguyên liệu đến thao

tác cấy giống, chăm sóc, thu hái, chế biến mẫu hoàn chỉnh.

2. Trung tâm cử các chuyên gia trực tiếp đến các địa phương để chỉ đạo kỹ thuật tại chỗ và mở các lớp huấn luyện kỹ thuật ngắn hạn. Thường xuyên có mặt để xử lý các tình huống kỹ thuật xảy ra như: sâu bệnh, năng suất nấm thấp, chế biến không đạt yêu cầu... Trong trường hợp các cơ sở ký hợp đồng chuyển giao công nghệ với Trung tâm thì Trung tâm sẵn sàng bồi thường 100% giá trị thiệt hại nếu do công nghệ chuyển giao không đảm bảo.

3. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, đài, băng hình, trao đổi trên các diễn đàn... các nội dung có hàm lượng khoa học công nghệ để phổ biến rộng rãi cho mọi người biết về nghề nấm.

4. Trung tâm Công nghệ Sinh học Thực vật ký hợp đồng thu mua các sản phẩm nấm ở dạng: nấm tươi, nấm sấy khô và nấm muối ... trực tiếp với các cơ sở sản xuất nấm để phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

Phần IV: Các kết quả đạt được.

Tập thể các cán bộ khoa học của Trung tâm Công nghệ Sinh học Thực vật, Viện Di truyền Nông nghiệp đã tiến hành công tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ nuôi trồng các loại nấm ăn và nấm dược liệu (nấm rơm, nấm mỡ, nấm sò, mộc nhĩ, nấm hương, nấm linh chi) từ những năm đầu thập kỷ 90. Do những thành công nhiều mặt về nghiên cứu chọn tạo các chủng nấm ăn có giá trị, nghiên cứu và đề xuất quy trình công nghệ nuôi trồng đơn giản, rẻ tiền, dễ áp dụng, phục vụ bà con nông dân nghèo ít vốn có thêm nghề phụ, tăng thu nhập, do có ý nghĩa lớn về kinh tế, xã hội, nhân văn, nên công trình đã được các cấp, các ngành, các địa phương hoan nghênh và ủng hộ. Cho đến nay, đã hoàn thành xuất sắc các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ và cấp Nhà nước, đã triển khai có hiệu quả dự án do Bộ NN và PTNT, Bộ KH-CN, Tổ chức Nông lương

quốc tế (FAO) đã phê duyệt dự án FAO/VIE/0065 tài trợ hợp tác kỹ thuật 2000-2001; đã được Hội đồng khoa học Bộ NN và PTNT công nhận các quy trình công nghệ nuôi trồng nấm ăn của công trình là tiến bộ kỹ thuật cấp nhà nước và cho phép áp dụng rộng rãi trên địa bàn cả nước, đặc biệt đã đoạt giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ VIFOTEC 1997, đã được Hội đồng giống Bộ NN và PTNT công nhận một số giống nấm quốc gia mới để phát triển rộng trong sản xuất, một số điểm cơ bản đã đạt được:

1- Tổng sản lượng các loại nấm ăn và nấm dược liệu của các tỉnh phía Bắc năm 1990 đạt khoảng 500 tấn thì đến nay (hết năm 2001) đã đạt khoảng 10.000 tấn. Nghề nuôi trồng nấm đã được khẳng định phát triển thực sự bền vững.

2- Đã đào tạo được 82 khoá học (mỗi khoá trung bình từ 30-40 học viên) tại Trung tâm Công nghệ Sinh học Thực vật (Viện DTNN) và hàng trăm lớp tập huấn ở các địa phương (mỗi lớp khoảng 50 hộ nông dân tham gia) về kỹ thuật nuôi trồng nấm ăn và nấm dược liệu.

3- Đã xuất bản cuốn sách "Nấm ăn - Cơ sở khoa học và công nghệ nuôi trồng", do nguyên Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tấn viết lời tựa.

4- Đã tiến hành tuyên truyền và phổ biến quy trình công nghệ nuôi trồng trên Đài truyền hình Việt Nam (VTV1, VTV2, VTV3), Đài truyền hình và phát thanh Hà Nội, Đài Truyền hình và phát thanh các tỉnh: Thái Bình, Cao Bằng, Hà Giang, Vĩnh Phúc, Nghệ An, Ninh Bình, Bắc Kạn, Bắc Giang, Hải Dương...

5- Đã có hơn 130 bài báo lớn ở Trung ương và các địa phương đăng tải nội dung hoạt động của công trình, các giải pháp công nghệ và kỹ thuật, các phóng sự điều tra về nghề trồng nấm.

6- Đã chuyển giao công nghệ và xây dựng các phòng nhân giống nấm, cấp 1, cấp 2 và 3 cho 28 tỉnh, thành trong cả nước.

7- Đã cung cấp giống, chuyển giao công nghệ nuôi trồng và chế biến nấm cho 34 tỉnh, thành phố. Hàng tháng Trung tâm mở 2 lớp đào tạo chuyển giao công nghệ nuôi trồng và nhân giống nấm (mỗi lớp 30-40 người), ngoài ra có mở các lớp đào tạo tại các tỉnh, các huyện và các xã nếu có yêu cầu

8- Tổ chức việc thu mua các sản phẩm nấm tươi, nấm sấy khô, nấm muối với số lượng hàng ngàn tấn, đảm bảo cho các cơ sở và hộ nông dân nuôi trồng nấm yên tâm về đầu ra.

9- Đã cung cấp giống và chuyển giao công nghệ cho các ban, ngành ở Trung ương và địa phương.

10 - Đã được tặng nhiều bằng khen của: Bộ NN và PTNT, Bộ Khoa học & Công nghệ, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (huy chương lao động sáng tạo), giải thưởng quốc gia (cúp vàng) vì sự nghiệp xanh Việt Nam năm 2001, tặng cờ là đơn vị áp dụng xuất sắc công trình đoạt giải thưởng VIFOTEC (giai đoạn 1995-2000). Được tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình vì đã có thành tích góp phần xây dựng và phát triển ngành sản xuất nấm ăn ở Tỉnh Thái Bình thuộc dự án TCP/VIE/0065 (A) của Tổ chức FAO. Đã được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3 cho tập thể CBCNV Trung tâm Công nghệ Sinh học Thực vật và cá nhân đ/c giám đốc Trung tâm; Đã được Bộ Khoa học và Công nghệ và Liên hiệp các hội Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam tặng cúp vàng quốc gia vì sự nghiệp xanh Việt Nam.

Do ngành sản xuất nấm ăn đem lại nhiều lợi ích thiết thực (tận dụng các phế liệu trong nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp; thêm nghề phụ cho 60% thời lượng nông nhàn trong nông nghiệp, cung cấp nguồn thực phẩm sạch, vì nấm ăn được xem

như "rau sạch" và "thịt sạch", góp phần bảo vệ môi trường, tăng lượng phân hữu cơ sạch cho đồng ruộng, tăng mặt hàng xuất khẩu..., nên công trình đã được nhiều địa phương áp dụng nhanh chóng và rộng rãi ở hầu khắp các tỉnh đồng bằng, trung du và miền núi phía Bắc trong thời gian tương đối ngắn. Nếu được tổ chức, có đầu tư hợp lý, có sự phối hợp giữa Trung ương và các địa phương, giữa các ban ngành các cấp, chắc chắn rằng qui trình công nghệ sản xuất nấm ăn do công trình đề xuất sẽ gặt hái được nhiều thành quả to lớn trong thời gian tới, góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo thêm nghề phụ cho nông dân, tạo sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu thực phẩm sạch phục vụ nhu cầu nội địa và xuất khẩu và tạo ra một nghề cho bà con nông dân tại các vùng đông dân cư.

Phần V: Kinh nghiệm trong việc chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật đối với từng đối tượng sản xuất và từng loại địa bàn

Trong việc triển khai các dự án ở 7 tỉnh đại diện mà Trung tâm Công nghệ Sinh học Thực vật đã và đang thực hiện, chúng tôi tiến hành theo phương thức:

- Tại cấp tỉnh (cấp các sở khoa học tỉnh), chúng tôi đã chuyển giao xây dựng các phòng nhân giống nấm cấp 1,2,3. Đào tạo đội ngũ nông cốt cho tỉnh nắm được công nghệ nhân giống nấm invitro trên các loại nấm chính: nấm rơm, nấm mỡ, nấm sò, mộc nhĩ, nấm hương, nấm linh chi.

- Thông qua các Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường ở tỉnh, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nuôi trồng các mô hình ở cấp huyện, cấp xã. Tại các địa bàn nông thôn và

miền núi khác nhau, tổ chức các lớp tập huấn cho đội ngũ các cán bộ kỹ thuật, các đại diện nông dân sản xuất giỏi để nhân rộng điển hình.

- Thường xuyên tổ chức việc giao lưu, tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm giữa các vùng miền khác nhau trong phạm vi một huyện, một tỉnh và giữa các tỉnh.

- Cố gắng xây dựng các mô hình điển hình tiên tiến để từ đó đúc rút kinh nghiệm, nhân rộng mô hình ra các địa bàn khác nhau.

- Xây dựng các điển hình cá nhân tiếp nhận tiến bộ kỹ thuật xuất sắc để làm gương cho bà con nông dân khác trong vùng học tập, rút kinh nghiệm (đặc biệt ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người...)

Trên cơ sở các phương thức chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật kể trên trong khuôn khổ dự án nông thôn miền núi, cùng với các tài trợ khác của Bộ NN & PTNT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổ chức nông lương quốc tế (FAO), Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ... Trung tâm CNSH Thực vật đang từng bước hình thành phát triển chương trình nghiên cứu, sản xuất các loại nấm ăn, nấm dược liệu một cách bền vững trên mọi vùng, miền của cả nước, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tăng thu nhập cho nông dân, tạo việc làm cho hàng vạn lao động nông thôn và miền núi. Hy vọng rằng, trong thời gian không xa, ngành sản xuất nấm ăn sẽ trở thành một nghề có chỗ đứng xứng đáng trong nền sản xuất nông nghiệp của nước nhà.

CÔNG TÁC CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ (CGCN) GÓP PHẦN QUAN TRỌNG THỰC HIỆN THÀNH CÔNG DỰ ÁN, CẦN TẠO ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN TỐT CÁC NHIỆM VỤ CGCN

Nguyễn Trọng Bá

Văn phòng Chương trình NTMN

Chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

Đối với nước ta đang trên con đường thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, công tác chuyển giao và tiếp nhận công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội là một yêu cầu cấp bách. Thực hiện quyết định số 132/1998/CP ngày 21/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi" đã được thực hiện bằng nhiều dự án chuyển giao công nghệ vào sản xuất nông lâm ngư nghiệp và một số mặt đời sống xã hội ở nông thôn và miền núi, góp phần chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và cơ cấu kinh tế nông thôn có hiệu quả kinh tế cao hơn hẳn so với trước đây. Lựa chọn công nghệ thích hợp và tổ chức thực hiện một cách đầy đủ nghiêm túc các công nghệ đó là nhân tố quyết định sự thắng lợi của dự án vì vậy cơ quan chuyển giao công nghệ được xác định có vai trò trách nhiệm to lớn trong sự thành công hay kém hiệu quả của dự án. Trong quy chế tổ chức quản lý của chương trình ban hành theo quyết định 930/1998/BKHCMNT của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) cũng đã xác định vai trò nhiệm vụ của cơ quan chuyển giao công nghệ và quy định cơ quan chuyển giao công nghệ chính của dự án phải là cơ quan khoa học công nghệ trung ương. Sau 5 năm chương trình đã và đang triển khai thực hiện trên 240 dự án trên các địa bàn nông thôn miền núi khác nhau của 61 tỉnh/thành phố trong cả nước. Để thực hiện nhiệm vụ chuyển giao công nghệ cho

các dự án đã có 50 cơ quan KHCN của các Bộ, ngành TW tham gia, trong đó có những cơ quan đã làm nhiệm vụ chuyển giao công nghệ cho 9-10 dự án. Các cơ quan chuyển giao công nghệ đã cử hàng ngàn lượt cán bộ khoa học kỹ thuật xuống nằm vùng tại các địa bàn để hướng dẫn nông dân thực hiện dự án. Đến nay đã tổng kết đánh giá nghiệm thu gần 100 dự án. Qua thực tế theo dõi quá trình xây dựng, xét duyệt, tổ chức triển khai thực hiện, tổng kết đánh giá nghiệm thu kết quả dự án có thể rút ra một số nhận định sau:

- Hầu hết những dự án xây dựng bản thuyết minh đầy đủ, các nội dung và giải pháp công nghệ cụ thể rõ ràng, dự kiến được hiệu quả kinh tế - xã hội có sức thuyết phục, được hội đồng KHCN đánh giá cao, ít phải bổ sung điều chỉnh là những dự án chọn đúng cơ quan chuyển giao công nghệ, cán bộ trực tiếp tham gia xây dựng có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm cao và có được sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chủ trì (Sở KHCNMT) với cơ quan chuyển giao công nghệ trong quá trình điều tra xây dựng thuyết minh dự án.

- Hầu hết những dự án triển khai đúng tiến độ, thực hiện tốt các nội dung và quy trình công nghệ đã đề ra là những dự án do cơ quan chuyển giao công nghệ có đủ tiềm lực về cán bộ chuyên môn, có phân công cán bộ chuyên trách, cán bộ thường xuyên có mặt tại địa bàn hoặc ít nhất cũng phải có mặt trực tiếp chỉ đạo tại địa bàn ở những thời điểm quan trọng của việc thi công mô hình. Có một số cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết như giống, cây con, phân bón..., kinh phí để ứng trước hỗ trợ dân thi công xây dựng mô hình kịp thời vụ trong trường hợp dự án đã

được phê duyệt (đã có quyết định của Bộ KH-CN) nhưng kinh phí hỗ trợ của TW chưa kịp chuyển về và địa phương cũng chưa kịp giải quyết kinh phí đối ứng.

- Hầu hết những dự án thực hiện đạt được hiệu quả cao là những dự án mà cơ quan chủ trì (Sở KH-CNMT) và chủ nhiệm dự án tích cực chủ động trong quản lý chỉ đạo, điều hành việc triển khai dự án, tổ chức tốt sự phối hợp với cơ quan chuyển giao công nghệ và các bên có liên quan, đồng thời có sự phân công trách nhiệm rõ ràng, có ràng buộc trách nhiệm bằng các hợp đồng được ký kết chặt chẽ, trong hợp đồng có quy định rõ khối lượng, chất lượng công việc, tiến độ thực hiện, kinh phí được giao làm căn cứ cho việc theo dõi quá trình thực hiện và nghiệm thu đánh giá kết quả khi kết thúc hợp đồng. Đặc biệt sau khi đã ký hợp đồng, cơ quan chủ trì dự án tạo mọi điều kiện và hỗ trợ để cơ quan chuyển giao công nghệ chủ động, trực tiếp hướng dẫn, điều hành việc thi công các mô hình trên địa bàn, kể cả việc đào tạo tập huấn kỹ thuật cho dân, tổ chức và chỉ đạo hoạt động của đội ngũ kỹ thuật viên của địa bàn. Thư ký dự án thường xuyên theo dõi quá trình triển khai tiến độ thực hiện dự án ở địa bàn kịp thời phản ánh với cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án để động viên đôn đốc, uốn nắn, giải quyết kịp thời những vướng mắc (nếu có). Cơ quan chuyển giao công nghệ tham gia quá trình xây dựng và thực hiện dự án với chức năng *trực tiếp chuyển giao công nghệ* chứ không chỉ thực hiện chức năng tư vấn. Trong thực tế Sở KH-CNMT là cơ quan quản lý nhà nước về khoa học công nghệ tại địa phương với số lượng biên chế không nhiều nên không thể có điều kiện vừa quản lý, chỉ đạo vừa trực tiếp chỉ huy thi công mô hình tại hiện trường.

- Hầu hết những dự án xây dựng được bản báo cáo tổng kết dự án đầy đủ, phân tích được các yếu tố công nghệ và hiệu quả kinh tế của từng loại mô hình, được Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao là những bản báo

cáo có sự tham gia trực tiếp tích cực của cơ quan chuyển giao công nghệ.

Từ tình hình thực tế trên chúng tôi nhận thấy: đối với loại dự án chuyển giao công nghệ xây dựng các mô hình trình diễn ở quy mô sản xuất, thuộc chương trình "Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998 - 2002" kể từ bước đầu tiên là điều tra địa bàn để xây dựng dự án cho đến bước cuối cùng tổng kết dự án, cùng với cơ quan chủ trì dự án cơ quan chuyển giao công nghệ có vai trò rất quan trọng. Tuy nhiên đối với nhiệm vụ tham gia chuyển giao công nghệ cho các dự án thuộc chương trình theo yêu cầu của Bộ KH-CN (cơ quan quản lý chương trình) và các Sở KH-CNMT (cơ quan chủ trì dự án thuộc chương trình) là nhiệm vụ tự nguyện không có trong nhiệm vụ kế hoạch của cơ quan khoa học công nghệ, cũng chính vì vậy trong kinh phí thực hiện dự án, Bộ KH-CN và chương trình đã hỗ trợ 100% kinh phí chuyển giao và tiếp nhận công nghệ chiếm khoảng 15 - 20% tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách TW cho dự án. Trong những năm đầu triển khai chương trình (1998 - 1999) việc tính toán chi phí chuyển giao công nghệ chưa có căn cứ và còn thiếu kinh nghiệm nên chưa được chuẩn xác nhưng những năm sau (năm 2000, 2001, 2002) từ kết quả Nghiên cứu đề tài "Cơ sở lý luận và tổng kết thực tiễn chuyển giao KH-CN vào nông nghiệp - nông thôn miền núi" đã đề xuất được định mức về chi phí chuyển giao công nghệ cho các loại dự án thuộc chương trình - được Bộ KH-CN cho phép áp dụng thì việc tính toán cân đối kinh phí chuyển giao công nghệ trong các dự án được sát đúng hơn, đã có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi và động viên cơ quan khoa học công nghệ hăng hái làm nhiệm vụ chuyển giao công nghệ thực hiện các dự án.

Hỗ trợ kinh phí chuyển giao và tiếp nhận công nghệ trong các dự án xây dựng mô hình ứng dụng KH-CN của chương trình là rất cần thiết nhưng mới chỉ là việc vận dụng

các chế độ tài chính hiện hành để áp dụng trong khuôn khổ chương trình "Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi". Trong bài viết này chúng tôi chỉ đề cập đến những vấn đề cơ chế tài chính có liên quan đến công tác chuyển giao công nghệ của chương trình. Tuy vậy trong thực tế khi vận dụng các chế độ tài chính hiện hành để tính toán chi phí chuyển giao công nghệ còn rất nhiều vấn đề vướng mắc.

Ví dụ: 1. Thông tư liên tịch số 57/1999/TTLT/BTC - BKHCNMT hướng dẫn quản lý tài chính "Chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi giai đoạn 1998 - 2002" đã quy định khá đầy đủ về nguyên tắc, về nguồn kinh phí, về chế độ báo cáo và kiểm tra tài chính... tuy vậy ở phần II những quy định cụ thể của thông tư, ở tiểu mục 2 quy định các khoản chi tiêu của dự án được hỗ trợ bằng ngân sách sự nghiệp khoa học trung ương, trong đó có mục thuê chuyên gia để chuyển giao công nghệ và ở tiểu mục 3 hướng dẫn về công tác lập dự toán nhưng lại không có điều khoản nào hướng dẫn về mức được chi. Chính vì vậy khi lập dự toán, phê duyệt dự toán về chi phí chuyển giao công nghệ của dự án các Sở KHCNMT, chủ nhiệm dự án và Bộ KHCNMT đã vận dụng chế độ tài chính hiện hành, như thông tư liên tịch số 45/2001/TTLT/BTC-BKHCNMT về chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ KHCN, thông tư số 94/1998/TT-BTC quy định chế độ công tác phí cho cán bộ công chức nhà nước đi công tác trong nước... Như vậy tuy đã có ban hành 1 thông tư liên Bộ số 57 để áp dụng cho chương trình nhưng theo tôi vẫn thiếu những điều cụ thể.

2. Thông tư liên tịch số 45/2001/TTLT/BTC-BKHCNMT ngày 18/6/2001 hướng dẫn một số chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tại mục I quy định về đối tượng và phạm vi áp dụng của thông tư là "các nhiệm vụ KHCN (đề tài - dự án) cấp nhà nước, cấp tỉnh/thành

phố trực thuộc trung ương" như vậy đối với các dự án xây dựng mô hình ứng dụng KHCN thuộc chương trình cũng là đối tượng được áp dụng thông tư này. Tại mục II quy định về nội dung chi và mức chi, tuy không có quy định về hoạt động chuyển giao công nghệ tuy nhiên chuyển giao công nghệ cũng là một loại hình của hoạt động KHCN nên các địa phương và Bộ KHCN đã vận dụng thông tư Liên bộ số 45/TC-KHCNMT để lập dự toán và phê duyệt dự toán cho các dự án thuộc Chương trình. áp dụng qui định ở mục I (Xác định và tuyển chọn đề tài - dự án) và mục III (Tổng kết nghiệm thu) của bảng nội dung chi và mức chi đối với các dự án Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN của Chương trình NTMN là rất phù hợp, nhưng khi vận dụng định mức về thuê khoán chuyên môn (Theo phương thức hợp đồng) đối với các nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng qui trình công nghệ, các giải pháp kỹ thuật với mức ở mục II của thông tư qui định được chi từ 7- 20 triệu cho một chuyên đề thuộc đề tài cấp Nhà nước, 4-12 triệu đồng cho một chuyên đề thuộc đề tài cấp tỉnh/thành phố để tính chi phí cho công tác chuyển giao công nghệ xây dựng mô hình ứng dụng KHCN thì quá thấp, không đủ điều kiện để thực hiện vì: Mỗi mô hình trong dự án chuyển giao công nghệ tương ứng như một chuyên đề trong đề tài nghiên cứu, nhưng trong công tác chuyển giao công nghệ vào sản xuất - đời sống có khối lượng công việc lớn hơn nhiều, vừa phải nghiên cứu xây dựng qui trình và các giải pháp công nghệ, vừa phải có mặt tại địa bàn nông thôn miền núi, vùng sâu vùng xa để chỉ đạo thi công mô hình, đối với mô hình cây trồng vật nuôi ngắn ngày phải thực hiện trong 3- 4 vụ, đối với mô hình cây ăn trái, cây công nghiệp, cây lâm nghiệp hoặc chăn nuôi gia súc lớn phải trên 2 - 3 năm và phải tổng kết mô hình xong mới là hoàn thành nhiệm vụ nhưng đối với chuyên đề nghiên cứu xây dựng qui trình công nghệ giải pháp KHCN khối công việc ít hơn nhiều và cán bộ thực hiện chuyên đề không phải nằm vùng nhiều ngày tại các địa bàn nông

thôn miền núi vùng sâu, vùng xa như việc xây dựng mô hình. Chính vì lẽ đó đề tài "Nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi" đã nghiên cứu chuyên đề về định mức thuê khoán chuyên môn chuyển giao công nghệ xây dựng mô hình có sự tham gia của đại diện vụ hành chính sự nghiệp - Bộ Tài chính. Đề tài đã được hội đồng KHCN cấp nhà nước nghiệm thu xếp loại xuất sắc. Một số vấn đề đề tài đề xuất đã được Bộ KHCN cho phép áp dụng vào quản lý chỉ đạo thực hiện chương trình, trong đó định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng các loại mô hình và định mức thuê khoán chuyên môn chuyển giao công nghệ được áp dụng để lập dự toán và xét duyệt dự toán của dự án thuộc chương trình. Tuy vậy, việc thanh quyết toán tài chính vẫn gặp nhiều vướng mắc do chưa được quy định thành chế độ.

3. Thông tư số 94/1998/TT-BTC quy định về chế độ công tác phí cho cán bộ công chức nhà nước đi công tác trong nước: ở mục b quy định mức phụ cấp công tác phí đi công tác tại vùng núi cao, hải đảo, biên giới, vùng sâu được phụ cấp 40.000 đồng/ngày, cao gấp 2 lần so với vùng đồng bằng. Trong đó ở mục c quy định về tiền lưu trú thi đối với vùng cao, vùng xa, biên giới hải đảo chỉ được 30.000/đêm chỉ bằng 1/2 vùng đồng bằng và chung du, chung quy lại:

Nếu đi công tác ở vùng đồng bằng, trung du nhà nước phụ cấp công tác phí là 80.000 đồng/ngày đêm, nếu đi công tác vùng sâu vùng xa thì được 70.000 đồng/ngày - đêm như vậy đối với cán bộ khi đi công tác vùng sâu, vùng xa biên giới, hải đảo là nơi gian khổ cần được khuyến khích thì nhà nước lại phụ cấp ít hơn. Đánh rằng đối với cán bộ đi công tác ở thị xã, thành phố có đất đỏ tón kém hơn Nhà nước tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu tối thiểu là cần thiết nhưng đối với cán bộ khi đi miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa tuy không phải chi tiêu tốn kém (vì không có điều kiện) nhưng phải chịu đựng vất

vả, khó khăn, thiếu thốn, các điều kiện sinh hoạt lẽ ra cần phải được phụ cấp cao hơn khi đi công tác ở những nơi có điều kiện huân lợi

Tóm lại, một số chế độ hiện hành như chúng tôi đã nêu trên chưa động viên khuyến khích các cán bộ khi đi làm nhiệm vụ ở những nơi gian khó.

Công tác chuyển giao công nghệ vào sản xuất nông nghiệp - nông thôn và đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa để nâng cao trình độ sản xuất, thực hiện sự nghiệp CNH - HĐH nông nghiệp và nông thôn nước ta là công tác lâu dài và gian khó, rất cần có chế độ thù lao xứng đáng khuyến khích cán bộ trong những thời gian xuống các địa bàn đảm trách nhiệm vụ này. Chúng tôi đề nghị:

1. Nên có một thông tư liên Bộ: TC - KHCN - NNPTNT - UBND về một số chế độ đối với công tác chuyển giao công nghệ vào sản xuất nông nghiệp - nông thôn và đặc biệt là ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo để áp dụng chung cho mọi nhiệm vụ chuyển giao công nghệ của mọi Bộ ngành. Không riêng gì chương trình xây dựng mô hình ứng dụng KHCN do Bộ KHCN được chính phủ giao trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Nếu chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế xã hội - nông thôn và miền núi" được chính phủ cho phép tiếp tục triển khai trong giai đoạn 2003 - 2010 trên cơ sở thông tư liên tịch số 57/1998/TTLT/BTC-BKHCN được điều chỉnh bổ sung đầy đủ, khắc phục những hạn chế mà chúng tôi đã trình bày trên.

3. Các quy định về chế độ công tác phí và lưu trú đối với cán bộ viên chức Nhà nước dựa trên nguyên tắc: đáp ứng điều kiện tối thiểu về sinh hoạt cho cán bộ, công nhân viên khi đi công tác theo mức đất đỏ ở các địa phương. Nhưng đồng thời phải dựa trên nguyên tắc bù đắp lao động theo mức độ khó khăn gian khổ ở vùng cao, vùng , biên giới, hải đảo... cho dù đi công tác ở những vùng này không phải chi tiêu đất đỏ tón kém

nhưng điều kiện sinh hoạt và công tác lại rất khó khăn gian khổ cần được động viên, khuyến khích. Theo chúng tôi mức phụ cấp công tác phí cho cán bộ nhân viên khi đi công tác ở vùng cao, vùng xa, biên giới, hải đảo phải cao hơn mức phụ cấp cho cán bộ khi đi công tác ở những vùng có điều kiện

giao thông, sinh hoạt và làm việc thuận lợi hơn. Chúng tôi hy vọng trong thời gian tới có những cơ chế phù hợp hơn, khuyến khích và tạo điều kiện để công tác chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống xã hội ở nông thôn - miền núi được nhanh và mạnh hơn.

